

LỜI GIỚI THIỆU

Suốt 61 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành trên quê hương Bác Ái. Đảng bộ huyện luôn lãnh đạo quân và dân phát huy cao độ Chủ nghĩa anh hùng cách mạng, với tinh thần “tự lực tự cường thắng lợi vẻ vang”, đoàn kết một lòng cùng với quân dân Ninh Thuận chiến đấu anh dũng, kiên cường trong điều kiện vô cùng khó khăn gian khổ để xây dựng quê hương Bác Ái thành căn cứ địa vững mạnh toàn diện, cùng quân dân cả nước đập tan ách xâm lược của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, góp phần giải phóng quê hương, thống nhất Tổ quốc.

Sau khi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cách mạng dân tộc, dân chủ, nhân dân. Phát huy truyền thống anh hùng, Đảng bộ và nhân dân Bác Ái tiếp tục đoàn kết, nỗ lực vượt qua mọi khó khăn thử thách thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng, hoàn thành xuất sắc hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Để ghi lại những chặng đường đấu tranh, xây dựng, trưởng thành của Đảng bộ và những gương chiến đấu hy sinh anh dũng của quân và dân Bác Ái trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước cũng như những điển hình tiên tiến trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo biên tập, biên soạn cuốn sách : Lịch sử Đảng bộ Bác Ái, tập II (1954-2005).

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự nhiệt tình giúp đỡ của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, sự cộng tác của các đồng chí cán bộ: Trung, Cao cấp, Lão thành cách mạng và đồng bào, đồng chí từng chiến đấu, công tác trên quê hương Bác Ái đã tham gia ý kiến, cung cấp tài liệu, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho việc sưu tầm, biên soạn, in ấn, phát hành cuốn sách này. Tuy nhiên, trong quá trình biên soạn, chúng tôi còn gặp không ít khó khăn: Trình độ và khả năng nghiên cứu có hạn; tài liệu khan hiếm; đa số các nhân chứng đã tuổi cao sức yếu, lại ở phân tán; Hơn nữa, trong lịch sử huyện tách nhập nhiều lần, việc lưu trữ hồ sơ, tài liệu còn nhiều hạn chế... nên không sao tránh khỏi thiếu sót. Rất mong tiếp tục nhận được sự đóng góp ý kiến của các đồng chí và bạn đọc gần xa, để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong lần tái bản sau.

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY BÁC ÁI

PHẦN MỘT
ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN BẮC ÁI TRONG CUỘC KHÁNG
CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1954-1975)
CHƯƠNG I: ĐẢNG BỘ HUYỆN LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN ĐẤU
TRANH CHÍNH TRỊ, TIẾN LÊN ĐỒNG KHỞI, GIẢI PHÓNG BẮC ÁI
(7/1954-8/1960)

I. Phong trào đấu tranh chính trị đòi địch thi hành Hiệp định Giơnevơ, chống dồn dân lập ấp chiến lược (1954-1958)

Với chiến thắng oanh liệt tại cứ điểm Điện Biên Phủ đã kết thúc thắng lợi vẻ vang cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược cực kỳ gian khổ và anh dũng của quân dân ta. Ngày 20.7.1954 Hiệp định Giơnevơ được ký kết: “Nước Pháp và các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng nền độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào, Cam Pu Chia; ngừng bắn ở Việt Nam và trên toàn chiến trường Đông Dương; Pháp rút quân, vĩ tuyến 17 là giới tuyến quân sự tạm thời; sau hai năm tiến hành tổng tuyển cử tự do trong cả nước để thống nhất nước nhà”. Như vậy, sự nghiệp cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước còn chưa hoàn thành, nước ta còn tạm thời chia làm hai miền với hai nhiệm vụ chiến lược: Miền Bắc hoàn toàn giải phóng tiến lên xây dựng Chủ nghĩa xã hội; miền Nam tạm thời bị đế quốc Mỹ và tay sai thống trị thì tiếp tục đẩy mạnh cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, tiến tới thực hiện hoà bình thống nhất đất nước.

Mặc dù những điều khoản cho các bên đã được đều được qui định cụ thể tại Hiệp định nhưng các thế lực thù địch vẫn rắp tâm phá hoại Hiệp định và nuôi tham vọng xâm lược nước ta lâu dài, trong đó đứng đầu là đế quốc Mỹ. Sau khi Hiệp định ký kết, nhận thấy thực dân Pháp ngày càng suy yếu, Mỹ từng bước viện trợ, can thiệp tiến tới gạt Pháp ra ngoài để độc chiếm miền Nam Việt Nam, tiếp tục tiêu diệt phong trào dân tộc dân chủ nước ta, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới, thành căn cứ quân sự, phòng tuyến chống cộng ở miền Bắc Việt Nam và toàn cõi Đông Dương. Âm mưu đó là một bộ phận của “chiến lược toàn cầu” của đế quốc Mỹ.

Thực hiện âm mưu trên, ngày 7/7/1954 Mỹ đưa Ngô Đình Diệm về Việt Nam, lập lên chính phủ bù nhìn tay sai¹, từng bước viện trợ tài chính, vũ khí chiến tranh hiện đại và cổ vũ quân sự. Được Mỹ hà hơi tiếp sức, Chính phủ bù nhìn Ngô Đình Diệm bất chấp các qui định của Ủy ban liên hiệp đình chiến, nhiều nơi thuộc vùng căn cứ và giải phóng của ta, địch tràn vào chiếm lĩnh, cây tề điệp, xây dựng mạng lưới tay sai mà không đợi bàn giao; thực hiện chính sách

¹ Trước khi Hiệp định Giơnevơ ký kết 13 ngày, Mỹ đã đưa Ngô Đình Diệm, người được Mỹ nuôi dưỡng từ lâu về nước làm Thủ tướng. Sách đã dẫn trang 152- ĐCLSVN tập III. Nhà xuất bản giáo dục 1998.

“Bài phong, đả thực, chống cộng”. Diệt lợi dụng những thành phần xấu trong số giáo dân di cư từ miền Bắc vào cùng với lực lượng phản động tại chỗ lập nên các tổ chức chính trị phản động như: Đảng cần lao nhân vị; Đảng Đại Việt; Thanh Niên cộng hoà; Phụ nữ liên đới; phong trào cách mạng Quốc gia; xây dựng lực lượng cảnh sát; cải tổ quân đội tiến tới đẩy mạnh chính sách “Tổ cộng, diệt cộng”. Vừa xoa dịu để thuyết phục, tranh thủ lòng dân, vừa dọa dẫm, đánh phủ đầu vào ý chí cách mạng của quần chúng, ra sức nói xấu Đảng ta hòng hạ uy thế chính trị của Đảng trong quần chúng nhân dân.

Qua chín năm trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược giành thắng lợi vẻ vang, khí thế cách mạng dâng cao khắp cả nước, từ Bắc chí Nam, từ miền xuôi đến miền ngược. Nhất là ở miền Bắc, sau những năm tháng nếm mật nằm gai, cuộc sống nhân dân tối tăm dưới ách lệ thuộc, nay kháng chiến thành công đã mang lại nền độc lập tự chủ, nhân dân hăng hái bắt tay khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng đời sống mới theo định hướng của Đảng, tiến lên Chủ nghĩa xã hội. Nhân dân miền Nam mặc dù tạm thời chưa được giải phóng nhưng các điều khoản Quốc tế về nền độc lập, tự chủ, thống nhất nước nhà đã được ký kết rõ ràng trong Hiệp định Giơnevơ. Đồng bào miền Nam nghiêm túc thực hiện Hiệp định, cùng với các cấp chính quyền tiến hành chuyển quân tập kết, chuẩn bị cho ngày tổng tuyển cử tự do, thống nhất đất nước vào năm 1956.

Ở Ninh Thuận, khí thế cách mạng sau ngày Hiệp định ký kết rất sôi động, các cuộc mít tinh mừng chiến thắng thu hút hàng ngàn cán bộ, chiến sĩ và đồng bào vùng Thị xã Phan Rang-Tháp Chàm cùng các vùng nông thôn tham gia. Dù địch vẫn tỏ ra hung hăng, hiếu chiến, tổ chức các đàn áp các cuộc mít tinh, bắt bớ đồng bào và từ chối tiếp quản vùng ta bàn giao... Đồng bào trong tỉnh rất căm phẫn, muốn vũ trang chống địch đàn áp, nhưng chấp hành chủ trương “đình chỉ các hoạt động vũ trang” của trên, đồng bào hết sức kiềm chế, tránh khiêu khích mạnh động, đề cao cảnh giác; hăng hái lao động sản xuất, chuyển nhau tin mừng chiến thắng của Hiệp định và hướng về ngày tổng tuyển cử thống nhất nước nhà sau hai năm sau.

Trên quê hương Bác Ái, được cán bộ tuyên truyền, giải thích về ý nghĩa thắng lợi và nhiệm vụ của đồng bào trong giai đoạn mới của cách mạng, đồng bào rất phấn khởi và tự hào. Không khí mừng chiến thắng lan truyền nhanh khắp núi rừng. Thôn làng rộn ràng lời ca tiếng hát. Đồng bào hăng hái bắt tay khắc phục hậu quả chiến tranh; đẩy mạnh sản xuất, giải quyết nạn lụt muối, rách vải, ổn định cuộc sống. Niềm tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng đối với đồng bào càng mãnh liệt hơn bao giờ hết.

Tháng 8 năm 1954, cơ quan Tỉnh ủy do đồng chí Lê Văn Hiến làm Bí thư chuyển về thôn Rã Trên, xã Phước Trung trực tiếp lãnh đạo quần chúng đấu tranh chính trị; đồng thời chỉ đạo Ban Cán sự đảng Bác Ái triệu tập Hội nghị

quán triệt nhiệm vụ “đấu tranh cách mạng trong tình hình mới” tại xã Phước Chiến với nội dung:

- Làm cho cán bộ, Đảng viên các cấp quán triệt nội dung, ý nghĩa thắng lợi của Hiệp định Giơnevơ và tình hình, nhiệm vụ mới; chuyển phương châm và phương pháp hoạt động, đấu tranh cách mạng cho phù hợp với tình hình.

- Khẩn trương tổ chức sắp xếp lại bộ máy lãnh đạo, các tổ chức Đảng và đoàn thể từ cấp huyện đến cơ sở. Dựa vào tính pháp lý của Hiệp định mà đấu tranh đòi tự do, dân chủ, tự do đi lại làm ăn, cải thiện đời sống; đòi lập quan hệ bình thường giữa hai miền Nam - Bắc.

Về chuyên hướng tổ chức: Trước hết chọn một số cán bộ, Đảng viên kiên trung, có năng lực và tư tưởng vững vàng ra hoạt động hợp pháp; thành lập và củng cố các chi bộ mới, bí mật tổ chức các Đảng viên đơn tuyến hoạt động. Đình chỉ hoạt động các đoàn thể cũ, hình thành các tổ chức hợp pháp, nửa hợp pháp dưới các hình thức làm ăn tương trợ và văn hoá xã hội².

Qua đợt học tập quán triệt Nghị quyết, Hội Nghị còn liên hệ với cá nhân, tập thể để kiểm điểm rút kinh nghiệm, xây dựng lập trường, khí tiết cách mạng cho cán bộ đảng viên.

Về đơn vị hành chính: Đề triển khai tinh thần của Trung ương Đảng và Liên khu về việc thay đổi một số đơn vị hành chính trong tình hình mới. Tỉnh ủy Ninh Thuận tiến hành chia vùng đồng bằng trong tỉnh thành 5 vùng; riêng Thị xã Phan Rang-Tháp Chàm và hai huyện miền núi là núi Anh Dũng và Bác Ái được giữ nguyên. Huyện Bác Ái lúc này được thành lập 15 xã, gồm: Xã Đoàn Kết, Phước Kháng, Phước Chiến, Phước Trung, Phước Thành, Phước Thắng, Phước Đại, Phước Tiến, Phước Bình, Phước Hoà, Phước Chính, Phước Lâm, Phước Trường, Phước Nghĩa, Phước Lợi. Đồng chí Nguyễn Huệ được giao nhiệm vụ làm Bí thư Huyện ủy Bác Ái³. Thực hiện lệnh chuyển quân tập kết ra miền Bắc, đêm 15 tháng 8 năm 1954, các anh em chiến sĩ trong tỉnh tập kết xuống Ga xe lửa Hoà Trinh, trong đó có gần một trung đội lực lượng vũ trang Bác Ái. Người đi kẻ ở, cảnh chia tay bịn rịn, cảm động trong tình đồng chí và niềm tin chiến thắng.

Thực hiện chỉ đạo của trên về việc triển khai nhiệm vụ của địa phương sau ngày Hiệp định ký kết, Đảng bộ huyện khẩn trương thực hiện lệnh chuyển quân tập kết, cất dấu vũ khí và sắp xếp lại tổ chức, bố trí cán bộ ở lại cho phù hợp tình hình. Các tổ chức chính trị, mặt trận, đoàn thể, vũ trang các cấp đều được chỉ đạo chuyển hướng hoạt động theo hình thức bán công khai, tránh sự

2 Sách đã dẫn trang 176,177, Lịch sử Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận (1930-1975).

3 Năm 1954 Tỉnh ủy điều đồng chí Mai Xuân Thường về Bác Ái phụ trách cùng đồng chí Lập, Ca (Ama Xe) và đồng chí Ama Chu Khẹ. Đến năm 1955, đồng chí Mai Xuân Thường về làm công tác ở Văn phòng Tỉnh ủy, đồng chí Phương (tức Huệ) về làm Bí thư huyện ủy.

chú ý của địch. Đối với cán bộ, chiến sĩ được phân công ở lại bám phong trào là những cốt cán kiên trung, quen thuộc với địa bàn và phong tục tập quán của địa phương Bắc Ái. Những cán bộ có khả năng bị lộ, hoặc có biểu hiện giao động thì cho nghỉ công tác hoặc chuyển vùng hoạt động. Toàn thể cốt cán cùng với số cán bộ được tỉnh tăng cường về được phân công bám sát địa bàn các xã để hoạt động.

Xã Phước Kháng và xã Đoàn Kết do đồng chí Trần Viết Hằng phụ trách.

Xã Phước Chiến do đồng chí MaLáp và đồng chí Bắc phụ trách, sau đó tỉnh điều đi công tác nơi khác thì đồng chí Sơn về phụ trách.

Xã Phước Trung do đồng chí Nguyễn Hoàng phụ trách.

Xã Phước Du do đồng chí TaKi phụ trách.

Xã Phước Thắng do đồng chí Takai phụ trách.

Xã Phước Tiến do đồng chí Ama Nai phụ trách.

Xã Phước Bình do đồng chí Dục (Hà Đó) phụ trách.

Xã Phước Chính do đồng chí Gia Bú, Chil Xu la phụ trách⁴.

Xã Phước Hoà do đồng chí Ra La phụ trách.

Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được chú trọng nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào cách mạng trong tình hình mới. Tuy nhiên do số lượng đảng viên lúc này ít, lại vừa chuyển quân tập kết, nên toàn huyện hình thành 5 tổ chức cơ sở đảng, mỗi đầu mỗi là một chi bộ xã như:

Xã Phước Thành do đồng chí Ama Xe làm Bí thư.

Xã Phước Trung do đồng chí Nguyễn Hoàng làm Bí thư.

Xã Phước Kháng do đồng chí Trần Viết Hằng làm Bí thư.

Xã Phước Thắng do đồng chí TaKai làm Bí thư.

Xã Phước Chiến do đồng chí Ama Chu Khệ làm Bí thư.

Các xã Phước Đại, Phước Hòa, Phước Chính có ít đảng viên nên ta chỉ thành lập tổ đảng. Nhiệm vụ của các chi bộ xã và tổ đảng lúc này là tập trung tuyên truyền ý nghĩa thắng lợi và lãnh đạo quần chúng đoàn kết đấu tranh chính trị, đòi địch thi hành Hiệp định Giơnevơ.

Sau khi thực hiện lệnh điều quân tập kết, đội ngũ cán bộ trở nên xáo trộn và mỏng hơn, số lượng cốt cán được phân công ở lại so với diện tích, số dân là quá ít, hoạt động chủ yếu là dựa vào tính pháp lý của Hiệp định để vận động nhân dân đấu tranh chính trị, vì vậy những khó khăn lúc này là không thể tránh khỏi. Song được tỉnh tăng cường một số cốt cán và được Đảng bộ quán triệt tinh thần Hiệp định, hầu hết cán bộ, đảng viên và quần chúng đều hiểu rõ và thể hiện

⁴ Lúc đầu do anh Thoại (A Sá) phụ trách, đến năm 1956, Thoại đào ngũ, đầu hàng địch. Các đồng chí Gia Bú, Chil Xu la được cử về phụ trách.

quyết tâm giữ vững lập trường, đoàn kết chiến đấu anh dũng trước kẻ thù. Phong trào đấu tranh được duy trì với một hình thái mới, đầy khí thế.

Về tình hình địch: Từ tháng 5 năm 1955 đến tháng 5 năm 1956, Mỹ - Diệm phát động “chiến dịch tổ cộng đợt I” trên qui mô rộng lớn toàn miền Nam, với phương châm đánh trên chiều rộng rồi thọc vào chiều sâu, đánh từ nông thôn, miền núi lấn thành thị. Địch tập trung công kích vào những nơi có phong trào mạnh, vào các cơ sở đảng để vừa tiêu diệt con người, tổ chức, vừa tiêu diệt tinh thần đấu tranh của quân ta. Mục đích cuối cùng là làm cho những người Cộng sản hoặc bị tiêu diệt, hoặc chịu thuần phục, làm cho quần chúng hoặc chết, hoặc hết ý chí chiến đấu, trở thành người dân của chế độ Mỹ - Diệm. Địch phân nhân dân ta thành 3 loại để có đối sách đàn áp thích hợp: Đối với những gia đình cán bộ và đảng viên cộng sản, địch tổ chức truy quét bắt bớ; cô lập và theo dõi gắt gao các gia đình có người đi tập kết. Đối với quần chúng nhân dân, địch ép buộc phải học tập chính sách “tổ cộng”, ai biết ít nói ít, ai biết nhiều nói nhiều, “ai không tố giác Việt cộng là phản quốc”... Chúng còn điều tra tìm nòng cốt ở cường hào, địa chủ và tầng lớp trên để gây cơ sở; lựa chọn bọn lưu manh, phản động để huấn luyện thành mạng lưới tay sai. Chính bọn này về sau là những tên chỉ điểm, dẫn đường cho địch càn quét, đánh phá vào căn cứ.

Sau một thời gian xây dựng thực lực, ngày 17 tháng 7 năm 1955, Diệm tuyên bố không có Hiệp thương tổng tuyển cử. Tiếp đến ngày 23 tháng 10 năm 1955, Diệm đơn phương phế truất Vua Bảo Đại tự xưng làm Tổng Thống; ngày 4 tháng 3 năm 1956 được Mỹ hạ hời tiếp sức, Diệm tổ chức tuyển cử, bầu ra Quốc hội phản động, ban hành hiến pháp “nền đệ nhất cộng hoà”...

Ở vùng miền núi Bắc Ái, địch tung bọn gián điệp giả dạng con buôn lún sâu vào căn cứ, cùng với bọn chiêu hồi lên hù dọa, dụ dỗ nhân dân xuống đồng bằng trình diện, lập ban hội tề, chụp hình lấy Cater⁵. Địch tuyên truyền: “Cụ Ngô rất thương đồng bào dân tộc, muốn đồng bào xuống đồng bằng sinh sống để có điều kiện giúp đỡ làm ăn...”, “đồng bào phải đi lấy Cater, không có Cater là dân lậu, không được tự do đi lại”. Một số đồng bào lúc đầu do không biết âm mưu thâm độc của kẻ địch đã xuống đi làm nhưng sau này không đi lấy “Cạc”.

Để kịp thời lãnh đạo quần chúng đối phó lại thủ đoạn thâm độc của địch, Ban cán sự Bắc Ái tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Đối với cán bộ, đảng viên phải nêu cao khí tiết cách mạng, khắc phục khó khăn gian khổ, bám sát địa bàn hoạt động một cách khôn khéo, kín đáo, tránh sự chú ý của địch; còn nhiệm vụ của quần chúng là nghiêm túc thực hiện khẩu hiệu ba không: Không biết, không nghe, không thấy; tuyệt đối bí mật nội bộ, nuôi giấu che chở cán bộ và bảo vệ cơ quan. Toàn Đảng bộ tích cực

5 Cater là thẻ căn cước do địch cấp; đồng bào ta gọi là “Cạc”.

chuẩn bị thực lực cho cuộc chiến đấu lâu dài với đế quốc Mỹ cùng bè lũ tay sai. Có cán bộ ở lại, đồng bào yên tâm lao động sản xuất, phong trào cách mạng vẫn diễn ra sôi nổi. Cán bộ bám dân xây dựng phong trào, nhân dân nghe lời giáo dục của cán bộ đấu tranh chống địch lập ban hội tề, chống dồn dân lập ấp, chống ép buộc đồng bào đi làm “Cọc”. Để đảm bảo bí mật, công tác giáo dục đồng bào thời gian này không tổ chức hội họp như trước mà cử những cán bộ cốt cán, am hiểu tập quán đồng bào, thông qua đám cưới, đám cúng cùng uống rượu để tâm sự, giải thích rõ cho đồng bào hiểu rõ âm mưu thâm độc của kẻ thù, đồng thời truyền đạt các chủ trương của Đảng đến với nhân dân.

Được Đảng giáo dục phương pháp đấu tranh chính trị, chống địch “tổ cộng” nên khi địch hỏi đồng bào : “Có thấy người này không?”. “Có nghe tin gì Việt Cộng không?..” đồng bào đều lắc đầu, dứt khoát trả lời “Không biết”, hoặc “không nghe gì”... làm cho chính sách tổ cộng của địch không đem lại hiệu quả như chúng vạch ra. Các phong trào cách mạng diễn ra với nhiều hình thức phong phú: Trong lao động sản xuất, đồng bào tổ chức các tổ vận động công, đây là tổ chức quần chúng vừa giúp nhau sản xuất, vừa xây dựng mối đoàn kết keo sơn, qua đó đồng bào truyền tai nhau các chủ trương của Đảng. Phong trào học chữ Bác Hồ diễn ra đêm đêm bên bếp lửa, với phương châm người biết nhiều dạy cho người biết ít, người biết ít dạy cho người chưa biết. Hoạt động văn hoá, văn nghệ diễn ra với nhiều hình thức phong phú, liên tục bằng các làn điệu dân ca, ca ngợi kháng chiến, ca ngợi Đảng và Bác Hồ kính yêu và ý chí quật cường của đồng bào các dân tộc huyện nhà trong công cuộc kháng chiến chống giặc giữ làng. Thanh niên được xem là lực lượng nòng cốt trong sản xuất cũng như trong cuộc đấu tranh chống địch. Để che mắt địch, lúc này Thanh niên được tập hợp lại với tên gọi là “thanh niên giữ làng”. Ở mỗi thôn, mé núi xây dựng một tổ “thanh niên giữ làng” có từ 3 đến 5 đồng chí trung kiên. Trên danh nghĩa, nhiệm vụ thanh niên giữ làng là bảo vệ hoa màu, chống trộm cắp, bảo vệ an ninh làng, xã, nhưng thực chất đây là lực lượng vũ trang làm nhiệm vụ bảo vệ cán bộ, bảo vệ nhân dân; đồng thời theo dõi, nắm tin hoạt động của bọn con buôn, Việt gian để thông báo cho đồng bào nâng cao cảnh giác và báo cáo với cán bộ.

Tháng 7 năm 1955, địch ép buộc đồng bào thành lập hội đồng xã áp để siết chặt việc kiểm soát nhân dân, gạn lọc tìm “cộng sản nằm vùng”. Tiếp tục dùng mọi thủ đoạn lừa phỉnh đồng bào đi chụp hình làm "Cọc" và xuống đồng bằng bỏ phiếu bầu cử chính phủ Quốc gia. Đồng bào đấu tranh lý lẽ: “nghèo đói không đi được” hoặc “sợ Giàng phạt chết nên không giám đi”... Những người cần lên xuống để dẫn đồng bào trao đổi muối, vải thì ta vận động đi nhận "Cọc". Còn việc thành lập hội đồng xã áp, đồng bào đấu tranh cự tuyệt. Bước đầu địch không có phản ứng gì, nhưng về sau chúng càng thúc ép và hù dọa “nếu dân không cử người đứng ra làm Ban hội đồng xã, chính phủ quốc gia sẽ cử người từ nơi khác đến”. Sự địch làm căng, cử người từ nơi khác đến gây khó khăn cho

phong trào, ta cử người đại diện ra làm tề để che mắt chúng nhưng thực chất là để che chở cho cán bộ và đồng bào. Trừ xã Phước Chiến là đủ thành phần, còn lại từ miền Đông đến miền Tây Bắc Ái, mỗi xã chỉ cử một người đại diện ra làm tề cho có lệ. Qua một thời gian, hội đồng xã áp hoạt động không có hiệu quả, địch bắt phải thành lập cho đủ thành phần, đồng bào ý kiến “từ trước đến nay trên núi chỉ có một Lý Trưởng thôi, thì nay đồng bào cũng chỉ cử một đại diện thay mặt nhân dân tiếp xúc với Quan huyện”, buộc địch phải chấp nhận. Như vậy, một thực tế là ở Bắc Ái dù địch đã nắm được đại diện xã nhưng không lập được bộ máy hội đồng xã áp, không kiểm soát được dân. Phong trào quần chúng vẫn diễn ra sôi nổi, gây cản trở đối với chiến dịch “tổ cộng” của địch.

Tháng 7 năm 1956, địch chuyển qua chiến dịch “Tổ cộng, diệt cộng” đợt II. Khác với giai đoạn từ tháng 5 năm 1955 đến tháng 5 năm 1956 chúng chỉ đề cao “tổ cộng”, nay địch trắng trợn vừa “tổ cộng” vừa “diệt cộng” tàn bạo nhằm triệt tiêu tận gốc “Cộng sản”, thanh lọc nhân dân, cô lập cán bộ. Địch huy động lực lượng tổ chức các đợt hành quân qui mô vừa và lớn trên khắp các địa phương ở miền Nam. Tại Bắc Ái địch đưa lực lượng lên khám ruộng rẫy, lùng sục khắp thôn cùng ngõ hẻm ở một số xã: Phước Trung, Phước Kháng, Phước Chiến để khủng bố, tiêu diệt các cơ sở cách mạng. Khi địch hành quân, bị vướng cạm bẫy của đồng bào, chúng hung hăng hỏi: “Tại sao đình chiến rồi mà đồng bào còn bố phòng, cấm công, cài bẫy?”, đồng bào trả lời “Đồng bào cấm công, cài bẫy là để chống thú rừng phá hoại hoa màu. Các Ông lên phải đi theo lối mòn, đừng đi lung tung trong rừng...” quân địch hậm hực nhưng đuối lý không làm gì được.

Sau hai năm kiên trì đấu tranh chính trị đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ. Đến ngày 20 tháng 7 năm 1956, thời điểm hiệp thương tổng tuyển cử, thống nhất nước nhà theo nội dung ký kết của Hiệp định đã đến. Nhưng ở khắp miền Nam nói chung và Bắc Ái nói riêng, nhân dân ta còn phải sống “bất hợp pháp” dưới chế độ Mỹ-Ngụy, ngày đêm chịu sự vây ráp và đánh phá ác liệt của kẻ thù. Trong khi đó, cán bộ cốt cán nằm vùng của ta đã chuyển vào hoạt động bí mật, chỉ tiếp xúc với một số quần chúng ưu tú. Lợi dụng tình hình khó khăn của ta, quân địch tuyên truyền xuyên tạc “Cán bộ đã bỏ đồng bào ra miền Bắc theo cụ Hồ”... Một bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng do chưa thấy hết bản chất thâm độc của Mỹ - Diệm, nên chưa chuẩn bị tinh thần đấu tranh đúng mức, thiếu cảnh giác, hoặc khi thấy địch khủng bố gặt gao thì hoang mang giao động, như tên Pinăng Thức và Nguyễn Văn Ngẫu từng là cán bộ cốt cán vùng Phước Trung, nay phản bội cách mạng, phản bội đồng bào, chỉ điểm cho địch khủng bố, bắt bớ bắt nhiều đồng bào, chiến sĩ của ta, trong đó có đồng chí Pinăng Thạnh. Với tấm lòng trung kiên với Đảng, đồng chí Thạnh đã một lòng một dạ kiên quyết đấu tranh bất hợp tác với kẻ thù. Sau nhiều lần bị địch tra khảo, đồng chí vẫn một câu trả lời “không biết, không thấy...”, quyết không tiết

lộ bí mật của Đảng, buộc địch thả đồng chí trở về núi rừng.

Trước tình hình đó, một số quân chúng kiên trung đã bí mật liên lạc với tổ chức, và nhận được chỉ thị: Tiếp tục tuyên truyền vạch trần âm mưu lừa bịp kẻ thù; hướng dẫn quần chúng tranh lý lẽ với địch, tiếp tục kiềm chế, nghiêm túc thi hành mệnh lệnh cấp trên. Vì vậy, khi địch lên càn, đồng bào từ trong núi nói vọng ra: “Đồng bào quen sống trên đất núi ông bà, không thể bỏ mồ mả, đất núi ông bà xuống bằng được, sợ phạm vào luật giàng”... Nhưng về sau, địch dùng vũ lực, đồng bào đánh mõ báo hiệu, cất dấu lương thực rồi kéo vào rừng lẫn tránh. Địch rút, đồng bào lại bắt tay lao động sản xuất, tích trữ lương thực, sẵn sàng chờ lệnh của Đảng.

Tháng 5 năm 1957, Chính quyền Mỹ - Diệm thông qua đạo luật “đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật”, công khai hoá việc đàn áp cách mạng miền Nam Việt Nam. Địch dùng lực lượng quân đội, cảnh sát, bảo an, dân vệ càn quét đánh phá dữ dội vùng nông thôn, thành thị. Ở vùng miền núi, địch thực hiện chiến dịch “Thượng du vận” đánh phá vào khu căn cứ, càn quét dồn đồng bào về các khu tập trung ở đồng bằng, biến vùng căn cứ thành vùng trắng không có sự sống, cô lập “Việt Cộng”. Với phương châm “giết nhằm hơn bỏ sót”, chúng lùng sục vào tận hang cùng ngõ hẻm, tiêu diệt và bắt bớ cán bộ để yểm trợ, làm lá chắn cho các đoàn tổ cộng và bộ máy kìm kẹp ở cơ sở. Thời kỳ này, các trục đường chính bị địch càn quét, phong tỏa suốt ngày đêm, việc đi lại và tiếp tế lương thực cũng như việc che dấu cán bộ của đồng bào vô cùng nguy hiểm. Vì vậy việc gặp gỡ giữa cán bộ với nhân dân là hết sức khó khăn. Nhưng đồng bào vẫn tìm mọi cách để giữ mối liên hệ với cán bộ, tiếp tế lương thực. Lương thực được che dấu dưới gùi thóc giống hoặc trong ống bương đựng nước, đồng bào nguy trang đi thăm rầy rồi cắt rừng, đi theo dấu bẻ có chỉ đường tìm đến với cán bộ. Việc làm trên đã nói lên được tấm lòng cao cả của đồng bào đối với cán bộ, với cách mạng, đồng thời cũng là sự cống hiến hy sinh “vì nhân dân quên mình” của cán bộ chiến sĩ trong những năm tháng cực kỳ gian nguy của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Năm 1957 Khu ủy Khu V chủ trương chuyển thể chỉ đạo từ núi rừng về vùng đô thị và nông thôn, đồng thời đưa một số cán bộ, đảng viên ra hoạt động hợp pháp kết hợp với hệ thống lãnh đạo công khai bên trong. Theo chủ trương của trên, tháng 4 năm 1957, Tỉnh ủy Ninh Thuận tổ chức Hội nghị mở rộng ở Bác Ái để triển khai học tập Nghị quyết của Liên Khu V “về việc chuyển cán bộ ra hợp pháp, lãnh đạo nhân dân đấu tranh đòi quyền dân chủ, dân sinh, chống dồn dân lập ấp”. Hội nghị xác định: Cách mạng miền Nam còn phải kiên trì lãnh đạo và trải qua nhiều thời kỳ đấu tranh, hy sinh gian khổ vì kẻ thù không thi hành Hiệp định Giơnevơ, trắng trợn đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân, thực hiện âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta. Tỉnh ủy rà soát lại từng cán bộ, cân nhắc kỹ những đồng chí có thể ra hợp pháp được, những đồng chí cần ở

lại... Trên tinh thần thận trọng, không nóng vội ra hoạt động công khai sẽ bị rơi vào tay địch.

Thực hiện Nghị quyết trên, huyện căn cứ Bác Ái cũng cử chọn một số cán bộ, Đảng viên ra công khai, hợp pháp đấu tranh với địch. Số cán bộ, đảng viên này khi đã ra công khai thì không thể ở chung hoặc gặp gỡ tùy tiện với đồng bào vì dễ bị lộ, một số phải chuyển vùng hoạt động hoặc lại rút vào đấu tranh “bất hợp pháp”. Trên nguyên tắc bí mật, với khẩu hiệu “đi không dấu, nấu không khói, nói không tiếng” vừa lánh địch, vừa tránh quan hệ với dân. Việc quan hệ giữa cán bộ với quần chúng được quy định rõ: Cán bộ huyện chỉ được quan hệ với Bí thư xã hoặc cán bộ phụ trách xã; Bí thư xã chỉ được quan hệ với đảng viên, mỗi đảng viên chỉ được quan hệ tiếp xúc với một số cốt cán, cảm tình đảng... Việc ăn ở, đi lại của cán bộ cũng phải tuân thủ theo nguyên tắc: Không được đi theo lối mòn mà phải cắt rừng để tránh gặp nhân dân, nhất là con buôn. Do đó mỗi cán bộ ở lại hoạt động phải tự rèn luyện mình chịu đựng gian khổ, thực hiện đúng phương châm bí mật của đảng để bảo tồn lực lượng, khi có điều kiện thuận lợi thì tiếp tục giáo dục nhân dân nâng cao cảnh giác cách mạng, đề phòng những âm mưu thủ đoạn thâm độc của địch. Một số cán bộ của ta khi bị địch phát hiện phải nhanh chóng chuyển vùng hoạt động, tránh sự truy kích của địch, như đồng chí Hai, Pinăng Tắc, Lương, Thái... Tuy nhiên, khi rút vào hoạt động bí mật thì không nắm được phong trào, lãnh đạo không kịp thời. Trước tình hình đó, ta đã lúng túng, bế tắc về phương hướng đấu tranh. Mối liên hệ giữa cán bộ với nhân dân lỏng lẻo hơn, cán bộ không nắm được phong trào, không lãnh đạo được quần chúng trong khi quần chúng rất cần sự chỉ đạo của Đảng.

Tháng 7 năm 1957, bọn Tổng Phát, Quận trưởng quận An Phước cùng lực lượng lính tay sai lên căn cứ Bác Ái bắt đại diện các xã tập trung đồng bào để chúng tuyên truyền: “Chính phủ rất thương đồng bào, muốn giúp đỡ đồng bào muối, vải và lương thực...”, nhằm dụ dỗ để đưa nhân dân về khu tập trung. Nhân dân đã được các cán bộ bí mật hướng dẫn dựa vào phong tục đồng bào, đấu tranh lý lẽ buộc địch phải nhượng bộ, tạo điều kiện trì hoãn, kéo dài. Âm mưu dùng thủ đoạn mua chuộc, dụ dỗ của địch không thành. Tháng 8 năm 1957, địch bắt đồng bào xã Phước Chiến và một số vùng xung quanh đi chặt cây để xây dựng khu tập trung: Bà Râu, Đồng Dày, Cà Rôm. Đồng bào đấu tranh không đi, kẻ thù tăng cường thúc ép, đàn áp thẳng tay. Tình hình trở nên căng thẳng, để xoa dịu tình hình ta đã chủ động bố trí một số người đi chặt cây, phần lớn là người già và trẻ con. Cuộc đấu tranh giằng co giữa đồng bào với địch kéo dài từ tháng này qua tháng khác mà kẻ địch vẫn không sao đưa dân về khu tập trung được. Đồng bào vẫn kiên trì bám rẫy bám làng, cự tuyệt các yêu cầu của địch, làm chúng không còn kiên nhẫn với chiến thuật my dân. Cuối tháng 8 năm 1958, địch dùng vũ lực cưỡng bức gần 3.000 đồng bào dồn về khu tập trung Bà Râu,

trong đó có cả một số cán bộ, đảng viên⁶.

Biết phần lớn đồng bào ta còn lẫn trốn trên núi, địch tiếp tục càn quét, đốt phá làng mạc, bắt gia súc gia cầm, phá hoại ruộng rẫy, hoa màu quyết dồn ép đồng bào đến chỗ không còn nơi nương tựa, không còn ý định về núi rừng nữa. Được cán bộ nằm vùng hướng dẫn, một số du kích mật của ta viết truyền đơn bỏ vào bọc ny lông rồi ném vào chỗ đóng quân của địch để tuyên truyền : “Các anh nên để đồng bào chúng tôi làm ăn tự do trên núi. Ở đây không có Việt Cộng. Chính phủ cho các anh lên đốt nhà, phá rẫy, bắt dân tình là giúp dân thương du chỗ nào?”. Trong đợt càn quét này địch đã bắn chết hai đồng chí cốt cán của ta là đồng chí Lập và đồng chí Sơn là hai huyện ủy viên. Tình hình trở nên bi đát, quần chúng hoang mang. Đây là một tổn thất rất lớn của Bác Ái lúc bấy giờ. Lợi dụng tình hình, bọn Đầu Lớn ngóc đầu dậy, hù dọa trả thù và cưỡng ép số đồng bào còn lại trên núi phải về khu tập trung của địch. Trước hoạt động vũ trang tàn bạo của địch đã gây nên làn sóng căm phẫn cao độ trong đồng bào. Đồng bào nhiều lần bộc phát đấu tranh chống lại sự khủng bố gắt gao của địch, quyết bám rẫy, bám núi rừng ông bà, thể hiện tinh thần bất khuất, kiên trung với Đảng, Bác Hồ. Nhiều tấm gương tiêu biểu sáng ngời tinh thần kiên cường, bất khuất của cán bộ, đảng viên là người đồng bào: Thà chết để bảo vệ đồng chí, đồng bào mình, bảo vệ thanh danh của đảng như đồng chí Xanh ở thôn Đá Quao bị địch bắt khảo tra truy tìm cán bộ Cụ Hồ, đồng chí tự cầm dao rạch bụng mình và khẳng khái nói với địch rằng “Cán bộ Cụ Hồ ở trong bụng tao”. Hay chị Chamaléa Thị Djú bị địch bắt dẫn đường về núi tìm “Cộng sản”, chị biết không thể nào thoát khỏi bàn tay độc ác của kẻ thù, chị chịu đưa chúng về núi để nhìn thấy cái rẫy con suối, nhìn thấy nhà sàn đơn sơ với người cha già bị bỏ lại sau trận càn. Khi đến một vực đá thăm thẳm, chị hô to: “Chồng tao ở trên núi xanh kia, có giỏi chúng mày lên núi xanh kia mà bắt, đừng hòng tao phản bội...”, lũ giặc ngơ ngác vội nâng súng, chưa kịp bóp cò đã phải run lên khùng khiếp nhìn chị lao xuống vực thẳm, nhận lấy cái chết cho riêng mình để bảo vệ đồng bào đồng chí và đồng đội của mình. Tấm gương hy sinh cao cả của chị Djú nhanh chóng lan truyền vào các khu tập trung càng làm cho làn sóng căm thù quân giặc trong lòng đồng bào dâng lên đỉnh điểm.

Dù đã dồn được gần ba ngàn dân Bác Ái về các khu tập trung, nhưng địch vẫn không tìm thấy manh mối của “Cộng sản”. Tháng 7 năm 1958, địch lại đem quân lên càn ở thôn Đầu Suối, xã Phước Chiến. Đồng bào đánh mở báo động, dân làng di tản vào các hang núi. Địch chuyển sang trò mỵ dân, lừa gạt: “Hôm nay cán bộ chính phủ quốc gia lên gặp đồng bào, thăm hỏi xem nguyện vọng đồng bào muốn ở lại núi hay về các khu tập trung, nếu đa số muốn ở lại thì cán bộ cho ở lại làm ăn...”, đồng bào đang trốn ngoài núi nghe vậy kéo nhau ra

⁶ Khu tập trung Bà Râu là một trong hai khu tập trung lớn ở Bác Ái được địch xây dựng thành khu kiểu mẫu, từng được Ngô Đình Diệm và Nguyễn Ngọc Thơ đến tận nơi để giám sát, cổ vũ.

trình diện, đưa nguyện vọng của mình. Khi đồng bào tụ họp khá đông, địch trở mặt, dùng súng đạn cường ép dồn về khu tập trung. Do quá bất ngờ nên đồng bào không kịp trở tay, gần hai người lại rơi vào vòng tay của địch. Như vậy, bằng các trò my dân kết hợp với vũ lực, vũ trang, đến cuối năm 1958, địch dồn gần năm ngàn đồng bào Bác Ái về các khu tập trung. Đồng bào xã Phước Thành, Phước Nghĩa, Phước Lâm, Phước Trường bị dồn về khu tập trung Cà Rôm; đồng bào các xã Phước Chiến, Phước Kháng, Phước Trung dồn xuống khu tập trung Đồng Dày; đồng bào xã Phước Hoà dồn xuống khu tập trung Tâm Ngân; đồng bào xã Phước Bình, Phước Thắng, Phước Tiến dồn xuống trại tập trung Suối Luồi.

Dân số toàn huyện Bác Ái lúc này khoảng 12.000 người, nhưng thực tế địch chỉ dồn được khoảng nửa số dân, phần lớn là trẻ nhỏ và ông già bà lão, còn phần lớn lực lượng trẻ, nhất là tầng lớp thanh niên đã lánh nạn, quyết bám núi rừng, lao động sản xuất, đấu tranh bất hợp tác với địch, chờ cơ hội móc nối với cán bộ. Khi bị lừa về các khu tập trung, đồng bào phải sống cảnh “chim lồng cá chậu”, vô cùng cực khổ. Nhà ở không đủ, vệ sinh bẩn thỉu, thời tiết khắc nghiệt, bệnh dịch tràn lan. Hàng ngày, địch phát cho đồng bào mỗi người một mẩu bánh mì, ăn không đủ no, lại không quen cái bụng, đồng bào nhớ núi rừng ông bà, nhớ cuộc sống yên bình thanh thản nơi rừng núi, thêm canh mít, rau rừng... đã vậy kẻ địch còn hành hạ, đánh đập, chửi mắng đồng bào thậm tệ. Địch đổ nước mắm pha ớt vào mũi trẻ con mỗi khi chúng khóc; người bệnh chưa chết hẳn buộc phải chôn ngay, cấm người thân khóc, khóc là theo cộng sản, khóc sẽ làm buồn “khu đồi mới” của cụ Ngô Tổng thống sẽ bị trị tội nặng. Những sự kiện trên đã kích động mạnh mẽ vào bụng gan mọi người, càng đẩy lòng căm phẫn dâng cao tột độ, đồng bào ai nấy đều áp ủ mưu đồ phá khu tập trung trở về núi rừng. Từ thực tế trên đã bồi đắp thêm tinh thần yêu nước, yêu cuộc sống tự do trong đồng bào, làm hình thành một số cốt cán trong các khu tập trung, luôn động viên đồng bào khắc phục gian khổ, giữ vững niềm tin và chờ sự lãnh đạo của Đảng nổi dậy đấu tranh về núi.

Đến cuối năm 1958, bản chất xâm lược và cai trị của kẻ thù đã rõ. Từ khủng bố, bắt bớ cán bộ, càn quét, dồn dân rào làng đến đốt nhà phá nương rẫy, giết người cướp của... Trong khi ta hoàn toàn thụ động trong chỉ đạo. Tất cả các hoạt động của ta lúc này vẫn dựa vào tính pháp lý của Hiệp định. Tình hình đó đã làm cho quần chúng sốt ruột, nôn nóng, tự phát vũ trang đánh địch; đồng thời cử đại diện bí mật lên núi xin cán bộ cho phép khôi phục hoạt động vũ trang đánh địch. Đây cũng là thời kỳ nội bộ Ban cán sự Đảng Bác Ái có sự tranh luận về “vấn đề đấu tranh vũ trang” vì thực tiễn ở Bác Ái không thể tiếp tục đấu tranh chính trị được nữa, đòi hỏi phải có sự chuyển hướng sang đấu tranh vũ trang, lấy bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng. Tại các cuộc thảo luận, Ban cán sự không thống nhất được ý kiến vì vương chủ trương “cấm hoạt động

vũ trang” của trên; cuối cùng ta chỉ thị: “Cho phép đồng bào vũ trang đánh địch nhưng phải khôn khéo, bí mật. Chỉ được dùng các loại vũ khí thô sơ, chỉ được giết những tên địch trực tiếp đốt nhà, cướp của, giết người”. Tin cán bộ cán bộ cho phép vũ trang bí mật lần truyền đi khắp núi rừng Bác Ái; đồng bào phấn khởi, ngày đêm vót chông, làm thêm vũ khí. Các tổ thanh niên giữ làng chuyển từ hoạt động nắm tin sang hoạt động bố phòng đánh địch. Sự căm thù địch bị dồn nén bấy lâu, nay được dịp trả thù; đồng bào tổ chức tiêu diệt nhiều tên ác ôn nhưng sợ cấp trên phê bình nên không giám báo cáo. Vì vậy một thực tế là địch bị giết nhiều nhưng đồng bào báo cáo ít, hoặc không báo cáo. Như vậy, trong lúc cả chiến trường miền Nam nói chung và ở Ninh Thuận nói riêng đang lúng túng về chuyển hướng chỉ đạo thì thực tiễn ở Bác Ái, hoạt động vũ trang đã sôi động, tạo bước chuyển biến nhất định.

Phong trào đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Bác Ái từ tháng 5 năm 1954 đến năm 1958 là những năm tháng gặp nhiều cam go thử thách nhất. Địch thực hiện chính sách “tổ cộng diệt cộng” và chiến dịch “Thượng du vận” hết sức tàn bạo, trong khi đó tá chủ trương rút cán bộ vào hoạt động bí mật nên không kịp thời lãnh đạo quần chúng, làm cho phong trào có lúc bế tắc, mất phương hướng. Mối quan hệ giữa đảng với phong trào quần chúng có lúc bị đứt quãng, dẫn đến hậu quả là gần một nửa số dân bị địch dồn về các trại tập trung. Nhưng sự tàn bạo của kẻ địch càng làm nung nấu tinh thần yêu quê hương làng bản, yêu cuộc sống tự do của đồng bào. Đồng bào biến đau thương thành lòng căm thù giặc, không chịu khuất phục trước kẻ thù, không chịu để mất núi rừng ông bà. Đó cũng là động lực tạo nên sức mạnh phi thường để đồng bào bền bỉ, kiên gan đấu tranh với nhiều hình thức: Hợp pháp, bất hợp pháp; công khai bán công khai đã thực sự gây khó khăn cho địch. Khi bị địch dồn về các khu tập trung, dù địch có dùng các mảnh khố xảo quyệt để dụ dỗ, hay dùng vũ lực để khuất phục, đồng bào vẫn hiên ngang đấu tranh đòi quyền dân chủ, dân sinh và luôn luôn đứng ở tư thế sẵn sàng phản kháng. “Lửa thử vàng, gian nan thử sức”, qua quá trình đấu tranh với địch, trình độ giác ngộ chính trị của đồng bào được nâng lên một bước. Cán bộ chiến sĩ được tôi luyện qua thực tiễn đấu tranh để trưởng thành, dạn dày kinh nghiệm đấu tranh, vững vàng lập trường tư tưởng. Tình hình chung trên toàn miền, toàn tỉnh Ninh Thuận còn gặp nhiều khó khăn, song huyện Bác Ái đã có nền móng vững chắc, tạo chỗ dựa vững chắc cho phong trào đấu tranh cách mạng trong giai đoạn tiếp theo.

II. Phá khu tập trung của địch, đưa dân về núi; tiến lên đồng khởi giải phóng Bác Ái (3.1958 – 10.1960).

Trước yêu cầu của thực tiễn cách mạng. Tháng 3 năm 1958, Liên tỉnh 3 và Liên khu V chỉ đạo chuyển hướng đấu tranh theo “Đề cương Cách mạng miền

Nam⁷”: Tập trung củng cố, xây dựng căn cứ miền núi, tổ chức lực lượng vũ trang bí mật, diệt ác để hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị miền núi”. Đề cương còn chỉ rõ: Nhân dân ta ở miền Nam chỉ có một con đường là vùng lên chống lại Mỹ - Diệm để cứu nước và tự cứu mình. Đó là con đường cách mạng, ngoài con đường đó, không có con đường nào khác.

Thực hiện tinh thần trên, tháng 5 năm 1958, Tỉnh ủy Ninh Thuận triệu tập Hội Nghị mở rộng tại xã Phước Thành, do đồng chí Mai Xuân Thuồng, Nguyễn Huệ chủ trì. Hội nghị vinh dự được đón các đồng chí lãnh đạo Tỉnh: Mười Hiếm, Trần Đệ. Đây là buổi họp công khai đầu tiên từ khi ta và địch ký kết hiệp định Giơnevơ (7.1954). Hội nghị phổ biến lại tinh thần Đề cương cách mạng miền Nam của đồng chí Lê Duẩn và vạch ra nhiệm vụ trước mắt:

1. Ổn định tư tưởng cho nhân dân, hướng dẫn nhân dân đề phòng tránh địch càn quét, tăng gia sản xuất.
2. Móc nối liên lạc với các khu tập trung, lãnh đạo đồng bào đấu tranh, chuẩn bị tinh thần khi có cơ hội, phá trại tập trung về làng.
3. Thành lập các tổ, nhóm Thanh niên thu nhặt, bảo quản tài sản của nhân dân; đồng thời tăng gia sản xuất, tạo cơ sở lương thực để dân về núi có ăn.
4. Tổ chức lực lượng Thanh niên tự vệ, thành lập các tổ vũ trang, bảo vệ cơ quan, bảo vệ căn cứ; hướng dẫn nhân dân bố phòng đánh địch, chống càn.

Hội nghị chọn khu tập trung Bà Râu làm thí điểm để lãnh đạo nhân dân phá khu tập trung đưa dân về núi.

Sau Hội nghị, cán bộ, đảng viên và lực lượng cốt cán rất phấn khởi, vì chủ trương chuyển hướng hoạt động vũ trang là vấn đề được tranh luận rất nhiều trong nội bộ từ trước. Nay được Liên khu chỉ đạo chuyển hướng hoạt động vũ trang, diệt ác để hỗ trợ cho đấu tranh chính trị. Toàn Đảng bộ như thở phào nhẹ nhõm. Cán bộ cốt cán nhanh chóng được phân công tỏa về các hướng thực hiện nhiệm vụ cụ thể: Bộ phận cán bộ được giao nhiệm vụ “củng cố, xây dựng” bám sát địa bàn để liên hệ, móc nối đồng bào gây dựng cơ sở, xây dựng lực lượng. Tuyên truyền chủ trương của Hội nghị “về hoạt động vũ trang” để đồng bào yên tâm tiếp tục đấu tranh, tích cực sản xuất và kịp thời lánh mặt khi địch tổ chức càn phá, tránh bị xúc dân về các khu tập trung.

Bộ phận cán bộ được giao nhiệm vụ hoạt động “hai chân” thì tìm mọi cách móc nối với đồng bào trong khu tập trung gây dựng cơ sở, đẩy mạnh tuyên truyền “Đồng bào phải đoàn kết, chuẩn bị phá khu tập trung về núi”. Đây cũng là lúc lòng căm thù giặc của đồng bào trong khu tập trung dâng lên như nước lũ.

⁷ Đề cương CMMN do đồng chí Lê Duẩn soạn thảo. Sách đã dẫn trang 104, 105. Lê Duẩn-Chiến tranh nhân dân Việt Nam. Nhà xuất bản chính trị Quốc gia. Hà nội 1993.

Đồng bào từng truyền tai nhau: “Ở trong trại tập trung của địch, đói ăn và ốm đau bệnh tật sẽ chết, chỉ có con đường phá trại về núi là sống”. Mỗi lần bà con về núi hái rau rừng, thấy ruộng nương vẫn xanh tốt, nhà cửa vẫn được bảo vệ, đồng bào phấn khởi quay lại trại tập trung tuyên truyền rộng rãi: “Phải quay về núi thôi, nương rẫy ta còn bắp, nhà cửa ta còn mái, tội gì phải sống kham khổ trong trại, chết mất xác thôi”. Sau những tháng sống khổ cực trong trại, bị hành hạ đủ bề, lại nghe tin cái chết thương tâm của chị Djúu và hai mẹ con nhà anh Đá, ai cũng thương tiếc và căm thù giặc. Tội ác của địch ngày càng nhiều hơn lá rừng, không thể chịu đựng được nữa, nước mắt cũng không còn để chảy. “Phải đấu tranh”, phải đi tìm cán bộ để tìm đường giải phóng chính mình đã trở thành mệnh lệnh của mỗi người dân Bác Ái chịu cảnh tù đầy bấy lâu.

Bên ngoài, cán bộ tìm mọi cách để đột nhập vào trại tập trung để truyền đạt chỉ thị; bên trong, đồng bào tìm cách thoát ra ngoài để xin mệnh lệnh của Đảng. Đảng với dân đã thống nhất một ý chí và hành động duy nhất : Phá khu tập trung, đưa dân về núi.

Được cán bộ vạch kế hoạch phá khu tập trung, đồng bào bàn bạc rất kỹ và tin tưởng, đấu tranh khôn khéo hơn, ngày càng dồn dập và quyết liệt hơn. Có việc đồng bào chờ địch cho phép mới làm; có việc đồng bào làm trước báo sau; có việc địch không cho đồng bào vẫn cứ làm. Địch bảo đi trưa về sớm, đồng bào đi sớm về tối, hoặc ở lại trên núi hai ba đêm mới về. Lợi dụng địch sơ hở, đồng bào gây rối loạn trong khu tập trung rồi lén vận chuyển muối, vải, của cải ra núi. Đồng bào ở khu tập trung còn biết đấu tranh địch vận với địch, tổ chức từng đoàn người do chị Chama Léa Thị Ba dẫn đầu đi kêu kiện ở An Phước, tố cáo bọn công an mật vụ và lính gác đã đàn áp đồng bào và yêu cầu chính phủ cho đồng bào được về làng cũ hái rau rừng, được đi lại trên núi rừng. Tên Quận Trưởng An Phước phải dẫn đoàn lên gặp Tỉnh Trưởng, tại đây đồng bào đã tố cáo cuộc sống thiếu thốn khổ cực ở trại tập trung, buộc tên Tỉnh Trưởng phải xoa dịu tình hình, ra lệnh Tổng Lý phải chăm lo đời sống của nhân dân, không được ức hiếp nhân dân, cấp phát muối gạo đầy đủ và cho phép được về núi hái rau thăm làng cũ. Qua quá trình lên xuống trại tập trung của đồng bào, ta đã kịp thời cài cắm thêm một số cốt cán vào khu tập trung vận động bà con đoàn kết đấu tranh và sẵn sàng đợi lệnh.

Ở trên núi, cá hoạt động vũ trang được phục hồi và từng bước phát huy được những thành tựu trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bằng hệ thống vũ khí thô sơ, tự tạo. Từ sau Hiệp định, đồng bào được cán bộ hướng dẫn đấu tranh lí lẽ, đấu tranh chính trị, căm tự ý mạnh động, gác lại hận thù, tôn trọng và thi hành hiệp định. Lúc đầu nhân dân ta không chịu tháo gỡ công mìn và hệ thống bố phòng thời đấu tranh chống thực dân Pháp, sau được cán bộ giáo dục, đồng bào đã tháo dỡ cất dấu vào các hang núi. Từ đó đến nay hoạt động vũ trang hầu như không còn được nhắc đến, nhưng nhiều đồng bào vẫn âm thầm

vót chông, làm bàn xoa, băng cung và tiến hành vũ trang hợp pháp “để bảo vệ nương rẫy, buôn làng trước thú giữ và kẻ gian”. Việc làm này, đã góp phần đáng kể vào việc ngăn bước quân thù trong các cuộc càn quét, đánh phá. Tuy chủ trương của trên là cấm hoạt động vũ trang, nhưng với tinh thần thượng võ và lòng căm thù giặc, đồng bào từng tự phát nổi dậy đấu tranh vũ trang, như năm 1958 nhân dân Haláha giết chết tên Ma Tanh; lực lượng thanh niên tiên tiến đã giết chết tên Tám Hoa. Đặc biệt ở xã Phước Kháng, đồng chí Tài đã tổ chức 30 thanh niên lực lượng, trang bị tên nã định kéo xuống Bà Râu phá khu tập trung. Biết được tin này, đồng chí Mai Xuân Thường đã vận động anh em quay về núi chuẩn bị lương thực, lực lượng chờ thời cơ tốt nhất để hành động. Đồng chí Tài được chỉ đạo đột nhập vào khu tập trung. Khi vào khu tập trung, đồng chí tuyên truyền với đồng bào quân ta trên núi đã tập trung lực lượng đầy đủ và đã được trang bị vũ khí như thời đấu tranh chống Pháp. Ai nghe tin cũng phấn khởi, một số thanh niên đã trốn trại tập trung về núi để tập luyện. Ý thức vũ trang tự vệ đã có sẵn trong dân, chỉ chờ Đảng cho phép là tất cả sẽ đứng lên giết giặc.

Tháng 8 năm 1958, thay mặt Tỉnh ủy Ninh Thuận, đồng chí Bảy Gia (Trần Hiếm) tuyên bố thành lập đội vũ trang Bắc Ái do đồng chí Nguyễn Văn Trách (tức Biên) làm đội trưởng và đồng chí Bảy Ba Tàu làm đội phó, cùng với 10 thanh niên lực lượng. Đến cuối năm 1958, đội vũ trang ở vùng miền Tây Bắc Ái được thành lập do đồng chí Bùi Đức Thành làm chỉ huy. Nhiệm vụ của đội vũ trang lúc này là giáo dục, phát động quần chúng xây dựng lực lượng vũ trang tự vệ ở từng mé núi, bố phòng chống địch càn quét, diệt ác trừ gian, bảo vệ căn cứ. Từ khi có đội vũ trang ra đời, phong trào bố phòng canh gác phát triển rầm rộ từ vùng miền Đông đến vùng miền Tây Bắc Ái. Các xã, thôn đều thành lập tổ du kích mật làm nhiệm vụ bố phòng, nắm tin. Trên các tuyến đường chính vào làng, thôn vào ruộng rẫy đồng bào gài cắm hệ thống chông, bố phòng dày đặc. Khí thế đấu tranh vũ trang dâng cao. Phong trào cách mạng huyện Bắc Ái đã trải qua thời kỳ khó khăn, từ đây bắt đầu phát triển trên chiều rộng lẫn chiều sâu, tạo thế và lực mới cho cuộc nổi dậy.

Phong trào đấu tranh của đồng bào trong các khu tập trung tiếp tục gây khó khăn cho địch. Địch phát giống cây, trâu bò và tổ chức cho đồng bào làm ăn tập thể, đồng bào phá giống, giết trâu bò; cự tuyệt các mệnh lệnh của địch. Về sau sợ địch đề cao cảnh giác sẽ gây bất lợi cho kế hoạch phá khu tập trung về núi, ta đã lãnh đạo đồng bào tự giác đến xin giống và đất về sản xuất, lên căn cứ đem heo gà xuống nuôi. Thanh niên chủ động xin làm lính tuần, bảo vệ khu tập trung. Tối đến, đồng bào đốt đuốc đi lại thăm hỏi lẫn nhau tạo thói quen cho địch. Khi thu hoạch mùa màng, phần lớn lương thực đồng bào vận chuyển về núi, chỉ đem một số ít về lấy lệ. Qua một thời gian, đồng bào làm cho địch ngộ nhận, tưởng đồng bào đã yên tâm tư tưởng ở lại khu tập trung, địch lơ là mất cảnh giác. Thời cơ cách mạng đã đến, đêm 30 tết năm Kỷ Hợi (tức đêm 7 tháng 2 năm 1959), lợi dụng tết, địch sơ hở, mất cảnh giác, huyện ủy Bắc Ái phát lệnh

phá khu tập trung Bà Râu. Gần 3000 đồng bào đã đồng loạt nổi dậy phá khu tập trung, rầm rập kéo nhau về lại rừng núi. Do việc chuẩn bị khá chu đáo, bí mật, bất ngờ và được sự đồng tình ủng hộ của một số tay chân, lính gác người dân tộc nên kẻ thù không kịp trở tay. Khi địch phát hiện được thì đồng bào ta đã đi quá xa, và trong đêm tối nên chúng không dám đuổi theo.

Cuộc nổi dậy phá khu tập trung Bà Râu thành công đã tác động mạnh mẽ đến đồng bào các khu tập trung Đồng Dày, Tầm Ngân, Cà Rôm và phong trào đấu tranh của đồng bào miền núi vùng Anh Dũng và miền Tây Khánh Hoà. Đồng bào ở trong các trại tập trung theo gương Bà Râu, hàng ngày không ngừng đấu tranh địch đòi trở về buôn làng cũ sinh sống, làm cho ách kìm kẹp của địch trong các khu tập trung bị lỏng. Sau một thời gian ngắn, các khu tập trung Đồng Dày, Sông Trâu, Cà Rôm... được lực lượng du kích bên ngoài yểm trợ, đồng bào nổi dậy đốt phá khu tập trung, lần lượt kéo nhau về với buôn làng.

Để cứu vãn tình hình, ngày mùng 3 tết (tức ngày 10/2/1959), địch đưa quân lên núi quyết dồn ép đồng bào về lại khu tập trung một lần nữa. Đồng bào đánh mả báo tin, tổ chức lẫn trốn; địch đi đến đâu cũng thấy cảnh vườn không nhà trống, chúng điên cuồng đốt phá nhà cửa, chặt phá hoa màu nương rẫy.

Ở vùng Bắc Ái Tây⁸, tháng 3 năm 1958 các đồng chí Pinăng Tắc, Trần Viết Hằng, Năm Đèo cùng hơn 30 “thanh niên bảo vệ” băng rừng lên hoạt động ở vùng Phước Hòa, Phước Bình để vận động quần chúng diệt ác phá tề, chống địch dồn dân rào làng. Khi mới đặt chân lên vùng đất miền Tây, các đồng chí bị bọn tay sai phản động theo dõi, vây ráp gắt gao. Để bảo tồn lực lượng, các đồng chí phải rút vào hoạt động bí mật nên bị động trong lãnh đạo phong trào. Tháng 11 năm 1958, địch càn quét dồn ép gần hai ngàn dân vùng Phước Tân, Phước Tiến, Phước Bình về khu tập trung Suối Luối; Phước Hoà dồn xuống khu Tầm Ngân. Địch luôn hô hào “Xây dựng khu đời mới”, “giúp đỡ đồng bào” nhưng thực chất là cầm tù tập thể đồng bào, đẩy cuộc sống hàng ngàn đồng bào nơi đây phải đối mặt với bệnh tật, chết chóc và nhục nhã. Sự căm phẫn quân thù như u nhọt trong bụng gan đồng bào. Như một phản ứng tự vệ, đồng bào đã đoàn kết đấu tranh bất hợp tác với địch. Địch tổ chức làm ăn tập thể, khi đem giống về, đồng bào đem luộc chín mới đi gieo trồng; địch cho trâu bò để kéo cày và sản xuất, đồng bào tìm cách giết trâu mổ bò chia nhau ăn thịt hoặc đưa về núi dự trữ; địch bắt đồng bào lên núi chặt cây làm trại, đồng bào ta cự tuyệt, hoặc chỉ đi làm lấy lệ và nuôi dưỡng âm mưu phá “khu đời mới” của địch để trở về làng cũ.

Thực hiện chủ trương của Huyện ủy về “Phá khu tập trung”. Các đồng chí Pinăng Tắc, Trần Viết Hằng, Năm Đèo phối hợp với đội vũ trang miền Tây Bắc Ái vận động đồng bào xây dựng lực lượng, chuẩn bị lương thực dồi dào để khi

8 Lúc này Bắc Ái chưa chia thành 2 huyện nên chúng tôi tạm gọi là vùng Bắc Ái Tây, vùng Bắc Ái Đông.

đồng bào về núi đủ ăn; đồng thời lựa chọn cốt cán cài cắm hoạt động thể “hai chân” tuyên truyền đồng bào trong khu tập trung kế hoạch đồng khởi. Sau một thời gian khẩn trương, bí mật chuẩn bị lực lượng, đầu tháng 4 năm 1959, đồng bào Bác Ái Tây đồng loạt nổi dậy phá trại tập trung Suối Luôi, Tầm Ngân trở về làng cũ.

Chỉ trong vòng một thời gian ngắn, từ nổi dậy lẻ tẻ đến nổi dậy đồng loạt, quân dân Bác Ái đấu tranh tạo thành làn sóng đồng khởi trên khắp núi rừng, đưa trên 5000 đồng bào thoát khỏi sự kìm kẹp của kẻ thù. Thực chất đây là cuộc nổi dậy mang tính chất bạo lực chính trị của quần chúng nhân dân chống lại bạo lực phản cách mạng của địch. Thắng lợi của cuộc nổi dậy đánh dấu sự phá sản của chính sách dồn dân lập ấp, một chiến lược mà kẻ địch thường rêu rao là “quốc sách”. Đồng thời khẳng định đó là một chiến công đặc sắc mà Đảng bộ và nhân dân Bác Ái đã làm được trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Trong quá trình lãnh đạo nhân dân phá khu tập trung, Đảng bộ huyện còn hướng dẫn đồng bào đấu tranh binh vận, địch vận với kẻ thù. Các đồng chí được giao nhiệm vụ hoạt động thể “hai chân” đã không quản nguy hiểm, đột nhập vào các khu tập trung hướng dẫn đồng bào đấu tranh đòi về núi sinh sống; đồng thời vận động một số binh lính địch quay về với chính nghĩa hoặc có thái độ ủng hộ phong trào... Nhờ làm tốt mặt trận này nên nhiều anh em binh lính đã tạo điều kiện cho đồng bào được trở về thăm buôn làng cũ, hạn chế phần nào cúp phạt, đánh đập, dần dần tạo nên sự chệnh mảng của địch, tạo cơ hội chín muồi để đồng bào ta làm cuộc đồng khởi thành công. Trên mặt trận địch vận, ta hướng dẫn đồng bào lợi dụng mâu thuẫn giữa Quận An Phước và Quận Bửu Sơn để đấu tranh lý lẽ :“dân É Lâm hạ và É lâm Thượng xưa nay thuộc quyền quản lý của ông mà nay bọn Quận Bửu Sơn đến đánh phá, quấy nhiễu đồng bào qua mặt quận An Phước...” càng khoét sâu mâu thuẫn nội bộ địch. Khi ở các khu tập trung chịu cảnh ngột ngạt, chết chóc và bị cúp phạt đánh đập, ta hướng dẫn đồng bào đấu tranh lý lẽ trực tiếp với tên Quận Trưởng An Phước, buộc chúng phải nhượng bộ. Công tác binh vận, địch vận thời kỳ này còn ghi dấu ấn của chị em phụ nữ Raglai, như chị Chamaléa Thị Lực được cán bộ bí mật phân công phụ trách ở khu tập trung Ruộng Dân; Chị Ba phụ trách công tác binh vận khu tập trung Bà Râu, Đồng Dày; Chị Thơ ở Phước Bình... Nhờ sự đấu tranh lý lẽ sắc bén, thông minh của chị em phụ nữ đã làm cho kẻ địch chùn chân, nhượng bộ, làm giảm đi không khí ngột ngạt, căng thẳng. Công tác diệt ác trừ gian, thanh trừ phần tử xấu còn ẩn nấp trong nhân dân để quần chúng yên tâm sản xuất, chiến đấu, giữ vững an ninh trật tự. Thời gian địch mua chuộc được một số đại diện xã kết hợp với bọn tay sai phản động như tên Tư Gắng ở Phước Thắng, Pinăng Thức, Nguyễn Văn Ngẫu, Phan Minh Đạo, Năm Cu La... luôn lên dò la tin tức, chỉ điểm cho địch truy lùng, bắt bớ cán bộ. Từ cuối năm 1958 đến đầu năm 1960, ta đã lần lượt vận động quần chúng phối hợp tiêu diệt các tên phản động

ác ôn này, tạo nên không khí yên lành trên vùng căn cứ.

Đưa dân về núi đã khó, nhưng để giữ dân ở lại núi lại càng khó khăn gấp bội lần. Vì đồng bào ta trở về làng cũ một lúc gần năm ngàn người, lại vào mùa mưa rét, nguồn lương thực dự trữ trên núi không đủ trang trải. Làng mạc, nương rẫy bị địch phá hoại hoang tàn. Nạn lụt muối, rách vải, đau bệnh đe dọa nghiêm trọng đời sống của đồng bào. Trong khi đó, kẻ địch tiếp tục dùng mọi mảnh khước từ càn quét đến my dân để đưa đồng bào trở lại khu tập trung một lần nữa. Trước tình hình trên, Đảng bộ huyện chỉ đạo các chi bộ xã động viên đồng bào đề cao cảnh giác trước kẻ địch, cố gắng chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn bám rẫy bám làng để sản xuất, nhanh chóng ổn định đời sống; đồng thời chỉ đạo lực lượng vũ trang mở “con đường máu” để các đoàn dân công vận chuyển muối về núi. Hàng trăm đồng bào chiến sĩ không quản ngày đêm, cắt núi băng rừng, vừa đi vừa dò đường, tránh địch đánh úp. Những hạt muối mang được về núi mang đầm mồ hôi, nước mắt và cả máu của nhiều đồng bào chiến sĩ của ta. Trong lúc nạn đói đang đe dọa, phát huy tinh thần tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách của đồng bào trong huyện. Đồng bào vùng Phước Hòa, Phước Bình và Phước Tiến đã hỗ trợ hàng ngàn gói bắp cho đồng bào các xã Phước Thành, Phước Trung. Tinh thần đoàn kết giữa Đảng với dân, giữa đồng bào các vùng trong huyện được củng cố, gắn bó keo sơn.

Qua những tháng ngày sống lầm lũi ở các khu tập trung nay được trở về với bản làng, được sống yên bình, đoàn tụ gia đình giòng tộc, đồng bào càng thấy giá trị của cuộc sống tự do. Đồng bào tổ chức đốt lửa trại, uống rượu cần mừng chiến thắng. Một số đồng bào tự nhận thấy sai lầm khuyết điểm của mình là do nhẹ dạ cả tin, nghe theo bọn xấu xúi dục nên đã rơi vào bàn tay ác độc của địch. Đồng bào tự hứa với Đảng là quyết không bị mắc sai lầm một lần nữa, quyết tâm bám rẫy bám làng “một tác không đi, một ly không rời”. Trải qua những năm tháng gay go ác liệt nhất (1956-1958), phong trào đấu tranh của quân dân Bắc Ái nhiều lúc bị đứt gãy, hy vọng giành lại cuộc sống tự do, tự chủ tưởng chừng như trở thành vô vọng. Nhưng bằng sự kiên trì bám núi bám dân, vận dụng linh hoạt chủ trương của trên vào thực tiễn của địa phương, Đảng bộ huyện đã kịp thời động viên quần chúng nhân dân vượt lên khó khăn gian khổ, biên đau thương thành hành động cách mạng, biến sức mạnh đoàn kết thành vũ khí cách mạng vô địch; lãnh đạo quần chúng bền bỉ đấu tranh: Từ đấu tranh chính trị đến đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh binh vận, địch vận; công khai bán công khai, hợp pháp bất hợp pháp... cuối cùng đã giành được thắng lợi. Tuy nhiên, trong quá trình lãnh đạo quần chúng đấu tranh, Đảng bộ huyện còn bộc lộ một số khuyết điểm nhất định, như công tác xây dựng lực lượng giữa các vùng chưa đều; công tác giáo dục chính trị tư tưởng chưa kịp thời, làm cho một số cốt cán và quần chúng hoang mang giao động khi tình thế cách mạng nguy kịch, thậm chí nhiều anh em từng là cốt cán của ta đã đào ngũ, đầu hàng làm tay

sai cho địch. Công tác bảo vệ bí mật nội bộ chưa đảm bảo. Trong lãnh đạo còn thụ động, đôi khi bộc lộ sự lúng túng.

Cuộc đồng khởi của quân dân Bắc Ái giành thắng lợi nhanh chóng lan rộng khắp vùng cực Nam Trung bộ, tạo làn sóng chống địch dồn dân lập ấp của đồng bào khắp Miền trở nên quyết liệt, dồn dập. Để rút kinh nghiệm từ thực tiễn phong trào đồng khởi của Bắc Ái, phổ biến rộng rãi vùng cực Nam⁹. Tháng 5 năm 1959, Liên Tỉnh 3 tổ chức Hội nghị rút kinh nghiệm việc phá khu tập trung đưa dân về núi và triển khai nhiệm vụ xây dựng căn cứ vững mạnh toàn diện tại xã Phước Kháng. Về dự Hội nghị có các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Thuận, Bình Thuận, Khánh Hòa, do đồng chí Lê Văn Hiến chủ trì. Hội nghị đánh giá : “Đồng bào các dân tộc rất căm thù địch và luôn hướng về Đảng. Đồng bào không chịu được cảnh sống tập trung, kìm kẹp và xa không gian núi rừng. Phá khu tập trung, đưa dân về núi rừng là nguyện vọng bức thiết của đồng bào. Dù khó khăn đến mấy, nhưng nếu được lãnh đạo, hướng dẫn cụ thể thì đồng bào có thể nổi dậy bằng bạo lực của chính bản thân mình”. Hội nghị nhận xét cuộc nổi dậy của quân dân Bắc Ái là một điển hình, cần được triển khai rộng rãi trong vùng cực Nam. Để xây dựng vùng căn cứ vững mạnh, Hội nghị đề ra chủ trương: Chống địch càn quét, dồn dân trở lại khu tập trung; tập trung chỉ đạo tăng gia sản xuất, ổn định cuộc sống. Hội nghị cũng phổ biến tóm tắt tinh thần Nghị quyết 15 do đồng chí Trần Lê từ Hà Nội điện về¹⁰.

Thất bại, nhưng với giã tâm của kẻ xâm lược, địch không từ bỏ quyết tâm dồn dân lập ấp, càn quét xức dân trở lại các khu tập trung lần nữa. Tháng 9 năm 1959, địch mở chiến dịch “cuộc hành quân Tây Khánh-Bắc Ninh¹¹” với lực lượng khoảng một trung đoàn, được trang bị vũ khí chiến tranh tối tân đánh vào huyện căn cứ Bắc Ái theo bốn hướng: Du Long, Bà Râu, Mỹ Hiệp, Tầm Ngân. Thời gian kéo dài 1 tháng 5 ngày. Địch thực thi chính sách “Tam quang” để “đốt sạch, phá sạch, giết sạch” uy hiếp tinh thần đồng bào, buộc đồng bào ta phải trở về khu tập trung, tiêu diệt tận gốc Cộng sản, xoá sạch vùng căn cứ Bắc Ái. Đồng bào Bắc Ái đã trải qua những năm tháng cam go nhất của chiến lược “dồn dân rào làng”, đã dạn dày kinh nghiệm đấu tranh chính trị, bố phòng chống địch càn; giờ dù địch có hung ác, tàn bạo đến mấy đồng bào vẫn nêu cao tinh thần đấu tranh anh dũng, bất khuất “một tác không đi, một ly không rời”, quyết tâm bám núi bám làng, giữ vững căn cứ.

Để kịp thời lãnh đạo quần chúng chống lại cuộc càn quét “Tây Khánh-

9 Có ý kiến cho rằng: Trong cuộc đồng khởi ngày 7 tháng 2 năm 1959, đồng bào Bắc Ái đã dùng bạo lực chính trị đấu tranh chống lại bạo lực vũ trang của địch giành thắng lợi. Đó là một chiến công đặc sắc, hiếm khi xảy ra trong lịch sử.

10 Ngày 13.1.1959 Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp lần thứ 15 chuẩn bị Nghị quyết về đường lối cách mạng miền Nam. Đến tháng 7.1959 Nghị quyết mới chính thức ra đời.

11 Phía Tây của tỉnh Khánh Hòa, phía Bắc của tỉnh Ninh Thuận. Địch gọi là chiến dịch Thiềm đầu thủy.

Bắc Ninh”, đầu tháng 10 năm 1959, Đảng bộ huyện tổ chức Hội nghị quán triệt nhiệm vụ “xây dựng căn cứ vững mạnh”; chống địch đồn dân rào làng; xây dựng lực lượng ba thứ quân vững mạnh cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ trong huyện. Hội nghị còn triển khai tinh thần Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đường lối cách mạng miền Nam: “Cách mạng miền Nam phải dùng đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang, dùng bạo lực cách mạng của quần chúng để tiêu diệt bạo lực phản cách mạng của địch”. Nghị quyết 15 khẳng định vai trò của đấu tranh vũ trang là đòn quyết định giành thắng lợi trên chiến trường. Ánh sáng của Nghị quyết 15 đã tiếp thêm sức mạnh tinh thần cho toàn đảng, toàn dân và toàn quân huyện Bắc Ái. Từ đây, cách mạng miền Nam nói chung và phong trào đấu tranh cách mạng huyện nhà nói riêng đã có đường lối và phương pháp đấu tranh đúng đắn, chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối. Có phương hướng cụ thể, Đảng bộ và nhân dân Bắc Ái càng phấn khởi, tự tin vững bước trong chặng đường đấu tranh chống Mỹ cứu nước tiếp theo.

Thực hiện tinh thần Hội nghị trên lĩnh vực xây dựng lực lượng: Đảng bộ huyện chỉ đạo sát nhập hai đội vũ trang ở vùng Bắc Ái Đông và Bắc Ái Tây thành trung đội vũ trang tuyên truyền Bắc Ái, do đồng chí Bùi Đức Thành làm trung đội trưởng. Đội vũ trang là nòng cốt để huyện xây dựng lực lượng ba thứ quân. Công tác huấn luyện được tổ chức thường xuyên với các nội dung: Rèn luyện kỹ năng chống địch càn quét; kỹ năng sử dụng vũ khí tự tạo và một số súng trường; kỹ năng phối hợp tác chiến giữa lực lượng ba thứ quân; kỹ năng vận động quần chúng xây dựng lực lượng. Không khí xây dựng lực lượng vũ trang ở Bắc Ái trở nên sôi động, lực lượng được huy động là đông đảo quần chúng, không phân biệt tầng lớp, già trẻ, gái trai, với hệ thống vũ khí thô sơ tự tạo vốn có của đồng bào. Thanh niên lực lượng được giao nhiệm vụ đón đầu, phục kích địch ở các tuyến đường chính vào bản làng, mỗi khi phát hiện địch càn thì đánh mìn báo động để đồng bào có phương án đối phó; người lớn tuổi được giao nhiệm vụ canh gác các kho vũ khí, tài sản của nhân dân; ông già bà lão và phụ nữ có con nhỏ thì ở nhà vót chông. Đảng bộ còn trang bị lý lẽ cho quần chúng đấu tranh chính trị với địch: “đồng bào về núi làm ăn chứ không phải theo Việt Cộng”. Hệ thống vũ khí thô sơ tự tạo: Hàm chông, cạm bẫy, xập xoa được cài cắm dày đặc. Cả núi rừng Bắc Ái trở thành một trận địa mai phục khép kín. Vũ khí thô sơ chống chọi với vũ khí tối tân, hiện đại; lực lượng chiến tranh nhân dân chống chọi với quân đội chính quy, nhà nghề. Trong thời gian này, Bắc Ái được tỉnh tăng cường các đồng chí Tân An và đồng chí Huệ mới từ miền Bắc vào. Vừa có đường lối đấu tranh cách mạng đúng đắn, lại được tăng cường thêm cán bộ lãnh đạo, đã tạo thêm sức mạnh cho quân dân Bắc Ái. Từ sức mạnh đó, quân dân Bắc Ái đã đập tan “cuộc hành quân Tây Khánh-Bắc Ninh”, làm quân địch thất bại nhục nhã, trên 130 tên lính và sĩ quan cao cấp bị tiêu diệt. Đây chiến công đầu tiên của đường lối đấu tranh bạo lực chính trị kết

hợp với bạo lực vũ trang từ khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết.

Âm mưu dồn dân về các khu tập trung ở đồng bằng bị thất bại, địch chuyển qua chiến lược tập trung dân tại chỗ. Giữa tháng 10 năm 1959, địch xây dựng hai đồn quân sự ở Tà Lú, Ma Ty. Sang tháng 4 năm 1960, địch đóng thêm đồn Dầu Suối. Mỗi đồn, địch cho một đại đội tinh nhuệ chốt giữ. Để tạo hành lang vững chắc cho các đồn bắt quân sự, địch dùng vũ lực dồn 2000 đồng bào các xã lân cận ngày đêm đào hầm, xây đồn, phát hoang, lập khu dân cư Tà Lú, Ma Ty. Rút kinh nghiệm từ thất bại của chính sách dồn dân về khu tập trung năm 1958, địch tăng cường khảo tra đồng bào để thanh lọc các “mầm mống cộng sản”, tiếp tục bắt dân học tập “tố cộng, diệt cộng”. Dựa thế địch, bọn Tổng Lý, Dầu Lớn phản động và một số gián điệp ngóc đầu dậy móc ngoặc, chỉ điểm cho địch đánh phá phong trào khắp vùng căn cứ.

Rời các khu tập trung của địch về núi chưa được bao lâu, nay đồng bào lại bị địch dồn về khu tập trung mới. Hàng ngày, đồng bào bị địch giám sát chặt chẽ. Địch cấm đồng bào tụ tập bàn tán, cấm đồng bào đi thăm bà con, đi làm rẫy xa, đêm không được ra đường. Địch đưa lính đến giám sát đám cưới, đám cúng... Thay vì được sinh hoạt văn nghệ hay các lớp bình dân học vụ như ngoài căn cứ, địch bắt đồng bào học tập “tố cộng”, “diệt cộng”. Ai không tích cực bị địch gán ghép là thân với “Việt cộng” và chịu đủ mọi cực hình. Trước sự hung ác của địch, đồng bào có người nghĩ bụng lấy đầu heo chôn sát chân đồn địch để Giàng làm sập đất, sập đồn để chết lũ ác ôn. Đầu heo đã được chôn cất cẩn thận nhưng qua mấy tháng mà đất không sập, quân địch vẫn tiếp tiếp tục đàn áp và ngang nhiên đi lại trên đất ông bà, đồng bào có người đã bi quan. Biết tin, cán bộ phân tích cho đồng bào hiểu: “Diệt địch không phải ai khác ngoài con người. Giàng không thể làm việc ấy thay cho con người được. Đồng bào phải biết đoàn kết, kiên trì đấu tranh, nắm tình hình địch trong đồn để kịp thời báo tin cho cán bộ, khi thời cơ đến lực lượng vũ trang sẽ mở đường đấu tranh tiêu diệt kẻ thù”. Đồng bào ai nấy phấn khởi, hăng hái nhận nhiệm vụ, đi đầu trong phong trào nắm tin địch trong khu tập trung có đồng chí Ama De, người đảng viên kiên trung xã Phước Đại.

Trước sự bành trướng của địch, Đảng bộ huyện chỉ đạo các chi bộ xã tuyên truyền, giáo dục đồng bào ở khu tập trung tiếp tục đấu tranh bằng lý lẽ để kiềm chế địch, đòi quyền dân sinh, dân chủ; còn đồng bào bên ngoài thì kiên trì bố phòng, phát triển phong trào giáp với khu tập trung, tạo thế vây ép, cô lập và ngăn chặn các đợt hành quân càn quét của địch.

Để chặt đứt mạng lưới tay sai ác ôn của địch, hỗ trợ cho phong trào đánh địch đang phát triển, tháng 1 năm 1960 chấp hành sự chỉ đạo của liên Tỉnh uỷ 3 và Tỉnh uỷ Ninh Thuận. Đảng bộ huyện phát động chiến dịch diệt ác, phá tề, trừ gian, đập tan hệ thống tay sai, chỉ điểm. Phong trào được triển khai rộng khắp từ miền Đông đến miền Tây Bắc Ái với lực lượng chính là Đảng viên chủ chốt và

thanh niên bảo vệ. Có cán bộ làm chỗ dựa, đồng bào hăng hái phát hiện, tố giác và phối hợp truy quét bọn tay sai. Kết quả ta đã tiêu diệt 27 tên ngoan cố, phá tan bộ máy hoạt động ngầm của địch, góp phần trong sạch nội bộ nhân dân và bảo vệ an ninh trong căn cứ, đưa quần chúng lên làm chủ hoàn toàn thôn ấp. Trong đợt này, đồng bào Phước Thắng đã tiêu diệt tên Sơn, hạ uy thế của tên Lý Mang Đen; đồng bào Phước Chiến không chế được tên Mang Long; đồng bào Phước Bình đã đập tan mạng lưới thám báo do tên Tư Gắng cầm đầu. Nhiều xã còn mở toà án nhân dân xét xử công khai gián điệp; nhiều gia đình tự tố giác người thân của mình đã từng bị mắc mưu địch để bà con xóm làng giáo dục. Đặc biệt ở Phước Kháng có Ama Lò đã tự tay giết chết đứa con phản nghịch của mình là Mang Khờ để tạ lỗi dân làng. Ý thức giác ngộ về dân tộc, về giai cấp đã giúp đồng bào vượt qua nỗi sợ hãi trả thù, vượt qua tình cảm hẹp hòi trong khuôn khổ gia đình để cùng nhau làm trong sạch nội bộ thôn làng, xây dựng căn cứ đoàn kết, vững mạnh. Cuộc đấu tranh của nhân dân chống “tổ cộng”, “diệt cộng”, chống “trù mật” và chống “độc tài gia đình trị” của Ngô Đình Diệm đã dẫn đến phong trào đấu tranh vũ trang trong toàn huyện từ cuối năm 1959, mỗi ngày phong trào được tôi luyện, thêm vững mạnh.

Sau một thời gian triển khai tinh thần Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, phong trào đấu tranh vũ trang của quần chúng phát triển mạnh mẽ. Để tiếp tục xây dựng lực lượng vũ trang chính qui vững mạnh, đủ sức đập tan các đợt càn quét qui mô lớn của địch, tháng 1 năm 1960 Liên tỉnh 3 chủ trương rút một số lực lượng vũ trang của Bắc Ái thành lập Đại đội C 120 đóng ở sông Trương-Phước Bình, và đại đội chủ lực C 254 Liên tỉnh Tây Khánh - Bắc Ninh do đồng chí Tài làm Đại đội trưởng, cùng với các đồng chí trong Ban chỉ huy: Đồng chí Hoà, đồng chí Thảo và đồng chí Bảo. Đây là lực lượng nòng cốt của phong trào đánh địch, xây dựng căn cứ của Bắc Ái-Ninh Thuận và ba huyện Khánh Sơn, Vĩnh Khánh, Vĩnh Sơn-Khánh Hòa. Lực lượng chủ yếu trong đại đội C 254 là thanh niên dân tộc trong huyện và gần 10 đồng chí thuộc tỉnh Khánh Hòa. Cũng thời gian này, Ban thống nhất Trung ương đã tăng cường cho Ninh Thuận 5 đồng chí cán bộ cao cấp, gồm các đồng chí: Trần Việt Hùng (Trần Hy); Lê Tất Thắng (Lê Văn Lục); Vũ Như Xuyên; Cảnh; Thu. Khi vào đến chiến trường Ninh Thuận, các đồng chí được phân công về công tác an ninh ở Bắc Ái. Tháng 2 năm 1960, Ban cán sự Liên tỉnh 3 quyết định lấy các căn cứ Bắc Ái-Ninh Thuận và Khánh Vĩnh, Vĩnh Sơn-Khánh Hòa để thành lập khu căn cứ miền Tây với tên gọi là Đảng uỷ B 50. Ban Thường vụ Đảng uỷ B 50 là các đồng chí Bí thư huyện Bắc Ái, Khánh Sơn, Khánh Vĩnh. Đồng chí Ba Sơn (Lê Tụng)-Thường vụ huyện uỷ Vĩnh Sơn (Khánh Hoà) được giao nhiệm vụ làm Bí thư Đảng uỷ¹². Từ khi thành lập căn cứ miền Tây, vùng Bắc Ái Đông chịu sự quản

12 Còn gọi là Đảng uỷ Ái-Vĩnh-Sơn. Tháng 5 năm 1960, đồng chí Ba Sơn về Khánh Hoà, đồng chí Mai Xuân Thường được Liên tỉnh điều về làm Bí thư Đảng uỷ B 50.

lý của Đảng uỷ B 50, còn các xã ở Bắc Ái Tây thuộc huyện Vĩnh Sơn (Khánh Hoà). Đảng uỷ miền Tây tồn tại được một năm với nhiệm vụ chủ yếu theo dõi, nắm bắt và tổng kết phong trào chiến tranh ở Bắc Ái để rút ra những kinh nghiệm phổ biến cho những nơi khác học tập.

Trên địa bàn huyện nhà, lực lượng vũ trang của huyện phát triển lên 1B do đồng chí Lê Tứ chỉ huy trưởng và đồng chí Chamaléa Năm chỉ huy phó. Ngoài việc xây dựng lực lượng tại chỗ, ta còn vận động hàng trăm thanh niên thoát ly, bổ sung cho bộ đội chủ lực của tỉnh và lên tỉnh. Năm 1960, toàn huyện có 513 dân quân, du kích; trong đó, đảng viên có 56 đồng chí và 95 đoàn viên. Đây là một thành công rất lớn trong việc xây dựng lực lượng vũ trang của Đảng bộ huyện lúc này, đồng thời nói lên sự tiến bộ của đồng bào trong huyện, vì theo phong tục tập quán, đồng bào không được đi xa nhà, xa vợ con. Nay nghe theo tiếng gọi của Đảng, đồng bào đã vượt qua tất cả, quyết tâm đi theo cách mạng đến cùng.

Cùng với nhiệm vụ bố phòng đánh địch, phát triển lực lượng; trong những năm 1960 đến năm 1962, quân dân Bắc Ái ra sức thi đua tăng gia sản xuất với phương châm “làm ngày chưa đủ, tranh thủ làm đêm”. Các tổ vận động công được tổ chức khắp các thôn làng. Ta vận động nhân dân mở rộng vùng sản xuất xuống tận các chân núi: Phía Phước Thành mở mang diện tích gieo trồng xuống tận núi Ma Ty, phía Phước Chiến xuống Ruộng dân. Nhờ làm tốt công tác tăng gia sản xuất mà ta đã chủ động được nguồn lương thực, vừa đảm bảo cuộc sống vừa tích cực ủng hộ cho các đơn vị chủ lực đóng trên địa bàn huyện. Bên cạnh hoạt động tăng gia sản xuất, các hoạt động văn hoá văn nghệ, giáo dục phát triển rầm rộ, góp phần động viên khích lệ tinh thần đấu tranh của quân và dân ta, với nhiều bài hát, thơ, vè... ca ngợi tinh thần chiến đấu chống giặc ngoại xâm, ca ngợi Đảng và Bác Hồ. Đặc biệt trong phong trào chống dôn dân lập ấp, đồng bào ta thường truyền nhau câu hát:

Mít canh đủ thiếu chi

Theo tây về dưới lấy gì mà ăn...

Xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ tuyên truyền, giáo dục các đường lối, chủ trương của đảng, vận động quần chúng, cũng như để nâng cao nhận thức của đồng bào, đào tạo cán bộ địa phương. Giữa năm 1960, các đồng chí Mai Xuân Thuồng, Nguyễn Hoàng, Chama Léa Liệu, Ama Nhiên đã dựa trên bộ chữ la tinh, nghiên cứu, phiên âm dựng thành bộ chữ Raglai. Tháng 3 năm 1960, lớp song ngữ Việt-Raglai đầu tiên được phổ biến cho đội ngũ giáo viên tại xã Phước Tiến với 30 người tham dự. Từ đây, các tài liệu, chỉ thị phát động quần chúng được viết bằng chữ Raglai như: “yêu nước thương dân đứng lên làm cách mạng”, “một lòng một dạ đứng lên giữ đất núi ông bà” và tờ báo “Tự trị” của Đảng uỷ B50 đều được xuất bản bằng tiếng Raglai, phát hành rộng rãi trên khắp vùng căn cứ Bắc Ái và vùng đồng bào dân tộc các tỉnh Khánh Hoà, Ninh Thuận.

Việc tạo ra bộ chữ Raglai và sử dụng vào tuyên truyền các chủ trương của đảng đến đông đảo quần chúng nhân dân đã tạo hiệu quả rất lớn. Các huyện căn cứ trong Đảng uỷ B50 đều phổ biến dạy chữ Raglai và được đông đảo quần chúng tham gia học tập nhiệt tình. Từ nay đồng bào không những có tiếng nói và chữ viết riêng của mình mà còn góp phần làm phong phú thêm kho tàng ngôn ngữ của dân tộc ta.

Từ khi Nghị quyết 15 ra đời, phong trào nổi dậy đồng khởi đòi quyền làm chủ của nhân dân miền nam phát triển mạnh mẽ trong những tháng cuối năm 1959, đầu năm 1960. Đi đầu là cuộc đồng khởi của quân dân Bến Tre vào tháng 1 năm 1960. Trên chiến trường Liên tỉnh 3, đầu tháng 8 năm 1960, quân dân Bình Thuận nổi dậy tấn công, tiêu diệt hoàn toàn quận lỵ Hoài Đức (Bắc Ruộng), một quận lỵ đầu tiên của địch ở cực Nam bị một lực lượng vũ trang ít ỏi tiêu diệt, giải phóng trên 4000 dân về núi an toàn. Tin thắng trận ở Bắc Ruộng đã khích lệ tinh thần quân dân Ninh Thuận, đặc biệt là đối với đồng bào Bác Ái, làm cho khí thế nổi dậy của quần chúng càng dâng cao hơn bao giờ hết.

Tháng 5 năm 1960, Liên tỉnh 3 chủ trương mở đợt tấn công quân sự vào các khu tập trung đưa dân về làng cũ sinh sống, hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị ở đồng bằng. Đầu tháng 8 năm 1960, Ban cán sự Liên tỉnh 3 và huyện uỷ Bác Ái họp bàn kế hoạch phá đồn địch. Ban chỉ huy phá đồn Tà Lú có đồng chí Thành Nhơn và đồng chí Mười Trung (Phạm Văn Hượm) cùng anh em chiến sĩ thuộc lực lượng Liên tỉnh khoảng một trung đội và hàng trăm dân quân du kích các xã Phước Đại, Phước Chính. Ở mũi phá đồn Ma Ty, Ban chỉ huy có đồng chí Tài, đồng chí Vũ Tấn Hạt cùng lực lượng khoảng hai tiểu đội và dân quân du kích xã Phước Thành, Phước Thắng. Kế hoạch phá đồn địch được lan truyền đi khắp căn cứ. Hưởng ứng chiến dịch, thanh niên lực lượng ngày đêm chuẩn bị luyện tập, trang bị thêm vũ khí gây gộc, tên nã; một số nòng cốt xoi đường mở lối để lực lượng của trên tiếp cận đồn một cách bí mật, bất ngờ. Tiêu biểu như chị Chamaléa Thị Cay, người phụ nữ Raglai ở Phước Thành, khi nghe tin bộ đội chuẩn bị phá đồn, chị vận động một số chị em phụ nữ trong tổ văn công đột nhập vào khu tập trung dân Ma Ty nghe ngóng tình hình địch, đánh dấu lối mòn, hình thành đội tiền tiêu dẫn đường. Sau một thời gian khẩn trương chuẩn bị, đêm 28 rạng ngày 29 tháng 8 năm 1960, dân quân du kích Bác Ái phối hợp với lực lượng vũ trang Liên tỉnh bất ngờ nổi dậy tấn công, tiêu diệt hai đồn Tà Lú, Ma Ty trong vòng 5 phút, thu 80 súng các loại, trong đó có 5 khẩu trung liên, hỗ trợ cho 2000 đồng bào phá tan khu tập trung về núi an toàn¹³. Nghe tin thất thủ ở hai đồn bót quân sự đầu não này, bọn địch ở đồn Đầu Suối đã hoang mang dao động, tự động rút chạy, một số đầu hàng, giao nộp vũ khí cho cách

13 Sách đã dẫn trang 55-Báo cáo về xây dựng căn cứ địa và phát triển chiến tranh du kích huyện Bác Ái-tỉnh Ninh Thuận (1954-1975). Bộ chỉ huy quân sự Thuận Hải 1984. Có ý kiến cho rằng, ngày 7/2/1959 là ngày giải phóng Bác Ái. Để làm sáng tỏ ý kiến trên, chúng tôi một mặt đang tiếp tục khảo cứu tài liệu đồng thời chờ ý kiến của các nhà khoa học lịch sử.

mạng. Thừa thế thắng lợi, đồng bào ở khu tập trung Ma Núi (Ninh Sơn), Trại Thệt, Chà Vân (Khánh Hoà)... cũng nổi dậy phá khu tập trung về làng cũ. Sau khi diệt đồn địch thành công, đồng bào các xã Phước Đại, Phước Thắng, Phước Thành, Phước Chính đã tổ chức mít tinh mừng chiến thắng. Cuộc mít tinh kéo dài từ sáng sớm cho tới xế chiều. Trong lễ mít tinh, ta tuyên truyền chính sách dân tộc của Đảng đối với một số binh lính người dân tộc làm tay sai cho địch; động viên đồng bào nhanh chóng ổn định cuộc sống, đẩy mạnh sản xuất, tích cực tham gia các hoạt động kháng chiến. Cuối năm 1960, căn cứ Bác Ái từ miền Đông đến miền Tây hoàn toàn được giải phóng, đi vào đấu tranh công khai, hợp pháp với kẻ địch. Bác Ái trở thành huyện đầu tiên của vùng Nam Trung bộ được giải phóng.

Sau những năm tháng đấu tranh ác liệt, chịu đựng nhiều hy sinh gian khổ, đồng bào Bác Ái phải sống nô lệ trong các khu tập trung, làng mạc phân tán, nay hoàn toàn giải phóng, đồng bào trở về đoàn tụ với núi rừng, với xóm làng họ tộc. Không khí vui tươi, phấn khởi bao trùm lên khắp các mé núi. Đồng bào hăng hái tăng gia sản xuất, ổn định cuộc sống.

Cuộc đấu tranh của đồng bào Bác Ái giai đoạn 1954 đến 1960 là cuộc đấu tranh khốc liệt, cam go nhất đã kết thúc thắng lợi vẻ vang. Đây là thắng lợi của đường lối lãnh đạo đúng đắn, tài tình của Đảng, được thể hiện ở chỗ: Trong suốt quá trình đấu tranh, Ban can sự Bác Ái đã nắm vững đường lối đấu tranh của trên, bước đầu vận dụng thể đấu tranh hợp pháp kết hợp với đấu tranh bất hợp pháp đánh địch lùi từng bước, đi đến dùng bạo lực cách mạng tiêu diệt bạo lực phản cách mạng; kết hợp chặt chẽ 3 mũi giáp công tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Thắng lợi trên còn thể hiện ý chí quyết tâm, vượt qua bao hy sinh gian khổ của cán bộ chiến sĩ và sự bền trí, kiên gan, với tinh thần “một tác không đi, một ly không rời” của đồng bào các dân tộc ở Bác Ái.

Tuy nhiên, trong thời gian trên nhiều lúc ta đã mắc những sai lầm khuyết điểm, gây thiệt hại đáng kể cho phong trào: Đó là thời kỳ đầu do ta chưa nắm rõ âm mưu, thủ đoạn của kẻ địch, quá tin vào tính pháp lý của Hiệp định nên đã gặp nhiều bế tắc trong lãnh đạo phong trào. Khi cán bộ rút vào hoạt động bí mật, dân mất chỗ dựa, sự lãnh đạo của Đảng với dân bị đứt gãy tạo điều kiện cho địch dồn gần 5000 dân về các khu tập trung. Đến năm 1960, địch bành trướng, xây dựng đồn bốt quân sự Tà Lú, Ma Ty, đòi hỏi phải tăng cường công tác xây dựng lực lượng tại chỗ hùng hậu, đủ sức đánh trả các cuộc hành quân càn quét của địch thì trên rút một số cán bộ chủ chốt và lực lượng của địa phương, làm cho thực lực Bác Ái có suy yếu. Công tác xây dựng lực lượng vũ trang tuy được chú trọng, song phương hướng xây dựng các Ban chỉ huy xã đội, thậm chí là đối với lực lượng vũ trang tập trung của huyện chưa được cụ thể, trang bị còn thô sơ. Công tác phòng gian bảo mật chưa đảm bảo.

Những bài học thành công và thất bại trên là những kinh nghiệm vô

cùng quý báu để Đảng bộ và nhân dân Bắc Ái tiếp tục vững bước trong những năm đấu tranh chống Mỹ cứu nước tiếp theo.

CHƯƠNG II

XÂY DỰNG CĂN CỨ VỮNG MẠNH TOÀN DIỆN, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CÁC CHIẾN LƯỢC CHIẾN TRANH THÂM ĐỘC CỦA KẸ THÙ, GIẢI PHÓNG NINH THUẬN (1960-1975)

1. Xây dựng căn cứ địa vững mạnh, góp phần đánh bại cuộc “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ (12/1960-8/1965)

Ngày 20 tháng 12 năm 1960, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam ra đời, một sự kiện lịch sử trọng đại làm nức lòng nhân dân cả nước, trong đó có đồng bào Bắc Ái. Để xây dựng căn cứ Bắc Ái vững mạnh toàn diện theo chỉ thị của Tỉnh uỷ, cuối tháng 12 năm 1960, huyện Bắc Ái tiến hành tổ chức “Đại hội đoàn kết các dân tộc”, thành lập Mặt trận dân tộc tự trị từ Huyện, xã đến cấp thôn và các đoàn thể cách mạng, tạo khí thế phấn khởi, tin tưởng lan truyền khắp mọi nơi. Đây là ngày hội lớn của đồng bào các dân tộc, có ý nghĩa chính trị to lớn để tập hợp tất cả các tầng lớp quần chúng rộng rãi, không phân biệt thành phần, tôn giáo, đảng phái thành một khối thống nhất, đoàn kết, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ cùng bè lũ tay sai.

Đại hội đã bầu ra chính quyền tự trị do đồng chí Chamaléa Thị Lực làm Chủ tịch. Đại hội đem lại cho đồng bào các dân tộc trong huyện niềm tự hào, phấn khởi, tin tưởng vào sức mình có thể đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của địch. Sau đại hội, quân dân Bắc Ái phát động các phong trào cách mạng sôi nổi, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, bộ phòng canh gác, tiến lên đấu tranh vũ trang, đập tan “chiến lược chiến tranh đặc biệt” của kẻ thù.

Trước phong trào đồng khởi dâng lên như vũ bão của hàng triệu đồng bào miền Nam, cùng với sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam và phong trào tự trị ở các vùng miền núi làm cho chiến lược “chiến tranh một phía” của đế quốc Mỹ phá sản. Để cứu vãn chế độ thực dân kiểu mới của Mỹ ở miền Nam đang đứng trước nguy cơ sụp đổ, đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm chuyển từ quốc sách “Tố cộng, diệt cộng” sang chiến lược “chiến tranh đặc biệt” theo công thức: “Trang bị vũ khí và cô vãn quân sự Mỹ+Quân Ngụy” để tiêu diệt cách mạng miền Nam¹⁴ Đây là một bộ phận quan trọng của chiến lược “phản ứng linh hoạt” trong chiến lược toàn cầu phản cách mạng mà đế quốc Mỹ áp dụng vào miền Nam nước ta. Đó là một thứ chiến tranh “dùng

14 Sách đã dẫn trang 107, Lịch sử Bộ đội đặc công quân khu V: 1952-1975; Nhà xuất bản quân đội nhân dân.

người Việt đánh người Việt”. Dùng lực lượng nguy quân làm lực lượng chiến lược chủ yếu, Mỹ đóng vai trò chỉ đạo và yểm trợ về binh khí, kỹ thuật nhằm đánh bại lực lượng vũ trang cách mạng, bình định miền Nam trong vòng 18 tháng, phong toả biên giới, bí mật hoạt động ở miền Bắc theo kế hoạch Stalay-Taylor¹⁵.

Ở Ninh Thuận, bước vào “chiến tranh đặc biệt” đế quốc Mỹ huy động lực lượng tổ chức đánh phá, càn quét ở đồng bằng, vùng giáp ranh lẫn trên căn cứ. Các cuộc càn quét đều có sự yểm trợ của phi pháo, do cố vấn Mỹ chỉ đạo. Ngoài ra địch còn tổ chức bọn biệt kích luồn sâu vào căn cứ nắm tin, chỉ điểm nơi đóng quân của ta để phi pháo đánh phá dọn đường. Đầu năm 1961, chính quyền tay sai đẩy mạnh bắt lính, tăng quân, xây dựng đội quân Ngụy hùng mạnh, xây dựng đồn bót, công sự vững chắc...

Tháng 1 năm 1961, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp đánh giá tình hình miền Nam và khẳng định: Thời kỳ tạm ổn định của chế độ Mỹ - Diệm đã qua, thời kỳ khủng hoảng liên tiếp, suy sụp nghiêm trọng bắt đầu...; đồng thời Chỉ thị: Cách mạng miền Nam tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh chính trị, kết hợp với đấu tranh vũ trang; tiến công địch cả hai mặt chính trị và quân sự... Miền Bắc tích cực tăng cường cán bộ, tiếp tế phương tiện, vũ khí, tài chính và mở rộng giao thông liên lạc với miền Nam. Tháng 2 năm 1961, Trung ương cục cho sát nhập Liên tỉnh 3, 4 thành lập khu VI, giải thể Đảng uỷ B 50. Tiếp thu tinh thần chỉ đạo của trên, Khu uỷ khu VI đề ra nhiệm vụ làm chủ núi rừng, củng cố và xây dựng căn cứ địa cách mạng, giành lại đồng bằng, tiêu diệt sinh lực địch. Liên khu chỉ rõ: “Vùng căn cứ núi rừng đấu tranh vũ trang là chủ yếu, vùng đồng bằng kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang”.

Theo tinh thần chỉ đạo của Liên khu VI, huyện căn cứ Bác Ái được giao lại cho tỉnh Ninh Thuận quản lý. Bộ máy cán bộ cũng được kiện toàn lại, đồng chí Mai Xuân Thuồng chuyển về công tác tại Tỉnh uỷ Khánh Hoà, đồng chí Nguyễn Hoàng được giao nhiệm vụ về công tác ở Bác Ái. Để xây dựng huyện nhà theo tinh thần của Tỉnh uỷ “củng cố xây dựng căn cứ vững mạnh toàn diện, đáp ứng đầy đủ nhân tài vật lực cho chiến trường trong tình hình mới, kiên quyết đánh bại mọi cuộc càn quét của địch, bảo vệ an toàn căn cứ”. Ban Cán sự Bác Ái đề ra một số chủ trương sau:

15 Kế hoạch Stalay-Taylor với năm biện pháp lớn: 1/ xây dựng, phát triển mạnh quân Ngụy, đặc biệt là quân địa phương và quân đặc chủng theo hướng chống chiến tranh du kích của ta. 2/ Tập trung nỗ lực thực hiện chương trình bình định theo quốc sách “áp chiến lược”, kết hợp tác chiến diệt lực lượng vũ trang cách mạng, phá căn cứ. 3/ Phong toả biên giới, vùng biển, cắt mọi chi viện từ miền Bắc, đẩy mạnh chiến tranh phá hoại miền Bắc. 4/ Tiếp tục củng cố hệ thống Ngụy quyền các cấp đủ sức tiến hành chiến tranh dưới sự chỉ đạo của Mỹ. 5/ Triển khai mạng lưới cố vấn quân sự và lực lượng yểm trợ của Mỹ, gồm không quân, hải quân, pháo binh, thiết giáp, hậu cần... để nhanh chóng tăng khả năng tác chiến và cơ động cho Ngụy quân.

- Củng cố và mở rộng địa bàn hoạt động vùng căn cứ Bắc Ái lần xuống đồng bằng, giáp ranh. Xây dựng lực lượng dân quân, du kích, phát triển vũ khí thô sơ: Chông, thò, cạm bẫy, băng cung, bẫy đá; xây dựng tuyến bố phòng liên hoàn thôn, xã.

- Xây dựng và củng cố các tổ chức cơ sở đảng, chính quyền, mặt trận từ huyện đến xã, thôn vững mạnh toàn diện.

- Phát động toàn dân tham gia xây dựng lực lượng dân quân, du kích.

- Đẩy mạnh tăng gia sản xuất và chăn nuôi.

- Xây dựng nếp sống văn hoá; toàn huyện tích cực hưởng ứng phong trào 4 sạch; đẩy mạnh học tập văn hoá, sinh hoạt văn nghệ, từng bước bỏ những hủ tục mê tín dị đoan, thực hiện nếp sống mới vui tươi lành mạnh.

- Phát động quần chúng tiến hành cải cách dân chủ mới, chống áp bức, bóc lột của kẻ thù. Tranh thủ, cô lập tầng lớp trên, chống mê tín dị đoan.

Để nâng cao giác ngộ giai cấp, khắc phục những tư tưởng thành kiến, hẹp hòi, tự ty dân tộc và những tư tưởng lệch lạc làm ảnh hưởng đến khối đại đoàn kết dân tộc. Công tác xây dựng, chỉnh đốn đảng trên cả 3 mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức được đảng bộ chú trọng đặc biệt. Toàn Đảng bộ lúc này có gần 300 đảng viên, được tổ chức theo các chi bộ xã và các chi bộ lực lượng vũ trang. Trừ các cuộc họp bất thường, hàng quý chi bộ được tổ chức sinh hoạt một lần với hai nội dung lớn là “chiến đấu và sản xuất tự túc”. Trong các buổi sinh hoạt đảng còn kiểm điểm chương trình công tác, triển khai tinh thần chỉ đạo của trên, đồng thời đề ra kế hoạch lãnh các tổ chức đoàn thể, mặt trận, lực lượng vũ trang trên các lĩnh vực: xây dựng tổ chức, lực lượng; phát triển các phong trào bỏ phòng đánh địch; phong trào sản xuất. Cán bộ, đảng viên trong đảng bộ đều được rèn luyện, trưởng thành từ trong thực tiễn đấu tranh gian khổ, dạn dày kinh nghiệm. Phần lớn chi bộ đạt loại khá, không còn chi bộ yếu. Nhiều cán bộ, đảng viên là người địa phương có đủ phẩm chất, năng lực công tác được rút bổ sung về huyện ủy và các cấp ủy xã. Các tổ chức đoàn thể, hội quần chúng kết nạp được nhiều đoàn viên, hội viên mới. Bộ máy ủy ban tự quản, mặt trận, đoàn, hội, đội được củng cố, kiện toàn và hoạt động theo phương châm: Chiến đấu-sản xuất, sản xuất-chiến đấu. Kinh nghiệm vận động quần chúng đấu tranh, xây dựng lực lượng và bảo vệ căn cứ ngày càng dày dặn, trưởng thành, đủ sức lãnh đạo quần chúng đánh trả các cuộc càn quét của địch với qui mô vừa và nhỏ.

Tháng 3 năm 1963, Đảng bộ huyện tổ chức Hội nghị kiểm điểm và đề ra chỉ tiêu kế hoạch kinh tế, văn hóa, xã hội và xây dựng lực lượng vũ trang. Đồng thời tiến hành “cải cách một bước về dân chủ” ở các thôn, xã nhằm xóa bỏ những đặc quyền đặc lợi của Đầu Lớn kinh tế; thực hiện quyền bình đẳng giữa nam nữ, giữa các dân tộc trong huyện; thực hiện nếp sống mới. Tham dự Hội nghị có 69 đại biểu là cán bộ chủ chốt trong Ban cán sự huyện và đại diện các chi bộ trực thuộc trong toàn Đảng bộ. Sau Hội nghị, Đảng bộ huyện tổ chức

quán triệt tinh thần Hội nghị cho trên 2000 đồng bào nông cốt, đồng thời chỉ đạo các cốt cán bám cơ sở tuyên truyền rộng rãi đến toàn thể đồng bào trong huyện.

Triển khai nhiệm vụ cải cách một bước về dân chủ. Huyện tổ chức phân chia lại ruộng đất phù hợp với lực lượng sản xuất và tính chất của cuộc kháng chiến. Vận động nhân dân thực hiện quyền bình đẳng giữa nam và nữ, bình đẳng giữa đồng bào các dân tộc trên tinh thần tương trợ, tương thân, tương ái. Đẩy mạnh phong trào xóa hủ tục lạc hậu, xây dựng nếp sống mới. Mục đích của cuộc cải cách đã đáp ứng nguyện vọng của nhân dân, nên khi vừa phát động, đồng bào Bắc Ái rất hăng hái hưởng ứng. Hàng chục đầu lớn kinh tế phản động bị nhân dân tố giác, xét xử; thu hồi hàng trăm quả đồi núi, hàng ngàn héc ta đất, hàng chục ngàn mét sông trao trả cho nhân dân. Trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng cùng với việc giáo dục của cán bộ và sự khoan hồng của Đảng, nhiều đầu lớn kinh tế đã giác ngộ và tự nguyện giao trả đất, về sau còn tham gia bố phòng, đi dân công, tích cực tham gia hoạt động cách mạng. Trước đây, dù sống trong xã hội có chế độ mẫu hệ nhưng đồng bào quan niệm người phụ nữ không được đi xa nơi chôn nhau cắt rốn và luôn phải gánh vác trách nhiệm là trụ cột trong gia đình, những ràng buộc ấy đã đè nặng lên vai người phụ nữ nhiều bất công. Nay được Đảng giáo dục “mọi công dân đều có quyền bình đẳng ngang nhau”, đồng bào vô cùng phấn khởi, hăng hái tham gia cách mạng trên mọi lĩnh vực. Từ đây, nhiều phụ nữ Bắc Ái có thể mạnh dạn thoát ly gia đình tham gia cách mạng.

Nằm trong vùng trọng điểm đánh phá của địch, thể ăn ở của đồng bào trong huyện không ổn định, việc sản xuất gặp rất nhiều khó khăn làm cho cuộc sống đồng bào luôn đối mặt với đói, đau, lụt, rách... Để khắc phục những khó khăn trên, toàn huyện phát động phong trào thi đua sản xuất, các tổ vắn đôi công được thành lập rộng khắp, hoạt động sôi nổi, liên tục với khẩu hiệu “tay cày tay ná”, “làm rẫy to ăn no đánh Mỹ”. Khi địch đến, đồng bào rút vào các tuyến bố phòng, sẵn sàng nghe hiệu lệnh tác chiến đánh địch. Địch rút, đồng bào lại rộn ràng lời ca tiếng hát, bắt tay vào cuộc, phát, chọc lỗ, tía hạt. Trong năm 1963, toàn huyện gieo trồng 4.114 thùng bắp, lúa các loại và hàng triệu gốc mỳ. Trồng mỳ lúc này được xem là chiến lược, bắp lúa là quan trọng. Nhờ vậy, ngoài việc chủ động được nguồn lương thực, ủng hộ kháng chiến, trong thời gian này đồng bào còn tham gia chia sẻ đói nghèo cho đồng bào các huyện bạn Thuận Bắc và huyện Khánh Sơn-Khánh Hòa.

Đến giữa năm 1963, nhân kỷ niệm 2 năm Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam ra đời, để lập thành tích chào mừng, huyện tổ chức mít tinh, tiến tới tổ chức Đại hội Mặt trận dân tộc toàn Huyện lần thứ 3; Đại hội du kích chiến tranh; Đại hội chiến sĩ thi đua... Qua các hoạt động mít tinh, chào mừng Đại hội đã cổ vũ, động viên cán bộ, chiến sĩ và nhân dân tích cực tham gia các phong trào do Đảng, nhà nước phát động, quyết tâm xây dựng huyện căn cứ vững mạnh toàn diện, đủ sức đánh bại âm mưu xâm lược của kẻ thù. Khí thế cách

mạng của quần chúng trong toàn huyện sôi nổi, rộng khắp.

Trong phong trào diệt ác trừ gian, làm trong sạch nội bộ thu được nhiều thắng lợi. Trên đà thắng lợi của mặt trận bố phòng chống địch càn, đồng bào tích cực theo dõi, tố giác Đầu Lớn phản động; phối hợp với lực lượng vũ trang tổ chức tiêu diệt bọn gián điệp ẩn nấp trong căn cứ. Qua đợt phát động, ta đã tiêu diệt 12 tên, quản chế 30 tên và giáo dục 41 tên khác, trong đó có những tên đầu sỏ vô cùng nguy hiểm như tên Ní, Ngẫu ở Phước Trung; tên An, tên Ngói, tên Hoàng ở Phước Kháng; tên Vui, tên Tú ở Phước Nghĩa. Các tên gián điệp này được địch tổ chức cắm sâu vào căn cứ dưới cái mác là con buôn đi nung, có tên được địch cấy vào hàng ngũ cách mạng từ hồi ta phá khu tập trung đưa dân về núi. Nhờ bọn tay sai phản động này chỉ điểm, địch đã tổ chức biệt kích cùng với phi pháo oanh kích, đánh phá vào căn cứ, gây không ít tổn thất cho phong trào. Ta còn chú trọng xây dựng lực lượng an ninh nhân dân trong từng tổ vận động công, từng mé núi, thôn, xã; ý thức cảnh giác cách mạng được nâng lên một bước. Tình hình an ninh trật tự trên toàn huyện được giữ vững.

Thế trận an ninh nhân dân, quốc phòng toàn dân được củng cố, xây dựng chặt chẽ. Lực lượng vũ trang được xây dựng theo hướng tinh nhuệ, đông về quân số, mạnh về chất lượng, đủ sức chống lại các đợt càn quét của địch. Công tác huấn luyện lực lượng vũ trang chính quy, bán vũ trang được tiến hành thường xuyên với chương trình từ 01 đến 03 tháng, do quân khu V phụ trách. Nội dung huấn luyện phù hợp với các cấp tiểu đội, trung đội, đại đội và các tổ đội dân quân, du kích địa phương như: Phương án phối hợp tác chiến giữa các đơn vị chủ lực; phương pháp xây dựng thế trận bố phòng; vận động nhân dân xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân. Ngoài ra, các lớp học tập chính trị được tổ chức thường xuyên tại các đơn vị. Để xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, thanh niên được xem là nòng cốt. Trong thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân thì lực lượng được huy động là quần chúng rộng rãi, không phân biệt độ tuổi, nam nữ, tầng lớp. Lực lượng vũ trang huyện phát triển toàn diện: Dân quân rộng rãi; du kích thôn; du kích xã; du kích thoát ly. Đặc biệt, đến năm 1963, huyện Bác Ái xây dựng được Ban chỉ huy huyện đội, 16 ban chỉ huy xã đội và trên 40 thôn có Ban chỉ huy thôn đội¹⁶, trực tiếp lãnh đạo nhân dân xây dựng phong trào chiến tranh du kích trên toàn huyện.

Trước sự lớn mạnh của các phong trào trong huyện, quân địch tăng cường tổ chức càn quét kết hợp hoạt động gián điệp, biệt kích, phi pháo yểm trợ hòng đè bẹp ý chí của quân dân ta. Tính trong giai đoạn từ năm 1961 đến năm 1963, địch tổ chức 13 cuộc càn quét với qui mô lớn có phi pháo yểm trợ, 20 lần đánh phá vào căn cứ với lực lượng từ 100 đến 400 quân, có khi lên đến cả 1000 tên, có sự chỉ huy của cố vấn quân sự Mỹ; thời gian mỗi lần đánh phá kéo dài từ 2 đến 5 ngày. Quân dân Bác Ái tiếp tục đoàn kết, mưu trí, anh dũng đấu tranh và

16 Thành tựu 40 năm của dân tộc Raglai.

lần lượt đập tan các cuộc hành quân càn quét của địch, giữ vững căn cứ, phát triển phong trào.

Ngày 10 tháng 8 năm 1961 địch sử dụng một đại đội lính bảo an, lính cộng hoà kết hợp với lực lượng dân vệ, càn vào xã Phước Bình theo lối bẻ cò chỉ đường của gián điệp. Được du kích báo tin, đồng chí Pinăng Tắc đã cùng du kích xã Phước Bình xây dựng thế trận bao vây tiêu diệt địch trên đèo Gia Túc. Gần 30 bẫy đá được cài cắm trên đỉnh đèo, dưới chân đèo là con đường mòn nhỏ hẹp khúc khuỷu được mai phục bằng hầm chông có nắp đậy và chốt an toàn mang cung, xoa dừa, cây đập được bố trí xen kẽ trên những thân cây, dưới gốc cây, trong vách đá... thấp cao, to nhỏ đủ loại. Dưới cùng là dòng sông Cái đang mùa nước lớn chảy xiết, được bố trí cắm hàng vạn cọc tre, chông lá dày cả một khúc sông dài khoảng 500 đến 600 mét. Khoảng 10 giờ ngày 10 tháng 8 năm 1961, lũ giặc bám sát lưng nhau bước vào trận địa phục kích của ta. Theo hiệu lệnh của Pinăng Tắc, hàng trăm tấn đá từ đỉnh đèo trút ào ào xuống, hàng chục tên địch chết tại chỗ, số còn lại khiếp sợ hỗn loạn dầm đạp lên nhau tháo chạy, rơi xuống hầm chông, bị đá xô xuống giòng sông; xoa dừa, mang cung, cây đập từ các thân cây vách đá cùng lúc bật chốt đánh địch; cùng lúc ấy, du kích cùng tên nã tầm độc bốn bề bắn tia. Ba mươi phút kéo dài, chỉ nghe tiếng ào ào của đá lăn và tiếng gào thét của kẻ địch mà không một tiếng súng chống trả. Kết quả đã tiêu diệt gần một trăm tên địch. Trận đánh tại đèo Gia Túc gắn liền với tên tuổi anh hùng Pinăng Tắc đã đi vào lịch sử dân tộc như một như một mốc son chói lọi trong lịch sử đấu tranh chống Mỹ cứu nước của quân dân ta. Thắng lợi của trận đánh đã cổ vũ tinh thần, ý chí cho quân dân huyện nhà, gây hoang mang giao động sâu sắc trong lòng địch¹⁷.

Cuối tháng 8 năm 1961, địch lại sử dụng một trung đoàn đánh vào thôn Suối Khô thuộc xã Phước Chính. Địch mạnh tay thực hiện chính sách “tam quang”: Đốt sạch, giết sạch, phá sạch. Trước khi đổ bộ quân vào căn cứ, địch tổ chức phi pháo bắn phá mở đường, sau đó đổ bộ binh tổ chức tấn công ồ ạt vào căn cứ. Quân dân Phước Chính phát huy tinh thần đoàn kết, mưu trí và anh dũng chiến đấu của của quân dân Phước Bình, tổ chức thế trận mai phục, bao vây tiêu diệt địch. Hàng loạt tuyên bố phòng bằng bằng cung, hầm chông, bẫy đá kết hợp với súng đạn đã đồng loạt nổi dậy tiêu diệt hàng trăm tên địch. Tên nã, hầm chông, bẫy đá của quân dân Bác Ái là nỗi khiếp sợ đối với kẻ địch. Có tên thoát chết trở về khiếp sợ nói rằng: “Lần đó không phải chỉ nhân dân đánh chúng tôi mà cả cây rừng, bẫy đá, hầm chông đều đánh chúng tôi”. Sau thất bại này, địch tổ chức đóng đồn Ma Nai xã Phước Thành, quay lại sử dụng “quốc sách” “áp chiến lược”, quyết tâm dồn dân lập ấp, rào làng.

¹⁷ Sau đó địch lại tổ chức thêm ba đợt càn vào xã Phước Bình, nhưng đều thất bại; buộc địch phải từ bỏ âm mưu càn quân vào Phước Bình trong bốn năm liền.

Thế trận chiến tranh nhân dân được quân dân ta sử dụng trong cuộc chiến một mất một còn với địch đã thu được kết quả to lớn. Những trận thắng liên tiếp dồn giã trước kẻ thù hung ác đã cổ vũ tinh thần quân dân, xua tan đi tư tưởng “vũ khí thô sơ không thể đánh trả được vũ khí hiện đại của quân đội nhà nghề” mà địch từng đưa ra để hù dọa đồng bào. Những thành quả trên đã làm giãy lên phong trào xây dựng làng chiến đấu, thôn chiến đấu khắp nơi trong huyện. Từ năm 1961 đến năm 1965, toàn huyện Bắc Ái đã xây dựng được 22 thôn và 8 xã chiến đấu, liên tục đánh bại mọi cuộc càn quét, đánh phá gom dân lập ấp chiến lược của địch. Lực lượng của ta ngày càng phát triển, căn cứ càng được xây dựng vững chắc toàn diện. Để chống hoạt động gián điệp, diệt ác trừ gian, trong thời gian này ta đã vận động nhân dân đấu tranh phát hiện, tố giác mạng lưới tay sai, đập tan 19 vụ, bắt sống 77 tên gián điệp, thám báo được địch cấy sâu vào trong căn cứ, sống lẫn với đồng bào.

Cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ ngày càng trở nên quyết liệt, đòi hỏi phải tăng cường vai trò lãnh đạo của đảng và các tổ chức chính trị, xã hội. Xuất phát từ cầu trên, từ năm 1962 đến năm 1964 công tác xây dựng đảng, chính quyền, đoàn thể được huyện ủy đẩy mạnh. Mỗi xã trong huyện đều thành lập một chi bộ xã, mỗi chi bộ có ít nhất là 10 đảng viên, riêng chi bộ xã Phước Chiến có gần 50 đảng viên, trong đó hơn 1/3 là đảng viên nữ. Hầu hết các cán bộ, đảng viên đều trưởng thành từ trong thực tiễn đấu tranh gian khổ. Qua thực tiễn công tác, đa số các chi bộ đều vững mạnh cả 3 mặt tổ chức, chính trị, tư tưởng, đạt loại khá, không có chi bộ yếu kém. Thời gian này, nhiều cán bộ trẻ, có năng lực công tác và phẩm chất tốt được rút về bổ sung cho Huyện ủy và các cấp ủy xã. Các tổ chức chi bộ đảng, đoàn thể kết nạp được nhiều đảng viên, hội viên mới. Bộ máy Ủy ban tự quản, đoàn thể, hội, đội cấp xã được củng cố, hoạt động theo phương châm: Chiến đấu-sản xuất, sản xuất-chiến đấu. Kinh nghiệm lãnh đạo quần chúng đấu tranh, xây dựng và bảo vệ căn cứ ngày càng dày dặn, trưởng thành, đủ sức lãnh đạo quần chúng đánh trả các cuộc hành quân, càn quét của địch với qui mô vừa và nhỏ.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại chỗ là người địa phương đã góp phần tạo nên lực lượng nòng cốt hết sức quan trọng trong cuộc vận động nhân dân đoàn kết sản xuất và chiến đấu. Từ năm 1961 đến năm 1965, huyện đã cử đi đào tạo, bồi dưỡng một số cán bộ từ cấp huyện đến cấp xã, thôn trên các lĩnh vực quản lý xã hội, kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, quân sự... hầu hết các đồng chí là những người đã trải nghiệm công tác, từng gắn bó với quần chúng, có phẩm chất tốt, có năng lực thực hiện nhiệm vụ được đảng giao cho, được nhân dân tín nhiệm. Đến những năm cuối 1965, đầu năm 1966 có 03 đồng chí tỉnh ủy viên và hơn một nửa huyện ủy viên là những đồng chí cốt cán người dân tộc. Ở cấp xã, cán bộ người kinh đóng vai trò cố vấn, lãnh đạo chung còn việc vận động quần chúng tham gia các phong trào đều do cán bộ địa phương đảm trách.

Trong điều kiện cuộc kháng chiến còn gặp nhiều khó khăn, gian khổ nhưng Đảng vẫn quan tâm đến việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn cán bộ tại chỗ cho mai sau. Nhiều con em của đồng bào Bắc Ái được cử ra miền Bắc học tập, công tác. Nhiều đồng chí đã trở thành kỹ sư, bác sĩ... đóng góp công sức vào sự nghiệp xây dựng quê hương Bắc Ái sau này.

Bên cạnh những thành tựu trên, qua thực tiễn lãnh đạo quần chúng, Đảng bộ huyện còn bộc lộ một số hạn chế, khuyết điểm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm: về xây dựng thực lực còn hạn chế về trang bị, vũ khí, chủ yếu dựa vào vũ khí thô sơ. Lực lượng ba thứ quân tuy đã được tổ chức, xây dựng song khả năng phối hợp tác chiến còn hạn chế. Công tác bố phòng chống địch càn, xây dựng làng, xã chiến đấu còn nhiều sơ hở, chưa đảm bảo bí mật. Mối quan hệ hỗ trợ giữa vùng giải phóng và vùng địch tạm chiếm, tranh chấp không được duy trì tốt. Việc giải quyết nạn rách vải, lạt muối còn gặp nhiều khó khăn... trong khi đội ngũ cán bộ còn đang thiếu và yếu.

Để kịp thời lãnh đạo sát với phong trào quần chúng đang lên, tăng cường bám sát và xây dựng cơ sở vững mạnh thành các làng, xã chiến đấu. Cuối năm 1963, huyện Bắc Ái được chia thành hai huyện. Huyện Bắc Ái Tây do đồng chí Trần Viết Hằng (A Pui) làm Bí thư; đồng chí Chamaléa Chấn làm phó Bí thư cùng với các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 9 đồng chí: Hai Đèo, Ra La, Ha Ra, Năm Điếc, Pinăng Thị Tình, Kator Đen, Tám Thiệt, Xanh, Tài. Huyện Bắc Ái Tây bao gồm các xã Phước Thắng, Phước Thành, Phước Tân, Phước Tiến, Phước Hoà, Phước Bình, Phước Gia, Phước Măng, Phước Hà, Phước Hải, Phước Hùng, Phước Cường. Dân số toàn huyện khoảng 6 ngàn người, trong đó đảng viên khoảng 100 đồng chí sinh hoạt trong 5 chi, đảng bộ cơ sở. Huyện Bắc Ái Đông do đồng chí Võ Đình Ninh làm Bí thư Huyện uỷ, bao gồm các xã Phước Trung, Phước Thành, Phước Kháng, Phước Chiến, Phước Trường, Phước Kỳ, Phước Chính, Phước Nghĩa, Phước Sơn, Phước Lợi. Dân số trên 7 ngàn người. Trong đó số lượng đảng viên toàn huyện khoảng 265 đồng chí.

Sau khi chia tách huyện, Ban Thường vụ Bắc Ái Tây đề ra chủ trương: Tiếp tục phát huy chiến tranh du kích, phát động quần chúng tiến lên truy quét, tiêu diệt gián điệp, chỉ điểm và đầu lớn hoạt động hai mặt, mở rộng vùng giải phóng tiếp giáp với căn cứ Tuyên Đức (Lâm Đồng), Vĩnh Sơn, Vĩnh Khánh (Khánh Hòa) tạo thế liên hoàn vững chắc. Phát động nhân dân tăng gia sản xuất, tổ chức các đoàn dân công đi tải muối về căn cứ, nhanh chóng giải quyết nạn lạt muối, rách vải. Ở Bắc Ái Đông, Ban Thường vụ huyện uỷ chú trọng lãnh đạo lực lượng và quần chúng mở rộng địa bàn tiến xuống vùng giáp ranh; tấn công uy hiếp quân địch, hỗ trợ cho phong trào vùng đồng bằng. Từ khi thực hiện chủ trương chia chia tách thành hai huyện, sự chỉ đạo của huyện luôn sát với cơ sở, là điều kiện để các phong trào trong nhân dân phát triển mạnh mẽ. Sau 4 tháng

hoạt động, đến đầu năm 1964 dân quân du kích toàn vùng căn cứ Bác Ái phối hợp với lực lượng vũ trang huyện tổ chức đánh 17 trận ở đồng bằng, tiêu diệt 41 tên, bắt sống 10 tên, diệt 2 tên ác ôn; bắt 15 tên tề điệp, phá 220 rào ấp chiến lược, vũ trang tuyên truyền cho 1.500 lượt người nghe, xây dựng được 3 tổ chức tự vệ mật, rải hàng chục ngàn tờ truyền đơn, khẩu hiệu, binh vận, cắm 5 lá cờ mặt trận ở sát trụ sở Quận của địch.

Tháng 2 năm 1964, Huyện uỷ Bác Ái Đông thành lập 2 đội vũ trang hoạt động vùng địch tạm chiếm ở ấp Bà Râu để vận động, tuyên truyền đồng bào nâng cao giác ngộ cách mạng, móc nối xây dựng cơ sở¹⁸. Đồng chí Tám Thiết được giao nhiệm vụ phụ trách chung, đồng chí Lu Ma phụ trách đội hoạt động từ vùng Bà Râu ra Suối Đá; đồng chí Thu phụ trách đội hoạt động từ vùng Trại Láng - Cà Rôm - Mỹ Thạnh. Qua một thời gian bám địa bàn làm nhiệm vụ, các đồng chí đã xây dựng được cơ sở trong ấp, phát động quần chúng nhân dân đấu tranh đòi quyền dân chủ, dân sinh. Đến tháng 4 năm 1964, địch đánh hơi được các hoạt động của mũi, tổ chức cài thám báo vào trong số dân ta tổ chức bung ra làm ăn để dò la tin tức, đề ra kế hoạch ám sát cán bộ, một mặt địch ngăn cấm không cho đồng bào ta đi làm ăn xa. Nhưng trong điều kiện thế và lực cách mạng ngày càng lớn mạnh, đội công tác đã lãnh đạo đồng bào đấu tranh hợp pháp đòi đi làm ăn xa, chống bắt lính. Đội công tác còn lãnh đạo nhân dân lợi dụng mâu thuẫn trong lòng địch gây hận thù tiêu diệt lẫn nhau. Như vụ anh em tự vệ ở Mỹ Hiệp đánh tên Mang Long mới được đưa về từ Cà Rôm, cuối cùng buộc hắn phải đổi đi nơi khác. Nhờ các đội công tác đặc biệt hoạt động tốt, mở rộng địa bàn xuống vùng giáp ranh và đồng bằng, móc ráp xây dựng được cơ sở ở những ấp dọc đường 11 nên phong trào cách mạng ở đây phát triển mạnh mẽ, tạo thế hoạt động liên hoàn giữa vùng căn cứ với vùng giáp ranh và đồng bằng. Qua cơ sở báo tin, ta biết trước được các hướng địch định tổ chức tấn công để đề ra các biện pháp đối phó kịp thời, ngăn chặn địch hiệu quả; tạo điều kiện giao lưu buôn bán hàng hoá giữa vùng căn cứ với đồng bằng.

Trên mặt trận phát triển kinh tế, ổn định cuộc sống, hỗ trợ cho hoạt động vũ trang đánh địch. Từ năm 1962 đến năm 1964, Ban Chấp hành đảng bộ huyện Bác Ái cùng với cấp uỷ các xã phát động phong trào toàn dân tăng gia sản xuất. Tuy sản xuất trong điều kiện chiến tranh tàn phá nhưng quân dân Bác Ái nêu cao tinh thần tự lực tự cường, vượt qua khó khăn gian khổ quyết tâm bám núi, bám rẫy tăng gia sản xuất. Thiếu giống thì huyện cử người xuống đồng bằng trao đổi, thiếu nông cụ thì xuống tháo gỡ đường rầy xe lửa tìm kiếp sắt thép đem về rèn dũa, chế tác nông cụ. Khi đã có giống và nông cụ, quân dân Bác Ái không quản ngày đêm bám rẫy sản xuất, thực hiện khẩu hiệu “tay cày tay ná”. Khi giặc lên càn thì cầm vũ khí đánh giặc, địch rút thì tổ chức sản xuất. Địch đánh ban ngày thì tổ chức sản xuất ban đêm, đồng bào quyết tâm không để thua thằng giặc.

18 Do tính chất hoạt động ở vùng địch tạm chiếm nên còn gọi là đội mũi công tác đặc biệt.

Năm 1963, Huyện Bác Ái Đông mở Hội nghị chuyên đề sản xuất và đề ra chỉ tiêu kế hoạch trong năm. Sau Hội nghị làm đẩy lên phong trào thi đua sản xuất rầm rộ trên vùng căn cứ, toàn huyện gieo trồng được 322 khân Bắp giống, 77 khân đậu¹⁹, 60 khân lúa và trồng được 143.113 bụi mì. Tổng sản lượng thu hoạch năm là 10.896 khân bắp, 658 khân lúa; còn chăn nuôi có 767 con trâu bò, 1279 con heo và 1879 con gà. Nhân dân đã bán được cho cách mạng 147 con heo và 987 con gà. Còn lương thực đã cung cấp cho đồng bào và các cơ quan đóng trên địa bàn huyện đủ ăn và hỗ trợ cho huyện bạn. Để có điều kiện giúp đỡ nhau trong sản xuất, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng, huyện đã thành lập được 161 tổ vận động công với 2071 lao động. Tiêu biểu như thôn Đầu Suối xã Phước Chiến được sự hướng dẫn của cán bộ, đồng bào tự nguyện tổ chức làm ăn tập thể theo kiểu hợp tác xã nông nghiệp, thành lập Ban quản trị, bầu tổ trưởng theo dõi sản xuất. Khi thu hoạch, nông sản được phân chia theo công lao động, trong đó ưu tiên cho những gia đình có người đi làm nhiệm vụ cách mạng. Trong phong trào sản xuất của huyện, đồng chí cảnh, phó Ban kinh tài của huyện là người có nhiều đóng góp công sức trong việc vận động nhân dân tham gia sản xuất và có nhiều sáng kiến cải tiến công cụ để tăng năng suất lao động. Trong phong trào thi đua sản xuất có tám gương chị Tranh ở Động Thông và anh Tư ở Rã là những xã viên luôn luôn hoàn thành chỉ tiêu được giao trong sản xuất và đi dân công phục vụ kháng chiến nhiều nhất.

Với sự cố gắng vượt bậc trong lao động sản xuất, quân dân Bác Ái đã tự túc được lương thực cho vùng căn cứ, đẩy lùi nạn đói. Nhưng vấn đề cấp bách đặt ra của huyện nhà là nạn rách vải, lạt muối. Ở huyện Bác Ái Tây, nhiều đứa trẻ lên mười vẫn chưa hề biết hạt muối. Đồng bào ăn tro tranh, ớt trái thay muối từ năm này qua năm khác. Để từng bước giải quyết lạt muối, huyện tổ chức lực lượng vũ trang mở con đường máu xuống biển Cà Ná để dân công gửi muối về căn cứ. Hạt muối đem về được trên căn cứ thấm đẫm bao mồ hôi, nước mắt, có lúc phải đổi bằng máu của bao đồng chí, đồng bào mình. Nhưng không đáp ứng đủ nhu cầu, nạn lạt muối vẫn diễn ra thường xuyên. Nhiều nơi, đồng bào tổ chức xuống lấy nước biển ở Cam Ranh về nấu thành muối để dùng như ở Phước Sơn, Phước Chiến. Thật cảm động biết bao khi đồng bào phải chịu cảnh lạt muối trầm trọng nhưng vẫn duy trì “Hũ muối Bác Hồ²⁰” để nhường cho cán bộ, bộ đội ăn đủ sức đánh giặc vì đơn giản một lẽ: Các con là người Kinh không quen lạt muối. Điều này đã nói lên tình cảm kính yêu, nhớ thương Bác Hồ, tình nghĩa thủy chung son sắt với Đảng của đồng bào Bác Ái trong những năm tháng khó khăn gian khổ này.

19 Khân là đơn vị đo lường của đồng bào trước đây, 1 khân bằng 1,5 kg.

20 Phong trào “Hũ muối Bác Hồ” được hình thành trên căn cứ Bác Ái từ trong kháng chiến chống Pháp. Đồng bào tự vận động nhau mỗi hộ gia đình dùng ống bương dự trữ muối để ủng hộ cho kháng chiến.

Để giải quyết nạn “rách vải”, một mặt Đảng bộ huyện ủy chỉ đạo các đội hoạt động công tác ở phía trước tìm mọi cách mua góp từng thước vải đem về phân phát cho đồng bào, chiến sĩ. Đồng thời huyện còn liên lạc với huyện bạn và đề nghị Ban kinh tài tỉnh tạo điều kiện giúp đỡ Bắc Ái. Với tinh thần tương trợ giúp đỡ nhau lúc khó khăn, huyện Thuận Bắc đã vận động cụ Gia Nghiệp và gia đình chị Năm Tuất lên hướng dẫn chị em kéo sợi dệt vải. Trải qua thời gian kiên trì chịu khó học hỏi, chị em ở thôn Đầu suối, Ma Nai do chị Thành phụ trách đã dệt được những thước vải đầu tiên. Tuy còn sần sùi, thô kệch nhưng mang nặng nghĩa tình đồng chí, đồng bào. Lượng vải làm ra không sao đáp ứng đủ nhu cầu của nhân dân, hơn nữa yêu cầu cách mạng đặt ra trăm công ngàn việc mà kẻ thù luôn tìm mọi cách đánh phá căn cứ. Vì vậy, kế hoạch trồng bông dệt vải không duy trì thường xuyên, đồng bào vẫn phải chịu cảnh thiếu, rách vải. Nhiều nơi, nam giới phải dùng vỏ cây để làm quần áo, còn được tấm vải nào thì để dành cho chị em dùng che thân tạm bợ. Khó khăn trên đã gây không ít khó khăn trong sinh hoạt, trong lao động sản xuất và phong trào đi dân công phục vụ kháng chiến của đồng bào²¹.

Trên mặt trận văn hóa, giáo dục từng bước nâng cao trình độ nhận thức và xây dựng đời sống văn hóa mới cho đồng bào. Đảng bộ huyện phát động phong trào toàn dân học chữ Cụ Hồ. Tin theo lời Đảng, đồng bào rủ nhau đi học chữ. Không chỉ thanh niên nam nữ đi học mà các cụ già 50-60 tuổi cũng đi học chữ cách mạng cho khôn người sáng dạ và cứng cái gan, vững cái bụng mà đánh Mỹ. Trong điều kiện chiến tranh ác liệt, dụng cụ học tập thiếu thốn. Nhưng với phương châm “ba tại chỗ”: Giáo viên tại chỗ, học viên tại chỗ, cơ sở vật chất tại chỗ, đồng bào đã phát huy tinh thần tự lực tự cường, khắc phục khó khăn thiếu thốn để phát triển phong trào. Vì vậy, hễ là người biết chữ đều có thể là giáo viên. Người biết nhiều chữ dạy cho người biết ít, người biết ít dạy cho người chưa biết chữ nào. Chương trình học tập được đan xen giữa chữ Raglai và chữ Quốc ngữ. Không có giấy thì đồng bào dùng mo cau, vạt cây làm bảng, lấy củ mì phơi khô làm phấn. Không có dầu thì dùng dầu rái thấp sáng để học chữ. Với tinh thần ham học, cần cù chịu khó của đồng bào kết hợp với lòng nhiệt tình của đội ngũ giáo viên không chuyên do huyện cử ra để dạy chữ cho đồng bào, phong trào học chữ đã thu hút được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia. Ở Bắc Ái Đông tổ chức được 30 lớp học ở 22 thôn, với số học sinh tham gia là 758 người. **Những xã duy trì được phong trào khá có xã Phước Chính, Phước Nghĩa và Phước Chiến.** Còn ở Bắc Ái Tây tổ chức được 12 lớp học phổ thông và 25 lớp bình dân học vụ với 1.046 người tham dự. Ngoài ra huyện còn mở lớp đào tạo giáo viên cho xã, thôn với 30 học viên tham gia học tập. Để từng bước nâng cao trình độ cho cán bộ và con em đồng bào dân tộc, năm 1963 tỉnh điều giáo viên

21 Do thiếu vải, ăn mặc tạm bợ nên chị em mặc cỡ không dám đi dân công cùng nam giới. Chị em lập các đoàn dân công dành riêng cho phụ nữ.

về mở lớp bồi dưỡng văn hoá ở xã Phước Thành do đồng chí Lê Văn Tiên làm hiệu trưởng, năm 1965 trường chuyển lên Bắc Ái Tây gọi là trường Tương Lai của 2 tỉnh. Vượt qua muôn vàn khó khăn thiếu thốn cơ sở vật chất và luôn bị địch đánh phá, nhưng phong trào học chữ của đồng bào Bắc Ái Đông – Tây vẫn phát triển mạnh. Được Ban giáo dục tỉnh tặng 2 bằng khen về thành tích giáo dục.

Cùng với phong trào học chữ, phong trào văn nghệ quần chúng phát triển rầm rộ, xua tan sự tàn khốc của chiến tranh, tạo nên không khí vui tươi trên vùng căn cứ Bắc Ái. Đến năm 1963, hầu hết các xã thành lập được đội văn nghệ với các tiết mục tự biên tự diễn được đồng bào quần chúng tham gia. Tiếng hát, tiếng Mĩ la đêm đêm cất lên rộn ràng sau một ngày lao động mệt nhọc hay sau một trận chống càn giành thắng lợi. Tiếng hát hoà vào âm thanh của núi rừng như lời thề son sắt của đồng bào quyết tâm đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của kẻ thù. Tiêu biểu nhất là đội văn nghệ của xã Phước Chiến do đồng chí Chamaléa Liệu phụ trách đã tổ chức biểu diễn nhiều nơi trong huyện nhân dịp các ngày lễ hội của dân tộc. Trong phong trào học chữ, đồng bào biết ơn công lao đóng góp của đồng chí Mai Xuân Thương, đồng chí Nguyễn Hoàng và đồng chí Chamaléa Liệu đã nghiên cứu ra bộ chữ Raglai; trong phong trào văn nghệ, đồng chí Tô Văn, một cán bộ đi tập kết ở miền Bắc đã mang về căn cứ nhiều bài hát, điệu múa truyền lại cho các cháu thiếu nhi. Không thể không nhắc tới những cán bộ, chiến sĩ người kinh đã tranh thủ những lúc rảnh rỗi kiên trì chỉ dẫn cho các anh các chị và các em học chữ²².

Công tác vệ sinh phòng chống dịch bệnh, chăm lo bảo vệ sức khoẻ cho đồng bào, cán bộ, chiến sĩ được tiến hành đều khắp trên vùng căn cứ. Ta phát động phong trào toàn dân thực hiện 4 sạch: ăn sạch, ở sạch, uống chín và thân thể sạch. Mỗi xã đều thành lập đội vệ sinh làm nhiệm vụ vận động đồng bào uống thuốc khi đau bệnh, không nên tin lời thầy cúng bùa đầu; hướng dẫn đồng bào ăn ở hợp vệ sinh, làm chuồng chăn nuôi gia súc gia cầm xa khu người. Thuyết phục đồng bào hạn chế các tập tục mê tín dị đoan. Xây dựng trạm xá và thành lập hai cơ sở sản xuất thuốc nam bằng nguồn dược liệu sẵn có trong rừng. Cơ sở sản xuất thuốc nam do lương y Lê Văn Tôn phụ trách đã sản xuất ra nhiều loại thuốc có giá trị chữa bệnh cho đồng bào, góp phần sơ cứu, chữa thương cho cán bộ, chiến sĩ trong chiến đấu. Đây là một thành tích to lớn của quân dân Bắc Ái, góp phần giải quyết nhu cầu về thuốc chữa bệnh cho đồng bào, chiến sĩ; đảm bảo sức khỏe để quân dân sản xuất và trường kỳ kháng chiến.

Để đáp ứng vũ khí, quân trang quân dụng cho tuyến trước hoạt động, toàn căn cứ phát động phong trào đi dân công phục vụ kháng chiến. Từ những năm 1961 trở đi, giác ngộ được vai trò của mình trong sự nghiệp đấu tranh chống đế quốc Mỹ cùng bè lũ tay sai, đồng bào đã mạnh dạn thoát ly khỏi gia đình tham

22 Theo các nhân chứng lịch sử, phong trào học tập và văn nghệ ở Bắc Ái trong kháng chiến rất sôi nổi.

gia vào công tác dân công phục vụ kháng chiến, trong đó phải kể đến đầu tiên là có nhiều chị em phụ nữ Raglai cùng hàng trăm nhân dân đã thay phiên nhau đi tải đạn, vận chuyển lương thực, đi lấy muối đưa vào chiến trường. Từng đoàn người nối đuôi nhau vượt qua bao núi cao vực thẳm, đội mưa bom bão đạn và sự truy quét của kẻ thù trong sự đói rét, bệnh tật. Nhiều đồng chí đã anh dũng hy sinh khi đang gửi đạn, tải lương trên lưng. Nhưng đoàn quân vẫn không nao núng, không chùn bước trước khó khăn nguy hiểm để tiếp tế kịp thời cho tuyến trước. Thật cảm động khi vì hoàn cảnh khó khăn, “rách vải” quần áo rách nhiều nên chị em Bác Ái đã tổ chức lập đoàn dân công đi riêng, không dám đi cùng với nam giới được vì mắc cỡ. Hy sinh và chịu đựng là truyền thống vốn có của chị em phụ nữ Raglai trong cuộc kháng chiến thần thánh chống Mỹ cứu nước, vai trò chị em phụ nữ rất lớn, xứng đáng với danh hiệu mà Đảng và Nhà nước trao tặng cho phụ nữ Việt nam “Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang”. Không chỉ hoạt động trong huyện, trong tỉnh, đoàn dân công của huyện nhà còn đi phục vụ tận Gia Lai, Kon Tum, Đồng Nai, Phước Long... Nhiều chị em còn tham gia vào đơn vị vận chuyển H50, một đơn vị hoạt động có tiếng trong chiến trường khu VI nói riêng và toàn miền Nam nói chung.

Công tác bố phòng canh gác chống địch càn quét được thực hiện ngay sau khi phá khu tập trung đưa dân về núi, nhưng thực sự trở thành phong trào sâu rộng trên phạm vi toàn huyện từ cuối năm 1960. Trong quá trình hoạt động, Huyện uỷ Bác Ái tổ chức nhiều Hội nghị tập huấn công tác bố phòng cho cán bộ và đồng bào, chiến sĩ. Đồng bào sôi nổi bàn kế hoạch xây dựng tuyến bố phòng. Lực lượng trẻ khoẻ thì vào rừng chặt cây, đi cắm chông cài bẫy chông, chị em phụ nữ và người lớn thì ở nhà vót chông làm băng cung, hái lá cây nấu thuốc độc... Trận địa bố phòng được xây dựng theo thế liên xã, liên vùng, tổ chức tuần tra canh gác thường xuyên liên tục, kịp thời báo động cho lực lượng bên trong khi địch lên càn quét, để có kế hoạch đánh trả. Trên vùng căn cứ, ta đã xây dựng được 3 tuyến ranh hào, chiều ngang từ 50 đến 200 mét, chiều dài mỗi tuyến bố phòng từ 5 đến 7 km. Ngoài ra ta còn xây dựng tuyến bố phòng dài nối liền với căn cứ Anh Dũng (Ninh Sơn) làm vành đai phòng thủ vững chắc từ xa. Trên từng tuyến ta cho xây dựng các trạm gác, mỗi trạm cách nhau từ 250 đến 300 mét. Từ năm 1962 đến năm 1964, toàn huyện đã tổ chức đánh địch 110 trận, diệt gần 400 tên, trong đó trên các tuyến bố phòng không có du kích đánh địch, quân địch bị tiêu diệt đến 128 tên do vướng cạm bẫy. Riêng du kích xã Phước Bình, dưới sự chỉ đạo của đồng chí Pinăng Tắc, chỉ trong vòng hơn nửa tháng đã tổ chức đánh địch đến 4 trận liên tiếp bằng hệ thống băng cung, hàm chông, bẫy đá, tên ná có tẩm thuốc độc... tiêu diệt trên 200 tên địch, tiêu biểu nhất là trận tiêu diệt một đại đội địch vào tháng 8 năm 1961 tại đèo Gia Túc, địch phải huy động hai chiếc trực thăng chở xác suốt một ngày. Tham gia phong trào bố phòng chống địch, đồng bào Bác Ái đã đóng góp 10.000 ngày công, vót được 10.803.376 cây chông các loại, làm được 10.901 hàm chông trong đó bàn chông

sắt có 454 cái, sản xuất được 7.252 mang cung, 961 bẫy đá và tạo được 1.472 chiếc ná tự động... Qua số liệu trên cho thấy, công lao đóng góp của đồng bào Bắc Ái rất lớn trong việc xây dựng, bảo vệ an toàn căn cứ, chống trả mọi cuộc càn quét của địch.

Suốt quá trình vừa chiến đấu vừa củng cố xây dựng tổ chức. Các tổ chức đảng, đoàn thể quần chúng phát triển rộng khắp, đội ngũ cán bộ đảng viên người dân tộc thiểu số trưởng thành nhanh chóng, sức chiến đấu và trình độ công tác nâng lên qua từng chiến dịch, từng trận đánh. Để nâng cao sức chiến đấu của Đảng và các tổ chức đoàn thể quần chúng ở cơ sở, thời kỳ này huyện ủy tăng cường một số cán bộ trẻ, có lập trường vững vàng và năng lực công tác về cơ sở xây dựng phong trào, nhờ đó các đoàn thể: Phụ nữ, thanh niên, Ủy ban mặt trận tự quản cấp xã, thôn hoạt động sôi nổi, hiệu quả.

Để nâng cao sức chiến đấu của bộ đội địa phương và dân quân du kích, từ năm 1961 đến năm 1962, huyện tổ chức một khung trường huấn luyện quân sự. Các lớp huấn luyện được tiến hành thường xuyên, với nội dung là học tập kỹ thuật chiến thuật đánh địch, cách thức sử dụng súng đạn và các loại vũ khí thô sơ, vận động nhân dân tham gia thế trận bố phòng đánh địch. Ngoài cán bộ chiến sĩ trong huyện, còn có cán bộ chiến sĩ các huyện căn cứ miền núi của tỉnh bạn như: Khánh Sơn, Khánh Vĩnh (Khánh Hòa) và huyện Anh Dũng (Ninh Sơn) tham gia học tập. Cùng với huấn luyện kỹ thuật chiến đấu, ta còn tổ chức học tập chính trị - văn hoá. Trước sự trưởng thành của lực lượng vũ trang huyện nhà, tháng 8 năm 1963 Đảng bộ huyện thành lập Ban chỉ huy huyện đội Bắc Ái²³. Đồng chí Công được giao nhiệm vụ làm huyện đội trưởng. Ban chỉ huy huyện đội là cơ quan trực tiếp lãnh đạo và tổ chức phong trào du kích chiến tranh trong toàn huyện. Ở cấp xã, cuối năm 1962 thành lập 4 ban chỉ huy xã đội: Phước Chiến, Phước Kháng, Phước Thắng, Phước Thành và đến đầu năm 1964 toàn huyện có 8 Ban chỉ huy cấp xã và 22 Ban chỉ huy cấp thôn. Lực lượng du kích toàn huyện có 1.095 đồng chí, trong đó nữ du kích có 352 đồng chí. Vừa chiến đấu, vừa củng cố xây dựng lực lượng, quân dân Bắc Ái ngày một trưởng thành, luôn dành được thế chủ động trên chiến trường trước kẻ địch. Cuối năm 1964, Huyện ủy Bắc Ái tổ chức Đại hội Công-Nông-Binh tại xã Phước Nghĩa. Đại hội rút kinh nghiệm công tác vận động quần chúng, xây dựng lực lượng; kinh nghiệm về xây dựng căn cứ vững mạnh toàn diện và biểu dương thành tích cho các tập thể, cá nhân điển hình, qua đó chuẩn bị tinh thần và lực lượng cho giai đoạn đấu tranh tiếp theo. Toàn huyện có 59 đồng chí được khen tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua, trong đó xã đội có 14 đồng chí; thôn đội có 26 đồng chí và du kích có 19 đồng chí. Tiêu biểu nhất có đồng chí Pinăng Tắc đã lãnh đạo đồng bào xã Phước Bình hoàn thành xuất sắc hai nhiệm vụ: chiến đấu và sản xuất. Phước Bình từ một xã yếu kém trở thành xã khá toàn diện, dẫn đầu trong các

23 Từ đây, LLVT trang huyện được tổ chức đầy đủ thành phần như Ban chỉ huy huyện đội.

phong trào đấu tranh vũ trang, sản xuất và đi dân công phục vụ kháng chiến. Trong những năm 1961- 1962, lực lượng cách mạng của Khánh Hoà, Tuyên Đức (Lâm Đồng) đều dựa vào nguồn lương thực tiếp tế của xã Phước Bình do đồng chí phụ trách. Với công lao đó, đồng chí được tặng thưởng 3 huân chương chiến sĩ giải phóng. Ngày 5 tháng 5 năm 1965, đồng chí được Ủy ban mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam, chính phủ cách mạng lâm thời cộng hoà miền Nam Việt Nam tặng thưởng Huân chương quân công giải phóng hạng nhì và tuyên dương danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng”.

Cuối năm 1965, kế hoạch bình định miền Nam trong vòng 18 tháng của của đế quốc Mỹ bị thất bại hoàn toàn. Để kịp thời củng cố lại nguy quân, nguy quyền đang bị lung lay và giành lại thế chủ động trên chiến trường. Đế quốc Mỹ ồ ạt cho binh lính Mỹ cùng quân chư hầu cùng các loại vũ khí tối tân, hiện đại nhất vào chiến trường miền Nam nước ta. Tháng 12 năm 1965, địch tiến hành xây dựng sân bay quân sự Thành Sơn, án ngữ phía trước mặt căn cứ Bắc Ái, với quyết tâm huỷ diệt căn cứ bằng hỏa lực.

Đế quốc Mỹ đưa quân viễn chinh ồ ạt vào miền Nam đã chứng tỏ Mỹ - Ngụy đang bị suy yếu. Phong trào cách mạng miền Nam nói chung và huyện Bắc Ái nói riêng trải qua năm tháng kiên trì đấu tranh gian khổ từng bước củng cố và ngày càng được phát triển vững mạnh; đặc biệt là từ khi có nghị quyết 15 của Trung ương Đảng soi đường chỉ lối. Quân dân huyện Bắc Ái nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng của Đảng, tranh thủ thời cơ xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang, tiến lên đồng khởi giải phóng quê hương; góp phần làm thất bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ, tạo thế và lực mới cho giai đoạn cách mạng tiếp theo.

2/ Xây dựng căn cứ vững mạnh, tiến ra phía trước phối hợp với quân dân trong tỉnh và toàn Miền đánh bại “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ (8.1965 - 1.1968)

Cuối năm 1964, chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ tiến hành chống lại phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam đã phát triển đến đỉnh điểm và đứng trước nguy cơ thất bại hoàn toàn. Để cứu vãn tình thế, đầu năm 1965, Mỹ ồ ạt đưa quân viễn chinh²⁴ cùng với vũ khí, phương tiện chiến tranh vào miền Nam, đẩy mạnh cuộc chiến tranh xâm lược, chuyển sang chiến lược “chiến tranh cục bộ” ở miền Nam và mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc. Đây là loại hình chiến tranh xâm lược kiểu thực dân mới của đế quốc Mỹ thực hành tại miền Nam nước ta, nhằm thực hiện âm mưu:

²⁴ Cuối năm 1965, lính Mỹ có mặt ở miền Nam đến 180.000 tên và 20.000 lính các nước thân Mỹ. Đó là chưa kể đến 70.000 lính hải quân và không quân trên các căn cứ của Mỹ ở Guam, Philippin, Thái Lan, và hạm đội 7 luôn sẵn sàng chiến đấu.

- Nhanh chóng tạo ra ưu thế về binh lực và hỏa lực có thể áp đảo được chủ lực của ta bằng chiến lược quân sự mới “tìm diệt”, cố giành lại thế chủ động trên chiến trường, tiến lên đánh sâu vào vùng căn cứ, mật khu của ta, đẩy lực lượng vũ trang của ta trở về phòng ngự, phân tán đánh nhỏ hoặc rút về biên giới, làm cho chiến tranh cách mạng tàn lụi dần.

- Ra sức ngăn chặn hành lang biên giới và đường biển của ta; mở rộng và củng cố hậu phương của chúng; thành lập đội quân “bình định” kết hợp hoạt động càn quét với các hoạt động chính trị và xã hội lừa bịp; tung tiền đồ của nhiều hơn nữa hồng thực hiện cho kỳ được “mặt trận thứ hai - giành dân”, bắt nhân dân ta trở lại ách cai trị tàn bạo của Mỹ - Ngụy.

Dựa vào ưu thế quân sự với đội quân đông, vũ khí hiện đại, hỏa lực mạnh, cơ động nhanh nên Mỹ vừa mới đưa vào miền Nam đã cho quân viễn chinh mở ngay các cuộc hành quân “tìm diệt” tiến công vào vùng “đất thánh Việt cộng”²⁵.

Ngày 24 tháng 7 năm 1965, Mỹ đưa 900 quân lính kỹ thuật và lính chiến đấu thuộc sư đoàn tia chớp nhiệt đới vào Ninh Thuận. Đầu tháng 12 năm 1965 chúng đưa 800 tên lính thuộc lữ đoàn 101 dù làm nhiệm vụ xây dựng sân bay Thành Sơn nằm dưới chân căn cứ Bác Ái, hướng bay đúng vào xã Phước Trung và Phước Kháng; thiết lập hệ thống ống dẫn dầu từ cảng hậu cần Ninh Chữ về sân bay và một số vị trí trọng yếu khác. Đầu năm 1966, địch đưa tiếp E 44, E 73 thuộc sư đoàn Bạch Mã lính Nam Triều Tiên xây dựng vành đai bảo vệ sân bay, hệ thống đồn bốt và trận địa pháo dọc trục lộ 27 A, hình thành thế bao vây, cô lập căn cứ và phòng thủ để bảo vệ hậu cứ của chúng. Để thực hiện âm mưu biến Bác Ái thành vùng trắng, địch không ngừng đánh phá Bác Ái bằng mọi biện pháp, mọi thủ đoạn.

Sau khi cơ bản xây dựng hệ thống phòng thủ, tấn công, địch tổ chức đánh phá vào Bác Ái ác liệt. Từ bộ binh càn quét dưới mặt đất đến phi pháo yểm trợ từ xa kết hợp với trực thăng vận quân đồ để “tìm diệt”. Ác liệt nhất là vào những tháng đầu năm 1966, địch dùng dội mưa bom bão đạn xuống Bác Ái, có tháng chúng càn quét kết hợp với bắn suốt cả 30 ngày đêm. Có lần chúng dùng đến từ 20 đến 30 chiếc máy bay các loại oanh tạc; một số trận oanh tạc, địch huy động 20 chiếc máy bay phản lực đánh phá một mục tiêu trong vòng 7 giờ liền. Một trong những xã phải hứng chịu hậu quả nặng nề là xã Phước Chính và Phước Trung có vị trí nằm trong vành đai của địch, tiếp giáp với sân Bay Thành Sơn²⁶. Ngoài việc oanh kích trực tiếp bằng trực thăng, địch còn sử dụng các cụm pháo ở Ba Ngòi, Du Long, Trại cá, K'ông Pha, Thành Sơn, Tân Mỹ... tới tập

25 Từ của bọn Mỹ và tay sai gọi vùng đất do cách mạng nắm giữ.

26 Chỉ tính trong vòng 4 tháng đầu năm 1967 địch đã tổ chức 12 đợt đánh phá vào xã Phước Trung; ở xã Phước Chính địch tổ chức đánh 90 đợt gồm 400 lần chiếc trong vòng 20 ngày đầu tháng 4 năm 1967 và bước vào 10 ngày đầu tháng 5 năm 1967 địch tổ chức đánh phá 96 lần với 800 lần chiếc tham gia.

bắn phá vào Bác Ái. Mức độ bắn phá và mật độ bom đạn của kẻ thù trút xuống vùng căn cứ Bác Ái rất tàn khốc²⁷. Núi rừng Bác Ái không ngày nào ngớt tiếng bom rơi, tiếng máy bay quần đảo, ngày đêm chìm trong khói lửa bịt bùng. Khủng khiếp nhất, địch còn dùng chất độc hoá học rải xuống vùng núi Bác Ái gây nên tội ác diệt chủng. Một giải núi rừng Bác Ái sau những tháng đánh phá của địch chỉ còn lại tro bụi đất đá ngổn ngang. Hàm chông, bẫy đá, ranh hào bị cày xới; làng mạc, hoa màu bị thiêu rụi tàn khốc. Qua hai năm 1966 – 1967 bị hạn hán mất mùa, nạn thiếu đói đe dọa, nạn lạt muối rách vải kéo dài cộng với sự đánh phá ác liệt của địch làm cho mọi hoạt động sinh hoạt hầu như bị đình đốn.

Trước sự bắn phá ác liệt của quân địch, đặc biệt bằng phi pháo, máy bay đã làm cho quần chúng đồng bào ta hoang mang giao động. Đồng bào trước đây đã từng đánh tan các cuộc hành quân dồn dân rào làng của địch bằng các loại vũ khí thô sơ, nhưng nay trước sự xuất hiện những cỗ máy diệt người tàn bạo của địch, nhiều đồng bào nghĩ rằng quân ta không thể đánh thắng được địch, không thể tiêu diệt được “chim én bạc²⁸” và tổ chức bỏ làng mạc lần tránh vào rừng sâu hang đá; thế ăn ở không ổn định, không khí sợ phi pháo hết sức căng thẳng, nặng nề, bao trùm cả Bác Ái. Đoàn thể hoạt động rời rạc, ngay cả trong một số cán bộ, đảng viên cũng hoang mang lo lắng “Mĩ dùng phi pháo đánh phá ác liệt như vậy bà con mình làm sao mà sống, làm sao mà ở”.

Cuối năm 1965 Tỉnh uỷ Ninh Thuận tổ chức Hội nghị cán bộ mở rộng tại huyện Anh Dũng (Ninh Sơn), phổ biến Nghị quyết của Trung ương cục miền Nam và Khu uỷ khu VI về đường lối, phương châm đấu tranh chống “chiến tranh cục bộ” của địch. Hội nghị còn xây dựng quyết tâm đánh Mĩ cho cán bộ chiến sĩ và nhân dân. Hội nghị chỉ đạo huyện Bác Ái vừa tiến hành chống địch càn quét, vừa chủ động tổ chức lực lượng ra phía trước đánh địch, phá kế hoạch bình định của chúng ở đồng bằng, ổn định sản xuất đảm bảo nguồn lương thực.

Thực hiện tinh thần chỉ đạo của trên, đầu năm 1965 huyện Bác Ái Đông và Bác Ái Tây được sát nhập thành một huyện thống nhất do đồng chí Trần Viết Hằng (A Pui) làm Bí thư Huyện uỷ, đồng chí Chamaléa Chân làm Phó Bí thư - Thường trực và đồng chí Pinăng Tắc làm Phó Bí thư phụ trách Huyện đội. Trước sự bắn phá ác liệt của đế quốc Mỹ, đặc biệt là vùng Bác Ái Đông, để tiện cho việc chỉ đạo sát chiến trường, cuối năm 1965 đầu năm 1966 huyện Bác Ái lại phân chia thành hai huyện. Huyện Bác Ái Đông do đồng chí Nguyễn Hoàng làm Bí thư; huyện Bác Ái Tây do đồng chí Chamaléa Chân làm Bí thư; đồng chí

27 Thôn Rã Trên thuộc xã Phước Trung có gần 200 người dân nhưng phải chịu đựng 300 quả bom nổ, 303 quả bom cháy, trên 1.000 quả bom bi và hàng ngàn quả đạn pháo các loại.

28 Đồng bào gọi máy bay địch là Chim én bạc.

Trần Viết Hằng và đồng chí Võ Đình Ninh chuyển sang làm công tác khác²⁹. Xuất phát từ tình hình thực tế, từ năm 1966 huyện Bác Ái Đông và Bác Ái Tây phân chia lại địa giới hành chính xã: Xã Phước Lâm tách thêm xã Phước Châu, Phước Kháng; Phước Kỳ; xã Phước Trung tách thêm xã Phước Lợi; xã Phước Chiến tách thêm xã Phước Sơn; xã Phước Thắng tách thêm xã Phước Hà, Phước Hải; xã Phước Tiến tách thêm xã Phước Hùng, Phước Cường; xã Phước Tân tách thêm xã Phước Lập; xã Phước Bình tách thêm xã Phước Măng; xã Phước Hoà tách thêm xã Phước Gia và xã Phước Đại tách thêm xã Phước Du.

Về cơ cấu tổ chức bộ máy. Huyện Bác Ái Đông có 12 xã với hơn 200 đảng viên sinh hoạt trong 15 tổ chức chi, đảng bộ. Ban chấp hành Đảng bộ có 12 đến 15 đồng chí do đồng chí Nguyễn Văn Bửu làm Bí thư; đồng chí Chamaléa Thắng làm Phó Bí thư; đồng chí Nguyễn Xuân Đồng phụ trách an ninh; đồng chí Công phụ trách Huyện đội trưởng; đồng chí Chamaléa Liệu phụ trách công tác thanh niên; đồng chí Chamaléa Thị Hường phụ trách công tác phụ nữ; đồng chí Chamaléa Thị Lực làm chủ tịch Mặt trận huyện. Huyện Bác Ái Tây có 12 xã với 150 đảng viên sinh hoạt trong 15 chi bộ cơ sở. Ban Chấp hành đảng bộ có từ 11 đến 13 đồng chí. Đồng chí Chamaléa Chấn làm Bí thư huyện uỷ, đồng chí Trần Viết Hằng làm Phó Bí thư và phân công các uỷ viên phụ trách các ngành: Đồng chí Chung phụ trách an ninh sau đó đồng chí Chamaléa Thắng thay; đồng chí Cator Đen phụ trách Mặt trận huyện, sau đó đồng chí Chamaléa Năm (Năm đèo) thay; đồng chí Pinăng Thị Tình được phân công phụ trách Hội phụ nữ huyện.

Sau khi ổn định bộ máy tổ chức, Đảng bộ huyện xác định nhiệm vụ chống địch càn quét, tổ chức đưa lực lượng tiến ra phía trước đánh địch, phá kế hoạch “bình định”... theo chỉ đạo của trên đối với Bác Ái lúc này là hết sức khó khăn, vì yêu cầu cấp bách trước mắt của Bác Ái lúc này là phải nhanh chóng ổn định tư tưởng, ổn định thể ăn, ở, sản xuất cho đồng bào ngay trên căn cứ. Đảng bộ huyện chỉ đạo các cấp uỷ đảng, chính quyền đoàn thể các cấp đẩy mạnh tuyên truyền vạch trần tội ác của địch, vận động đồng bào bám rẫy bám làng sản xuất, xây dựng các tuyến bố phòng chống địch càn. Được cán bộ tuyên truyền, giáo dục, đồng bào thấy được sự nguy hiểm của việc bỏ làng, xa rẫy nên đã rời các hang đá về xây dựng các tuyến ranh hào chống địch càn. Nhưng chỉ sau một đợt trút bom của địch, các tuyến bố phòng của ta lại bị cày xới. Tiếng máy bay gầm rú như xé toác cả bầu trời làm đồng bào lo sợ, không dám rời khỏi hang núi. Giải quyết tư tưởng sợ máy bay, sợ phi pháo cho đồng bào lúc này là vấn đề

29 Đến đầu năm 1968 tình hình chiến trường Bác Ái phát triển mạnh, quân và dân ta đã làm chủ hoàn toàn chiến trường Bác Ái, huyện nhà được sát nhập thành một huyện thống nhất do đồng chí Chamaléa Chấn làm Bí thư Huyện uỷ, đồng chí Võ Đình Ninh làm phó Bí thư Huyện uỷ. Sau đó một thời gian đồng chí Võ Đình Ninh được trên cử về làm Bí thư huyện Ninh Phước, đồng chí Nguyễn Văn Bửu về thay. Đến giữa năm 1968, huyện Bác Ái thành hai huyện. Huyện Bác Ái Đông do đồng chí Nguyễn Văn Bửu làm Bí thư, Huyện Bác Ái Tây do đồng chí Chamaléa Chấn làm Bí thư.

quyết định sự mất còn của sự nghiệp cách mạng của toàn vùng căn cứ. Đảng bộ huyện tổ chức nhiều cuộc họp, bàn các giải pháp và vận động đồng bào hưởng ứng song đều không đem lại hiệu quả. Có đồng chí đã rút kinh nghiệm từ chiến trường miền Bắc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đề xuất giải pháp vận động đồng bào đào hầm tránh máy bay địch. Lúc đầu, đồng bào vẫn không tin hầm có thể chống được phi pháo, bom đạn của Mỹ. Trước tình hình đó, các cấp uỷ, chi bộ, các đoàn thể chia nhau xuống tận từng mé núi tuyên truyền, giáo dục vạch trần âm mưu thâm độc của kẻ địch, động viên truyền thống kiên cường bất khuất, anh dũng, kêu gọi lòng căm thù giặc của đồng bào, nắm những khúc mắc lo âu của từng người, giải quyết cụ thể từng khía cạnh. Qua quá trình kiên trì vận động, đồng bào các xã Bắc Ái Đông – Tây đã bắt đầu tin vào Đảng, đồng bào phát biểu: “Đảng nói nhiều điều đúng, cái bụng cái gan mình căm thù thằng Mỹ, muốn đánh thằng Mỹ phải về bám cái rẫy, bám làng. Chạy vào rừng núi không làm được rẫy thì lấy cái gì mà ăn để đánh Mỹ. Mình phải ăn lời Đảng thôi”. Đến tháng 2 năm 1966, đồng bào đã có phần ổn định tư tưởng, trở lại buôn làng sinh sống, nhưng phi pháo của địch vẫn bắn phá ác liệt, thường xuyên nên đồng bào không dám ở mãi trong làng, thường cứ đêm về làng ngủ, sáng dậy lửa heo, gà vào hang núi. Tình hình đó ảnh hưởng trực tiếp đến nhiệm vụ sản xuất, chiến đấu giết giặc giữ làng. Một lần nữa Huyện uỷ Bắc Ái chủ trương tiếp tục phát động phong trào quần chúng đào hầm tránh phi pháo địch ở trong nhà, ngoài rẫy, dọc đường đi. Đồng bào sợ bom pháo rớt trúng chết không ai chịu đào. Nắm được đặc thù tâm lý và nhận thức của đồng bào là phải mắt thấy tai nghe, trong một cuộc vận động. Đồng chí Pi năng Tác đã lấy một ví dụ rất sinh động để giải thích cho đồng bào bằng cách cho đào nhiều lỗ nhỏ trên mặt đất, sau đó anh cầm nắm hạt bắp ném lên những lỗ đó, kết quả chỉ có một vài hạt bắp nằm ở mép lỗ, còn bao nhiêu đều nằm trên mặt đất, không có hạt nào lọt xuống lỗ. Anh nói : “Thằng Mỹ có nhiều bom đạn nó ném xuống mình cũng như tôi ném cái bắp xuống lỗ đất đấy thôi. Bắp của tôi còn nhiều hơn bom đạn thằng Mỹ mà ném xuống còn không trúng lỗ thì bom đạn thằng Mỹ cũng không trúng được hầm đâu”. Qua hình ảnh cụ thể đó, đồng bào mới yên tâm bắt tay vào đào hầm. Làm một thời gian, đồng bào thấy không ai bị bom Mỹ nổ chết, từ đó phong trào đào hầm tránh máy bay phát triển rầm rộ trên quê hương Bắc Ái. Đạt được kết quả trên là nhờ vào sự kiên trì vận động của cán bộ đảng viên không quản gian khổ, liên tục bám trụ tuyên truyền, hướng dẫn để đồng bào nghe, thấy, tin và làm theo. Đồng thời thể hiện sức mạnh to lớn của đồng bào, đã quyết tâm là làm được tất cả.

Lúc đầu hầm được lợi dụng từ các hang đá tự nhiên trong núi, nhưng sự an toàn chưa thực sự đảm bảo lại xa với nhà cửa nương rẫy, không thuận tiện cho việc sản xuất và chiến đấu, huyện đã cử cán bộ đi tập huấn, học tập kinh nghiệm từ các huyện bạn về hướng dẫn cho đồng bào đào nhiều loại hầm tránh máy bay: từ hầm cá nhân, hầm có mái che, hầm chéo hình chữ A... được bố trí

khắp trên các tuyến đường đi, trong nhà, bên nương rẫy... ở đâu có hoạt động của con người, ở đó đồng bào đều bố trí hầm tránh máy bay để thuận tiện cho việc vừa chiến đấu, vừa sản xuất.

Kết hợp với đào hầm, ta phát động nhân dân làm tuyến phòng thủ, xây dựng thêm tuyến chông mới, sửa chữa những tuyến bố phòng bị hư hỏng, động viên nhân dân vót chông, làm cạm bẫy. Hầu hết các xã trong huyện Bắc Ái Đông-Bắc Ái Tây đều có tuyến bố phòng bằng hầm chông bẫy đá liên hoàn. Các xã giáp ranh với địch như: xã Phước Trung, Phước Kháng, Phước Chiến, Phước Thành... có hệ thống bố phòng 3 lớp dày đặc, liên hoàn với nhau. Lực lượng du kích được tổ chức thành từng tổ vừa làm nhiệm vụ tuần tra canh gác đánh địch, vừa có nhiệm vụ sửa chữa những nơi ranh hào bị địch đánh phá hư hỏng.

Khi giải quyết được tư tưởng sợ máy bay địch, quân dân toàn huyện Bắc Ái Đông-Tây tiến lên phát động phong trào bắn máy bay địch. Việc bắn máy bay hiện đại của Mỹ bằng vũ khí thô sơ của ta là cả một quá trình tìm tòi, nghiên cứu. Liệu súng trường có bắn rơi được máy bay không ?. Huyện Bắc Ái Đông-Tây đã mở lớp huấn luyện bắn máy bay địch thí điểm cho 32 du kích nòng cốt được rút từ các xã về. Tại Phước Bình, mô hình máy bay địch được đeo bằng gỗ, bố trí theo kiểu bỏ nhào, bay ngang, bay lên... để cho du kích tập ngắm. Ở Phước Trung, du kích tập ngắm và bắn quả bưởi khi thả lặn dốc. Đồng bào quen với việc dùng cái ná bắn con chim, con thú trong rừng nên khi học tập bắn máy bay, nhiều người tiếp thu bài tập rất nhanh bằng kinh nghiệm: Bắn đón đầu. Qua một thời gian học tập, huyện tổ chức bắn đạn thật cự ly 100 mét, nhiều đồng chí đã bắn trúng mục tiêu. Việc tổ chức tập luyện và bắn đạn thật đạt kết quả đã động viên tinh thần dân quân, du kích yên tâm tư tưởng để bước vào trận đánh máy bay địch. Đầu năm 1966, 32 nòng cốt du kích của toàn vùng căn cứ được tổ chức ra phía trước, giáp sân bay Thành Sơn (thuộc xã Phước Trung) để làm quen với tiếng gầm rú của máy bay địch, vừa tập lấy đường ngắm và quan sát máy bay địch chao đảo. Sau một thời gian huấn luyện, đến tháng 2 năm 1966 trận bắn máy bay địch thí điểm được tổ chức tại xã Phước Đại gồm có đồng chí Bốn-xã đội trưởng ở Trà Co, đồng chí Xô xã đội phó và đồng chí Chamaléa Bông chính trị viên xã đội. Các đồng chí đã chọn vùng đất trống mà máy bay địch thường bay tới bắn phá, đào 3 hầm cá nhân tạo thành chữ V phục kích chờ máy bay địch tới. Đúng như dự kiến, khoảng 9 giờ sáng, chiếc máy bay L.19 của địch bay đến quan sát. Như thường lệ, nó bay thấp xuống để “nhòm ngó”, quan sát mọi nơi trong vùng, chờ khi nó bay xuống thấp nhất, mục tiêu đã đến gần, tổ bắn máy bay đã đồng loạt nổ súng, chiếc L.19 đã bốc cháy và rơi ngay trên vùng đất của xã Phước Đại trước sự chứng kiến của đông đảo cán bộ, nhân dân trong vùng. Sự kiện này đã làm nức lòng quân dân Bắc Ái, làm cho đồng bào tin vào khả năng của mình cũng bắn được máy bay Mỹ. Từ đó làm dấy lên phong trào

bắn máy bay trong toàn huyện³⁰. Các em thiếu niên cũng bắn rơi máy bay như em Hoài, em Lý; chị em phụ nữ cũng tham gia bắn máy bay như chị Bui, chị Thép... Có người cầm thù máy bay địch đã dùng cả ná để bắn chúng. Với khí thế thắng lợi, đồng bào gặp máy bay ở đâu bắn ở đấy nên cũng gặp nhiều thương vong do địch bắn phá, sau đó các tổ bắn máy bay phải đào hầm để chờ địch đến. Do nhận thức không đúng, nên nhiều đồng bào ngồi cả ngày chờ máy bay địch đến để bắn, có ngày không có chiếc nào bay qua cũng chờ đợi. Trước tình hình đó, Huyện chủ trương: Không có máy bay địch thì tiếp tục sản xuất, khi nào có máy bay địch tới thì tổ chức bắn. Mục đích của chủ trương này nhằm tăng cường nguồn nhân lực để phát triển sản xuất. Máy bay Mỹ ngày càng bị bắn rơi nhiều nên chúng không dám bay thấp, nhiều tổ bắn máy bay trong thời gian dài không bắn được chiến nào. Không chịu ngồi chờ địch đến, tổ bắn máy bay của xã Phước Trung do đồng chí Chamaléa Châu phụ trách đã tổ chức tiến đến núi Đất, sát sân bay Thành Sơn chặn bắn máy bay địch khi chúng vừa mới cất cánh lên, hoặc máy bay địch đi bắn phá ở nơi khác về. Vì thế, nhiều chiếc máy bay địch chưa kịp đi gây tội ác đã bị bắn rơi, bắn bị thương ngay trên đường băng của địch.

Để hạn chế thương vong cho giặc lái, một mặt địch thay đổi đường băng, thay đổi hướng bay; mặt khác chúng tổ chức các đoàn biệt kích và bộ binh lùng sục sâu vào căn cứ để tiêu diệt các tổ bắn máy bay của ta. Khi bộ binh địch vừa đặt chân vào căn cứ, tiếng mõ báo động từ các tháp canh vang lên, dân quân du kích rút vào vị trí chiến đấu, bám tuyến bố phòng, dụ địch tiến sâu vào trận địa mai phục. Khi hiệu lệnh phát ra, dân quân du kích chỉ cần hú gọi, rung cành cây; tiếng vọng từ vách núi này sang vách núi khác nghe như có cả trăm ngàn binh sĩ, làm kẻ địch nháo nhác, rời bỏ đội hình và rơi vào cạm bẫy. Vừa lúc ấy, du kích vành đai tư bên ngoài dồn ép vào chặn đánh địch tan tác.

Phong trào bắn máy bay địch của quân dân Bác Ái nhanh chóng được lan truyền khắp chiến trường Ninh Thuận và khu VI. Đồng bào từ chỗ nghe tiếng máy bay của địch đã phải lần trốn vào hang đá, chuyển sang săn tìm máy bay địch để bắn, và trở thành một hoạt động bình thường như các hoạt động khác trên vùng căn cứ. Kết quả trên đã nói lên sự lãnh đạo tài tình của Đảng, cụ thể là đảng bộ huyện trong công tác giáo dục, vận động quần chúng và sự thông minh, gan dạ của đồng bào các dân tộc trong huyện. Tổng kết phong trào bắn máy bay địch trong hai năm 1966-1967, toàn vùng căn cứ bắn rơi tại chỗ và bắn bị thương hàng chục chiếc máy bay địch các loại, trong đó có máy bay phản lực, máy bay B.57, máy bay trực thăng, máy bay trinh sát L.19. Về tập thể tiêu biểu có các xã Phước Trung, Phước Nghĩa ở Bác Ái Đông; cá nhân có đồng chí Chamaléa Bông-Chính trị viên xã đội ở Phước Đại, người bắn rơi chiếc máy bay địch đầu tiên trên núi rừng Bác Ái và hai đồng chí Chamalé Châu-xã đội trưởng

30 Thời kỳ này Bác Ái Đông có 12 xã, được trang bị 158 súng các loại đều tham gia bắn máy bay địch.

xã Phước Trung và đồng chí Chamaléa Nhó-xã đội trưởng xã Phước Lâm là hai cốt cán có nhiều đóng góp trong công tác huấn luyện, gan dạ áp sát sân bay địch tổ chức các tổ tiêu diệt máy bay địch hiệu quả.

Cùng với phong trào bắn máy bay địch, phong trào bố phòng chống địch càn quét trong thời gian này cũng giành được thắng lợi to lớn. Nhiều loại vũ khí thô sơ dùng bố phòng được cải tiến, diệt địch có hiệu quả hơn như hầm chông trực quay có tác dụng diệt 2-3 tên địch một lúc; băng cung bắn một phát có thể tiêu diệt cả một tiểu đội địch; bẫy ôm cây; chông lá, chông bàn, tên ná... đều được tẩm thuốc độc. Ngoài các loại chông ngăn chặn lực lượng bộ binh, quân dân Bắc Ái còn sáng tạo dùng những cây tre dài, vót nhọn, cắm thành từng bãi ở vùng đất trống để chống trực thăng địch tiếp đất, đổ quân. Chiến lợi phẩm từ vỏ bom, đạn, xác máy bay Mỹ, đồng bào mang về chế tạo ra vũ khí để đánh lại địch hiệu quả hơn, và dùng làm công cụ sản xuất.

Từ khi đổ quân vào chiến trường Ninh Thuận, đế quốc Mỹ dùng không quân, pháo binh, bộ binh, biệt kích... với quyết tâm huỷ diệt vùng căn cứ Bắc Ái, một căn cứ vốn nổi tiếng từ thời đánh Pháp, nhưng kết quả đều chuốc lấy thất bại thảm hại. Căn cứ Bắc Ái vẫn đứng vững, đồng bào nơi đây vẫn bám trụ kiên cường. Thất bại, nhưng với dã tâm của kẻ xâm lược, quân địch vẫn không từ bỏ kế hoạch huỷ diệt Bắc Ái. Ngày 9.7.1967, địch lại huy động 4.000 quân, gồm 2 Lữ đoàn Dù thuộc Sư đoàn 101 của Mỹ; 3 Trung đoàn “Ngựa Trắng” Nam Triều Tiên và sử dụng 62 lượt chiếc máy bay ở quân cảng Cam Ranh, 82 lượt chiếc ở sân bay Thành Sơn và các cụm phi pháo binh từ Cam Ranh-Tân Mỹ-Cà Đú tổ chức ném bom, bắn phá xối xả vào các xã trọng điểm : Phước Trung, Phước Kháng, Phước Chiến, Phước Kỳ (vùng Bắc Ái Đông) suốt ngày đêm. Sau những lần oanh kích bằng không lực và hỏa lực, địch đổ quân xuống 62 điểm ở vùng Bắc Ái Đông kết hợp với 4 mũi bộ binh tiến hành càn quét, lùng diệt, hình thành thế bao vây, bóp nghẹt.

Trước cuộc càn quét lớn của địch, tỉnh chỉ đạo quân dân Bắc Ái Đông tiếp tục phát huy tác dụng của hệ thống bố phòng chống càn đánh địch. Đồng thời chỉ đạo các cấp ủy đảng trong vùng trọng điểm địch bắn phá, tổ chức sơ tán dân, hạn chế thương vong. Trong thế bao vây, cô lập của địch, đồng chí Pi Năng Thanh cùng với du kích xã Phước Trung đã mưu trí, dũng cảm giải thoát gần 500 người già và trẻ em trong vùng thoát khỏi vòng vây của địch. Hơn 200 đồng bào ở Phước Chiến ta bố trí ẩn nấp trong hang núi. Còn thanh niên lực lượng và dân quân du kích thì khẩn trương bám sát chiến hào, ranh rào, xây dựng hệ thống hầm chông dày đặc đánh địch. Vì vậy, các toán bộ binh của địch dù được trang bị vũ khí tối tân, hiện đại vẫn không thể xuyên qua các tuyến bố phòng vững chắc, đi sâu vào căn cứ. Đối với lực lượng được địch đổ bộ bằng trực thăng, bị bộ đội chủ lực cùng với du kích vành đai tiêu diệt khi đang còn lơ lửng trên không.

Trong đợt địch càn cao điểm, chị Nía, một phụ nữ Raglai có con nhỏ ở xã Phước Chiên cùng một số thương binh và hàng trăm bà con trong vùng được cán bộ sơ tán vào hang núi. Trong điều kiện lương thực khan hiếm, đói sữa, đứa con nhỏ của chị gào khóc. Khi địch đến gần cửa hang, sợ bị lộ, chị đã bịt miệng, ép mặt con mình vào lồng ngực. Địch rút, đứa con của chị đã bị ngạt thở qua đời. Việc làm của chị Nía đã nói lên tấm lòng hy sinh cao cả của người Mẹ để bảo vệ cho đồng bào, đồng chí thoát khỏi bàn tay độc ác của kẻ thù.

Để đánh lạc hướng, phân tán lực lượng địch, hạn chế sự tàn phá của chúng trên vùng căn cứ. Du kích Phước Trung tổ chức đánh phá vào sân bay Thành Sơn; lực lượng các mũi công tác ở vùng đồng bằng tấn công đồn, phá ấp, diệt kèm buộc địch phải rút quân về đối phó, tạo thế căng kéo giữa ta và địch, phân tán lực lượng địch trên cả 3 vùng chiến thuật. Địch buộc phải kết thúc sớm cuộc càn quét với kết quả không như mong muốn. Với những thành quả trên, căn cứ Bác Ái vinh dự được ủy ban cách mạng miền Nam phong tặng danh hiệu “Thành đồng”.

Cùng với nhiệm vụ đánh địch, chống càn. Công tác xây dựng chính quyền cách mạng các cấp được huyện ủy tiến hành khẩn trương, liên tục, đảm bảo đủ sức lãnh đạo phong trào ngày một dâng lên như vũ bão. Qua hơn 1 tháng chuẩn bị, khoảng tháng 6 năm 1966 huyện tổ chức cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân giải phóng các cấp. Thật phấn khởi khi trong điều kiện chiến tranh tàn phá ác liệt nhưng đồng bào vẫn tham gia đi bầu cử đông đảo, tỷ lệ phiếu bầu đạt 99,3% so với tổng số cử tri toàn vùng căn cứ. Kết quả, có 314 đồng chí đại biểu, đại diện cho ý chí, nguyện vọng của đồng bào các dân tộc trong huyện đã trúng cử Hội đồng nhân dân các cấp huyện, xã và 18 đồng chí trúng cử Ủy ban nhân dân. Hầu hết các đồng chí là cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và chiến sĩ được rèn luyện, thử thách và trưởng thành trong thực tiễn của cuộc kháng chiến; có phẩm chất tốt, có uy tín trong nhân dân, được quần chúng tín nhiệm. Sau đợt bầu cử, Bác Ái tiến hành mở các lớp tập huấn cho 103 cán bộ, chiến sĩ quân chính trong thời gian 7 ngày. Nội dung tập trung vào đánh giá hoạt động của quân dân toàn miền trong đợt cao điểm địch đánh phá; một số nhiệm vụ cấp bách của các ngành, các đơn vị, các cấp ủy đảng và quần chúng rộng rãi trong thời gian tới. Trong dịp này, huyện tổ chức biểu dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân xuất sắc trên các lĩnh vực sản xuất, chiến đấu, dân công, giáo dục, y tế...

Cuộc bầu cử giành thắng lợi tạo không khí phấn khởi, tin tưởng của đông đảo quần chúng vào chính quyền mới. Kết quả đó đã nói lên trình độ giác ngộ chính trị và ý thức làm chủ của đồng bào Bác Ái rất cao. Đồng bào rất thiết tha đi theo Đảng, hết lòng bảo vệ cách mạng. Đối với quần chúng, cuộc bầu cử lần này là một cuộc vận động chính trị rộng lớn, nhằm nâng cao ý thức làm chủ của đồng bào, bước đầu làm cho đồng bào thấy rõ hơn về nghĩa vụ và quyền lợi của

mình đối với chế độ và những thành tựu mà Đảng, cách mạng đem đến cho đồng bào.

Các hoạt động khác trên vùng căn cứ như củng cố xây dựng các tổ chức đoàn thể, mặt trận, hội quần chúng, lực lượng vũ trang, kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế đều có bước phát triển rõ rệt. Đầu năm 1965, hai huyện Bắc Ái Đông và Bắc Ái Tây đều cử cán bộ phụ trách Đoàn thanh niên giải phóng. Huyện đoàn Bắc Ái Tây do đồng chí Ca Đá Cam phụ trách. Huyện đoàn Bắc Ái Đông do đồng chí Pa Tâu Axá Thi phụ trách. Từ khi có cán bộ phụ trách ở cấp huyện, các xã đều thành lập chi đoàn do các chi bộ trực tiếp lãnh đạo: Đồng chí Chamaléa Điêu làm Bí thư chi đoàn xã Phước Chiến; Đồng chí Chamaléa Nuôi Bí thư chi đoàn xã Phước Đại; Đồng chí Chamaléa Châu Bí thư chi đoàn xã Phước Trung... Các Bí thư chi đoàn lúc này vừa làm công tác đoàn, vừa làm công tác văn hoá, văn nghệ hay xã đội. Cùng một lúc phải đảm nhiệm nhiều công tác nhưng các đồng chí Bí thư chi đoàn vẫn hoàn tốt nhiệm vụ được giao, thể hiện vai trò xung kích của người đoàn viên. Thanh niên là lực lượng đầu tàu gương mẫu trong việc vận động nhân dân bố phòng canh gác, chống địch càn quét, vận động nhân dân đào hầm tránh máy bay địch. Thanh niên còn là nòng cốt trong phong trào sản xuất, phong trào văn hóa văn nghệ, là lực lượng chính trong phong trào đi dân công phục vụ kháng chiến. Toàn đoàn nêu cao tinh thần xung kích, phát huy sức trẻ, nêu cao khẩu hiệu “Giặc phá một ta làm hai, giặc phá ngày ta làm đêm”. Thanh niên là lực lượng chính trong các đơn vị vũ trang tập trung của tỉnh, huyện và dân quân du kích xã. Từ tháng 10 đến tháng 12 năm 1967 có 200 thanh niên gia nhập bộ đội.

Năm 1965 tỉnh Ninh Thuận thành lập Ban Phụ vận, đến tháng 11 năm 1969 Đại hội bầu Ban Chấp hành Hội phụ nữ giải phóng tỉnh. Từ khi có sự chỉ đạo của Tỉnh hội, phong trào hoạt động của hội phụ nữ Bắc Ái Đông-Tây phát triển mạnh mẽ cả về tổ chức và phong trào. Chị Chamaléa Thị Lực được vinh dự đứng vào hàng ngũ Ban Chấp hành phụ nữ giải phóng miền Nam. Tiêu chuẩn phát triển hội viên mới ở cơ sở dựa vào 5 tiêu chuẩn tốt như: Đoàn kết đấu tranh chính trị; Bám đất giữ làng, lao động sản xuất; Nuôi dạy con ngoan; Rèn luyện đạo đức; xây dựng Hội vững mạnh.

Tổ chức Nông hội được củng cố, kiện toàn ở hầu khắp các xã vùng căn cứ. Nhiệm vụ chính của nông hội là tổ chức đồng bào thành từng tổ, đội để tăng gia sản xuất; phân phối sản phẩm phù hợp với sức lao động và tính chất của cuộc kháng chiến. Trong năm 1965-1966, do khí hậu khắc nghiệt cùng với sự đánh phá ác liệt của địch, nên tình hình thiếu đói khá phổ biến; cùng với nạn lạt muối, rách vải kéo dài đã gây không ít khó khăn cho phong trào cách mạng. Nhưng khó khăn này chỉ tạm thời, từ cuối năm 1966 và những năm tiếp theo, quân dân Bắc Ái đã vượt qua muôn vàn khó khăn, tranh thủ ngày đêm, từng giờ, từng phút để sản xuất. Giặc đánh ban ngày thì đồng bào tranh thủ sản xuất ban

đêm, cầm súng chống càn xong là cầm dao, cầm nỉ phát rẫy, chọc lỗ tía hạt, trồng mỳ. Từ tổ vắn đôi công tiên lên thành các tổ hợp tác xã lao động. Cứ mỗi mé núi thành lập 1 hoặc 2 tổ hợp tác lao động. Mỗi tổ tự lên kế hoạch sản xuất của mình, sau đó cùng nhau chung sức phát rẫy trồng bắp, mỳ, đậu và cùng chia hoa lợi theo công lao động. Để ghi công, đồng bào dùng dây thắt nút làm dấu tính công. Những người đi dân công hay đi chống càn đều được tính công để chia hoa lợi. Nhờ vậy, trong cuộc chiến đấu ác liệt dưới mưa bom bão đạn của kẻ thù, kẻ cả chất độc hoá học mà nhân dân vẫn sản xuất đủ ăn, đảm bảo nguồn lương thực ủng hộ kháng chiến, đồng thời vẫn hoàn thành xuất sắc các công tác khác như đi dân công phục vụ kháng chiến, tham gia đánh địch chống càn và xây dựng làng xã chiến đấu.

Phong trào văn hoá văn nghệ phát triển rất sôi nổi. Mặc dù bận trăm công ngàn việc, suốt ngày đêm bom đạn gầm xé nhưng lời ca tiếng hát vẫn âm vang núi rừng, với khí thế “tiếng hát át tiếng bom”, hầu khắp các làng xã đều thành lập đội văn nghệ phục vụ đồng bào, chiến sĩ sau những ngày lao động mệt nhọc, hay sau một trận chống càn giành thắng lợi. Bằng các tiết mục tự biên tự diễn, phục vụ tại chỗ, kịp thời, hoạt động văn hóa văn nghệ đã động viên quân dân trong xã, trong huyện mình, xua tan không khí ác liệt của cuộc chiến.

Phong trào toàn dân học chữ Bác Hồ tiếp tục duy trì sôi nổi. Căn cứ vào điều kiện cụ thể của từng xã để tổ chức trường, lớp, dạy và học đan xen với sản xuất và chiến đấu. Phong trào bình dân học vụ phát triển mạnh mẽ trên vùng căn cứ. Riêng huyện Bác Ái Tây, mỗi xã đều tổ chức trường nội trú cho thiếu niên đến học tập theo từng đợt. **Nhiều cán bộ chiến sĩ là người đồng bào Raglai được Đảng giáo dục, phân công nhiệm vụ làm giáo viên, tiêu biểu như Chị Chamaléa Thị vinh, ủy viên Ban Chấp hành chi đoàn xã Phước Chính vừa làm công tác đoàn vừa làm giáo viên dạy chữ cho đồng bào. Để khắc phục tình trạng thiếu giấy viết, huyện Bác Ái Đông xây dựng một cơ sở làm giấy trên địa bàn xã Phước Thắng, do đồng chí Bình, đồng chí Thành phụ trách.**

Công tác y tế hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cán bộ, chiến sĩ và đông đảo quần chúng. Mỗi huyện đều thành lập Ban y tế chăm lo công tác phòng và chữa bệnh cho nhân dân. Ban y tế huyện Bác Ái Đông do đồng chí Liễu và đồng chí Tin phụ trách. Trong toàn huyện có 6 y sĩ, 10 y tá, 4 cứu thương, 3 hộ lý và 10 dược tá đã được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ. Nhiều đồng chí qua học tập lý thuyết kết hợp với thực tiễn đã có tay nghề thành thạo trong việc khám và chữa bệnh, cứu thương cho đồng bào, chiến sĩ. Ngoài ra, Ban y tế còn thành lập, nghiên cứu vườn thuốc Nam và các dược liệu quý hiếm trong rừng để nấu thuốc chữa bệnh. Các loại thuốc được cấp thẳng xuống cho từng tổ sản xuất, tổ du kích và cán bộ đi công tác đều được trang bị thuốc chữa bệnh mang theo bên mình.

Thế trận quốc phòng toàn dân được xây dựng theo phương châm “quân

đội hóa nhân dân”. Hễ là người dân còn sức chiến đấu đều có thể là chiến sĩ trên các tuyến bố phòng, trên các chặng dân công tải đạn, hoặc tham gia vào quân đội chủ lực của tỉnh và huyện. Lực lượng vũ trang ngày càng hoạt động nê nếp, chính qui, có tính chuyên nghiệp cao, đủ sức bẻ gãy các đợt chống càn qui mô lớn của địch, làm chủ căn cứ. Tính đến cuối năm 1967 huyện Bắc Ái Đông và Bắc Ái Tây đã có 22 Ban chỉ huy xã đội, 40 ban chỉ huy thôn đội. Lực lượng du kích xã có 852 đồng chí, biên chế thành 88 tiểu đội, trong đó : 160 nữ, 95 đảng viên, 257 đoàn viên. Còn lực lượng dân quân có 2.500 người, biên chế thành 278 tiểu đội. Trong đó nữ chiếm 1.500 đồng chí, với 70 đảng viên và 27 đoàn viên. Do đặc điểm tình hình, có xã không thành lập tiểu đội mà chỉ thành lập các tổ chiến đấu. Riêng bộ đội địa phương, toàn miền căn cứ có 02 đại đội hoạt động ở huyện Bắc Ái Tây và Bắc Ái Đông. Đây là lực lượng chủ lực nắm vai trò chủ đạo trong việc đánh trả các đợt càn quét qui mô lớn của địch vào căn cứ.

Trên lĩnh vực bố phòng, huyện vốn có truyền thống và kinh nghiệm từ rất nhiều năm trước. Bước vào giai đoạn chống “chiến tranh cục bộ” của địch, công tác bố phòng phát triển mạnh khắp toàn huyện. Chỉ tính trong năm 1967, cả hai huyện Bắc Ái Đông và Bắc Ái Tây có 10.000 lượt người tham gia với gần 50.000 ngày công, đóng góp được 3.740 cây chông sắt, đào được 3.259 hầm chống phi pháo, đặt được 350 mang cung, 50 bẫy đá và gài được 41 quả bom bi. hệ thống vũ khí thô sơ tự tạo không ngừng được cải tiến kỹ thuật, đa dạng về chủng loại, hiệu quả tiêu diệt địch ngày một cao. Tính đến năm 1967, du kích Bắc Ái Đông-Tây đánh 61 trận, diệt 1.033 tên, riêng vũ khí thô sơ diệt 329 tên. các xã có phong trào bố phòng mạnh như: Phước Lập, Phước Chiến, Phước Trung, Phước Nghĩa. Với chủ trương xây dựng làng, xã chiến đấu, tạo thành thế trận bố phòng liên hoàn để tiêu diệt địch. Quân dân Bắc Ái thể hiện quyết tâm xây dựng căn cứ Bắc Ái thành trận địa bất khả xâm phạm đối với kẻ thù.

Cuối năm 1967, đầu năm 1968, so sánh lực lượng giữa ta và địch có sự thay đổi theo chiều hướng có lợi cho ta. Thời cơ cách mạng đã đến, để đánh bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của Mỹ-Ngụy; Trung ương cục miền Nam chủ trương mở chiến dịch Đông-Xuân (1967-1968) mà cao điểm của chiến dịch là: cuộc tổng tấn công và nổi dậy “xuân Mậu Thân năm 1968”. Thực hiện quyết tâm của trên, Tỉnh uỷ Ninh Thuận chủ trương: “củng cố, tăng cường lực lượng về mọi mặt; phát huy hết sức mạnh của căn cứ, vừa đánh địch tại chỗ, vừa tiến ra hoạt động phía trước hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy chống lập ấp, phá kềm, tiêu diệt địch”.

Bước vào thực hiện chủ trương của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ Bắc Ái Đông-Tây Đại hội chiến sĩ thi đua đề tuyên dương thành tích cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trên các mặt trận; đồng thời phát động đợt thi đua giết giặc giữ làng. Đại hội vạch ra phương hướng: Tiếp tục mở rộng các tuyến bố phòng; xây dựng các làng, xã chiến đấu tạo thế liên xã, liên vùng; huy động một lực

lượng vũ trang huyện, dân quân du kích xã tiến ra phía trước phối hợp với các tổ công tác ở Tâm Ngần, Trại Thịt, Mỹ Hiệp, Bà rêu, Cà Rôm, Liên Sơn đột nhập vào các ấp dọc quốc lộ 11 diệt ác, phá kềm, đánh địch bung ra vùng ven căn cứ. Đại hội nêu cao quyết tâm : Động viên toàn Đảng bộ, toàn quân và toàn dân trong huyện phát huy tinh thần đoàn kết, dốc toàn bộ lực lượng, tinh thần, vật chất phục vụ kịp thời, khẩn trương mệnh lệnh của trên, chiến đấu anh dũng, giữ vững căn cứ.

Thực hiện quyết tâm trên, hàng trăm chiến sĩ, dân quân du kích của toàn vùng căn cứ ngày đêm băng rừng tiến ra phía trước, phối hợp với các đội mũi công tác đặc biệt của tỉnh ở vùng Tâm Ngần, Trại Thịt, Mỹ Hiệp, Bà Rêu, Cà Rôm, Liên Sơn diệt ấp, phá kềm suốt tuyến đường 11; chặn đánh, tiêu diệt hàng trăm tên lính địch bung ra lấn chiếm vùng ven căn cứ. Để đáp ứng đầy đủ vũ khí, quân trang quân dụng cho tiền tuyến, huyện tiến hành điều tra phân loại dân công và tổng động viên đồng bào lên đường dân công. Hàng ngàn người được chia thành từng tốp, từng đợt, gửi, mang, vác, gồng gánh vũ khí đạn dược qua các chiến trường ác liệt trong huyện, trong tỉnh, qua các tỉnh bạn Phước Long, Đồng Nai, Tây Nguyên và chiến trường Campuchia. Không có ngày nào vắng bóng đoàn dân công của Bác Ái trên các chặng đường. Có đồng chí đi dân công cho đến ngày giải phóng mới về như đồng chí Patau Axá Mạnh. Những gian nan vất vả trên đường đi dân công như: Thiếu muối, đói cơm, rách vải. Nhiều thanh niên phải lấy vỏ cây làm khó che thân để đi dân công. Trên đường đi phải vượt qua những chặng đường nguy hiểm, bị nước cuốn trôi, bị địch phục kích và những trận sốt rét ác tính đã cướp đi bao sinh mạng đồng chí đồng bào. Người trước ngã xuống, lớp sau tiến lên, không chịu chùn bước trước khó khăn gian khổ. Dù phải đói ăn, mặc rách, đoàn người vẫn miệt mài kiên nhẫn mang hàng chục kg hàng trên lưng, hành quân triền miên qua 2-3 tháng trời, suốt ngày đêm như dòng thác, bền bỉ đổ ra phía trước phục vụ kháng chiến. Số đồng bào còn lại trên căn cứ chủ yếu là người già và phụ nữ, trẻ em thì phát động phong trào thi đua sản xuất; phong trào thi đua vót chông, tên ná chuyên phía trước.

Về xây dựng lực lượng chủ lực: Trong chiến dịch Mậu Thân 1968, Bác Ái huy động 264 thanh niên lên đường nhập ngũ. Tháng 8 năm 1968, tỉnh thành lập đơn vị Đại đội 209 do đồng chí Tào Rách làm chỉ huy trưởng, đồng chí Chamaléa Tước làm chính trị viên. Lực lượng chủ yếu của Đại đội là con em của núi rừng Bác Ái – Anh Dũng (Ninh Sơn) làm nhiệm vụ bảo vệ căn cứ và cơ quan tỉnh đứng trên địa bàn huyện. Đêm 25.2.1968, lực lượng du kích vành đai hỗ trợ cho 2 tổ đặc công đột nhập vào sân bay Thành Sơn đốt cháy 7 bồn dầu, diệt 5 tên Mỹ, phá sập 2 nhà và đốt cháy 10 máy bay của địch. Dân công mang đạn cho đơn vị H 15, đạn cối cho bộ đội pháo binh đánh vào sân bay từ ngày 4 đến ngày 24 tháng 4 năm 1968 làm bị thương 25 tên Mỹ, bắn sập nhiều nhà kho, làm hỏng đường băng sân bay Thành Sơn. Ngoài ra lực lượng huyện còn tổ chức

đánh địch bung ra lấn chiếm, đánh địch trên đường giao thông, phá cầu xe lửa...

Trong suốt cuộc đấu tranh chống chiến lược “chiến tranh cục bộ” và đợt tổng tấn công nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, quân dân Bác Ái đã đem hết sức mình góp phần cùng toàn tỉnh, toàn Miền đánh bại cuộc chiến tranh cục bộ của địch, một cuộc chiến tranh vô cùng ác liệt, tàn bạo và man rợ nhất. Từ trong cuộc chiến tranh ấy đã sản sinh ra nhiều người con ưu tú, dũng cảm, kiên cường bất khuất như đồng chí Pinăng Thanh, người đảng viên đầu tàu của xã Phước Trung, được Mặt trận dân tộc giải phóng và chính phủ cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam tặng thưởng huân chương chiến công hạng nhất và tuyên dương danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”. Bên cạnh đó còn rất nhiều đồng chí, đồng bào là dũng sĩ diệt Mỹ, dũng sĩ bắn máy bay và nhiều đồng chí Bí thư xã, nhiều đồng chí xã đội trưởng mưu trí dũng cảm, kiên cường trong chiến đấu, sản xuất và trên các mặt trận khác như: Đồng chí Chamaléa Châu xã đội trưởng Phước Trung vừa làm nhiệm vụ lãnh đạo quân dân toàn xã đánh địch, đồng chí vừa trực tiếp bắn rơi nhiều máy bay địch nhất vùng căn cứ. Chúng ta không thể không nhắc đến người con gái của núi rừng Bác Ái, chị Chamaléa thị Lực kiên trung bất khuất, trung hậu, đảm đang, một lòng một dạ đi theo Đảng suốt hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Còn rất nhiều đồng bào, đồng chí nữa không thể kể hết được đã hy sinh cả cuộc đời mình để đem lại vinh quang và lòng tự hào cho Bác Ái.

Cuộc tổng tấn công và nổi dậy tết Mậu Thân (1968) của quân và dân ta giành thắng lợi lớn, song chưa giành được thắng lợi mang tính quyết định như kế hoạch ban đầu đề ra. Ở chiến trường Ninh Thuận, địch tập trung nhiều binh chủng có khả năng cơ động cao, kết hợp với bộ máy nguỵ quyền được xây dựng khá chặt chẽ ở vùng đồng bằng, giáp ranh và những vùng giao thông trọng điểm. Xét về tổng thể tương quan lực lượng giữa ta và địch trên phạm vi toàn tỉnh thì quân ta còn yếu hơn, chủ yếu dựa vào bộ đội địa phương và dân quân du kích, vũ khí trang bị còn hạn chế. Phong trào đấu tranh chính trị hỗ trợ cho hoạt động vũ trang còn yếu... Vì thế, sau đòn đánh choáng váng, bất ngờ của tết Mậu Thân, địch nhanh chóng quay sang phản kích phong trào, tổ chức máy bay oanh tạc và đổ bộ binh càn quét, đánh phá vào vùng giáp ranh giữ đội.

Đầu năm 1969, Đảng bộ Bác Ái tổ chức Hội nghị tổng kết chiến dịch, đánh giá tình hình ta và địch sau chiến dịch. Hội nghị đã biểu dương tinh thần chiến đấu kiên cường, bất khuất và hy sinh anh dũng của quân dân Bác Ái. Yếu tố cơ bản quyết định những thành quả trong chiến dịch Mậu Thân mà Bác Ái giành được là nhờ Đảng bộ huyện đã biết bám sát chỉ thị của trên, kịp thời cổ vũ, tổng động viên toàn đảng bộ, toàn quân, toàn dân đoàn kết, khắc phục khó khăn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của một hậu phương. Hội nghị kêu gọi: Toàn đảng bộ, toàn dân, toàn quân nỗ lực xây dựng căn cứ vững mạnh toàn diện, làm hậu phương vững chắc cho phong trào cách mạng trong tỉnh; tích cực xây

dựng lực lượng vũ trang và thực lực chính trị, đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân. Xây dựng Đảng bộ, chính quyền, đoàn thể và các hội quần chúng vững mạnh, đủ sức lãnh đạo phong trào trong mọi tình huống. Toàn Đảng bộ quyết tâm chiến, đấu chống giặc đi đến thắng lợi cuối cùng.

3/ Hoàn thành xuất sắc vai trò hậu phương, Đảng bộ và nhân dân Bắc Ai góp phần đánh bại “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ, giải phóng Ninh Thuận, tiến lên giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (2/1969-30/4/1975).

Cuộc tổng tấn công và nổi dậy của quân và dân ta Xuân Mậu Thân 1968 tạo thế và lực mới cho phong trào cách mạng miền Nam. Hoà nhịp cùng quân dân cả nước, quân dân Bắc Ai đã thực hiện tấn công đồng loạt và nổi dậy đều khắp; tạo đòn đánh bất ngờ làm cho “đế quốc Mỹ bị thất bại rất nặng nề về mọi mặt, ý chí xâm lược của chúng bị lung lay rõ rệt. Buộc chúng phải xuống thang từng bước, khó lòng duy trì cuộc chiến tranh xâm lược với qui mô hiện nay trong một thời gian dài và nhất định sẽ thất bại³¹” Chiến lược “chiến tranh cục bộ” của Mỹ bị phá sản đã làm chấn động dư luận nước Mỹ và thế giới, tạo làn sóng chống chiến tranh Việt Nam của bầu bạn quốc tế.

Đầu năm 1969, sau khi trúng cử Tổng thống Mỹ, Nichxon nhanh đề ra “học thuyết Nichxon” với chiến lược quân sự “Ngăn đe thực tế” để thay thế cho chiến lược toàn cầu “phản ứng linh hoạt” của Kennơđi đã bị phá sản.

Học thuyết Nichxon được thực hiện ở Việt Nam là chiến lược “Việt nam hoá chiến tranh³²” với chủ trương: Rút dần quân viễn chinh Mỹ ra khỏi chiến trường Đông Dương, tránh những tổn thất lớn nhất đối với quân viễn chinh Mỹ và thực hiện âm mưu thâm độc “dùng người Việt đánh người Việt”, “dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương”, nhằm tận dụng triệt để xương máu của người bản xứ vào mục tiêu chiến lược của mình với bom đạn, đồ la Mỹ do người Mỹ chỉ huy và vì lợi ích của Mỹ. Để đạt được mục tiêu “Việt nam hoá chiến tranh”, đế quốc Mỹ đề ra chủ trương thực hiện cùng lúc ba loại chiến tranh: “chiến tranh giành dân”; “chiến tranh huỷ diệt”; “chiến tranh bóp nghẹt” và quyết tâm thực hiện bằng được “Quốc sách bình định”. Đây là một chiến lược quân sự vô cùng thâm độc, được Bản cơ- một Đại sứ Mỹ tại Sài gòn gọi là “sự thay đổi màu da trên xác chết”.

Trên chiến trường Ninh Thuận lúc này địch có 17 Đại đội Bảo An, hơn 40 đội dân vệ, 13 đoàn bình định. Giữa năm 1969, địch tăng cường Liên đoàn phản

31 Sách đã dẫn trang 203-Những sự kiện quân sự. Viện lịch sử quân sự Việt Nam. Nhà xuất bản QĐND.

32 Kế hoạch “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ được chia thành 3 giai đoạn. 1: Tập trung quân Mỹ, chư hầu và Ngụy quân gấp rút “bình định nông thôn”. 2/ Rút dần quân Mỹ và Viễn chinh về nước, thực hiện công thức: “hòa lực Mỹ + Ngụy quân”. 3/ Chuyển giao toàn bộ chiến trường miền Nam cho Ngụy quân, Mỹ và chư hầu rút hoàn toàn về nước.

lực F 105, A 37 và một Trung đoàn Ngựa Trắng-Nam Triều Tiên. Địch nhanh chóng thiết lập lại hệ thống đồn bốt, củng cố rào ranh, gài mìn phục kích xung quanh ấp và các tuyến hành lang, ngăn chặn sự đột kích của quân ta. Đồng thời củng cố bộ máy xã, ấp; đồn quân bắt lính; đẩy mạnh hoạt động tình báo, gián điệp, cài cắm tay chân vào căn cứ làm các mũi tiền tiêu.

Đối với căn cứ Bác Ái – Anh Dũng, quân địch thực hiện chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” với một số nội dung quan trọng sau:

- Tăng cường liên đoàn phản lực F 105, A 37 và trung đoàn 30 “ngựa trắng”, Nam Triều Tiên để phòng thủ sân bay Thành Sơn, đường quốc lộ 1 và đường 11.

- Tổ chức các cuộc hành quân, càn quét với qui mô lớn, kết hợp với biệt kích, phi pháo bắn yểm trợ để thọc sâu rút nhanh, đồng thời rải chất độc hoá học huỷ diệt.

- Tăng cường phòng thủ vùng giáp ranh, quanh sân bay Thành Sơn, hai bên đường 1 và đường 11, bao vây cô lập căn cứ.

- Tiến hành kế hoạch “bình định cấp tốc”, “bình định củng cố” và “bình định phát triển”. Đồng thời xúc dân Bình Trị Thiên, Khu V vào xây dựng ấp chiến lược dọc đường 11, vùng Quảng Sơn – Ninh Sơn ngày nay.

Trước âm mưu quân sự thâm độc của đế quốc Mỹ và chế độ Ngụy quyền Nguyễn Văn Thiệu. Tháng 1 năm 1968, Khu uỷ khu VI ra Nghị quyết nhấn mạnh “Táo bạo vươn lên, tranh thủ thời gian chớp thời cơ; đẩy mạnh phong trào 3 mũi giáp công kiên quyết làm thất bại kế hoạch bình định của địch”. Quán triệt Nghị quyết của Khu uỷ, cuối năm 1968 Tỉnh uỷ Ninh thuận tổ chức Hội nghị đánh giá hoạt động của ta trong chiến dịch Đông-Xuân năm 1967, 1968 và tổ chức học tập Nghị quyết Trung ương 9 “Về việc quyết tâm đánh bại chiến lược Việt Nam hoá chiến tranh” với các nội dung: Củng cố xây dựng lực lượng, huy động thanh niên tham gia tòng quân; đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất; đồng thời đẩy mạnh hoạt động vũ trang tấn công tiêu hao sinh lực địch trên cả 3 vùng căn cứ, vùng giáp ranh và vùng đồng bằng. Đối với Bác Ái, tiếp tục vận động du kích phát triển các tuyến bộ phòng liên hoàn liên xã, liên thôn xuống vùng Trà Co, Sông Cái và sân bay Thành Sơn, tạo thành vành đai bảo vệ căn cứ, quyết tâm đánh trả mọi cuộc hành quân càn quét của địch. Đồng thời huy động lực lượng tiến ra phía trước phối hợp với các đội công tác diệt ác phá kềm, hỗ trợ cho đồng bào nổi dậy phá ấp mở vùng.

Ngày 1.1.1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi : “Đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào”. Hưởng ứng lời kêu gọi, đêm mùng 2 tháng 1 năm 1969, quân chủ lực của tỉnh chia làm 3 mũi tấn công vào sân bay Thành Sơn. Do kế hoạch sơ hở, bị lộ nên ta phải nổ súng trước giờ qui định. Tham gia đợt đột kích này, dân quân du kích Bác Ái được huy động bám vành đai, phối hợp tiêu hao

sinh lực địch và tiếp tế lương thực, vũ khí cho các đội mũi công tác phía trước. Trước sự tấn công mạnh mẽ của quân ta từ hướng Bắc và Tây Bắc sân bay, địch đưa hai Tiểu đoàn lính Nam Hàn càn sâu vào Phước Đại, Phước Trung, Phước Chính và một số vùng ven. Quân dân Bác Ái đã huy động tổng lực, phối hợp với quân dân huyện Thuận Bắc và quân chủ lực của tỉnh chặn đánh địch liên tiếp, diệt và làm bị thương hàng trăm tên địch, bắn rơi nhiều máy bay, trong đó có 01 chiếc L19 của địch. Vì vậy, các cuộc hành quân càn quét của địch nhanh chóng bị cầm chân và bẻ gãy ngay ở tuyến đầu. Du kích vành đai phối hợp với quân chủ lực bám sát các tuyến ranh hào, tiêu diệt các đợt oanh kích bằng trực thăng vận của địch, hạn chế các đợt trút bom hóa học của địch xuống vùng căn cứ. Tiêu biểu, ngày 25.1.1969, lực lượng tập trung của tỉnh đánh phá sân bay Thành Sơn, tiêu diệt 105 tên giặc lái và nhân viên kỹ thuật, phá hủy 26 chiếc máy bay các loại; phá hủy đài chỉ huy và 2 đường băng quân sự, đốt cháy kho xăng và một số kho vũ khí quan trọng của địch. Tham gia trong trận đánh quan trọng này có sự góp sức của quân dân Bác Ái, đặc biệt là quân dân xã Phước Trung trong việc dẫn đường, tiếp tế lương thực. Qua 6 tháng đầu năm 1969, lực lượng vũ trang chủ lực của huyện phối hợp với du kích các xã đã đánh bại 4 cuộc càn quét của Mỹ-Ngụy và Nam Hàn với qui mô từ 2 đến 3 trung đoàn; 3 lần đẩy lùi biệt kích của địch thọc sâu vào các xã Phước Đại, Phước Kháng, Phước Trường, Phước Kỳ. Toàn căn cứ đánh 82 trận, diệt 219 tên, làm bị thương 124 tên, bắn rơi tại chỗ 4 trực thăng và 3 máy bay phản lực, bắn bị thương 26 chiếc các loại.

Kế hoạch bình định của địch lên vùng căn cứ Bác Ái luôn vấp phải sự kháng cự quyết liệt của thế trận quốc phòng toàn dân. Đến cuối năm 1969 đầu năm 1970, địch huy động tổng lực thực hiện chiến lược “quét” và “giữ”. Đối với vùng Bác Ái, địch liên tiếp thọc sâu các mũi oanh kích, phong tỏa vùng ven. Tính từ giữa năm 1969 đến đầu năm 1970, địch tổ chức 21 cuộc càn quét lớn đánh phá vành đai, rồi thọc sâu vào đánh phá núi Tà Nặng - Trung tâm chỉ huy, phá kho tàng. Lực lượng gồm có quân Mỹ và Nam Triều Tiên. Chiến dịch Trực thăng vận được sử dụng tối đa nhằm cơ động nhanh, ít bị thương vong do cạm bẫy bố phòng của ta. Khắp núi rừng Bác Ái thời gian này không ngày nào ngớt tiếng máy bay địch oanh tạc, đánh phá và hình bóng quân Mỹ, quân Nam Hàn hành quân lừng lững. Thâm độc hơn, từ tháng 12 năm 1968 đến tháng 8 năm 1969, địch rải 11 lần chất độc hoá học trên một vùng rộng từ Bác Ái Tây đến Bác Ái Đông làm thiệt hại hàng ngàn ha hoa màu, hàng ngàn súc vật. Cả một giải rừng núi dài từ Ba Ngòi đến Tà Lú-Ma Ty ra đến tận Mỹ bị huỷ diệt tàn lụi, cây cối hoa màu bị thiêu rụi. Dưới đất, lực lượng biệt kích kết hợp với hoạt động gián điệp móc nối con tin chỉ điểm đánh phá các vùng ven, vùng trọng điểm ác liệt. Cùng với đấu tranh quân sự, địch còn tổ chức bao vây cấm vận kinh tế, phong tỏa, chia cắt, cô lập giữa vùng căn cứ với các vùng khác trong tỉnh. Tổ chức chiến tranh tâm lý bằng việc mua chuộc, dùng loa tuyên truyền, rải truyền đơn kêu gọi chiêu hàng, chiêu hồi. Dựng những chiến thắng giả tạo để lừa bịp,

nói xấu cách mạng hòng tác động tinh thần, tình cảm, làm nhu nhược ý chí chiến đấu của cán bộ chiến sĩ và nhân dân ta.

Quân dân Bắc Ái đã từng chiến đấu anh dũng, kiên cường đập tan chiến tranh cục bộ của Mỹ-Ngụy trên quê hương của mình, nay bước vào giai đoạn “Việt nam hoá chiến tranh” trước sự đánh phá ráo riết, ác liệt hơn, nhưng tinh thần chiến đấu không hề suy giảm, quân dân vẫn bám trụ hiên ngang ở vị trí chiến đấu, ngày đêm bám địch mà đánh, quyết tâm bảo vệ căn cứ.

Tuy nhiên, qua quá trình hoạt động, lực lượng vũ trang của huyện còn bộc lộ một số hạn chế nhất định như: Chưa sâu sát cơ sở để kiểm tra đôn đốc nên phong trào nhìn chung phát triển chưa đều; chưa kịp thời khen thưởng động viên những cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào giết giặc cũng như giáo dục một số cán bộ chiến sĩ và quần chúng nhân dân có biểu hiện nao núng, giao động tư tưởng trước âm mưu của kẻ thù. Trong việc lãnh đạo quần chúng bố phòng, chưa có sự cải tiến kỹ thuật đáng kể.

Tháng 6 năm 1969, Huyện ủy Bắc Ái Đông-Bắc Ái Tây tổ chức Hội nghị mở rộng, kết hợp mít tinh chào mừng Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra đời (6.6.1969) với sự tham gia của 1.773 cán bộ, chiến sĩ đại diện cho 17/23 xã trong toàn vùng căn cứ. Hội nghị nhận định: Mặc dù địch tổ chức đánh phá ác liệt, kết hợp dùng chất độc hoá học huỷ diệt, sản xuất thất thu, đời sống nhân dân gặp không ít khó khăn, nhưng tư tưởng của cán bộ chiến sĩ và quần chúng nhân dân không hề nao núng, ngược lại càng căm thù, phần nộ hơn trước tội ác của kẻ thù; tinh thần đánh địch giữ làng càng dâng cao hơn, quyết liệt hơn.

Hội nghị đề ra hai chủ trương lớn:

- Ra sức củng cố nội bộ, thanh lọc nhân dân để tố giác gián điệp, tiếp tục bố phòng đánh địch càn quét và chống biệt kích; chống phi pháo và chống chiến tranh tâm lý.

- Động viên toàn đảng, toàn dân, toàn quân tích cực tham gia sản xuất, khẩn trương khắc phục vấn đề thiếu lương thực, lạt muối, rách vải³³.

Thực hiện sự chỉ đạo trên, việc xây dựng hệ thống làng, xã chiến đấu được củng cố xây dựng; hệ thống bố phòng được mở rộng xuống hướng Tây-Nam sát Sông Cái, Trà Co. Các tổ du kích vành đai được huy động bám vành đai suốt ngày đêm. Đồng bào tổ chức đào hầm tránh phi pháo dọc theo các trục đường giao thông, đường mòn, ruộng rẫy để cán bộ nhân dân đi lại, sản xuất, công tác kịp thời ẩn nấp khi có máy bay hoặc phi pháo ập đến. Các cấp ủy đảng vận động quần chúng tăng cường hoạt động phòng gian bảo mật; phát hiện, tố giác bọn gián điệp, chỉ điểm và một số “hoạt động hai mang” chui sâu vào hàng

33 Trong năm 1969, 1970 do địch rải chất độc hóa học và các đợt oanh kích bằng bom xăng làm cho sản xuất đình trệ, lương thực không đảm bảo.

ngũ của ta. Đề cao cảnh giác trước âm mưu tâm lý chiến của kẻ địch, nâng cao ý chí, nghị lực và niềm tin chiến thắng. Từ giữa năm 1969, để chống lại sự đánh chiếm của địch ngày càng táo bạo, huyện Bắc Ái huy động một đội du kích tinh nhuệ, thành lập “vành đai” bao vây căn cứ sân bay Thành Sơn, chặn đứng các cuộc hành quân, càn quét bằng bộ binh của địch ngay từ trong trứng nước.

Trên lĩnh vực sản xuất, ta vận động đồng bào tiến ra phía trước giành đất, giành dân, khai hoang mở rộng diện tích canh tác. Ở Phước Đại đồng bào lần chiếm xuống sát vùng Phước Nghĩa, Trà Co. Đồng bào Phước Kháng, Phước Chiến mở rộng vùng lần chiếm xuống vùng Ruộng dân, Tập Lá... Do tính chất quyết liệt của cuộc chiến nên nhiều vùng vành đai, cả ta và địch đều quyết tâm tranh chấp, chiếm giữ. Vùng núi phía Đông dãy Tà nằng và phía Phước Chính, ta tổ chức đồng bào lần chiếm, sản xuất; địch tổ chức càn quét đánh chiếm lại. Nhưng đêm xuống đồng bào ta lén vào hạ cờ của địch xuống và cắm cờ của ta lên. Cứ như thế, nhiều mé núi ngọn đồi vùng Phước Đại, Phước Chính cả ta và địch ra sức tranh chấp, nhưng cuối cùng bằng sự kiên trì chiến đấu cách anh dũng, quân ta đã hoàn toàn làm chủ tình hình.

Giữa lúc chiến trường miền Nam đang nóng bỏng, sự nghiệp “đánh cho Mỹ cút đánh cho Ngụy nhào” đang còn gian khổ. Bác Hồ kính yêu của dân tộc ta đã qua đời tại Thủ đô Hà Nội, mang theo niềm mong mỏi nước nhà thống nhất, Bắc-Nam sum họp một nhà. Tin Bác mất nhanh chóng lan truyền khắp chiến trường miền Nam. Không khí đau thương, trầm lắng bao trùm khắp núi rừng Bắc Ái. Nhiều đoàn dân công đang trên đường tải đạn đã bật khóc xót thương Bác. Các chi bộ đảng và đồng bào, chiến sĩ tập trung xung quanh chiếc Radiô, chăm chú lắng nghe từng lời di chúc của Bác dặn lại. Dù tiếng súng của địch ngày đêm vẫn còn vọng lại, sự ác liệt của trận chiến vẫn còn bao trùm khắp miền căn cứ, nhưng trong niềm thương đau, mất mát quá lớn, các chi bộ đảng đã tổ chức Lễ truy điệu Bác một cách nghiêm trang và tôn kính, và tự hứa với Bác sẽ dốc hết sức mình, quyết tâm chiến đấu, hy sinh anh dũng, đưa sự nghiệp đấu tranh chống Mỹ cứu nước đi đến thắng lợi cuối cùng.

Cuối năm 1969, Quân khu VI đưa D 840 ra Ninh Thuận hoạt động, ở chiến trường Bắc Ái tỉnh cho thành lập đội công tác Thuận Giang và Thuận Đông hoạt động đánh địch dọc đường 11. Cùng với hai đại đội chủ lực địa phương Bắc Ái Đông-Bắc Ái tây, dân quân du kích vành đai, du kích mật và lực lượng toàn dân đánh giặc. Thực lực Bắc Ái lúc này tương đối mạnh, đều khắp, đủ sức đương đầu với quân địch trên phạm vi toàn căn cứ.

Bước sang năm 1970, địch sử dụng một lực lượng lớn lính cộng hòa, lính Mỹ và Viễn chinh thực hiện chiến dịch “bình định đặc biệt” mang tên “chiến dịch vì dân”, “phượng Hoàng đồng tiến”... nhằm tiếp tục giành dân giành đất với ta. Địch dùng nhiều thủ đoạn xảo quyệt từ hành quân vây ráp, đàn áp, chia rẽ, ly tán kết hợp với chiến tranh tâm lý hòng mua chuộc, cù rủ tác động vào tinh thần

câu an của đồng bào, chiến sĩ của ta. Địch xuyên tạc: “Mỹ và Quốc gia muốn hòa bình, tại Việt cộng nên chiến tranh mới kéo dài, nhân dân khổ sở...”.

Tháng 1 năm 1970, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 18 chủ trương: Chuyển hướng tấn công địch. Khu ủy Khu VI cũng đề ra nhiệm vụ cấp bách: “Ra sức đẩy mạnh tiến công địch, xây dựng lực lượng làm chuyển biến cục diện chiến trường; tiến tới cao trào tiến công và nổi dậy của quần chúng. Thực hiện chỉ thị của Quân khu Tỉnh ủy Ninh Thuận đề ra chủ trương : Tập trung mọi khả năng và lực lượng để hoạt động, trước mắt là mở đợt hoạt động Xuân-Hè 1970, tập trung chống phá kế hoạch “bình định” của địch.

Tháng 1 năm 1970 có một sự kiện lịch sử diễn ra trên quê hương Bác Ái, đánh dấu mốc son chói lọi trong sự nghiệp xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của tổ chức Đảng. Đó là sự kiện Đại hội Đảng bộ huyện Bác Ái Đông, Bác Ái tây lần thứ I được tổ chức. Ở Bác Ái Đông, Đại hội bầu đồng chí Nguyễn Văn Bửu làm Bí thư; đồng chí Chamaléa Thắng làm Phó Bí thư phụ trách chính trị viên Huyện đội trưởng; đồng chí Pinăng Thanh- huyện đội phó; đồng chí Đinh Thành Hiệp - Thường vụ Huyện ủy phụ trách đội công tác Thuận Đông; đồng chí Chamaléa Thị Lực - Thường vụ Huyện ủy làm Chủ tịch UBND Cách mạng lâm thời huyện và đồng chí Trần Xuân Đồng- Thường vụ Huyện ủy, phụ trách công tác an ninh huyện. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm có tất cả 15 đồng chí. Đến tháng 3 năm 1970, đồng chí Bửu về lại Thuận Bắc, trên điều động đồng chí Phạm Thân về làm Bí thư Huyện Bác Ái Đông. Ở huyện Bác Ái Tây, đồng chí Chamaléa Chấn làm Bí thư; đồng chí Phạm Hồng Chiến làm Phó Bí thư, đồng chí Pinăng Tắc làm chính trị viên huyện đội, đồng chí kator Đoàn làm Chủ tịch. Tại Đại hội, hai Đảng bộ huyện đều triển khai tinh thần chiến dịch Xuân-Hè của tỉnh, và ra quyết tâm : Toàn đảng bộ nỗ lực vượt qua mọi khó khăn gian khổ, huy động sức người sức của, kiên quyết đấu tranh “đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào”; tích cực xây dựng căn cứ vững mạnh toàn diện, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hậu phương vững chắc; tiến ra phía trước diệt ác phá kìm hỗ trợ cho phong trào quần chúng nổi dậy làm chủ từng phần. Do yêu cầu của cuộc kháng chiến, các xã trong vùng căn cứ Bác Ái được chia nhỏ thành 31 đơn vị để dễ chỉ đạo phong trào trong tình hình mới: Thôn Góc Dừa, Tập Lá của xã Phước Kháng thành lập xã Phước Trường; thôn Đông Thông, Cà Gió và Dốc Xanh thành lập xã Phước Sơn... Ở cấp xã được kiện toàn lại hoàn chỉnh với các phòng, ban giúp việc và các hội quần chúng.

Thực hiện chiến dịch Xuân-Hè, Đảng bộ hai huyện tiếp tục chỉ đạo xây dựng và mở rộng hệ thống vành đai diệt Mỹ. Đến đầu năm 1970, hầu hết các xã trong vùng căn cứ đều xây dựng vành đai diệt Mỹ. Hệ thống vành đai của quân dân Bác Ái ngày càng hoàn thiện, trở thành chiến lũy ngăn chặn địch hiệu quả, tiến lên cô lập, dồn ép không cho địch bung ra đánh phá, lấn chiếm. Vì vậy, trong thời kỳ này, dù địch có đề ra nhiều chiến lược bình định thâm độc với quyết tâm cao nhưng toàn vùng căn cứ vẫn được bảo vệ vững chắc, mọi hoạt

động cách mạng vẫn được duy trì, phát triển. Việc thành lập các vành đai diệt Mỹ là một trong những sáng tạo của lượng lượng vũ trang huyện Bác Ái, góp phần không nhỏ vào việc đập tan : “Việt Nam hóa chiến tranh” của địch trên quê hương Ninh Thuận.

Cùng với việc xây dựng vành đai diệt Mỹ, ngày 10.4.1971, đội mũi công tác Thuận Giang phối hợp với lực lượng đặc công và công binh H 12 tổ chức các đợt tấn công địch trên trục lộ 11; pháo kích sân bay Thành Sơn; tấn công đồn Đồng Mé làm cho quân địch suy yếu, buộc địch phải chuyển từ kế hoạch càn quét, bình định sang cùm, phòng thủ.

Qua cuộc đấu tranh chống “Việt Nam hoá chiến tranh” trên chiến trường Bác Ái, quân dân huyện nhà đã thể hiện rõ quyết tâm bám giữ căn cứ, sáng tạo nên các vành đai vừa bảo vệ căn cứ, vừa bao vây Sân bay của địch. Trải qua thực tiễn cuộc chiến, quân dân Bác Ái đã rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm quý báu xây dựng vành đai diệt Mỹ; về sự phối hợp tác chiến giữa các lực lượng vũ trang; về công tác xây dựng, chỉnh đốn và xây dựng lực lượng; về xây dựng thể trận lòng dân và nhiều lĩnh vực quan trọng khác.

Từ tháng 6.1971 trở đi, tình hình Bác Ái nói riêng và chiến trường Ninh Thuận nói chung có sự chuyển biến tích cực theo chiều hướng có lợi cho ta. Quân Mỹ và Viễn Chinh rút dần, từng bước chuyển giao cổ máy chiến tranh cho chế độ Ngụy quyền. Trước diễn biến mau lẹ của phong trào cách mạng trong tỉnh, quân Ngụy tăng cường chốt giữ những vị trí trọng yếu như: Sân bay Thành Sơn, Cảng Ninh Chữ; đồn quân bắt lính; xây dựng các Chi khu cảnh sát để kiểm soát nhân dân, lập các đơn vị “Phòng vệ dân sự” để thay thế dần lực lượng chủ lực và địa phương quân. Bước vào năm 1972, địch đã thật sự chuyển từ bình định “đặc biệt” sang bình định “củng cố” nhằm siết chặt thêm kìm kẹp. Đẩy mạnh “quân sự hóa” bộ máy cai trị ở cơ sở bằng việc đưa sĩ quan quân đội về tận thôn, xóm làm việc trong bộ máy xã, áp đặt ranh rào, kìm kẹp, ngăn chặn phong trào đấu tranh của quần chúng ngày một dâng cao.

Từ tháng 3 năm 1972 đến tháng 6 năm 1972, địch rút 5 C lính Triều Tiên ở Ninh Thuận đi chiến trường khác, đồng thời cho lính Bảo An tăng cường kiểm soát vùng Krông Pha, đồng thời địch mở 3 chiến dịch: “thi đua giết giặc”, “hành quân Phụng Hoàng”, đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, chiêu hàng, chiêu hồi : “tìm về nẻo sống”, “sống tình thương”... hòng mê hoặc, gây ảo tưởng hòa bình giả tạo trong quần chúng. Lực lượng địch tại Chi khu Đa Nhim (Ninh Sơn) có 3 liên đội, D 48 Bảo an, 2 C pháo binh của Nam Hàn, 5 B pháo binh của Ngụy. Trên đường 11, địch tăng cường thêm lực lượng kìm kẹp trong các xã, áp ven hai bên đường lộ, thành lập thêm các ấp xã mới ở: Quảng Thuận, Tân Mỹ, Sông Cái ... tạo nên hành lang chia cắt căn cứ Bác Ái với huyện Anh Dũng (Ninh Sơn). Tuyến đường 11 lúc này trở thành trở nên rất quan trọng đối với quân địch, vì vậy chúng luôn tổ chức các cuộc tuần hành, kiểm soát chặt chẽ, hạn chế

sự xâm nhập của “quân giải phóng”.

Ở Bắc Ái, bước vào năm 1972, địch thành lập các đội “Phòng vệ hỗ trợ” để đánh phá phong trào cách mạng tại chỗ, kết hợp với tung biệt kích và dùng trực thăng đổ chụp để đánh phá, thăm dò vùng đóng quân của ta trên căn cứ. Tháng 3 năm 1972 địch tổ chức một cuộc càn quét lớn với lực lượng 1 D vào Bắc Ái Tây. Ở Bắc Ái Đông, địch tung biệt kích gài mìn dọc đường 11 và một số lối mòn liên xã.

Để đánh bại “Việt Nam hoá chiến tranh” của đế quốc Mỹ, Trung ương chủ trương mở chiến dịch Nguyễn Huệ hoạt động rộng khắp các địa phương nhằm tiêu hao sinh lực địch, mở rộng vùng giải phóng. Căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ trên, tỉnh ủy Ninh Thuận huy động mọi lực lượng ra phía trước bám đất, bám dân đẩy mạnh hoạt động vũ trang kết hợp đấu tranh chính trị và binh vận để phá tan âm mưu bình định của địch, phá áp mở vùng giành quyền làm chủ khi có điều kiện “chồm lên” tiến công tiêu diệt địch. Từ tháng 3.1972 đến tháng 6 năm 1972 toàn tỉnh đánh 164 trận, diệt 131 tên, làm bị thương 114 tên và làm 227 tên đảo ngũ. Tiếp đến quý 3 năm 1972 toàn tỉnh đánh 27 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 337 tên. Ở Bắc Ái, quân dân Bắc Ái Đông đánh 16 trận, diệt 40 tên, ở Bắc Ái Tây đánh 16 trận, diệt 22 tên.

Trước sự tiến công mạnh mẽ của quân ta. Từ 24.8 đến 29.8, địch mở chiến dịch “đồng khởi”, “săn diệt”. Địch đưa quân từ Quận Bửu Sơn, Du Long đánh sâu vào căn cứ Bắc Ái Đông và một phần đường 11; quân địch ở Quận Krông Pha đánh vào Bắc Ái Tây với âm mưu tiêu diệt đơn vị chủ lực D 610, đẩy lùi phong trào đấu tranh của nhân dân trong huyện. Quân dân Bắc Ái Tây đã đứng lên phối hợp với bộ đội chủ lực chặn đánh địch 6 trận, tiêu diệt hơn 10 tên địch. Ở Bắc Ái Đông, quân địch bị dân quân, du kích và bộ đội địa phương chặn đánh ác liệt, buộc chúng phải rút ra vùng ranh.

Những tháng cuối năm 1972, để chuẩn bị cho Hiệp định Pari sắp được ký kết, theo tinh thần chỉ đạo của Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện Bắc Ái đã lãnh đạo lực lượng vũ trang huyện phối hợp với quân chúng rộng rãi kiên quyết đánh địch bật ra khỏi vùng căn cứ; hỗ trợ cho đồng bào vùng giáp ranh bị địch tạm chiếm nổi dậy đấu tranh đòi bung ra làm ăn, chống lấn chiếm, chống cướp phá lương thực, chống bắt lính và khủng bố bừa bãi. Đẩy mạnh đấu tranh binh vận, địch vận, qua đó bồi dưỡng cán bộ, chiến sĩ, phát triển cơ sở, củng cố mở rộng tổ chức quần chúng. Đối với công tác binh vận, ta tập trung tuyên truyền tình hình thắng lợi của cách mạng miền Nam, sự thất bại của Mỹ-Ngụy trong “Việt Nam hóa chiến tranh”, chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước đối với những người lầm đường lạc lối để vận động anh em dân vệ, binh lính địch quay về với chính nghĩa; tạo tâm lý cầu an trong hàng ngũ của địch. Trên mặt trận đánh địch, dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ huyện, lực lượng vũ trang huyện phối hợp với dân quân

du kích các xã vùng Bắc Ái Đông tổ chức vây ráp, đánh địch quyết liệt, hỗ trợ cho đồng bào ở Đồng Dày, Bà râu, Mỹ Hiệp bung ra lấn chiếm vùng địch tạm chiếm. Quân dân Bắc Ái Tây tiến xuống vùng giáp ranh vây hãm, đánh phá đồn bôn của địch, tiến lên làm chủ vùng Cà Dập, truy kích địch ở đồn Tầm Ngân. Trước sự tấn công quyết liệt của quân ta, quân địch ở ấp Krông Pha và ấp Tư Mục tháo chạy, bỏ lại đồn trống.

Cuộc hội đàm 4 bên ở Paris đã kéo dài 4 năm nhưng vẫn còn bế tắc. Để tỏ thiện chí của dân tộc ta, một dân tộc ưa chuộng hoà bình, ta đã đưa bản dự thảo về lập lại hoà bình ở Việt Nam và được đế quốc Mỹ chấp thuận, hai bên sẽ tiến hành ký kết vào tháng 12 năm 1972. Nhưng trước sự phát triển của phong trào cách mạng miền Nam đang lên như vũ bão và với bản chất ngoan cố của một tên đế quốc có nhiều tham vọng, Mỹ đã lật lọng không chịu ký vào bản dự thảo Hiệp định mà còn mở các cuộc tập kích đường không, điên cuồng đánh phá miền Bắc nước ta ác liệt. Với lòng dũng cảm, tài trí của người Việt Nam, quân dân miền Bắc đã viết lên trang sử “Điện Biên Phủ trên không” của 12 ngày đêm chiến đấu, đã bắn hạ 81 máy bay của địch, trong đó có cả B52, F111 trước sự bất ngờ của kẻ địch.

Để tăng cường sức mạnh vũ trang, đảm bảo sức người sức của để quân ta đánh bại “Việt Nam hóa chiến tranh”, trong năm 1972 toàn vùng căn cứ Bắc Ái rút hàng trăm thanh niên bổ sung cho các đơn vị 208 và cơ quan tỉnh đội, bộ đội địa phương hai huyện Bắc Ái Đông-Tây. Phong trào bố phòng, xây dựng vành đai diệt Mỹ tiếp tục củng cố, mở rộng. Hàng ngàn đồng bào Bắc Ái được huy động lên đường đi dân công phục vụ kháng chiến dài hạn ở vùng căn cứ cấp Khu, cấp Miền. Riêng dân công phục vụ theo từng đợt cao điểm có 6.956 lượt người tham gia. Trên mặt trận sản xuất, để đảm bảo nguồn lương thực cho “bộ đội ăn no đánh giặc”, Đảng bộ hai huyện tập trung chỉ đạo đưa dân lấn chiếm, bung ra chiếm đất, mở rộng diện tích canh tác. Đất mở đến đâu, cắm mìn đến đấy; ở những vùng đất trũng, ta hướng dẫn đồng bào trồng lúa nước để cải thiện bữa ăn. Nhờ vậy, trong năm 1972 toàn vùng căn cứ Bắc Ái tiếp tục đảm bảo nguồn lương thực, ủng hộ kháng chiến hàng ngàn gùi bắp, lúa các loại và ủng hộ đồng bào, chiến sĩ huyện bạn Thuận Bắc.

Thắng lợi của phong trào cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân miền Nam ngày càng dồn dập, quyết liệt, liên tiếp tạo ra những thắng lợi lớn trên chiến trường, đẩy quân địch rơi vào thế bị động, suy yếu; tạo thế chủ động cho quân ta trên mặt trận ngoại giao.

Cuối năm 1972, thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy về việc triển khai Chỉ thị 05 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Hai huyện Bắc Ái Đông - Tây tổ chức Hội nghị quán triệt Chỉ thị 05 cho 248 đảng viên, 368 đoàn viên và 1123 quần chúng cốt cán, nội dung nhấn mạnh: Tương quan lực lượng giữa ta và địch trên phạm vi toàn Tỉnh và toàn Miền có sự thay đổi theo chiều hướng cực kỳ có lợi

cho ta: Địch ngày càng rơi vào thế hoang mang, giao động, tinh thần rệu rã; phong trào cách mạng giải phóng dân tộc của quân dân miền Nam ngày càng trưởng thành, tạo thế và lực mới, đủ sức làm chủ động hoàn toàn trên chiến trường. Hội nghị còn thông báo kết quả thắng lợi của quân dân miền Bắc trong cuộc chiến đấu địch phá hoại, tạo nên trận “Điện Biên Phủ trên không” chấn động dư luận thế giới. Hội nghị đề ra một số nhiệm vụ của toàn Đảng bộ trong giai đoạn “chồm lên” giải phóng vùng địch tạm chiếm, diệt đồn bót quân sự địch, giành quyền kiểm soát.

Qua Hội nghị, cán bộ chiến sĩ rất phấn khởi, tự hào về chiến công của quân dân miền Bắc, tạo thêm niềm tin mãnh liệt vào sự thắng lợi hoàn toàn của quân dân huyện nhà trong sự nghiệp “đánh cho ngụy nhào”, giải phóng quê hương.

Trải qua chặng đường đấu tranh kiên cường, bất khuất dưới mưa bom bão đạn và chất độc hoá học của “Việt Nam hoá”, căn cứ Bác Ái vẫn đứng vững hiên ngang, sừng sững như một mũi gai nhọn đâm vào mắt quân thù, làm địch ngày đêm nhức nhối. Kế hoạch “bình định áp chiến lược” của địch hoàn toàn phá sản. Quân địch trên chiến trường toàn tỉnh, toàn Miền và toàn cõi Đông Dương suy yếu, đứng trước nguy cơ bị thất bại hoàn toàn.

Ngày 27 tháng 1 năm 1973 Hiệp định Paris giữa 4 bên “về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam” được ký kết, với các nội dung: “Mỹ và các nước cam kết tôn trọng nền độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam. Mỹ rút quân, phá hết các căn cứ quân sự và không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam. Công nhận miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội... Cam kết để nhân dân miền Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua tổng tuyển cử tự do...”.

Nhưng với bản chất ngoan cố, hiếu thắng của kẻ xâm lược, đế quốc Mỹ và Ngụy quyền tay sai Nguyễn Văn Thiệu vẫn tìm mọi cách để phá hoại Hiệp định. Mỹ tiếp tục để lại miền Nam hơn 2 vạn cố vấn quân sự đội lốt dân sự; tiếp tục viện trợ vũ khí, đồ la cho chế độ ngụy quyền Sài Gòn. Trên chiến trường Ninh Thuận, sau khi quân Mỹ và Viễn chinh rút đi, quân Ngụy đưa một chiến đoàn thuộc sư đoàn 22 cơ động từ Bình Định vào đóng quân ở sân bay Thành Sơn; thành lập một Tiểu đoàn lính Bảo An, 4 Liên đội và một số Đại đội, Trung đội. Cuối tháng 1.1973, địch thành lập 4 Tiểu đoàn, trong đó có 1 D (Hắc Báo) đóng ở Chi khu Bửu Sơn, Liên đội 2/75 đóng ở Chi khu Krông Pha bảo vệ tuyến đường 11 từ cây số 30 đến Đa Nhim. Sau khi củng cố đội hình, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu ngang nhiên phá hoại Hiệp định Paris một cách có hệ thống, với chiến dịch “Tràn ngập lãnh thổ”, địch liên tiếp tổ chức hành quân lấn chiếm chiếm lại vùng ta mới giải phóng, san ủi địa hình lập khu dân cư mới làm lá chắn cho hậu cứ của chúng, kết hợp bao vây cấm vận kinh tế, đẩy mạnh hoạt

động gián điệp, biệt kích, chiến tranh tâm lý...

Ở vùng Bác Ái, từ tháng 1 năm 1973, địch dùng máy bay trực thăng lên thẳng phối hợp với các trận địa pháo ở sân bay Thành Sơn, Ba Ngòi bắn phá giữ dội vào các xã vùng ven như Phước Trung, Phước Chính, Phước Kháng, Phước Chiến... Địch xua quân bung ra giành đất, cắm cờ quanh căn cứ. Đến tháng 6 năm 1973, địch rải lực lượng chốt giữ một số nơi vùng ranh như Đá Lăn, Núi Bàu, Hòn Vàng, đồi 181, cầu Sông Cái... Dùng máy bay trực thăng đổ quân chốt ở đập Ô Cam (Phước Trung). Dùng xe ủi san phá địa hình Đồng Dày và các vùng ven căn cứ như Trà Co, Sông Cái, Dốc Lết, Nha Hồ, Cho Mo, Hòn Vàng. Càn quét đồn trên 4000 dân từ nhiều vùng trên căn cứ đến thành lập Thị trấn Sông Cái; đồng thời tung biệt kích thọc sâu vào nội vùng căn cứ quấy phá, hỗ trợ cho bọc lính làm cầu Sông Cái; chốt quân trên đồi 181 hỗ trợ cho quân lấn chiếm bên ngoài. Những hoạt động trên của địch đã phần nào gây cho quân dân ta một số thiệt hại về người và của, ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất và đời sống của nhân dân Bác Ái vùng giáp ranh.

Trước âm mưu táo bạo của địch, tháng 7.1973 Ban Chấp hành Trung ương Đảng tổ chức Hội nghị lần thứ 21, nêu rõ nhiệm vụ của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới: "...con đường giành thắng lợi của cách mạng miền Nam là con đường bạo lực, do đó phải nắm vững chiến lược tiến công". Nghị quyết Hội nghị còn nhấn mạnh : "Đẩy mạnh phản công và tấn công. Đánh địch ở vùng sâu; hướng tấn công địch chủ yếu là vùng địch kiểm soát và vùng tranh chấp".

Quán triệt tinh thần Nghị quyết 21, Đảng bộ hai huyện Bác Ái Đông-Tây nhanh chóng chỉ thị mệnh lệnh trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân: Dốc hết tổng lực, khắc phục khó khăn, tự lực tự cường, chiến đấu anh dũng, tạo thế tấn công tiến ra phía trước. Hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng bộ huyện, quân dân toàn miền căn cứ Bác Ái tích cực, chủ động bám sát các hướng có địch tổ chức các cuộc phục kích, đánh chặn, với phương châm : Lấy phục kích, đánh nhỏ lẻ bẻ gãy biệt kích đột nhập của địch. Đối đầu với các cuộc hành quân lớn của địch, lực lượng vũ trang thường trực huyện làm nòng cốt phối hợp với dân quân du kích và lực lượng quần chúng rộng rãi tổ chức bố phòng, vây hãm, chặn đánh địch quyết liệt. Ở Bác Ái Tây, các mũi công tác của huyện phối hợp với Đại đội 80, 311, 317 A tổ chức thành các tổ cơ động cắm chốt ở một số ấp dọc đường 11 và bám đánh địch khi chúng bung xia, lấn chiếm, nhổ cờ của ta. Tổ chức các đội du kích mật phục kích, đánh chặn các cuộc lấn chiếm của địch ở vùng Trà Co, Sông Cái. Ở Bác Ái Đông, cuối năm 1973 lực lượng vũ trang huyện và dân quân du kích các xã Phước Đại, Phước Chính, Phước Nghĩa phối hợp với Đại đội 311 tổ chức tập kích địch ở Đồi thông 181, diệt 01 Trung đội lính Bảo An của địch.

Về công tác xây dựng lực lượng vũ trang, đến cuối năm 1973, bộ đội huyện Bác Ái Đông có 99 chiến sĩ, được chia ra thành 5 Trung đội do đồng chí

Chamaléa Liêu³⁴ làm chính trị viên. Một tiểu đội trinh sát. Du kích thường trực có 214 chiến sĩ, du kích thôn có 372 người và 382 dân quân. Ở Bắc Ái Tây bộ đội huyện có 65 chiến sĩ được chia làm 4 Trung đội; 231 du kích xã, 400 du kích thôn và 722 dân quân.

Phong trào đấu tranh chống địch lấn chiếm ở Bắc Ái trong năm 1973 phát triển mạnh nhưng nhìn chung chưa đều, chưa thật sự quyết liệt và thường xuyên. Trừ một số mũi trọng điểm được sự hỗ trợ của lực lượng thường trực là giành được thắng lợi trọn vẹn, còn nhìn chung các vùng tranh chấp kiểu “răng lược” thì ta tổ chức đánh, chiếm nhưng chưa bố trí lực lượng đủ mạnh để chốt giữ dẫn đến sự tranh chấp qua lại giữa ta và địch, kéo dài, làm cho thế ăn ở, sản xuất của đồng bào vùng giáp ranh, vùng tranh chấp còn hạn chế.

Từ tháng 2 đến tháng 5 năm 1974, địch rải bộ binh lấn chiếm Trà Co, Sông Cái, đưa dân các nơi đến lập khu định cư Quảng Thuận khoảng 19.000 người, Ninh Bình khoảng 1.500 người, Sông Mỹ 2.000 người, Trà Giang 900 người dân tộc để vừa làm hành lang ngăn cách, bao vây căn cứ Bắc Ái, vừa làm cơ sở cho chúng. Ở vùng nội cứ Bắc Ái, địch huy động bộ binh tổ chức càn quét từ cấp đại đội đến vài tiểu đoàn vào các xã Phước Chiến, Phước Đại, Phước Hoà, Phước Bình với thời gian từ 3 đến 5 ngày; có tháng địch địch tổ chức từ 5 đến 7 lần càn quét với sự yểm trợ của máy bay và phi pháo ở sân bay Thành Sơn, Ba Ngòi. Táo bạo hơn, địch tổ chức các lực lượng biệt kích nhỏ lẻ thọc sâu vào vùng xã Phước Đại, Phước Trung, Phước Chính, Phước Kháng, nơi được xem là trung tâm của các cơ quan đầu não của ta để gài mìn, đột kích, quấy rối tiến lên đánh úp hòng phá tan bộ máy lãnh đạo của huyện căn cứ.

Để kịp thời bẻ gãy các cuộc hành quân, lấn chiếm của địch, tiến lên phản công, thọc sâu vào vùng sau lưng địch, tháng 1.1974 tại Ma Lâm thuộc địa bàn xã Phước Lập, Ban Cán sự đường 11 được củng cố lại do đồng chí Phạm Thân làm Bí thư, đồng chí Thành Phó Bí thư và đồng chí Cần làm Ủy viên; đồng thời ta thành lập 3 đội mũi công tác đặc biệt ở đường 11. Đưa bộ đội địa phương Bắc Ái Tây phối hợp với Anh Dũng áp sát trực lộ 11 tạo thế vây ráp đồn bót địch. Nhiệm vụ của các đội mũi công tác đặc biệt lúc này chủ yếu vận động quần chúng xây dựng hệ thống bố phòng dày đặc tạo thành chiến lũy vững chắc vùng giáp ranh chống địch lấn chiếm; bám sát, theo dõi âm mưu của địch, kịp thời tổ chức lực lượng đánh chặn các cuộc hành quân lấn chiếm giành dân, giành đất của địch; bảo vệ sản xuất cho đồng bào vùng giáp ranh, vùng tranh chấp, khi có điều kiện “chồm lên” cầm cờ, diệt đồn, phá ấp của địch. Đối với các ấp ven ranh thì hoạt động 3 mũi giáp công hỗ trợ cho quần chúng đấu tranh chính trị với địch, đòi bung ra làm ăn và từng bước đưa các cấp lên lòng kèm, tiến lên tranh chấp. Đối với vùng nội địa căn cứ thì tập trung lực lượng chống địch đột kích, bảo vệ an toàn cho các cơ quan đầu não đứng chân và các mặt đời sống mặt của

34 Sau đó, đồng chí Liêu được trên điều đi công tác khá, đồng chí Đinh Thành Hiệp (Ha Ra) thay.

nhân dân...

Với sự chỉ đạo chặt chẽ của Đảng bộ huyện, quân dân xã Phước Bình và Phước Tiến đã tổ chức thế trận quốc phòng toàn dân, ngày đêm đeo bám địch, giăng bẫy phục kích, đánh trả nhiều cuộc hành quân lớn của địch vào địa bàn. Tiến xuống tập kích địch ở các đồn, bắt dọc quốc lộ 11, cấm 73 cờ Tổ quốc. Tuy nhiên, do công tác chính trị, tư tưởng của ta chưa thực hiện tốt nên một thời gian sau tên Thừa, một cốt cán của ta phản bội, dẫn biệt kích đánh phá, gây nhiều thiệt hại cho phong trào. Đồng chí Cần và đồng chí Thành hy sinh, cơ quan bị địch truy kích. Từ đó cơ quan không đóng cố định mà cơ động di chuyển, đánh địch dọc theo Trà Co, Sông Cái. Ở Bắc Ái Đông, dân quân, du kích các xã Phước Trung, Phước Kháng, Phước Chiến kiên trì bám địch cả ngày lẫn đêm; bao vây địch ở chốt Đập Ô Cam, không cho chúng mở rộng vùng ảnh hưởng.

Đến tháng 10.1974, quán triệt Nghị quyết 12 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “tấn công đánh phá âm mưu bình định, lấn chiếm của địch”. Đảng bộ hai huyện đã huy động đồng bào, chiến sĩ đẩy mạnh hoạt động vũ trang hỗ trợ cho đồng bào vùng Mỹ Hiệp, Cà Dập đấu tranh chính trị với địch; đánh địch ở hướng Trà Co, Sông Cái, Hòn Vàng, Suối Chà Panh, Bến Cây Bưởi; vây ép địch ở chốt Đập Ô Cam; tập kích địch ở đồi 181, chốt cầu Sông Cái, tiến lên đánh bại các cuộc hành quân cấp tiểu đoàn vào hai xã Phước Chiến, Phước Đại. Đến cuối năm 1974, quân địch bị đánh bật khỏi vùng Bắc Ái Đông, riêng chốt Ô Cam - Phước Trung, quân địch co cụm lại cố thủ, chờ sự chi viện từ trung tâm đầu não ở của địch từ sân bay Thành Sơn.

Cuộc chiến đấu chống địch hành quân lấn chiếm giành đất, giành dân của quân và dân Bắc Ái trong những năm 1973-1974 đã tạo phong trào tấn công địch rộng khắp, thường xuyên liên tục trong toàn vùng căn cứ. Trong năm, Đảng bộ hai huyện đã tổ chức lực lượng tham gia phục kích chống địch càn tiến lên tập kích đánh địch 130 trận, diệt và làm bị thương 190 tên, bắn rơi 1 chiếc máy bay trực thăng HU-1 A và bắn bị thương nhiều chiếc khác; phá hủy 3 chiếc xe ủi đất, 3 xe GMC, thu giữ một số vũ khí, quân trang của địch. Giáo dục, cải tạo một số binh lính Ngụy. Với tinh thần chiến đấu kiên cường, bền bỉ, tự lực tự cường, quân dân Bắc Ái đã đập tan âm mưu lấn chiếm, cấm cò, giành đất giành dân.

Bước vào những tháng đầu năm 1975, tình hình chiến trường miền Nam có những chuyển biến, sôi động lớn chưa từng có, báo hiệu một trận cuồng phong sắp nổ ra trên phạm vi toàn Miền để đánh cho “ngụy nhào”, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Để kịp thời lãnh đạo đồng bào cả nước làm cuộc tổng tấn công, nổi dậy chớp thời cơ, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam, Hội nghị mở rộng của Bộ Chính trị tại

Hà Nội đã nhận định³⁵: Chưa bao giờ ta có điều kiện về quân sự, chính trị và thời cơ chiến lược thuận lợi như lúc này. Hội nghị ra quyết định : “Động viên nỗ lực của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền Nam-Bắc, trong thời gian từ (1975-1976) đẩy mạnh đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị, kết hợp với đấu tranh ngoại giao; khẩn trương chuẩn bị mọi mặt, tạo điều kiện chín muồi tiến hành tổng công kích địch, tổng khởi nghĩa, tiêu diệt và làm tan rã nguy quân, đánh đổ nguy quyền từ Trung ương đến địa phương, giành chính quyền về tay nhân dân, giải phóng miền Nam”³⁶.

Ở chiến trường Ninh Thuận, bước vào năm 1975 quân địch có 3 Tiểu đoàn Bảo An, 01 Liên đội và 19 Đại đội độc lập, 07 Trung đội pháo, 08 Trung đội biệt kích, 01 Đại đội hải quân, 01 Đại đội công binh, 06 Đại đội và 81 Trung đội dân vệ. Ngoài ra, địch còn có lực lượng cảnh sát, thám báo, tề, điệp, tâm lý chiến được bố trí dày đặc ở những vùng trọng điểm. Về phương tiện chiến tranh, địch có 118 máy bay các loại và 263 xe quân sự.

Thực hiện quyết tâm của Bộ Chính trị và Trung ương Cục miền Nam, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra nhiệm vụ cấp bách: Tập trung đánh phá, ngăn chặn có hiệu quả các cuộc hành quân càn quét, lấn chiếm, ủi phá địa hình, dồn dân lập ấp của địch. Xây dựng và bảo vệ khu căn cứ, mở rộng vùng nông thôn, vây ép vùng thị trấn, thị xã, cắt đứt giao thông của địch... sẵn sàng giành thắng lợi khi thời cơ đến. Tỉnh ủy phân công cụ thể đối với quân chủ lực của tỉnh và các huyện thị, tập trung công kích địch ở 3 hướng chính: Tây-Tây Bắc; Đông-Đông Bắc và hướng Nam. Đồng thời xác định cuộc nổi dậy chia thành hai đợt.

Theo sự phân công trên, ở Phước Đại-Bác Ái Đông là nơi đứng chân của tiến phương C. Ban chỉ huy tiến phương C có các đồng chí : Nguyễn Đức Thành, Trình Các, Phạm Thân, Huỳnh Hữu Lộng và đồng chí Tô Văn. Lực lượng được bố trí gồm Đại đội 610, 311, 317 A, 315 (H 15), 80 Anh Dũng, 90 Bác Ái Đông và các Trung đội của Bác Ái tây, lực lượng các mũi công tác, dân quân du kích vành đai các xã vùng ven Bác Ái Đông. Như vậy, bước vào năm 1975, nhờ sự chỉ đạo của chiến dịch, thực lực của quân dân ta trên địa bàn Bác Ái là rất hùng hậu.

Chấp hành chỉ đạo của Tỉnh ủy, trong đợt I năm 1975 quân dân Bác Ái liên tiếp chặn đánh địch nhiều trận rất ác liệt, không cho chúng lấn sâu vào căn cứ. Thế thắng lợi như chẻ tre của quân dân Bác Ái làm cho quân địch hoang mang cực độ, nhiều trận quân ta vừa nổ súng quân địch đã tháo chạy khỏi vành đai. Thừa thắng, quân ta tiến xuống vùng đồng bằng, phối hợp với quân dân huyện Anh Dũng bám và tấn công địch dọc đường 11, nơi chúng làm bàn đạp để hành quân lấn chiếm vùng ta giải phóng. Đêm ngày 12, rạng ngày 13 tháng 1

35 Hội nghị tiến hành từ ngày 18.12.1974 đến ngày 17.01.1975.

36 Sách đã dẫn trang 252-50 năm hoạt động của Đảng cộng sản Việt Nam; Nhà xuất bản sự thật. Hà Nội 1979.

năm 1975, quân ta tấn công địch đang ẩn nấp tại Quảng Thuận (Vùng Quảng Sơn – Ninh Sơn ngày nay), sát thương 1 tên địch, số còn lại tháo chạy. Nhân dân trong ấp di dân Quảng Thuận mừng rỡ tiếp đón cách mạng niềm nở. Bọn địch xung quanh không dám chi viện tiếp cứu cho nhau. Đêm ngày 14 rạng ngày 15, du kích Bắc Ái cùng bộ đội đặc công tỉnh tấn công sân bay Thành Sơn, phá hủy 6 chiếc F5E. Sau một tiếng đồng hồ lửa cháy giữ dội, tiếng súng đạn nổ ran rạt, 26 tên địch bị ta tiêu diệt. Ngày 15.1 du kích Bắc Ái Đông vây ráp địch ở Chốt Ô Cam, diệt 23 tên, số còn lại phải rút vào cố thủ chờ địch chi viện bằng trực thăng, nhưng các lần chi viện, quân địch đều bị du kích bắn hạ. Ở đội công tác Thuận Tây, quân dân ta phục kích địch ở Tầm Ngân, tiêu diệt một số tên địch bung ra chiếm đất; phục kích, tiêu diệt một số tên địch đi tuần tiểu khu vực Krông Pha.

Bước vào tháng 3 năm 1975, quân ta giải phóng Huế, Ban Mê Thuột, địch hoảng loạn tháo chạy. Để ngăn chặn quân ta tấn công Sài Gòn, Mỹ-Ngụy huy động một lực lượng lớn xây dựng phòng tuyến thép phía Bắc Ninh Thuận, tăng cường phòng thủ sân bay Thành Sơn.

Thời cơ lịch sử lịch sử để quân dân Ninh Thuận nói riêng và toàn miền Nam nói chung nổi dậy đánh cho “Ngụy nhào”, tiến lên giải phóng Ninh Thuận. Chớp thời cơ trên, quân dân Ninh Thuận bước vào giai đoạn II của chiến dịch: giai đoạn Tổng tấn công và nổi dậy 6.3.1975-16.4.1975.

Tháng 2 năm 1975, sau khi học tập quán triệt nhiệm vụ hoạt động chiến dịch Đông - Xuân 1975, Đảng bộ Bắc Ái huy động toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tiến ra phía trước phối hợp với quân chủ lực làm cuộc tổng công kích, tiêu diệt địch, tạo ra những trận quyết định. Hòa trong không khí khẩn trương, sôi động của chiến trường Ninh Thuận trong những ngày tháng 4 lịch sử, quân dân Bắc Ái đã huy động gần 70% quân số tiến ra phía trước. Thực lực Bắc Ái được thành lập thành 3 khu vực hoạt động, tấn công địch:

Khu vực 1: Gồm 1 trung đội bộ đội địa phương huyện cùng 79 du kích các xã Phước Đại, Phước Chiến, Phước Nghĩa và Phước Thành phối hợp với đội công tác Thuận Tây và đơn vị công binh D 160 hoạt động đánh địch từ Krông pha đến Nhơn Hội.

Khu vực 2: Gồm 58 du kích xã, 1 trung đội bộ đội địa phương huyện phối hợp với đội công tác Thuận Đông đánh địch ở hướng Sân bay Thành Sơn.

Khu vực 3: Gồm 64 du kích xã, 1 trung đội bộ đội địa phương huyện phối hợp với bộ đội chủ lực Đông Bắc giải phóng Quận Du Long.

Ngày 31.3.1975, Bộ Chính trị hạ quyết tâm: “Với tư tưởng chỉ đạo thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng; với quyết tâm lớn, thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa trong thời gian sớm nhất...”. Chấp hành tinh thần trên, cuối tháng 3 năm 1975, đơn vị D 610 cùng với lực lượng vũ trang Bắc Ái tập trung tấn công tiêu diệt địch ở ấp Quảng Thuận. Đội công tác Thuận Tây phục kích,

đánh 1 trung đội địch bung ra giành dân ở Trà Co. Ngày 1 tháng 4 năm 1975 lực lượng D 160 cùng với lực lượng vũ trang Bắc Ái chặn đánh, tiêu diệt nhiều tên địch từ Đà Lạt chạy xuống Krông Pha. Địch ở đồn Krông Pha hoang mang giao động cực độ, chớp thời cơ này ta tấn công vào quận lỵ buộc một số tên địch đầu hàng, số còn lại tháo chạy. Quận Krông Pha trở thành Quận lỵ đầu tiên ở Ninh Thuận được giải phóng, ngày 2.4.1975. Thừa thắng, quân ta truy quét địch từ Krông Pha xuống đến Quảng Thuận. Trên dọc tuyến đường 11, lực lượng vũ trang hỗ trợ cho cho đồng bào nổi dậy phá kềm giải phóng quê hương.

Ở hướng Đông Bắc, Bộ đội địa phương huyện Bắc Ái và 2 trung đội du kích Bắc Ái Đông phối hợp với quân chủ lực tấn công tiêu diệt địch ở Quận Du Long, phá tan hệ thống tuyến phòng thủ của địch ở phía Bắc Ninh Thuận, giải phóng toàn bộ các ấp từ Trại Láng đến Cà Rôm vào ngày 4.4.1975.

Ngày 12 tháng 4 năm 1975, quân giải phóng của ta từ Đà Nẵng rầm rập kéo về tập kích ở phía Bắc sân bay Thành Sơn, chuẩn bị cho kế hoạch giải phóng Phan Rang. Hàng ngàn chiến sĩ Nam tiến đi qua căn cứ Bắc Ái trong tiếng hò reo, phấn khởi của đồng bào vùng Bắc Ái Đông. Nghe tin bộ đội vào giải phóng miền Nam, đồng bào các xã Phước Kháng, Phước Chiến, Phước Thành, Phước Trung đã chuẩn bị mít, thơm, bưởi để tiếp tế cho đoàn quân hỏa tốc³⁷.

Chấp hành mệnh lệnh của Ban chỉ huy Tỉnh đội, chuẩn bị cho kế hoạch đập tan sân bay Thành Sơn và giải phóng Phan Rang, lực lượng vũ trang huyện cùng du kích huyện nhà được huy động tối đa tiến ra phía trước phục vụ kháng chiến như đi dân công tải đạn, tải lương thực và phục vụ nuôi quân. Sau một thời gian chuẩn bị lực lượng, ngày 15 tháng 4 năm 1975, quân ta từ 3 hướng Du Long - Phước Kỳ - Krông Pha cùng tiến công vào đánh chiếm sân bay Thành Sơn, bắt toàn bộ tướng tá và thu được toàn bộ vũ khí, quân trang quân dụng của địch. Thừa thắng, ngày 16 tháng 4 năm 1975 quân dân Bắc Ái nô nức kéo xuống Phan Rang phối hợp với các đơn vị chủ lực của tỉnh đánh chiếm Phan Rang – Tháp Chàm, giải phóng.

Trước thế thắng lợi như chẻ tre trong những ngày tháng tư lịch sử, để các đội quân hỏa tốc kịp thời tiến vào giải phóng Sài Gòn, phối hợp cùng các cánh quân giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, dưới sự chỉ huy của Huyện ủy, hàng ngàn đồng bào không kể già trẻ gái trai thuộc các xã Phước Nghĩa, Phước Lâm, Phước Hà, Phước Hải, Phước Thành, Phước Đại tiến ra phía trước đắp đường Tà Lú -Ma Ty. Với tinh thần tất “hỏa tốc”, chỉ sau 6 giờ khẩn trương, tuyến đường được khai thông. Hàng trăm chiếc xe tăng cùng đoàn quân Nam

37 Thật cảm động biết bao, khi nghe tin đoàn quân hỏa tốc của ta từ Đà Nẵng kéo vào giải phóng Phan Rang. Đồng bào các xã Bắc Ái Đông đã mang trái cây ra “chiêu đãi bộ đội”. Nhưng với tinh thần hỏa tốc và kỷ luật quân đội “không được đụng đến cây kim, sợi chỉ của đồng bào”. Các chiến sỹ ta không ai dám ăn.

tiền của ta từ Khánh Hoà đi qua huyện nhà trong tiếng hò treo, cổ vũ của đồng bào trong huyện.

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giành thắng lợi, kết thúc chặng đường 21 năm đấu tranh cực kỳ gian khổ của quân và dân ta trước đế quốc Mỹ xâm lược cùng bè lũ tay sai, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Trải qua gần 21 năm kiên trì đấu tranh, với tinh thần quyết chiến quyết thắng, tự lực tự cường. Đảng bộ và nhân dân huyện Bác Ái đã trải qua một chặng đường đấu tranh vô cùng cam go thử thách, có lúc tưởng chừng như không thể vượt qua được. Nhưng dù ở trong hoàn cảnh nào, Đảng bộ và nhân dân trong huyện cũng nêu cao tinh thần đoàn kết, “tự lực tự cường, thắng lợi về vang” đã chiến đấu kiên cường, bất khuất, hy sinh anh dũng, đập tan ách xâm lược của chế độ thực dân mới, góp phần to lớn vào sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến vào kỷ nguyên mới-kỷ nguyên đất nước độc lập, thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội.

PHẦN HAI

ĐẢNG BỘ HUYỆN LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THỰC HIỆN HAI NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1975-2005)

CHƯƠNG I:

VƯỢT QUA KHÓ KHĂN THỬ THÁCH, ĐẢNG BỘ HUYỆN LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI, GIỮ VỮNG AN NINH QUỐC PHÒNG (1975-2000)

1/ Tình hình huyện Bác Ái sau những ngày đầu đất nước thống nhất

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 của quân và dân ta đã đập tan chế độ cai trị của đế quốc Mỹ cùng bè lũ tay sai, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, đưa nước ta bước vào kỷ nguyên độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội. Để xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trước mắt cả nước phải nỗ lực khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế-văn hoá-xã hội, ổn định đời sống nhân dân, hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước về mặt Nhà nước. Hoà trong không khí thắng lợi của quân dân cả nước, quân dân Bác Ái phấn khởi, tự hào, tích cực đoàn kết, nỗ lực bắt tay xây dựng đời sống mới, thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Về địa giới hành chính: Sau ngày giải phóng đất nước, vùng đất Bác Ái vẫn được chia thành hai đơn vị hành chính cấp huyện là Bác Ái Đông, gồm 11

xã: Phước Trung, Phước Thành, Phước Kháng, Phước Chiến, Phước Trường, Phước Kỳ, Phước Đại, Phước Chính, Phước Nghĩa, Phước Sơn, Phước Lâm và huyện Bắc Ái Tây gồm 12 xã: Phước Hòa, Phước Bình, Phước Tân, Phước Tiến, Phước Thắng, Phước Hải, Phước Hà, Phước Hùng, Phước Cường, Phước Măng, Phước Gia, Phước Lập. Thực hiện Quyết định số 294, ngày 4-8-1975 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Thuận, vùng đất Bắc Ái trực thuộc huyện Ninh Sơn. Lúc này các xã nhỏ thuộc huyện Bắc Ái sát nhập lại thành 10 xã: Trung, Thành, Kháng, Chiến, Hòa, Bình, Đại, Thắng, Chính, Trà Co. Năm 1976 hai xã Phước Kháng và Phước Chiến chuyển về huyện Ninh Hải (nay là Thuận Bắc).

Thực hiện Nghị quyết số 124/CP, ngày 27.4.1977 của Hội đồng Chính phủ, huyện An Sơn thành lập, vùng đất Bắc Ái thuộc về huyện An Sơn. Sau gần 5 năm hoạt động, đến ngày 01.9.1981, huyện An Sơn chia tách thành hai huyện Ninh Sơn và Ninh Phước, vùng đất Bắc Ái lại thuộc về huyện Ninh Sơn. Lúc này xã Phước Chính được sát nhập vào xã Phước Đại, xã Trà Co chia thành hai xã Phước Tân và Phước Tiến. Đến tháng 4 năm 1994, xã Phước Đại lại chia thành hai xã Phước Đại và Phước Chính.

Năm 2001, thực hiện Nghị định số 65/2000/NĐ-CP của Chính phủ, ngày 06-11-2000 huyện Bắc Ái được tái lập bao gồm 9 đơn vị hành chính cấp xã: Phước Trung, Phước Thành, Phước Đại, Phước Thắng, Phước Hòa, Phước Bình, Phước Tân, Phước Tiến, Phước Chính.

Cũng như tình hình toàn miền Nam, quân dân Bắc Ái bước vào xây dựng cuộc sống mới trên đồng đổ nát của cuộc chiến tranh: Làng mạc bị phân tán, đất đai bị cày xới bởi bom đạn quân thù; một diện tích không nhỏ đất đai bị nhiễm chất độc hoá học của quân địch; trường học, trạm y tế, đường sá giao thông hầu như còn tạm bợ; tình hình mù chữ, đói nghèo, dịch bệnh còn phổ biến trong nhân dân.

Nền kinh tế nông nghiệp nương rẫy lạc hậu, mang tính tự cấp tự túc khép kín tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Phần lớn diện tích đất rừng bạc màu, diện tích gieo trồng chủ yếu mỗi năm một vụ, dựa vào nước trời cộng thêm khí hậu khắc nghiệt làm cho năng suất không cao. Thương mại, dịch vụ chưa phát triển. Trên địa bàn huyện chỉ hình thành một số hợp tác xã mua bán đơn sơ ở các cụm xã, chưa đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi của nhân dân. Đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, nhiều hộ gia đình trong tình trạng đói giáp hạt cần phải cứu đói.

Phần lớn đường giao thông liên thôn còn đi theo lối mòn. Trục đường giao thông chính giữa huyện nhà với huyện Ninh Sơn (nay là đường 27 B) bị chia cắt bởi nhiều sông suối, gây không ít khó khăn trong việc giao thông, liên lạc với ngoài huyện. Toàn huyện chưa có điện thắp sáng; hệ thống thông tin liên lạc vẫn theo đường bộ chạy thư, chưa có điện thoại.

Trình độ dân trí thấp, tỷ lệ mù chữ trong nhân dân chiếm tỷ lệ lớn, việc

huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường học chữ gặp rất nhiều khó khăn; trang thiết bị phục vụ dạy học thiếu đủ thứ. Đội ngũ giáo chức còn thiếu nghiêm trọng, đa số chưa qua chuyên môn đào tạo. Phần lớn các trường học của huyện là tre tranh nửa lá dột nát. Trên địa bàn huyện có 01 trạm xá ở trung tâm huyện, ở cấp xã chỉ có đội ngũ cán bộ y tế lưu động, bán trú trong nhân dân. Nhiệm vụ chủ yếu của ngành y tế lúc này là tuyên truyền, vận động nhân dân ăn ở hợp vệ sinh, phòng chống dịch bệnh; hướng dẫn nhân dân sử dụng các bài thuốc lá vón có sẵn trong rừng để chữa bệnh; cấp thuốc, sơ cấp cứu. Còn những chứng bệnh nặng phải chuyển lên tuyến trên. Trang thiết bị y tế còn lạc hậu chưa đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh trong nhân dân.

Về tổ chức bộ máy Đảng, chính quyền, đoàn thể: Đảng bộ huyện Bác Ái được thành lập năm 1950. Năm 1960 huyện nhà được giải phóng, hệ thống chính trị đảng, chính quyền, đoàn thể từ huyện đến xã, thôn được tổ chức chặt chẽ. Toàn vùng Bác Ái có 10 đơn vị hành chính xã, với khoảng 12.000 người, trong đảng viên có 470 đồng chí, được tổ chức sắp xếp thành 10 Đảng ủy xã. Ở cấp xã, bộ máy Đảng, chính quyền tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo nhân dân thực hiện công cuộc xây dựng quê hương trong tình hình mới. Mặt trận và các đoàn thể, nông dân phụ nữ, thanh niên... được chú trọng xây dựng, củng cố. Tuy nhiên, nhìn chung đội ngũ cán bộ, đảng viên còn yếu mọi mặt, phần lớn cán bộ cấp xã, thôn mới biết đọc biết viết. Chưa qua đào tạo về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cũng như trình độ quản lý kinh tế. Đó là một rào cản rất lớn trong việc tổ chức, lãnh đạo nhân dân thực hiện công cuộc đổi mới theo chủ trương của Đảng.

Mặc dù đã bước vào thời kỳ hoà bình, thống nhất đất nước, nguy cơ quân nguy quyền đã bị sụp đổ hoàn toàn nhưng trên địa bàn huyện vẫn còn tiềm ẩn nhiều yếu tố gây mất ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Với đặc điểm địa hình có nhiều đồi núi, rừng rậm, sông suối chia cắt là điều kiện thích hợp để bọn tàn quân Phun Rô từ nơi khác đến ẩn nấp, đi lại móc nối cơ sở, nuôi dưỡng âm mưu chống phá cách mạng.

Tuy nhiên, huyện Bác Ái có những thuận lợi cơ bản, quyết định sự thắng lợi trong sự nghiệp xây dựng quê hương đó là: Huyện vốn là một cái nôi của cách mạng, được giải phóng từ rất sớm (30.8.1960). Sau 15 năm vừa chiến đấu, vừa xây dựng và trưởng thành (1960-1975), bộ máy Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể đã phát huy vai trò lãnh đạo, vận động quần chúng nhân dân thực hiện cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân giành thắng lợi trọn vẹn. Quân dân trong huyện vốn có truyền thống đoàn kết, cần cù lao động sáng tạo; một lòng một dạ tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

Về điều kiện tự nhiên, địa bàn huyện có nguồn tài nguyên Rừng phong phú, đa dạng và quý hiếm. Thổ nhưỡng phù hợp với việc phát triển nền kinh tế nông-lâm, đặc biệt là trồng cây công nghiệp ngắn ngày và chăn thả gia súc gia

cầm. Đó là những tiền đề cơ bản để Đảng bộ huyện khắc phục hậu quả chiến tranh vững bước tiến lên trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

2/ Khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định đời sống nhân dân; củng cố nền kinh tế-chính trị, văn hóa-xã hội (4/1975-4/1986)

Sau ngày đất nước hoàn toàn giải phóng, không khí nô nức, phấn khởi, tự hào bao trùm trong đông đảo quần chúng nhân dân trong toàn huyện. Nhưng nhiệm vụ trước mắt còn nhiều bộn bề, gian khổ đòi hỏi toàn Đảng bộ phải nỗ lực để nhanh chóng thiết lập chính quyền cách mạng, khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định đời sống nhân dân và củng cố nền kinh tế-chính trị, văn hóa-xã hội.

Để kịp thời định hướng các phong trào cách mạng của nhân dân trong tỉnh sau ngày giải phóng và triển khai chủ trương của trên. Tháng 5 năm 1975, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận đề ra những nhiệm vụ khẩn cấp trước mắt, chỉ đạo các huyện, thị, ban ngành phải khẩn trương triển khai một số nhiệm vụ:

- Kiên quyết truy quét địch, nhanh chóng thiết lập trật tự trị an nhằm sớm ổn định tình hình; tạo điều kiện để xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội trong tình hình mới.

- Củng cố và xây dựng lực lượng chính trị, vũ trang; xây dựng củng cố chính quyền cách mạng, lấy công nông chuyên chính làm nền tảng. Chính quyền cách mạng phải thực sự của dân, do dân và vì dân; trước hết tập trung xây dựng chính quyền ở thôn, xã và từng bước triển khai bộ máy cấp tỉnh, huyện.

- Tranh thủ khôi phục và phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân; từng bước giải quyết những tệ nạn xã hội do chế độ cũ để lại. Chú ý xây dựng và phát triển nông nghiệp; giải quyết đời sống cho dân lao động ở thị xã.

- Từng bước chuyển tư tưởng, chuyển chỉ đạo và củng cố xây dựng bộ máy các cấp, các ngành phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới.

Thực hiện nhiệm vụ trên, ngày 02/4/1975 Ủy ban quân quản huyện Bác Ái được thành lập. Ngay sau khi thành lập, Ủy ban quân quản tổ chức các hoạt động mít tinh chào mừng ngày giải phóng tỉnh Ninh Thuận và giải phóng hoàn toàn miền Nam; mít tinh kỷ niệm 85 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngày 15.5.1975, hoà cùng không khí mừng đất nước thống nhất của đồng bào cả nước, huyện Bác Ái long trọng mở hội mừng chiến thắng lịch sử 1975, đồng bào khắp vùng căn cứ tổ chức đánh mã la, uống rượu cần và tổ chức văn nghệ rất sôi động. Đặc biệt trong dịp tết trung thu 15.8 (20.9 dương lịch), thực hiện chỉ đạo của Huyện ủy, các Đảng ủy xã tổ chức cắm trại, phá cỗ rước đèn cho thiếu niên, nhi đồng. Riêng điểm tập trung của huyện, đêm 15.8 có gần 1052 em tập trung về đốt đèn phá cỗ. Trong dịp này, các em được vinh dự nghe lãnh đạo huyện đọc

thư Bác Tôn, Bác Thọ và được nghe huấn thị về ý nghĩa của ngày tết trung thu.

Việc tổ chức lễ mít tinh, kỷ niệm các ngày lễ trọng đại giúp đồng bào hiểu sâu sắc hơn ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và thấy được giá trị thực sự của nền độc lập, tự do, tự chủ. Đồng bào ta từ thân phận nô lệ của chế độ nô dịch, nay được sống cuộc sống tự do, hòa bình và hạnh phúc càng tin tưởng vào Đảng và Nhà nước, hăng hái tham gia vào các phong trào cách mạng như: Thu nhặt vũ khí chiến tranh; theo dõi, phát hiện và kêu gọi các đối tượng tàn quân thuộc chế độ cũ còn ẩn nấp ra trình diện; vận động thanh niên tòng quân; giới thiệu người tốt tham gia vào công tác chính quyền các cấp... Toàn Đảng bộ thể hiện sự quyết tâm phát huy những thành quả đã giành được, nỗ lực xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.

Về xây dựng bộ máy: Tuy đội ngũ cán bộ, đảng viên còn nhiều hạn chế về trình độ quản lý, trình độ lý luận và chuyên môn nghiệp vụ nhưng có lập trường tư tưởng vững vàng, được tôi luyện và trưởng thành từ thực tiễn cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Từ hệ thống nòng cốt này, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân tích cực thu hồi vũ khí, quân trang của địch; tổ chức lực lượng an ninh bảo vệ an ninh trật tự, trị an làng bản tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân yên tâm sản xuất; đẩy mạnh việc tuyên truyền, kêu gọi bọn tàn quân chế độ cũ ra trình diện. Qua đấu tranh và tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng đối với binh lính chế độ cũ, toàn vùng Bác Ái có 387 tên nguy quân, 72 tên nguy quyền, 26 tên thuộc các Đảng phái phản động khác ra trình diện chính quyền cách mạng. Tiêu biểu trong số đó có tên Mang Gầy, Mang Sinh A, Mang Sinh B ở thôn Bờ Râu, xã Phước Lợi đã ra đầu thú và đi cải huấn ở trại Mỹ Đức³⁸. Do có nợ máu với nhân dân, một bộ phận không nhỏ tàn quân vẫn lén lút, ẩn nấp trên núi, không giám ra trình diện. Cùng với công tác tuyên truyền giáo dục, các lực lượng vũ trang, lực lượng an ninh tích cực tuần tra, truy quét bọn tàn quân còn ẩn nấp trong núi, trà trộn trong nhân dân. Bằng chính sách vừa mềm mỏng, vừa kiên quyết của Đảng bộ, tình hình an ninh trật tự, trị an toàn huyện được giữ vững, bọn tàn quân không giám tổ chức gây rối, quấy phá như một số vùng khác trong tỉnh.

Để gìn giữ gìn thành quả cách mạng, hoàn thành tốt nhiệm vụ trấn áp tội phạm, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện chỉ đạo củng cố, xây dựng lực lượng vũ trang, bán vũ trang và ban an ninh các cấp từ huyện đến xã. Về lực lượng vũ trang, cơ quan quân sự huyện Ninh Sơn được biên chế khoảng 2 tiểu đội. Lực lượng dân quân du kích xã, thôn mỗi đơn vị có từ 20-30 đồng chí. Vùng Bác Ái, Ban chỉ huy xã

³⁸ Các đối tượng này chủ yếu ở các ấp chiến lược cũ của địch, từ vùng Cà Rôm, Bà Râu, Du Long, Mỹ Hiệp, Phú Thạnh đến Lâm Sơn... được lực lượng an ninh Bác Ái đấu tranh và kêu gọi trình diện trong thời gian huyện chưa nhập vào Ninh Sơn.

đội được củng cố và thành lập mới ở tất cả các xã, do cán đồng chí cán bộ, đảng viên chủ chốt làm xã đội trưởng. Năm 1976 Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh cử gần 100 cán bộ đi đào tạo và dự các lớp tập huấn, bồi dưỡng do Quân khu và Bộ tổ chức; đồng thời liên tiếp mở các lớp bồi dưỡng tại chức cho cán bộ sơ cấp và trợ lý huyện đội. Huyện Bác Ái lúc này có đồng chí Chamaléa Liệu, chính trị viên phó được cử đi học ở Thành phố Hồ Chí Minh; đồng chí Pi Năng Thanh, nguyên chỉ huy trưởng được cử đi học ở Hà Nội và hầu hết cán bộ huyện đội được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng ở tỉnh, ở Quân khu. Qua các đợt học tập chính trị, các lớp tập huấn, bồi dưỡng, nhận thức và trình độ mọi mặt của cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang huyện được củng cố, nâng lên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới.

Mạng lưới an ninh nhân dân được thiết lập chặt chẽ. Đảng bộ huy động toàn dân tham gia giữ gìn an ninh trật tự tại địa bàn. Trấn áp, tiêu diệt bọn phản động hoạt động lén lút, ẩn náu trong nhân dân. Phối hợp với lực lượng cấp trên tổ chức truy quét tàn quân.

Về kinh tế: Sau ngày giải phóng, đồng bào Bác Ái trở về làng cũ ngày một đông, giống hoa màu thiếu trầm trọng do trong chiến tranh không dự trữ được, làm ảnh hưởng đến sản xuất. Trong 6 tháng đầu năm 1975, tình hình hạn hán nặng ở Bác Ái Đông làm cho tình hình sản xuất gặp nhiều khó khăn; đồng bào thiếu đói, rách vải nghiêm trọng. Trước tình hình trên, huyện nhà một mặt tăng cường công tác cứu đói, cứu trợ; mặt khác tổ chức nhân dân tích cực khai hoang phục hoá, mở rộng diện tích canh tác, cung cấp hàng ngàn kg giống lúa, bắp, đậu các loại giúp đồng bào kịp sản xuất vụ mùa. Chỉ đạo Chính quyền các xã khôi phục các tổ vận động công, các tổ hợp tác sản xuất, mở rộng các cụm hợp tác xã mua bán... Cuối năm 1975, toàn huyện cơ bản giải quyết được nạn đói ăn, lạt muối, rách vải, nhưng khó khăn lớn nhất đối với Đảng bộ huyện lúc này là xoá bỏ tập quán sinh sống du canh, du cư của đồng bào để ổn định và phát triển kinh tế.

Ngày 4.8.1975, thực hiện quyết định số 294-QĐ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Thuận về việc thành lập huyện Ninh Sơn, vùng Bác Ái trực thuộc huyện Ninh Sơn. Trong suốt thời gian từ đó cho đến ngày huyện nhà được tái lập, đồng bào các dân tộc Bác Ái luôn kề vai sát cánh với nhân dân Ninh Sơn, thực hiện thành công các nhiệm vụ của địa phương. Ngày 18.11.1975, trước yêu cầu lãnh đạo chính quyền cách mạng trong thời kỳ mới, Tỉnh ủy Ninh Thuận chỉ định đồng chí Chamaléa Chấn làm Bí thư huyện Ninh Sơn³⁹. Ngày 02.11.1976,

39 Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Ninh Sơn gồm 20 đồng chí do đồng chí Chamaléa Chấn làm Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân; đồng chí Võ Đình Ninh làm Phó Bí thư-Thường trực Huyện ủy; đồng chí Ôrai Tiêu làm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân. Đến ngày 29.2.1976 Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thuận Hải chỉ định Ban Chấp hành Lâm thời Đảng bộ huyện gồm 19 đồng chí do đồng chí Chamaléa Chấn làm Bí thư; đồng chí Võ Đình Ninh làm Phó Bí thư; đồng chí Phạm Thân làm Phó Bí thư-Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Tỉnh ủy Thuận Hải tiếp tục chỉ định Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 21 đồng chí, trong đó Ban Thường vụ có 05 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Đức Thanh được bầu làm Bí thư huyện ủy; đồng chí Phạm Thân và đồng chí Ôrai Tiêu làm Phó Bí thư. Hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở được củng cố, vững mạnh toàn diện về mọi mặt. Toàn Đảng bộ có 53 đầu mối tổ chức cơ sở Đảng với 956 đảng viên, trong đó ở vùng căn Bacs Ái có 470 đảng viên sinh hoạt trong 24 đầu mối tổ chức cơ sở Đảng.

Ngày 03.01.1976, Bộ Chính trị Trung ương ra Chỉ thị số 228-CT/TW về việc lãnh đạo cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của cả nước. Chỉ thị chỉ rõ: “Cuộc tổng tuyển cử bầu quốc hội là dịp biểu dương lực lượng đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc, biểu dương lực lượng chính trị quan trọng của toàn dân dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân nhằm xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa⁴⁰”.

Thực hiện Chỉ thị của trên, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện chỉ đạo các cấp các ngành đẩy mạnh công tác tuyên truyền, chuẩn bị cho ngày Bầu cử Quốc hội trở thành ngày hội toàn dân. Ngày 25.04.1976, hoà chung không khí nô nức của đồng bào cả nước, đồng bào Bacs Ái đã trực tiếp tham gia cầm lá phiếu bầu chọn những đại biểu, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của mình vào Quốc hội, cơ quan quyền lực cao nhất của nước Việt Nam thống nhất. Ngoài việc được tham gia bỏ phiếu, đồng bào còn tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ dân gian như đánh mã la, thổi khèn bầu, đốt lửa trại, uống rượu cần ca hát chào mừng cuộc bầu cử. Đối với đồng bào các dân tộc trong huyện, ngày bầu cử Quốc hội còn là ngày hội toàn dân, một ngày lễ trọng đại của dân tộc.

Ngày 13.3.1976, Nghị quyết 38-NQ/CP của Hội đồng Chính phủ chỉ rõ: “để xây dựng và phát triển kinh tế miền núi, một trong những công tác cấp bách là phải chấm dứt tình trạng du canh du cư...”. Công tác vận động quần chúng định canh định cư trở thành một nhiệm vụ trọng tâm trong công cuộc xây dựng kinh tế, nâng cao đời sống cho đồng bào trong giai đoạn này.

Quán triệt Nghị quyết 38 của Hội đồng chính phủ, từ năm 1976 Tỉnh ủy Ninh Thuận chỉ đạo các huyện thị trong tỉnh đồng loạt phát động phong trào vận động đồng bào miền núi tiến hành định canh, định cư với phương châm: Tích cực, vững chắc, từng bước có trọng điểm; đồng thời căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương để chọn vùng làm trọng điểm tiến hành. Thực hiện chủ trương trên, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện tổ chức mở các lớp tập huấn, tuyên truyền về chính sách định canh định cư của Đảng và Nhà nước, đồng thời cử cán bộ lên các mé núi, chòi rẫy trên núi cao để gặp gỡ trực tiếp, giải thích cho đồng bào hiểu rõ mặt hạn chế của cuộc sống du canh du cư. Huy động cán bộ, đảng viên, các ngành các giới tích cực tham gia hỗ trợ nhân tài vật lực, phương tiện để đảm

40 Sách đã dẫn trang 30-Lịch sử Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận (1930-2000).

bảo các mặt ăn, ở, sức khỏe; sản xuất kịp thời vụ; giúp nhân dân sớm ổn định cuộc sống, đặc biệt là ở những vùng đồng bào mới định cư. Tiến hành xây dựng các đập thủy lợi nhỏ dự trữ nước ở các xã Trà Co, Phước Thành, Phước Thắng, Phước Đại... Qua hai năm (1976-1977), với sự giúp đỡ của Trung ương, tỉnh đã tiến hành cứu trợ hàng trăm tấn lương gạo, muối, hàng ngàn mét vải, thuốc men chữa bệnh và các nhu yếu phẩm khác, hơn 80% đồng bào đã rời khỏi các vùng núi cao xuống thấp định cư được bảo đảm các mặt của đời sống. Được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước cùng với sự giao lưu với đồng bào người kinh, nhiều điểm định canh định cư đã tổ chức sản xuất kịp thời vụ, năng suất tăng cao, làm giảm đáng kể số hộ trong diện cứu đói. Từng bước giải quyết được nạn rách vải. Từ những thắng lợi bước đầu trên đã làm cho đồng bào càng thêm phấn khởi, tin tưởng và tích cực hưởng ứng cuộc vận động định canh định cư do tỉnh, huyện phát động.

Thực hiện chủ trương của Trung ương về phát triển các Nông trường Quốc doanh, ngày 16.4.1976 Nông trường 16.4, Nông trường 20.4 được thành lập trên địa bàn huyện. Các Nông trường là những đơn vị tiên phong đưa nền sản xuất xã hội chủ nghĩa vào thực tiễn của địa phương bằng việc phát triển các giống cây công nghiệp ngắn ngày, trồng cây bông vải, bạch đàn... góp phần tạo nên một diện mạo mới của nền kinh tế sau ngày giải phóng, thiết lập vùng dân cư mới ở thôn Mã Tiên, tạo nguồn lao động và nhân lực mới cho huyện nhà.

Đi đôi với trồng trọt, huyện chú trọng phát triển chăn nuôi đàn gia súc có sừng và đàn gia cầm. Với lợi thế đồng cỏ dưới tán rừng rộng. Đảng bộ huyện chỉ đạo các ngành liên quan tham gia hướng dẫn kỹ thuật giúp đồng bào chăn nuôi gia súc gia cầm. Đầu năm 1976 toàn huyện có khoảng 1.400 con trâu, bò; hàng trăm con heo; hàng ngàn con gia cầm. Việc phát triển đàn gia súc gia cầm vừa bảo đảm sức cày kéo phục vụ sản xuất, vừa giúp đồng bào trang trải một số nhu cầu thực phẩm và đóng góp một phần làm nghĩa vụ cho nhà nước.

Ngành nghề truyền thống: Đan lát, rèn dũa vật dụng để tự cung ứng nhu cầu sử dụng hàng ngày cũng được đồng bào chú trọng, duy trì. Đầu năm 1976, lò gạch ở xã Trà Co được xây dựng. Năm 1976 huyện thành lập các hợp tác xã mua bán ở các cụm xã: Trà Co; Phước Đại; Phước Trung; Phước Hoà; Phước Bình... Việc phát triển ngành tiểu thủ công nghiệp và thương nghiệp vừa góp phần cung ứng các nguồn vật liệu, vật dụng cho xây dựng và sản xuất, vừa đáp ứng nhu cầu mua sắm, trao đổi các nhu yếu phẩm cho đồng bào trong huyện.

Trên lĩnh vực văn hoá, giáo dục, y tế được Ban Chấp hành Đảng bộ huyện chú trọng xây dựng và củng cố. Để tuyên truyền, vận động nhân dân hiểu rõ ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; vận động nhân dân ổn định đời sống, tăng gia sản xuất; tuyên truyền các ngày lễ trọng đại của quê hương đất nước... cổ vũ tinh thần cách mạng trong đông đảo quần chúng, ngành văn hoá thông tin huyện đã tổ chức các đoàn chiếu phim lưu động gửi phim về

các bản làng, biểu diễn văn nghệ, thông tin cổ động; phối hợp với ngành giáo dục đào tạo phát động phong trào thi đua học tập, tổ chức triển lãm đồ dùng dạy học. Tuy còn nhiều khó khăn, thiếu thốn về đội ngũ giáo viên về cơ sở vật chất, nhưng với tinh thần say mê học tập, đồng bào các dân tộc trong huyện đã vận động con em bám trường, bám lớp học chữ. Năm 1976 tỉnh chỉ đạo xây dựng Trường Bỏ túc văn hoá Thanh niên dân tộc ở Lâm Sơn và hai điểm trường tập trung ở Xã Phước Đại và Phước Bình; tu sửa một số trường tre tranh dột nát ở các điểm xã khác... tạo điều kiện cho con em trong huyện được học tập tốt hơn. Từ những khoá đào tạo ban đầu, nhiều con em đồng bào dân tộc Raglai trong huyện trưởng thành, được bổ sung giữ các chức vụ chủ chốt của huyện, xã. Ngày 18.4.1977 Ban Chấp hành Đảng bộ huyện ra Quyết định thành lập Ban Chỉ huy chiến dịch diệt dốt và bỏ túc văn hoá do đồng chí Phạm Thân-Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện làm Trưởng ban. Hưởng ứng chiến dịch, hàng trăm thanh niên ở Ninh Sơn xung phong lên các mé núi Bác Ái để xoá mù chữ, 10/10 xã vùng Bác Ái có điểm trường. Hàng trăm thanh niên và người lớn tuổi được huy động tham gia các lớp xoá mù chữ, lớp bỏ túc ban đêm, tích cực tham gia hưởng ứng chiến dịch “diệt dốt”, nâng cao dân trí.

Năm 1976 ở các xã Phước Trung, Phước Thành, Phước Thắng bùng phát dịch sốt làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khoẻ của đồng bào. Đồng bào lo sợ bị lây nhiễm không dám đi ra ngoài; một bộ phận đồng bào rước Bàu dầu về cúng bái. Trước tình hình trên, tháng 8 năm 1976, Tỉnh ủy Ninh Thuận chi 200.00đ mua thuốc chữa trị cho đồng bào; đồng thời chỉ đạo ngành Y tế tỉnh, huyện thành lập các đội y tế lưu động về từng thôn, xã điều trị cho người bệnh. Thực hiện chỉ đạo trên, đồng chí Diêu - Trưởng Ban Y tế huyện cùng hàng chục y tá của địa phương toả về thôn, bản để chữa trị tại chỗ hàng trăm người bệnh; tuyên truyền đồng bào ăn chín uống sôi, vệ sinh phòng chống dịch bệnh. Trong dịp dập dịch này, còn có đội ngũ y tế của huyện đội tham gia. Nhờ các cấp các ngành dốc sức, tổng lực dập dịch, cuối năm 1976 dịch sốt trên địa bàn huyện được đẩy lùi. Tuy nhiên do nguồn lương thực còn quá thiếu thốn, dinh dưỡng nghèo nàn, đồng bào lại chưa có ý thức cao trong việc ăn ở hợp vệ sinh nên tình hình sức khoẻ nhân dân chưa được đảm bảo.

Sau gần 2 năm khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định đời sống nhân dân, khôi phục nền kinh tế-xã hội, Đảng bộ và nhân dân trong huyện đã vượt qua nhiều khó khăn phức tạp, hoàn thành cơ bản một số nhiệm vụ cấp bách: Phát động quần chúng tích cực tham gia phòng gian bảo mật; theo dõi, giám sát và phối hợp truy quét bọn tàn quân còn ẩn nấp, giữ vững an ninh trật tự, trị an trên toàn vùng căn cứ. Đời sống nhân dân cơ bản được ổn định. Việc thực hiện cuộc vận động đồng bào định canh định cư, khai hoang phục hoá đã làm tăng diện tích gieo trồng, năng suất hoa màu tăng. Mạng lưới hợp tác xã mua bán được xây dựng ở các cụm xã cơ bản đáp ứng nhu cầu nhu yếu phẩm trong nhân dân.

Trên lĩnh vực văn hoá, giáo dục, y tế đã có bước củng cố xây dựng cơ bản, bước đầu tạo nề nếp trong nội bộ ngành, nâng cao nhận thức của đồng bào... Những thành quả đó đã phản ánh đường lối lãnh đạo của các cấp ủy Đảng là đúng đắn, hợp lòng dân; được nhân dân trong huyện nhiệt tình hưởng ứng. Tuy nhiên, vẫn còn bộc lộ một số khuyết điểm, yếu kém: Trong công tác vận động đồng bào định canh, định cư chỉ mới dừng lại ở những vùng trọng điểm mà chưa triển khai rộng rãi trong toàn vùng căn cứ. Nạn đói giáp hạt vẫn còn diễn ra nhiều nơi; tình hình dịch sốt còn ảnh hưởng khá nặng nề đến sức khoẻ nhân dân; hệ thống trường lớp, mạng lưới Y tế cấp xã tuy được củng cố xây dựng nhưng chưa đáp ứng đủ nhu cầu học tập, nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân trong huyện.

Những kết quả đó đã cổ vũ tinh thần các tầng lớp nhân dân trong huyện tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, khắc phục khó khăn, vươn lên trong cuộc sống; xây dựng cuộc sống mới trên quê hương mình.

Tháng 12 năm 1976, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV đề ra đường lối xây dựng cách mạng Xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới: “Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động; tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng: Cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hoá, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hoá mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; xoá bỏ chế độ bóc lột người, xoá bỏ nghèo nàn và lạc hậu; không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội”.

Để triển khai nhiệm vụ chính trị địa phương, đồng thời thực hiện Nghị quyết Đại hội IV của Đảng, Đại hội Đảng bộ tỉnh Thuận Hải lần⁴¹ I (vòng II) đề ra phương hướng, nhiệm vụ chung của tỉnh trong hai năm 1977-1978 là: Động viên toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân tăng cường đoàn kết nhất trí, nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, tinh thần tự lực tự cường, chủ động và sáng tạo, ra sức thiết lập và tăng cường chuyên chính vô sản, thực hiện và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng với cải tạo, nhanh chóng khắc phục nhược điểm và khó khăn, phát huy mọi thuận lợi, tận dụng mọi khả năng vốn có của địa phương, đặc biệt coi trọng việc phát huy các ưu thế của nghề nông, nghề biển, nghề rừng và khả năng lao động trong tỉnh, tập trung mọi nỗ lực nhằm thực hiện hai mục tiêu vừa cơ bản vừa cấp bách là cải thiện cơ bản một bước đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, xây dựng một bước cơ sở vật chất, kỹ thuật của xã hội chủ nghĩa; đồng thời không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố

41 Từ ngày 27.02 đến ngày 07.03.1977, tại Phan Rang-Tháp Chàm.

cố Quốc phòng, tăng cường an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Đại hội bầu đồng chí Lê Văn Hiến-Ủy viên Trung ương Đảng là Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Trần Đệ làm Phó Bí thư-Thường trực Tỉnh uỷ và đề ra một số nhiệm vụ cụ thể: Tập trung mọi nỗ lực, ra sức đẩy mạnh, khôi phục và phát triển kinh tế và văn hoá. Hoàn thành một bước cơ bản về cải tạo quan hệ xã hội cũ, xây dựng quan hệ xã hội mới. Ra sức thiết lập và không ngừng tăng cường chuyên chính vô sản vững mạnh, thực hiện và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Ra sức tăng cường công tác xây dựng Đảng.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần IV và Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần I (vòng II). Từ ngày 28.5 đến ngày 4.6.1977, Đại hội Đảng bộ huyện An Sơn lần I (vòng II) xác định phương hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ trong nhiệm kỳ tới: Phát huy tinh thần đoàn kết, tinh thần tự lực tự cường; xây dựng nền chuyên chính vô sản; phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động; nhanh chóng khắc phục nhược điểm và khó khăn; phát huy các ưu thế vốn có của địa phương; nỗ lực thực hiện hai mục tiêu cải thiện cơ bản một bước đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; tiếp tục đề cao cảnh giác, củng cố quốc phòng, tăng cường an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Sau Đại hội, huyện tổ chức các Hội nghị quán triệt Nghị quyết IV của Trung ương, tỉnh và các mục tiêu kế hoạch của Đại hội huyện đảng bộ đề ra. Qua học tập, cán bộ đảng viên và nhân dân hiểu rõ nhiệm vụ của mình trong sản xuất, ổn định đời sống; trong công tác giữ gìn an ninh trật tự; trong công tác xây dựng đảng và vận động quần chúng.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội. Về sản xuất nông nghiệp, huyện tập trung chỉ đạo nhân dân tích cực khai hoang phục hoá mở rộng diện tích canh tác; vận động đồng bào định canh định cư để ổn định cuộc sống. Căn cứ vào Nghị quyết 38-NQ/HĐCP của Hội đồng chính phủ và Chỉ thị 23-CT/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ngày 15.11.1977, đồng thời căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, ngày 4.4.1978 Ban Chấp hành Tỉnh uỷ ra Nghị quyết 03-NQ/TU về “Phương hướng, nhiệm vụ công tác vận động quần chúng các dân tộc ít người định canh định cư, xây dựng phong trào hợp tác hoá nông nghiệp”. Nghị quyết khẳng định: “Kết hợp phát triển nông nghiệp với lâm nghiệp, tùy từng vùng cụ thể mà lấy nông nghiệp làm chính kết hợp với lâm nghiệp hoặc lấy lâm nghiệp kết hợp với nông nghiệp. Trong nông nghiệp lấy sản xuất lương thực là chính kết hợp với chăn nuôi; trong lương thực thì chú trọng màu là chính, kết hợp với phát triển cây công nghiệp; trong lâm nghiệp thì chú trọng phát triển trồng rừng, tu bổ rừng kết hợp với việc khai thác lâm sản phụ; đồng thời chú trọng việc phát triển nền thủ công truyền thống”.

Dưới ánh sáng của Nghị quyết 03, phong trào định canh định cư của đồng bào các dân tộc vùng Bắc Ái thu được nhiều thắng lợi. Từ chỗ đồng bào sống du

canh, du cư trên núi với phương thức sản xuất “đao canh hoả chủng”, chặt, phát đốt, tía... năng suất không cao. Theo phương thức sản xuất truyền thống, lạc hậu của đồng bào, mỗi lao động có thể sử dụng khoảng 5 sào đến 1 héc ta đất. Dân số toàn vùng Bắc Ái lúc này khoảng 15.000 ngàn người, trong đó độ tuổi lao động gần 7 ngàn người thì mỗi năm đồng bào phải tự khai phá một diện tích đất rừng khá lớn. Đất đai được trồng trọt trong vài vụ, bị rửa trôi bạc màu, đồng bào lại chuyển đến vùng đất mới để khai phá. Vì thế, diện tích rừng bị thu hẹp nhanh chóng; đời sống kinh tế bấp bênh. Cùng với cuộc sống du canh, các vấn đề khác của xã hội cũng trở nên khó khăn, vì phải sống phân tán trên núi nên con em không có điều kiện đến trường học tập, ốm đau bệnh tật không được khám chữa bệnh ở các trạm y tế, khó kiểm soát dịch bệnh... Xác định những hạn chế trong tập quán du canh của đồng bào, một mặt Đảng bộ huyện đẩy mạnh việc tuyên truyền đồng bào rời bỏ vùng núi cao về vùng thấp để sinh sống, mặt khác huy động các ngành các cấp nỗ lực xây dựng các điểm định canh theo tinh thần chỉ đạo của Tỉnh ủy. Lên phương án cứu đói cho đồng bào khi mới về định cư. Đảm bảo nơi ăn chốn ở, đảm bảo sức khoẻ, đảm bảo sản xuất kịp thời vụ, tiến tới xây dựng hệ thống kênh mương thủy lợi, đập chứa nước đáp ứng nhu cầu nước sản xuất, ổn định đời sống.

Khi đồng bào mới về khu định cư gặp rất nhiều khó khăn về đất sản xuất, về kỹ thuật nuôi trồng. Đồng bào chưa quen với mô hình làng, xã tập trung vì tập tục đã ăn sâu bám rễ trong nhận thức... Trước tình hình trên, Ban Chấp hành đảng bộ huyện tổ chức, hướng dẫn cho đồng bào làm ăn tập thể bằng các tổ vản đôi công, tổ hợp tác xã sản xuất. Đây là các hình thức làm ăn tập thể của nông dân miền núi vốn được đồng bào phát huy rất tốt trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Tổ vản đôi công, tổ hợp tác sản xuất được tổ chức dựa trên ba nguyên tắc: Nông dân tự nguyện, tự giác xin vào tổ chức; các chỉ tiêu, kế hoạch, nội qui được bàn bạc công khai, dân chủ và do tập thể quản lý; mọi quyền lợi của tổ viên được giải quyết trên cơ sở đoàn kết, tương trợ và cùng có lợi. Tất cả nương rẫy thuộc phạm vi tổ sản xuất quản lý được trồng tía các loại cây lương thực, khi thu hoạch dựa vào công điểm chia hoa lợi cho từng tổ viên, người làm nhiều được hưởng nhiều, ai làm ít thì hưởng ít; ngoài ra còn trích một ít hoa lợi để đóng góp cho Nhà nước làm nghĩa vụ. Tổ vản đôi công còn là nơi giáo dục, động viên nông dân thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước, từng bước đưa nông dân tiến lên xây dựng hợp tác xã theo kiểu mẫu của miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

Giống hoa màu được Nhà nước hỗ trợ, mỗi khi bước vào mùa vụ, huyện cử cán bộ khuyến nông xuống từng điểm định canh định cư để hướng dẫn cho nông dân. Hệ thống thủy lợi: Kênh mương, đập chứa nước được xây dựng, khơi thông đảm bảo nguồn nước tưới và sinh hoạt vùng định cư. Bên cạnh việc hỗ trợ về sản xuất, các vấn đề về đời sống tinh thần như giáo dục, y tế và các hoạt động

văn hoá, văn nghệ được Đảng bộ đặc biệt quan tâm nhằm tạo sự yên tâm thật sự vùng định cư.

Tháng 4 năm 1978, Bộ Chính trị ra Chỉ thị số 43 về việc nắm vững và đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thuận Hải chỉ đạo các huyện trong tỉnh tiến hành họp kiểm điểm rút kinh nghiệm những thành tựu và hạn chế trong 3 năm xây dựng đất nước trong tình hình mới, nhất là trong việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, giữ gìn an ninh quốc phòng. Những bài học kinh nghiệm trên phải được quán triệt rộng rãi trong cán bộ, đảng viên và đông đảo quần chúng nhân dân, nhất là ở các điểm đồng bào mới định cư.

Đến cuối năm 1978, vùng Bác Ái xây dựng Hợp tác xã Trà Co và tập đoàn sản xuất Phước Đại, Phước Thành; tổ chức vận động được 3.000 khẩu định canh, định cư tập trung ở các xã Trà Co, Ma Hoa-Phước Đại. Diện tích lúa nước tăng lên, nhất là vùng Phước Hoà, Trà Co, Phước Đại và vùng Đồng Dày-Phước Trung. Đây là một thắng lợi vô cùng to lớn của chính sách định cư, vì cho đến thời điểm giải phóng đất nước, phần lớn đồng bào Bác Ái còn quan niệm sợ trồng lúa nước.

Diện tích gieo trồng mở rộng, năng suất tăng nhanh, đời sống kinh tế được cải thiện rõ rệt, số hộ trong diện cứu đói giảm. Năm 1978, tỉnh đầu tư nguồn kinh phí để xây dựng, nâng cấp tuyến đường từ Phước Đại đi Ninh Bình dài gần 30 km, giúp đồng bào đi lại, mua bán, trao đổi với đồng bào miền xuôi thuận lợi. Các mặt đời sống văn hoá xã hội: Giáo dục, y tế tiếp tục có bước phát triển đáp ứng nhu cầu học tập và khám chữa bệnh cho nhân dân, an ninh nông thôn được giữ vững.

Ngành y tế - chăm sóc sức khỏe nhân dân tiếp tục củng cố và nâng cấp trạm xá khu vực Phước Đại, Trà Co. Ở các xã khác mặc dù chưa xây dựng các trạm xá nhưng đều có các điểm y tế nông thôn làm nhiệm vụ sơ khám, cấp thuốc và chữa một số bệnh thông thường cho đồng bào; vận động đồng bào vệ sinh làng bản, phòng chống dịch bệnh trên tinh thần "sạch làng tốt ruộng". Đến năm 1978, nhiều chị em phụ nữ các dân tộc Raglai, Chu Ru ở Bác Ái đã biết đến cơ sở y tế để khám, chữa bệnh. Đồng bào đã ý thức được việc xây dựng khu chăn nuôi gia súc, gia cầm xa nơi ở. Do làm tốt công tác phòng và chữa bệnh nên các bệnh dịch lâu năm như sốt rét, dịch chuột, dịch tả, sốt xuất huyết được kiểm soát chặt chẽ. Tuy nhiên, công tác y tế vẫn còn bộc lộ một số yếu kém: Dân số toàn vùng Bác Ái hơn 15.000 người, ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm còn hạn chế; nguồn dinh dưỡng hàng ngày nghèo nàn, sức đề kháng thấp nên rất dễ lây nhiễm bệnh... Nhưng toàn vùng Bác Ái chỉ có 02 điểm trạm xá: Phước Đại và Trà Co, chủ yếu vẫn là tre tranh nửa lá dột nát; các phương tiện khám, chữa bệnh lạc hậu, đội ngũ y bác sĩ vừa thiếu vừa yếu nên chưa điều trị, cấp cứu được các bệnh nguy kịch; các điểm y tế nông thôn ở các

xã vẫn còn thiếu thuốc; đội ngũ y tế lưu động chưa duy trì thường xuyên việc trực khám chữa bệnh, đường sá đi lại khó khăn nên nhiều bệnh nhân chuyển lên tuyến trên cứu chữa không kịp... công tác chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân chưa đảm bảo nên đồng bào vẫn còn rước Bầu Dầu cúng bái khi có bệnh, hoặc tự phát dùng các bài thuốc dân gian để chữa bệnh.

Trên lĩnh vực giáo dục - đào tạo gặt hái được nhiều thành tựu vượt bậc. Việc thực hiện tốt chính sách định cư tạo điều kiện thuận lợi để ngành giáo dục duy trì việc dạy và học. Trước đây khi đồng bào du canh du cư, sống trên các triền núi phân tán, việc đi lại cách trở nên nhiều trẻ em trong độ tuổi không được đến trường. Nay thực hiện định cư, đồng bào sống tập trung, hơn nữa đời sống kinh tế được cải thiện rõ nét, cùng với việc tuyên truyền của các ngành các cấp về vai trò của giáo dục trong việc phát triển kinh tế-xã hội, xoá đói nghèo làm cho nhận thức của đồng bào nâng lên rõ rệt. Năm 1978 vùng Bác Ái xây dựng được 17 điểm trường cấp I với gần 2.130 học sinh. Ngoài ra, hệ thống lớp học bình dân học vụ, bổ túc văn hoá tiếp tục được duy trì để đáp ứng nhu cầu việc học chữ của các tầng lớp nhân dân. Đội ngũ giáo viên được tuyển chọn là những người nhiệt tình, tình nguyện, có đạo đức tốt, học lực khá lên các bản làng miền núi để dạy chữ. Từ lòng nhiệt huyết, trách nhiệm với sự nghiệp trồng người, đội ngũ giáo viên vùng Bác Ái vừa đến từng hộ gia đình để vận động con em, người lớn tham gia việc học chữ, vừa căn cứ vào từng độ tuổi, vào mùa vụ để có thể linh hoạt tổ chức các lớp học ban ngày, buổi trưa hoặc buổi tối, tạo điều kiện thuận lợi để đồng bào vừa có thể học chữ vừa đảm bảo sản xuất kịp mùa vụ. Nhiều cán bộ, đảng viên vùng Bác Ái ở tích cực, gương mẫu trong việc học chữ, lặn lội đường rừng để tham dự các lớp bổ túc văn hoá, tập huấn nghiệp vụ. Năm 1978 vùng Bác Ái có 01 Bác sĩ, gần 30 nhân viên y tế; gần 40 giáo viên các cấp. Từ những kết quả trên, năm 1978 tỉnh Thuận Hải là một trong những tỉnh được bộ Giáo dục-Đào tạo công nhận là một trong những đơn vị đạt thành tích xuất sắc trong việc xoá mù chữ, nâng cao dân trí trong toàn quốc, được tặng 2 bằng khen của Bộ.

Việc chú trọng củng cố, phát triển ngành giáo dục - đào tạo đã tạo sự chuyển biến rõ nét trong đời sống sinh hoạt của đồng bào. Đồng bào xưa chỉ biết thực hiện phép tính bằng cột thắt nút, đếm đầu các đốt ngón tay thì nay đã biết đọc, biết viết, biết tính bằng các phép toán. Việc biết đọc chữ giúp đồng bào tiếp cận được các sách báo, khoa học kỹ thuật để áp dụng vào sản xuất, thực hiện nếp sống mới.

Bên cạnh những thành quả trên còn một số hạn chế: tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đến trường còn thấp; các lớp xoá mù chữ, bổ túc văn hoá chưa duy trì tốt sĩ số; tỷ lệ tái mù khá cao. Con em Bác Ái còn biểu hiện ngại xa nhà, nên việc tham gia các trường cấp II, trường thanh niên dân tộc là rất hạn chế. Một số cán bộ, đảng viên sau ngày giải phóng có biểu hiện thoả mãn, thiếu sự nỗ lực, phấn

đầu vươn lên trong cuộc sống, ngại học chữ, chưa thật nêu cao gương sáng để nhân dân noi theo... Đẩy mạnh việc học tập, xoá mù chữ, nâng cao dân trí là một nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa mang tính lâu dài để rút ngắn khoảng cách giữa huyện nhà với miền xuôi, đòi hỏi các ngành các cấp, nhất là ngành giáo dục cần nỗ lực phấn đấu vượt bậc để sớm hoàn thành nhiệm vụ cao cả này.

Năm 1978 mạng lưới thương nghiệp ở Bắc Ái được mở rộng. Ngoài 2 điểm hợp tác xã chính ở Trà Co và Phước Đại, huyện còn tổ chức xây dựng các điểm mua bán, trao đổi hàng hoá theo định kỳ ở các xã Phước Thành, Phước Bình, Phước Hoà, Phước Trung... giúp đồng bào mua bán, trao đổi các nhu yếu phẩm hàng ngày. Các ngành nghề thủ công như rèn, đan lát vật dụng tiếp tục được đồng bào chú trọng, đáp ứng đủ nhu cầu tự cung tự cấp. Vì vậy phần lớn các vật dụng như dao, rựa, xà gạc, gùi, rổ; nông cụ như lưỡi cày, cuốc, nỉ... đồng bào đều tự túc để phục vụ cho việc sản xuất, sinh hoạt hàng ngày.

Hoạt động văn hoá - văn nghệ - thể dục, thể thao tiếp tục được chú trọng: Trong các ngày lễ, bên cạnh việc tổ chức tuyên truyền, huyện chỉ đạo ngành văn hoá tổ chức các hoạt động văn hoá văn nghệ thu hút đông đảo quần chúng tham gia. Để cổ vũ tinh thần nhân dân trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng đời sống mới, đẩy lùi các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, hầu khắp các làng xã đều thành lập các đội văn nghệ, đội mã la.

Phong trào quần chúng tham gia xây dựng mạng lưới an ninh nông thôn được đẩy mạnh. Trong thời gian này, trên vùng đất Bắc Ái ổn định hơn các địa phương khác trong tỉnh, vì hoạt động phòng gian bảo mật trong những năm 1973-1974 đã cơ bản vạch mặt những tên đầu sỏ làm tay sai cho địch. Sau ngày giải phóng, vùng đất Bắc Ái nhìn chung là khá ổn định. Nhưng không vì thế mà các cấp ủy đảng lơ là mất cảnh giác. Mạng lưới an ninh thôn, xã tiếp tục được duy trì, tích cực tuần tra, canh gác; bám các đối tượng đã được cải tạo mãn hạn về địa phương để kịp thời báo cáo cấp trên hoặc đối phó khi chúng có biểu hiện móc nối, gây rối; cương quyết không để bị động, bất ngờ.

Trên lĩnh vực quốc phòng tiếp tục được củng cố, xây dựng. Thực hiện chủ trương của lãnh đạo huyện, Ban chỉ huy Huyện đội và Xã đội tích cực củng cố và xây dựng các đơn vị lực lượng vũ trang, đảm bảo số lượng và chất lượng. Công tác tuyển quân hàng năm đạt chỉ tiêu trên giao; công tác huấn luyện quân sự được tổ chức gắn với giáo dục chính trị tư tưởng cho bộ đội và dân quân nhằm nâng cao kỹ thuật, chiến thuật, xây dựng bản lĩnh chính trị, ý chí chiến đấu, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng đối phó với mọi âm mưu và hành động phá hoại của địch. Ban chỉ huy Quân sự huyện kịp thời điều động, chỉ huy bộ đội và dân quân phối hợp với công an tổ chức truy quét các đối tượng phản động, bảo vệ vững chắc địa bàn.

Qua hai năm thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ I (1977-

1978), toàn Đảng bộ đã thực hiện thành công một số chỉ tiêu về phát triển kinh tế-văn hoá-xã hội, an ninh quốc phòng được giữ vững; đời sống nhân dân đã thực sự đi vào ổn định. Các chính sách về dân tộc được huyện đảng bộ chú trọng và gặt hái được thành tựu rực rỡ, nhất là trong việc đưa đồng bào từ vùng núi cao xuống thấp để định canh định cư. Y tế, giáo dục tiếp tục có bước tiến vượt bậc cả về qui mô lẫn chất lượng. Bộ máy đảng, chính quyền, đoàn thể từ huyện xuống xã, thôn được củng cố, xây dựng trong sạch vững mạnh. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phong trào xây dựng cuộc sống mới. Những thành tựu trên là những tiền đề cơ bản để Đảng bộ tiếp tục đẩy mạnh công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội trong những năm tiếp theo. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một số hạn chế cần nhanh chóng khắc phục, đó là: Đội ngũ cán bộ cấp xã, thôn còn thiếu; trình độ trình độ quản lý và trình độ về khoa học kỹ thuật chưa được trang bị. Ngoài một số đồng bào vùng Phước Đại, Trà Co, Phước Thành đã cơ bản định cư thì nhiều nơi còn du canh, du cư trên núi cao. Địa bàn huyện khá rộng, đi lại cách trở, sự lưu thông hàng hoá hạn chế, nền kinh tế phát triển chậm. Một bộ phận cán bộ, đảng viên có biểu hiện nghỉ xã hơi sau chiến tranh, sức chiến đấu sa sút. Ý chí phấn đấu vươn lên trong cuộc sống, phát triển kinh tế gia đình, xây dựng đời sống mới còn mờ nhạt...

Từ ngày 28 đến ngày 30.7.1979, Đại hội Đảng bộ huyện An Sơn lần thứ II đề ra chủ trương: Phát huy những thành quả đạt được, khắc phục những khuyết điểm, yếu kém, tiếp tục đẩy mạnh sản xuất đưa nền kinh tế huyện nhà phát triển, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể vững mạnh đủ sức lãnh đạo các phong trào cách mạng trong tình hình mới; giữ vững an ninh quốc phòng... Đại hội bầu đồng chí Nguyễn Đình Tấn làm Bí thư huyện uỷ; đồng chí Phạm Thân và đồng chí Phạm Hồng Chiến được bầu làm Phó Bí thư. Đại hội cũng chỉ ra một số khó khăn của đất nước cũng như địa phương trong tình hình mới: Các thế lực thù địch trong và ngoài nước tiếp tục bao vây cấm vận, thực hiện "tâm lý chiến" trong nhân dân để kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân với âm mưu "bạo loạn lật đổ". Một số đối tượng có nợ máu với nhân dân vẫn chưa ra trình diện, còn ẩn nấp chờ cơ hội để móc nối, xây dựng lực lượng. Nền kinh tế nước ta nói chung và huyện nhà nói riêng phát triển còn chậm, các lĩnh vực khác của xã hội như: Y tế, giáo dục, văn hoá thông tin... còn hạn chế nhiều mặt.

Tháng 10.1979, Đại Đảng bộ tỉnh Thuận Hải lần thứ II khẳng định: Hơn hai năm thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đã ý chí tự lực tự cường, vượt qua nhiều khó khăn thử thách để đạt được nhiều thành tích, tạo sự chuyển biến sâu sắc, toàn diện về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng và an ninh. Bước đầu hình thành cơ cấu nông-công nghiệp, tiến hành cải tạo và đẩy mạnh sản xuất, đạt thành tích khá trong khai hoang phục hoá, tăng sản lượng lương thực. Sự nghiệp văn hoá, giáo

dục, y tế, xã hội phát triển hơn trước. Công tác xây dựng, kiện toàn tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể tăng cả về số lượng, chất lượng... Đại hội xác định nhiệm vụ trọng tâm trước mắt trong hai năm 1980-1981: Nông nghiệp, ngư nghiệp là nhiệm vụ hàng đầu. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp tiếp tục phấn đấu hoàn thành tốt các chính sách về ruộng đất nhằm tạo chuyển biến mới trên mặt trận nông nghiệp, góp phần giải quyết nạn thiếu lương thực, thực phẩm còn diễn ra. Phát huy quyền làm chủ của các đoàn thể và quyền làm chủ của nhân dân, đưa cán bộ về nông thôn trực tiếp giải quyết những yếu kém còn tồn đọng trong nông nghiệp. Điều tra, phân vùng và quy hoạch sản xuất.

Để đông đảo cán bộ, đảng viên trong đảng bộ nắm vững Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện, tỉnh lần thứ II, đưa Nghị quyết vào thực tiễn đời sống xã hội, đảng bộ huyện tiến hành mở các lớp học tập Nghị quyết cho cán bộ chủ chốt cấp huyện và các Đảng ủy xã. Qua học tập Nghị quyết, phần lớn cán bộ, đảng viên đều phấn khởi, tỏ rõ quyết tâm của mình trong việc thực hiện các mục tiêu, kế hoạch mà Nghị quyết đề ra, và tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng. Ở vùng Bác Ái, các phong trào thi đua yêu nước thiết thực được phát động rầm rộ trong nhân dân như: Phong trào định canh, định cư; phong trào "sạch làng tốt ruộng"; phong trào diệt dốt; phong trào xây dựng nếp sống mới, xoá bỏ hủ tục lạc hậu trong chữa bệnh, ma chay cưới đám... Đặc biệt là phong trào thi đua sản xuất được các làng, xã, các tổ vận động công, hợp tác xã đăng ký thi đua. Nhà nhà thi đua sản xuất, người người hăng hái hưởng ứng tham gia. Trong hai năm 1980-1981, các mặt sản xuất kinh tế đều thu được những kết quả to lớn:

Về công tác định canh định cư, tính đến cuối năm 1981 vùng xã Trà Co; Tà Lú (Phước Đại), Ma Ty (Phước Thắng) có gần 4 ngàn dân rời các vùng núi cao xuống thấp định cư. Trong các năm 1979-1981 Nhà nước đã cung cấp, hỗ trợ 3,5 tấn giống lúa mới, một số phân bón, thuốc hoá học, 1.000 lưỡi cày, 3.100 lưỡi cuốc, 43 con trâu. Cùng với sự giúp đỡ về kỹ thuật canh tác lúa nước của đồng bào người kinh nên năng suất hoa màu tiếp tục tăng khá. Đồng bào quen dần với phương thức canh tác mới, biết sử dụng thành thạo sức kéo, cày, bừa của gia súc; biết cấy, gieo, gặt và sử dụng một số giống mới, biết sử dụng phân bón hoá học, thuốc trừ sâu vào sản xuất. Trong điều kiện khí hậu khắc nghiệt, hạn hán thường xuyên xảy ra, đồng bào tập trung gieo hạt vào đầu mùa mưa và thu hoạch vào cuối mùa mưa. Các loại giống thường gieo trồng trên những cánh đồng 1 vụ là các loại giống địa phương, có thời gian sinh trưởng dài, có sức chịu hạn tốt như: Nàng Sậu, Cà Đun, Tào Bát, bắp đá, bo bo...

Để chủ động nguồn nước cho sản xuất, hạn chế sự phụ thuộc vào nguồn nước trời, huyện chỉ đạo đẩy mạnh việc xây dựng các công trình thủy lợi vừa và nhỏ ở vùng định cư, vùng miền núi theo phương châm nhà nước đầu tư, nhân

dân cùng làm. Công trình thuỷ lợi Trà Co có khả năng tưới cho 14.8 ha ruộng 2 vụ và tưới thêm cho khoảng 60 đến 100 ha ruộng 1 vụ đang quy hoạch. Với tình thần vượt khó, đồng bào vùng Bác Ái đóng góp công sức xây dựng thêm hàng chục đập "Chà Bôi" mang tính thời vụ, mỗi đập có khả năng tưới từ 2 đến 10 ha đất. Trong điều kiện còn khó khăn, các đập chà bội vỡ đi vỡ lại nhiều lần vì mưa lũ, nhưng đồng bào không tiếc công sức, đóng góp hàng chục vạn ngày công để đưa nguồn nước đến những cánh đồng lúa mới xây dựng.

Ngoài cây nông nghiệp, huyện chỉ đạo tận dụng nguồn lợi về đất rừng, phát triển các loại cây công nghiệp ngắn ngày như: Cây thuốc lá, bông vải, điều, mía... Việc phát triển cây công nghiệp vừa khai thác được thế mạnh kinh tế của vùng miền núi, vừa ngăn chặn hữu hiệu nạn phá rừng ngày một gia tăng trong nhân dân. Các xã Phước Hoà, Trà Co, Phước Đại là những đơn vị đi đầu trong việc phát triển cây công nghiệp. Trong thời gian này, hàng chục ngàn gốc điều được trồng khắp trên các rẫy của đồng bào từ Phước Bình, Phước Hoà đến vùng Phước Thành, Phước Đại, Phước Trung. Trồng cây công nghiệp dần trở thành thói quen trồng trọt, đồng bào trồng cây điều lộn hột trên các rẫy mới khai phá, trồng cây công nghiệp xen kẽ với cây ăn quả trong vườn nhà. Cây điều trở nên gần gũi trong đời sống kinh tế của đồng bào.

Cùng với trồng trọt, ngành chăn nuôi được tập trung đẩy mạnh. Trước đây ở vùng Bác Ái, chăn nuôi mang tính chất gia đình và chủ yếu phục vụ cho các hoạt động tín ngưỡng như cúng kính, lễ lạc quanh năm của gia đình và cộng đồng. Chăn nuôi chưa phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế. Đàn gia cầm như gà vịt chưa được chú trọng như một nhu cầu thực phẩm hàng ngày. Súc vật chăn nuôi theo cách thả rong, chuồng nuôi gia súc làm gần với khu người ở gây mất vệ sinh. Nay bước vào cuộc sống định cư, xây dựng nếp sống mới, chăn nuôi được đặt ra như một nhiệm vụ cấp bách cả về phương diện phục vụ sản xuất, tạo ra của cải vật chất, đáp ứng đầy đủ nhu cầu về tâm linh. Được Nhà nước hỗ trợ về vốn và con giống, đàn gia súc có sự tăng trên vùng Bác Ái năm 1981 khoảng 2.356 con. Đồng bào sử dụng sức kéo, cày của gia súc vào sản xuất ngày một phổ biến. Ngoài ra, đàn heo, gà vịt tăng đột biến; nguồn lợi từ gia cầm dần trở thành nhu cầu quen thuộc trong nhân dân. Việc tiêm phòng cho gia súc để ngăn ngừa dịch bệnh tuy chưa được thực hiện thường xuyên, đồng loạt nhưng cơ bản cũng bảo đảm cho đàn gia súc gia cầm phát triển. Tình trạng giết gia súc gia cầm để hiến tế đã giảm rất nhiều. Việc giết trâu, bò đều được quy định chặt chẽ, nghiêm cấm việc giết trâu, bò đang có sức kéo, cày. Chăn nuôi dần dần đóng một vai trò thiết thực trong sản xuất, thành trụ cột trong nền nông nghiệp nương rẫy và trong đời sống của đồng bào.

Xác định đúng vai trò của rừng, bên cạnh việc điều tra quy hoạch tu bổ rừng, huyện chú trọng tuyên truyền giáo dục ý thức bảo vệ rừng trong nhân dân bằng việc tổ chức các lớp học tập bảo vệ rừng. Ở các xã thành lập ban lâm

nghiệp, nhiều thôn có đội bảo vệ rừng kết hợp chặt chẽ với lực lượng dân quân du kích. Nhờ lực lượng này tham gia phối hợp phát hiện, truy quét, nên Bác Ái hạn chế được nạn khai thác rừng bừa bãi, trong đó tiêu biểu như các xã Trà Co, Phước Đại, Phước Trung...

Tiểu thủ công nghiệp ở vùng miền núi Bác Ái có từ rất lâu đời nhưng nhìn chung phát triển chậm chạp, mang tính tự cấp tự túc để phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt. Hầu hết nam giới của đồng bào các dân tộc Raglai, Chu Ru, Cơ Ho trong huyện đều biết đan lát, rèn dũa dụng cụ, và đây cũng là một tiêu chuẩn để cho các thiếu nữ bắt chồng. Nguyên liệu cho nghề rèn chủ yếu là tận dụng các phế liệu, xác máy bay hay vỏ các loại bom đạn trong chiến tranh để lại hoặc đồng bào phải mua, trao đổi với con buôn. Nguyên liệu cho nghề đan lát chủ yếu là lá buông, mây tre. Sản phẩm của nghề rèn thường được dùng trong gia đình, sản phẩm đan thì được đem trao đổi với con buôn lấy muối, vải, cá khô. Ở nhiều điểm định canh định cư, Nhà nước đã hỗ trợ, đầu tư đồ nghề thợ mộc, thợ rừng, thợ cày như: Rìu, cưa, búa, đục... và hình thành các tổ thợ làm nhà, làm bàn ghế, làm cày bừa. Tuy sản phẩm còn thô sơ nhưng đồng bào rất phấn khởi vì đây là những ngành nghề mới mà trước đây đồng bào chưa hề biết tới. Nghề chế đá, đóng gạch mới bắt đầu ra đời ở vùng xã Trà Co do các thợ người kinh đảm nhiệm, đồng bào đang từng bước tiếp thu kỹ thuật, tiến tới tự sản xuất.

Ngành công-thương nghiệp phát triển tương đối nhanh, nhất là từ khi thực hiện Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị ngày 23.6.1980 về "cải tiến công tác phân phối, lưu thông, từng bước xoá bỏ chế độ cung cấp theo tem phiếu", mạng lưới trạm thương nghiệp nhỏ lẻ được xây dựng ở các cụm xã trong huyện với đầy đủ các nhu yếu phẩm, giúp nhân dân thoả mãn nhu cầu mua bán, trao đổi sản phẩm nông-lâm nghiệp lấy muối, vải, nông cụ...

Trên lĩnh vực giáo dục-đào tạo, thực hiện lời dặn của Thủ tướng Phạm Văn Đồng về cải cách giáo dục, làm cho "trường ra trường, thầy ra thầy, trò ra trò". Trong năm học 1980-1981, hoạt động dạy và học ngày càng được chỉnh đốn, đi vào nề nếp, chất lượng. Các lớp bổ túc văn hoá; lớp xoá mù chữ được mở ban đêm ở khắp các làng, tạo điều kiện để đồng bào vừa sản xuất vừa tranh thủ học tập. Ngoài việc dạy chữ, các thầy cô giáo còn làm nhiệm vụ tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước để nhân dân chủ động đề phòng, đấu tranh chống các luận điệu xuyên tạc của kẻ thù, bài trừ các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan còn ăn sâu trong tiềm thức nhân dân. Qua việc dạy chữ, ngành đã góp phần vun đắp, bồi dưỡng những nhân tố mới, con người mới làm nòng cốt cho sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, ngành giáo dục của Bác Ái vẫn còn nhiều bất cập: Hệ thống trường lớp chưa khắc phục được tre tranh nửa lá, các điểm trường lẻ thường bị gián đoạn vào mùa mưa lũ. Việc duy trì sĩ số không được thường xuyên. Tỷ lệ tái mù chữ trong nhân dân còn cao, việc học chữ đối với đồng bào các dân tộc vùng Bác Ái nói chung chưa

trở thành một nhu cầu thực thụ để tạo động lực thu hút con em đến trường.

Trên mặt trận văn hoá-thông tin tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục các chủ trương chính sách của Đảng, Pháp luật đến với các tầng lớp nhân dân. Cổ vũ tinh thần thi đua sản xuất, xây dựng đời sống mới, xoá bỏ các hủ tục lạc hậu, định hướng tư tưởng nhân dân trước các luận điệu xuyên tạc của kẻ thù, bài trừ các luồng văn hoá độc hại. Trong các dịp kỷ niệm các ngày lễ trọng đại của đất nước, ngành tổ chức tuyên truyền bằng nhiều hình thức phong phú: Pano, khẩu hiệu kết hợp tổ chức các hội thao, văn nghệ thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Ngoài ra, huyện còn thành lập 3 đội chiếu phim lưu động thường xuyên tổ chức đưa phim về các bản làng. Thành lập các đội văn nghệ, thể dục thể thao ở các xã. Đồng bào Bác Ái rất tự hào về nền văn hoá đậm đà bản sắc dân tộc của mình, trong đó có đàn Cha pi, khèn bầu, mã la, nhất là Đàn đá. Trong dịp kỷ niệm 90 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19.5.1890-19.5.1980), Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Thuận Hải phối hợp cùng Viện nghiên cứu âm nhạc Việt Nam mở lễ hội chính thức công bố việc phát hiện Đàn đá Bác Ái ở thôn Đá Bàn, xã Trà Co. Buổi lễ dâng đàn đá cho Đảng và Nhà nước thực sự là một ngày hội lớn đối với đồng bào Raglai ở Bác Ái, qua buổi lễ, đồng bào bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với Đảng và Bác Hồ kính yêu, đã lãnh đạo đồng bào đánh thắng các thế lực thù địch, giữ yên núi rừng ông bà.

Công tác y tế dự phòng được ngành y tế triển khai gắn với tuyên truyền xây dựng nhà vệ sinh, lu chứa nước sạch, vận động đồng bào ăn chín uống sôi, ngủ màn... nhờ đó các dịch tiêu chảy, sốt rét rừng, dịch hạch được kiểm soát. Kết hợp với Hội Phụ nữ tuyên truyền, vận động chị em sinh đẻ có kế hoạch. Đến năm 1981 phòng khám khu vực Phước Đại và Trà Co được củng cố xây dựng, bổ sung trang thiết bị khám chữa bệnh và gần 40 loại thuốc tân dược, trở thành nơi tập kết các bệnh nhân trong huyện về khám chữa bệnh. Đội ngũ y bác sĩ được tăng cường, đồng chí Mẫu Thị Bích Phan được trên điều về làm Trạm trưởng y tế khu vực Phước Đại. Bên cạnh tủ thuốc tây, đội ngũ y bác sĩ còn vận động nhân dân xây dựng các tổ sản xuất thuốc lá, thuốc đông y sẵn có trong rừng. Ở các xã khác đều có đội ngũ y sĩ trực, khám chữa bệnh cho nhân dân. Vào mùa dịch bệnh, Sở y tế còn tăng cường thêm đội ngũ y bác sĩ cấp tỉnh về đứng chân trên địa bàn, phối hợp đội ngũ y tế tại chỗ nhanh chóng dập dịch. Nhưng những thành tựu trên cũng chỉ đáp ứng phần nào nhu cầu khám và chữa một số bệnh thông thường cho đồng bào, còn các bệnh nguy hiểm thì vẫn phụ thuộc vào tuyến trên. Việc tuyên truyền chị em phụ nữ thực hiện các biện pháp tránh thai, thực hiện chính sách kế hoạch hoá gia đình còn rất hạn chế. Tư tưởng "nuôi heo lấy mỡ, nuôi con đỡ chân tay" còn phổ biến trong nhân dân nên dân số huyện nhà vẫn còn tăng nhanh.

Cơ sở hạ tầng được củng cố, xây dựng theo phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm". Nhà nước hỗ trợ, đầu tư kinh phí, nhân dân tham gia ý

kiến, trực tiếp giám sát và tham gia xây dựng. Hàng loạt trường học, bệnh xá, cửa hàng mua bán, trụ sở xã được xây dựng. Hệ thống đường giao từ Trà Co đi Ninh Bình và đường liên thôn được củng cố, mở rộng, tạo điều kiện thông thương hàng hoá giữa miền núi với đồng bằng, góp phần giao lưu, phát triển nền kinh tế-văn hoá-xã hội.

Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể cũng có bước trưởng thành; số lượng và chất lượng đảng viên nâng lên, được chú trọng bồi dưỡng cả về lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sau ngày giải phóng miền Nam, đội ngũ cán bộ ở Bắc Ái được kiện toàn hơn so với trước. Toàn tỉnh Thuận Hải có 278 cán bộ là người dân tộc miền núi, trong đó cán bộ công nhân viên người Raglai hơn 250 người. Đa số là cán bộ cấp huyện, xã và cán bộ công tác trong quân đội. Cán bộ khoa học kỹ thuật còn rất ít. Hầu hết đều là những đảng viên trung kiên, đã kinh qua 2 cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc nên có nhiều kinh nghiệm trong công tác vận động quần chúng. Đây là lực lượng trụ cột của cả hệ thống chính trị ở Bắc Ái. Nhờ lực lượng này, các chủ trương chính sách của Đảng được truyền đạt đến nhân dân một cách đầy đủ, có hệ thống và đi vào thực tiễn đời sống xã hội, góp phần bồi dưỡng niềm tin, động viên đồng bào ra sức xây dựng cuộc sống mới, đẩy mạnh công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa trên quê hương mình. Đầu năm 1980, thực hiện Chỉ thị số 33 và Quyết định số 139 của Hội đồng Chính phủ, tỉnh Thuận Hải xây dựng 15 Ban chuyên môn cấp huyện và 5 ban cấp xã. Bắt đầu từ ngày 01.4.1980 các ban đi vào hoạt động theo quy chế, nhiệm vụ được quy định. Để đội ngũ cán bộ hoàn thành nhiệm vụ cho các ban chuyên môn, tỉnh tổ chức đưa 60 đồng chí cán bộ đi học bổ túc văn hoá, bồi dưỡng lý luận cho 399 cán bộ cơ sở; bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ chủ chốt của các ban ngành.

Quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được củng cố giữ vững. Các cấp ủy Đảng chú trọng công tác xây dựng lực lượng dân quân du kích thôn, xã; xây dựng thế trận an ninh nhân dân, quốc phòng toàn dân ở các làng xã; đẩy mạnh công tác phòng gian bảo mật. Trong các năm (1979-1981) lực lượng dân quân du kích và các Ban Chỉ huy Xã đội vùng Bắc Ái đều do những cán bộ, đảng viên trung kiên phụ trách. Đây là lực lượng trụ cột trong việc bảo vệ chính quyền, bảo vệ nhân dân, bảo vệ sản xuất; chống hoả hoạn, cháy rừng... Trên thực tế, lực lượng phòng gian bảo mật là lực lượng toàn dân, đồng bào luôn theo dõi và báo cáo kịp thời lên cấp trên những người lạ mặt xuất hiện trên địa bàn làng xã. Có thể nói rằng: Sự ổn định về an ninh quốc phòng ở vùng miền núi tỉnh Thuận Hải là nhờ sự đóng góp to lớn của đồng bào các dân tộc huyện Bắc Ái, trong đó nổi bật lên vai trò của cán bộ Xã đội và lực lượng dân quân du kích.

Qua 3 năm kiên trì phấn đấu, nỗ lực của toàn Đảng bộ, nền kinh tế-văn hóa-xã hội có bước phát triển nhất định. Hạn chế cơ bản nhất là: Kinh tế phát

triển chậm, khoảng cách chênh lệch giữa vùng Bắc Ái với miền xuôi còn rất lớn. Giáo dục, y tế chưa đáp ứng được đòi hỏi của công cuộc đổi mới, cải tạo xã hội chủ nghĩa. Phong trào quần chúng chưa mạnh mẽ. Một bộ phận đảng viên có biểu hiện sa sút sức chiến đấu, cán bộ chậm trưởng thành. Đội ngũ cán bộ vẫn chưa cải thiện được trình độ kinh tế, khoa học kỹ thuật và trình độ quản lý. Chính quyền cơ sở chưa vững chắc, thiếu đồng bộ... Những hạn chế này là những chướng ngại vật rất lớn trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trên quê hương Bắc Ái.

Thực hiện Quyết định số 45-QĐ/HĐBT ngày 01.9.1981 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ngày 15.12.1981 Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Thuận Hải quyết định chia tách huyện An Sơn và huyện Ninh Hải thành 4 huyện thị là: Ninh Hải, Ninh Sơn, Ninh Phước và Thị xã Phan Rang-Tháp Chàm. Đồng chí Lưu Minh Nghiệp được chỉ định làm Bí thư huyện uỷ Ninh Sơn. Theo quyết định trên, vùng đất Bắc Ái trực thuộc huyện Ninh Sơn.

Sau khi tái lập, Đảng bộ huyện phát động toàn dân phát huy truyền thống đoàn kết, nỗ lực vươn lên khắc phục khó khăn, khai thác hiệu quả các tiềm năng vốn có của địa phương, phát triển kinh tế-xã hội, xoá đói giảm nghèo, nâng cao dân trí, xây dựng đời sống mới... Vì vậy, năm 1982 các mặt kinh tế-xã hội đã đạt được một số nhiệm vụ quan trọng:

Hệ thống các Hợp tác xã sản xuất, đội sản xuất, tổ vận động công được củng cố xây dựng. Hệ thống kênh mương thủy lợi phục vụ tưới tiêu đồng ruộng được củng cố xây dựng. Hợp tác xã Trà Co từng bước cải tiến kỹ thuật, thâm canh tăng vụ, sử dụng một số giống mới cho năng suất cao, cải thiện một bước về đời sống của hội viên. Ở Phước Đại, các đội sản xuất, tổ vận động công vận hành tương đối hiệu quả, đã tận dụng được tối đa sức lao động, đáp ứng kịp thời vụ cho sản xuất. Công tác định canh định cư tiếp tục được đẩy mạnh. Trong năm 1982 củng cố, xây dựng hoàn thiện 3 điểm định cư lớn ở Trà Co, Tà Lú, Ma Ty và 3 khu vực định cư nhỏ ở Phước Bình, Phước Hoà và Phước Trung. Hệ thống giao thông, liên lạc được mở mang xây dựng, việc đi lại mua bán, trao đổi hàng hóa, đưa tin được thông suốt từ huyện đến cơ sở.

Trên lĩnh vực giáo dục-y tế. Thực hiện Nghị quyết 14 của Bộ Chính trị về cải cách giáo dục, từng bước nâng cao chất lượng dạy học, năm 1982 ngành tổ chức các lớp tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn và lý luận chính trị cho đội ngũ giáo viên. Hầu khắp các xã miền núi ở Bắc Ái đều có trường cấp I hoặc bán cấp và các lớp xoá mù chữ, bổ túc văn hoá. Ngành Y tế tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền vệ sinh phòng chống dịch bệnh, tuyên truyền kế hoạch hoá gia đình, vận động đồng bào đến cơ sở y tế khám chữa bệnh khi đau ốm, không tin vào các hủ tục lạc hậu, rước thầy cúng bái. Tiêm chủng phòng dịch, sát trùng tiêu độc, dập dịch...

Ngành văn hoá thông tin-thể dục thể thao tập trung tuyên truyền ý nghĩa của các ngày lễ trọng đại của dân tộc, đưa tin, hình phản ánh tình hình phát triển kinh tế xã hội; tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao. Năm 1982, huyện thành lập 01 đội chiếu phim lưu động ở vùng miền núi. Chính sách đền ơn đáp nghĩa cho các đối tượng trong diện có công với cách mạng được thực hiện tốt. An ninh-quốc phòng tiếp tục được tăng cường, trật tự an toàn xã hội giữ vững. Cán bộ, đảng viên và nhân dân thực sự yên tâm công tác, lao động sản xuất. Hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở được chỉnh đốn, hoạt động ngày càng nề nếp, hiệu quả.

Tháng 1.1983, Đại hội Đại biểu huyện Ninh Sơn lần thứ III xác định nhiệm vụ: Phát huy quyền làm chủ của nhân dân; khai thác có hiệu quả 3 thế mạnh kinh tế của huyện. Toàn Đảng bộ phấn đấu vươn lên tạo ra lực lượng sản xuất mới, góp phần chuyển một bước về nền kinh tế-xã hội... Trong đó, mục tiêu về phát triển kinh tế nông nghiệp được Đại hội chỉ rõ: Đẩy mạnh công tác định canh định cư; mở rộng diện tích canh tác; tiếp tục củng cố xây dựng các hợp tác xã, các tập đoàn sản xuất; củng cố hệ thống kênh mương phục vụ tưới tiêu; đẩy mạnh tiến độ áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao năng suất, bảo đảm nguồn lương thực cho nhân dân và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước. Đại hội bầu đồng chí Lưu Minh Nghiệp làm Bí thư huyện ủy, đồng chí Chamaléa Điều và đồng chí Ôrai Tiêu được bầu làm Phó Bí thư.

Thực hiện tinh thần Nghị quyết Đại hội, năm 1983 vùng Bác Ái tiếp tục xây dựng, củng cố 6 điểm định, canh định cư cho 1.895 hộ, 10.773 khẩu, tương ứng với diện tích đất mới khai hoang đưa vào canh tác là 2.278 ha. Như vậy, ở các điểm định cư Bác Ái lúc này trung bình mỗi người dân có 2.100 m² đất canh tác, vượt 1.100m² so với chính sách 272/CP của Hội đồng Chính phủ về đất sản xuất. Bên cạnh cây hoa màu, diện tích cây công nghiệp như: Mía, bông vải, điều, thuốc lá đều tăng tăng bình quân hàng năm. Cùng với công tác định cư, huyện Đảng bộ tiếp tục chỉ đạo xây dựng hệ thống kênh mương, đập chứa nước vừa và nhỏ cơ bản đảm bảo phục vụ tưới cho sản xuất.

Ngành giáo dục-đào tạo tập trung thực hiện Nghị quyết 14 của Bộ Chính trị “về đẩy mạnh cải cách giáo dục”, trong 3 năm (1983-1985) ngành giáo dục phát động phong trào “hai tốt”: Học tốt, dạy tốt nên chất lượng dạy học nâng lên rõ rệt. Ở Bác Ái, phát huy tinh thần ham hiểu biết trong đồng bào, ngành giáo dục-đào tạo phối hợp với ngành kinh tế, văn hoá cử nhiều cán bộ trẻ, có trình độ tham gia điều tra cơ bản và phân loại nhân dân để bước đầu có kế hoạch giải quyết nạn mù chữ và tái mù chữ; xây dựng 02 trường bổ túc văn hoá ở xã Phước Đại và Phước Bình. Trường bổ túc văn hoá là cái nôi đào tạo ra nhiều con em các dân tộc trong huyện trở thành cán bộ chủ chốt cấp xã, thôn và lực lượng vũ trang sau này. Ở các xã khác đều có trường cấp I và bán cấp. Phong trào xoá mù chữ tiếp tục được đẩy mạnh với các lớp học ca trưa, ca đêm. Hoạt động ngày

càng đi vào nề nếp, số lượng học sinh đầu năm học tăng, có chất lượng. Tuy nhiên, khó khăn nhất của giáo dục vùng Bắc Ái vẫn là công tác duy trì sĩ số, vì học sinh nghỉ học, bỏ học chiếm tỷ lệ cao, nhất là vào mùa mưa và mùa vụ sản xuất. Do địa bàn cách trở, số học sinh ít nên nhiều lớp học ghép chất lượng chưa cao.

Trên lĩnh vực y tế-chăm sóc sức khỏe nhân dân. Trong 3 năm (1983-1985), hai trạm khu vực ở Trà Co và Phước Đại tiếp tục được nâng cấp cả về qui mô và chất lượng, mỗi trạm có 10 giường bệnh, có Bác sĩ, y sĩ, y tá và hộ lý. Các xã khác đều có điểm y tế cơ sở do một y sĩ và một nữ hộ sinh phụ trách. Việc tuyên truyền đồng bào ăn chín uống sôi, vệ sinh làng bản phòng chống dịch bệnh được duy trì. Cán bộ y tế vận động chị em đến khám thai định kỳ và sinh đẻ ở cơ sở y tế. Sức khỏe nhân dân được đảm bảo; góp phần làm giảm những hủ tục lạc hậu, xây dựng nếp sống mới. Để tạo nguồn lực là người địa phương, tại chỗ, thời kỳ này ngành tiếp tục đưa con em trong huyện tham gia các lớp cử tuyển chuyên ngành y tế.

Chấp hành Nghị quyết 03-NQ/BCT ngày 19.5.1983 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 20 của tỉnh Đảng bộ về công tác an ninh-quốc phòng, Đảng bộ huyện ra Nghị quyết 01 về "toàn đảng bộ, toàn quân, toàn dân kiên quyết đập tan âm mưu chiến tranh phá hoại của địch". Hàng năm, công tác huấn luyện dân quân du kích, tự vệ được tổ chức ở cấp huyện và cấp xã; các trung đội tự vệ luôn ở tư thế sẵn sàng chiến đấu. Lực lượng vũ trang và công an huyện tiếp tục đẩy mạnh truy quét Phun rô. Công tác phòng gian bảo mật, giữ gìn trật tự trị an được duy trì. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở Bắc Ái được giữ vững.

Qua 3 năm thực hiện Nghị quyết Đảng bộ huyện lần thứ III (1983-1985), bên cạnh những thành quả đạt được vẫn còn nhiều tồn tại, yếu kém: Nền kinh tế ở Bắc Ái nói riêng và toàn tỉnh Thuận Hải nói chung bộc lộ sự mất cân đối. Việc làm ăn tập thể của mô hình hợp tác xã, đội sản xuất và các tổ vận động công biểu hiện sự trì trệ, hiệu quả chưa cao; công tác quản lý còn gặp nhiều lúng túng. Đội ngũ cán bộ từ huyện đến cơ sở có biểu hiện chủ quan, duy ý chí, nóng vội; cơ chế tập trung quan liêu bao cấp ngày càng bộc lộ những khuyết điểm, yếu kém làm kìm hãm sự phát triển... trong khi đó, điều kiện khí hậu khắc nghiệt; nền kinh tế nông nghiệp phát triển còn chậm và chưa đạt chỉ tiêu Đại hội đề ra; thủ công nghiệp vẫn còn manh mún; nền giáo dục, y tế tuy có phát triển nhưng chưa đồng đều giữa các vùng; khoảng cách chênh lệch giữa vùng miền núi với đồng bằng ngày càng lớn... Đó cũng là những hạn chế, khuyết điểm của nền kinh tế nước nhà sau gần 10 năm đất nước giải phóng. Nhưng, những kết quả đạt được bước đầu là vô cùng quan trọng, cơ bản đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân. Các chính sách về phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội cơ bản đáp ứng được đòi hỏi khách quan của sự phát triển. Đời sống sống vật chất lẫn tinh thần

của nhân dân được nâng lên một bước; bộ mặt nông thôn ngày càng khởi sắc. Kết quả trên đã động viên toàn Đảng bộ, đặc biệt là đồng bào Bắc Ái thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, tích cực hưởng ứng các phong trào cách mạng do đảng khởi xướng, quyết tâm xây dựng quê hương mình ngày càng giàu đẹp.

3/ Đảng bộ huyện lãnh đạo nhân dân thực hiện công cuộc đổi mới, tiến hành 3 chương trình kinh tế lớn theo nghị quyết VI của Đảng (1986-1990)

Tháng 9.1986, Đại hội Đảng bộ huyện Ninh Sơn lần thứ IV, nhiệm kỳ (1986-1990) đề ra mục tiêu cơ bản là: Phát triển toàn diện, lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu, thực hiện tốt 3 chức năng là cung cấp lương thực, thực phẩm, nguyên liệu cho ngành công nghiệp và xuất khẩu. Đổi mới cơ chế quản lý, xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp. Xây dựng nền văn hoá mới, con người mới xã hội chủ nghĩa, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, giữ vững an ninh quốc phòng. Tiếp tục chỉnh đốn, xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh, nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý, nâng cao sức chiến đấu của Đảng. Đại hội bầu đồng chí Chamaléa Điều làm Bí thư huyện ủy; đồng chí Đoàn Việt Tiến làm Phó Bí thư-Thường trực.

Đến tháng 12 năm 1986, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI của Đảng được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội. Trên tinh thần "nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật". Đại hội chỉ ra khuyết điểm lớn của Đảng trong thời gian qua là "bệnh chủ quan duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội; là khuynh hướng buông lỏng trong quản lý kinh tế-xã hội... cùng với sự trì trệ trong công tác tổ chức cán bộ đã kìm hãm lực lượng sản xuất và triệt tiêu động lực phát triển"⁴². Trên cơ sở thực tiễn cách mạng 10 năm qua, Đại hội đề ra nhiệm vụ: Xây dựng và tổ chức thực hiện ba chương trình về lương thực-thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu...; thực hiện nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa một cách thường xuyên với những hình thức và bước đi thích hợp, làm cho quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ lực lượng sản xuất, thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất...; đổi mới tư duy kinh tế; giải quyết vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông; tăng cường khả năng quốc phòng và an ninh đất nước; phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước; xây dựng Đảng thật sự ngang tầm một đảng cầm quyền đồng thời nâng cao hiệu lực chỉ đạo và điều hành của bộ máy Đảng và Nhà nước...

Trong bối cảnh sự nghiệp cách mạng còn gặp nhiều khó khăn thử thách, đường lối đổi mới của Đại hội VI thể hiện sinh động sự phát triển về tư duy lý luận và tinh thần sáng tạo của Đảng, mở đầu cho thời kỳ đổi mới đất nước một

42 Sách đã dẫn trang 260- Biên niên sử các Đại hội ĐCSVN T2. Nxb Từ điển bách khoa.

cách toàn diện.

Đề cán bộ, đảng viên và đông đảo quần chúng hiểu rõ tầm quan trọng của Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, huyện chỉ đạo mở các lớp học tập quán triệt Nghị quyết; chỉ đạo phòng văn hoá-thông tin đẩy mạnh công tác tuyên truyền rộng rãi trong cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Gắn học tập Nghị quyết với việc tự phê bình, kiểm điểm các cá nhân, tổ chức nhằm chỉnh đốn xây dựng Đảng, lên án tư tưởng bảo thủ trì trệ, chủ quan duy ý chí. Qua việc học tập Nghị quyết, cán bộ đảng viên trong đảng bộ đã hiểu rõ những khuyết điểm sai lầm của Đảng trong thời gian qua, đồng thời nhận thức rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc đưa Nghị quyết VI của Đảng vào thực tiễn đời sống xã hội là việc làm cần kíp; vừa là mục tiêu của giai cấp, vừa là động lực để mọi tầng lớp trong xã hội chủ động, sáng tạo, nỗ lực vươn lên.

Thực hiện mục tiêu ba chương trình lương thực-thực phẩm, hàng tiêu dùng và xuất khẩu. Sau Đại hội, Đảng bộ huyện chỉ đạo đẩy mạnh việc củng cố, phát triển nền sản xuất cả về quy mô, hình thức và hiệu quả. Trong nông nghiệp: Tiếp tục mở rộng diện tích canh tác, kết hợp trồng hoa màu với các loại cây công nghiệp. Tập trung đổi mới phương thức quản lý các hợp tác xã nông nghiệp, các tập đoàn sản xuất; đồng thời khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình... Để tạo đà cho sản xuất, nhà nước đầu tư trên 900 triệu đồng cho việc xây dựng các công trình phục vụ nông nghiệp, giao thông, thủy lợi, định canh định cư và các công trình phúc lợi khác. Nhờ vậy, trong hai năm 1987-1988 sản lượng lương thực tăng 14,8% so với năm 1986.

Ngành lâm nghiệp xác định mô hình nông-lâm kết hợp. Tháng 10 năm 1988, huyện quyết định thành lập Liên hiệp xí nghiệp lâm nông nghiệp huyện Ninh Sơn. Công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp tiếp tục có bước chuyển biến mới, toàn diện theo tinh thần Nghị quyết VI của Đảng. Ngoài các ngành nghề truyền thống vốn có của nhân dân trong huyện được củng cố, phát huy. Đối với vùng miền núi Bắc Ái, nền kinh tế cơ bản vẫn còn trong tình trạng tự cung tự cấp; sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp cơ bản chỉ để giải quyết nhu cầu tại chỗ cho đồng bào, chưa tạo ra hàng hoá để phục vụ cho buôn bán. Đồng bào tiếp tục phát huy ngành nghề truyền thống như: Đan lát, rèn dũa các vật dụng gia đình theo hướng tự cung tự cấp, đáp ứng nhu cầu sử dụng vào sản xuất. Ngoài ra, trong giai đoạn này, đồng bào còn tiếp thu kỹ thuật đóng gạch, làm đá chẻ, làm mộc...

Trên lĩnh vực văn hoá-xã hội được củng cố, phát triển, tạo ra những nhân tố mới, con người mới xã hội chủ nghĩa. Trong 3 năm 1986-1988, ngành giáo dục tiếp tục đẩy mạnh phong trào 2 tốt, hoạt động dạy học ngày càng đi vào nề nếp, chất lượng nâng lên. Vùng miền núi Bắc Ái, hàng năm có hàng trăm thanh thiếu niên, cán bộ xã tham gia học tập ở trường thanh niên dân tộc và các lớp bổ túc văn hoá. Năm 1987 được sự hỗ trợ của chương trình UNICEF, huyện chỉ đạo

nâng cấp trường tiểu học Phước Đại lên thành trường nội trú với gần 58 học sinh từ lớp 1 đến lớp 7. Ở xã Phước Thắng, nhân dân phối hợp các tập đoàn sản xuất đóng 40 bàn ghế cho học sinh. Nhận thức của đồng bào đối với việc học chữ đã nâng lên một bước, nhiều gia đình đã ý thức được việc học chữ là con đường rút ngắn sự nghèo nàn lạc hậu. Ngành y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân phát động phong trào "3 tốt, 5 dứt điểm" ở vùng miền núi, góp phần giảm thiểu dịch bệnh, sức khỏe nhân dân được đảm bảo. Để tạo nguồn nhân lực tại chỗ cho ngành, hàng năm tỉnh đều quy hoạch và cử con em các dân tộc vùng Bắc Ái tham gia các lớp cử tuyển, bồi dưỡng kiến thức về y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

Qua hai năm thực hiện đường lối đổi mới theo tinh thần Nghị quyết VI của Đảng và Nghị quyết lần thứ IV của huyện Đảng bộ. Nhìn chung các mặt của đời sống xã hội đã có bước chuyển biến tích cực. Nhiều nhân tố mới về con người; về tư duy quản lý kinh tế của bộ máy lãnh đạo Đảng, Nhà nước các cấp; về năng lực lãnh đạo... ra đời, bước đầu tạo tiền đề cho sự nghiệp đổi mới cho những năm tiếp theo. Tuy nhiên, so với mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội IV của huyện Đảng bộ đề ra, nhiều lĩnh vực chưa đạt được chỉ tiêu. Sự đổi mới tư duy đội ngũ cán bộ, đảng viên còn chậm. Tốc độ phát triển kinh tế, xã hội còn hạn chế, chưa xứng tầm với tiềm năng vốn có của địa phương.

Phát huy những thành quả đạt được trong hai năm thực hiện Nghị quyết IV của huyện Đảng bộ, phát huy tinh thần đoàn kết, cần cù lao động của nhân dân trong huyện, tranh thủ các chính sách của Đảng và Nhà nước và sự giúp đỡ của các địa phương khác trong tỉnh, nhân dân Bắc Ái nói riêng và toàn Đảng bộ Ninh Sơn nói chung quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu cải tạo xã hội chủ nghĩa, thực hiện thành công hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Để phát huy những thành quả đạt được, khắc phục những tồn tại, yếu kém trong hai năm thực hiện đường lối đổi mới theo tinh thần Nghị quyết VI của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IV. Đại hội Đại biểu huyện Ninh Sơn lần thứ V (từ ngày 12.3 đến ngày 14.3.1989) đã đề ra phương hướng cụ thể cho 2 năm (1989-1990) là: Đổi mới cơ chế quản lý trên toàn bộ nền kinh tế của huyện nhà. Đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, tổ chức tốt lưu thông hàng hoá. Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, xây dựng nếp sống văn hoá và công bằng xã hội. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội... Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 39 đồng chí. Đồng chí Chamaléa Điêu được bầu làm Bí thư huyện ủy; đồng chí Đoàn Việt Tiến làm Phó Bí thư-Thường trực; đồng chí Trương Xuân Thìn được bầu làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng được Đảng bộ xem là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, nhằm xây dựng, chỉnh đốn đội ngũ cán bộ, đảng viên đồng thời nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng trong tình

hình thế giới có nhiều biến động phức tạp. Tháng 8 năm 1989, Hội nghị Trung ương lần thứ VII (K VI) đánh giá những sai lầm, lệch lạc trong việc cải tổ, cải cách của một số nước xã hội chủ nghĩa, lên án sự chống phá của chủ nghĩa đế quốc, phê phán những quan điểm sai lệch, dao động về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Tháng 3 năm 1990, Hội nghị Trung ương lần thứ VIII ban hành hai Nghị quyết về "tình hình quốc tế và nhiệm vụ của Đảng ta" và "Đổi mới, tăng cường công tác vận động quần chúng". Chấp hành Nghị quyết VII, VIII của Đảng, trong hai năm (1989-1990), ngoài việc thường xuyên tiến hành công tác chính trị tư tưởng, các chi đảng bộ đã gắn công tác tư tưởng với công tác tổ chức và kiểm tra việc thực hiện Điều lệ Đảng, chú trọng công tác phê bình và tự phê bình. Tạo nguồn, phát triển 67 đảng viên mới. Qua đánh giá, phân loại đảng viên, toàn Đảng bộ huyện có 726 đồng chí đủ tư cách; 40 cán bộ đảng viên bị sai phạm, trong đó khai trừ, đưa ra khỏi đảng 23 người; có 5/34 tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch vững mạnh, 06 cơ sở yếu kém. Nguyên nhân của sự yếu kém trên là do một số cấp ủy đảng chưa thật sự chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, chưa quản lý chặt chẽ đội ngũ đảng viên, một số chi đảng bộ chưa duy trì sinh hoạt đảng một cách thường xuyên, nội dung còn hạn chế; công tác phê và tự phê bình chưa được chú trọng...

Thực hiện nhiệm vụ đổi mới cơ chế quản lý nền kinh tế một cách toàn diện. Sau Đại hội, Đảng bộ huyện tổ chức các lớp học tập, quán triệt Nghị quyết V của huyện Đảng bộ và tiếp tục triển khai học tập, rút kinh nghiệm việc thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 05 của Tỉnh ủy về "Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp, xoá bỏ cơ chế quan liêu bao cấp cho đông đảo cán bộ đảng viên trong Đảng bộ. Chỉ đạo các hợp tác xã và tổ đội sản xuất tích cực thực hiện cơ chế khoán mới, mạnh dạn xây dựng điển hình. Đi đầu trong việc thực hiện xoá bỏ cơ chế bao cấp, chuyển sang làm ăn hạch toán kinh doanh có xí nghiệp Bình Phú ở Lâm Sơn đã mạnh dạn chuyển sang mô hình Hợp tác xã kinh doanh tổng hợp. Qua một thời gian hoạt động, xí nghiệp đã làm ăn hiệu quả, trở thành điển hình của huyện Ninh Sơn. Cùng với hợp tác xã, huyện khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế cá thể nhằm tạo nên sự phong phú về thành phần kinh tế trong xã hội. Việc khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình đã đáp ứng được nguyện vọng thiết tha của đông đảo các tầng lớp nhân dân, làm cho các hộ gia đình chủ động, sáng tạo, tích cực sản xuất, kinh doanh một cách hiệu quả, đóng góp nguồn thuế to lớn cho Nhà nước. Nhất là trên lĩnh vực nông nghiệp, năm 1989, tổng sản lượng lương thực đạt 18.200 tấn, tốc độ tăng bình quân năm là 10,4%. Riêng vùng miền núi Bắc Ái, tổng sản lượng lương thực năm (1989-1990) tăng 12,7% so với năm 1988. Năm 1990, thực hiện tinh thần chỉ đạo của Trung ương về "phát triển nông nghiệp toàn diện và xây dựng nông thôn mới". Đảng bộ huyện tiến hành qui hoạch, chuyển đổi một số diện tích đất nông nghiệp bạc màu sang trồng các cây công nghiệp như bông vải, bạch đàn, dâu tằm; đồng thời hướng dẫn kỹ thuật, hỗ trợ

giống và vốn để nhân dân phát triển trồng trọt, chăn nuôi đàn gia súc gia cầm. Ở địa bàn Bác Ái, một số diện tích thuộc các xã Trà Co, Phước Hoà đã chuyển sang trồng bạch đàn, bông vải. Đàn gia súc gia cầm vùng tăng nhanh. Diện tích đất canh tác tiếp tục được mở rộng. Thu nhập từ nghề rừng ngày càng nâng cao. Năm 1990 số hộ đói giáp hạt giảm, giảm nguồn cứu trợ cho Nhà nước.

Để tạo điều kiện sản xuất nông nghiệp, lưu thông hàng hoá, giao thông đi lại giữa các vùng trong huyện, trong hai năm (1989-1990) huyện đã đầu tư trên 4.389 triệu đồng để củng cố, xây dựng một số công trình thủy lợi, nâng cấp các tuyến đường liên thôn liên xã. Nhất là vùng miền núi Bác Ái, hệ thống giao thông liên xã cơ bản hoàn thiện, hầu hết các xã đều có đường ô tô đến tận nơi, trừ xã Phước Bình. Ngoài ra huyện còn phát triển mô hình kinh tế nông-lâm kết hợp, hỗ trợ giống, kỹ thuật... tạo nhiều việc làm cho đồng bào, năng suất tăng nhanh. Nhờ đó, số hộ trong diện cứu đói năm 1990 giảm 10,3 % so với năm 1988; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên một bước, bộ mặt nông thôn miền núi khởi sắc, tiêu biểu như Suối Rớ (Phước Đại), Ma Ty, Ma Oai (Phước Thắng); Chà Banh (Phước Hoà); Trà Co 1, Trà Co 2 (Trà Co) và Đồng Dày-Phước Trung.

Văn hoá-xã hội tiếp tục thu được những kết quả tốt sau hai năm thực hiện Nghị quyết V của huyện Đảng bộ. Hoạt động của mạng lưới văn hoá thông tin-thể dục thể thao được duy trì thường xuyên, vừa đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hoá cho nhân dân, đồng thời góp phần đẩy lùi các luồng văn hoá độc hại đang len lỏi trong cộng đồng. Ngành giáo dục huyện được đầu tư xây dựng mạng lưới trường lớp theo hướng kiên cố hoá, từng bước xoá tre tranh dột nát ở vùng miền núi. Đội ngũ giáo viên ngày càng chuẩn hoá, chất lượng; các chính sách thu hút, đãi ngộ đối với giáo viên lên công tác ở vùng miền núi đã góp phần làm cho đội ngũ yên tâm công tác; trang thiết bị dạy học cơ bản đáp ứng yêu cầu giáo dục. Sức khoẻ nhân dân được bảo đảm, các loại dịch bệnh đã được ngành y tế kiểm soát. Năm 1990, Ủy ban nhân dân huyện ra quyết định số 121-QĐ/UB "về việc thành lập Ban chỉ đạo bảo vệ sức khoẻ nhân dân", với nhiệm vụ tổ chức các chương trình tiêm chủng, phòng chống sốt rét; tuyên truyền chủ trương kế hoạch hoá gia đình, vệ sinh môi trường. Ở vùng Bác Ái, nhân dân đến cơ sở y tế khám thai, sinh đẻ, khám chữa bệnh ngày một tăng, hạn chế một phần tình trạng rước thầy cúng bái chữa bệnh. Công tác chăm sóc các đối tượng chính sách được chú trọng, hàng trăm hồ sơ thương binh, bệnh binh, gia đình có công với cách mạng được xác minh bổ sung và đề nghị hưởng các chế độ của xã hội. Các chế độ hưu, tuất được giải quyết kịp thời, ngoài ra huyện còn đẩy mạnh công tác sưu tập mộ liệt sĩ, xây dựng nhà tình nghĩa, lập quỹ đền ơn đáp nghĩa...

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Nhất là sau khi huyện triển khai Chỉ thị 135 của Hội đồng bộ trưởng, Quyết định số 240/HĐBT và Chỉ thị 77/TVTU. Ở vùng Bác Ái, mạng lưới an ninh nhân dân

được duy trì tốt, công tác phòng gian bảo mật được chú trọng nên không để xảy ra những vụ điển hình. Một số đối tượng thuộc chế độ cũ sau khi cải tạo về địa phương đã chí thú làm ăn, tích cực tham gia các phong trào cách mạng do chính quyền các cấp phát động. Tuy nhiên, ở địa bàn huyện Ninh Sơn nói chung và ở Bác Ái nói riêng, tình hình mù chữ, mù luật của nhân dân còn chiếm tỷ lệ khá cao, dẫn đến tình trạng vi phạm pháp luật ngày một tăng. Năm 1989 có 104 vụ phạm pháp hình sự. Ở vùng Bác Ái nạn tảo hôn, vi phạm luật hôn nhân gia đình, vi phạm Lâm luật... còn chiếm tỷ lệ khá cao.

Tổ chức và hoạt động của các cơ quan Nhà nước theo hướng đổi mới đã có bước tiến bộ, thể hiện sự phân định chức năng quản lý Nhà nước rõ ràng, bộ máy được tinh giảm biên chế, nâng cao chất lượng. Hội đồng nhân dân các cấp sau kỳ bầu cử tháng 11.1989 đã có bước đổi mới về tổ chức và hoạt động; các nhiệm vụ, chỉ tiêu, biện pháp sát đối tượng, giúp các cấp các ngành hoạt động có hiệu quả. Hoạt động của Mặt trận-đoàn thể tập trung hướng về cơ sở, bám sát cơ sở, vận động quần chúng nhân dân tích cực tham gia các phong trào do Đoàn, Hội, Đội... vận động nhân dân tích cực tăng gia sản xuất, xây dựng đời sống mới.

Qua gần 4 năm thực hiện đường lối đổi mới đất nước theo tinh thần Nghị quyết VI của Đảng và hai năm thực hiện Nghị quyết V của Đảng bộ huyện, đội ngũ cán bộ lãnh đạo Đảng, Nhà nước các cấp từ huyện đến cơ sở đã có bước đầu đổi mới tư duy và có sự trưởng thành nhất định. Các cơ chế chính sách mới dần dần đi vào cuộc sống, đã phát huy tiềm năng các thành phần kinh tế, khuyến khích các tầng lớp nhân dân nỗ lực vươn lên trong lao động sản xuất. Diện tích, năng suất, sản lượng lương thực-thực phẩm đều phát triển ổn định, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân và bước đầu phục vụ cho buôn bán, xuất khẩu. Hệ thống cơ sở hạ tầng nông thôn được đầu tư xây dựng theo hướng kiên cố hoá, hiện đại, tạo bộ mặt nông thôn miền núi đáng hoàng hơn. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Tổ chức Đảng và hệ thống chính trị được củng cố, kiện toàn, bước đầu đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo.

Bên cạnh những thành quả đạt được, qua hai năm thực hiện Nghị quyết V của Đảng bộ huyện theo tinh thần của Nghị quyết VI của Đảng vẫn còn bộc lộ nhiều yếu kém, khuyết điểm. Trước hết là sự đổi mới tư duy trong đại bộ phận cán bộ, đảng viên còn chậm. Sự định hướng, chỉ đạo thực hiện chuyển đổi cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang làm ăn theo kiểu hạch toán kinh doanh còn thiếu cụ thể, chưa sát tình hình địa phương và chưa có biện pháp điều chỉnh, bổ sung kịp thời. Nền kinh tế-xã hội phát triển còn chậm, hiệu quả còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng vốn có của địa phương. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền còn chậm đổi mới, công tác vận động quần chúng của mặt trận, đoàn thể chưa theo kịp yêu cầu nhiệm vụ...

4/ Đẩy mạnh phát triển kinh tế-xã hội, thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện theo hướng công nghiệp hoá-hiện đại hoá (1991-2000)

Tháng 11 năm 1991, Đại hội Đảng bộ huyện Ninh Sơn lần thứ VI (vòng II) vạch ra những hạn chế, khuyết điểm cơ bản trong những năm qua là: Việc nắm bắt và vận dụng cơ chế mới vào thực tiễn địa phương còn lúng túng. Công tác lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và Nhà nước còn yếu kém. Công tác tổ chức, vận động quần chúng chưa được thường xuyên, liên tục để tạo nên các phong trào cách mạng sôi nổi. Đại hội còn phân tích tình hình diễn biến phức tạp của thế giới, nhất là sự sụp đổ của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và sự bao vây cấm vận, "âm mưu diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch có tác động xấu đến tình hình trong nước; đồng thời đánh giá những thuận lợi, khó khăn của địa phương. Đại hội đề ra một số phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ tới: Khai thác có hiệu quả tiềm năng và lợi thế vốn có của địa phương. Đẩy mạnh phát triển kinh tế-xã hội. củng cố, xây dựng nền quốc phòng; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo sự ổn định chính trị xã hội để phát triển. Đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh trên ba mặt: Chính trị, tư tưởng và tổ chức. Nâng cao chất lượng hoạt động của mặt trận và các đoàn thể quần chúng.

Đại hội bầu đồng chí Chamaléa Điều làm Bí thư huyện ủy, đồng chí Đoàn Việt Tiến làm Phó Bí thư-Thường trực, đồng chí Trương Xuân Thìn làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Đảng bộ huyện bước vào thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong không khí cả nước đang hướng về Thủ đô Hà Nội để theo dõi Đại hội Đảng lần thứ VII (tháng 6.1991), một sự kiện lịch sử trọng đại của đất nước trong thời kỳ đổi mới. Đại hội đã thông qua Cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và chiến lược ổn định, phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2000. Đại hội một lần nữa khẳng định: Đảng ta lấy chủ nghĩa Mác-Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, làm kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng; kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội... Nghị quyết Đại hội VII của Đảng như ngọn gió mới thổi vào mọi ngõ ngách của thành thị, nông thôn, miền núi cả nước; cổ vũ tinh thần của đông đảo các tầng lớp nhân dân, bồi dưỡng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự thành công của sự nghiệp đổi mới đất nước. Đối với đồng bào Ninh Thuận, năm 1991 còn ghi dấu ấn trọng đại về sự kiện chia tách, tái lập tỉnh Ninh Thuận (ngày 26.12.1991). Việc tái lập tỉnh phù hợp năng lực quản lý, điều hành của đội ngũ cán bộ, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân trong tỉnh⁴³.

43 Chia tỉnh Thuận Hải thành hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận. Tỉnh Ninh Thuận có 4 huyện thị là Ninh Sơn, Ninh Hải, Ninh Phước và Thị xã Phan Rang-Tháp Chàm.

Bước vào thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, Đảng bộ huyện tiếp tục động viên các cấp ủy Đảng, các tầng lớp nhân dân phấn đấu vượt qua khó khăn thử thách, thực hiện nhiệm vụ trọng tâm về đẩy mạnh sản xuất, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, chú trọng phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc, miền núi, kiên định chính sách đổi mới, quyết tâm từng bước thoát khỏi tình trạng nghèo nàn lạc hậu. Trên tinh thần đó, năm (1991-1992) mặc dù huyện còn phải đương đầu với một số khó khăn nhất định, song trên các mặt đời sống xã hội cơ bản có những bước phát triển tốt, tạo tiền đề cho kế hoạch 5 năm (1991-1995).

Trên lĩnh vực nông nghiệp. Thực hiện chủ trương xây dựng cơ cấu kinh tế nông-lâm-tiểu thủ công nghiệp gắn với cơ cấu vùng, hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp, phát huy thế mạnh tài nguyên rừng. Đến năm 1993, diện tích đất gieo trồng là 14.763 ha, tăng 16% so với năm 1992. Diện tích trồng cây thuốc lá tăng 80 ha, cây mía tăng hơn 200 ha. Tổng sản lượng lương thực đạt 24.598 tấn. Ngoài việc phát triển vùng chuyên canh và trồng hoa màu, các dự án phát triển đàn gia súc gia cầm được triển khai lên các vùng miền núi trong huyện, năm 1991 tổng đàn gia súc của huyện là 21.311 con, đến năm 1993 tăng lên 26.320 con. Để nhân dân chủ động trong việc quản lý, sử dụng và sản xuất nông nghiệp, hạn chế việc tranh chấp đất đai, quản lý việc đóng thuế sử dụng đất được chặt chẽ, khắc phục tình trạng lãng phí quỹ đất... ngày 6.8.1992 Ủy ban nhân dân tỉnh ra Chỉ thị số 26-CT/UB.NT "về việc ban hành quy định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất". Nhờ vậy, đến năm 1993, việc quản lý quỹ đất của huyện đi vào nề nếp hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc quy hoạch các vùng chuyên canh cây công nghiệp, đất thổ cư và đất sản xuất nông nghiệp.

Ngành lâm nghiệp đẩy mạnh chương trình dự án 327 "về phủ xanh đất trống đồi trọc và định canh định cư", tiến hành giao đất giao rừng cho các lâm trường, Ban quản lý rừng phòng hộ và cho đồng bào miền núi chăm sóc, trồng rừng theo mô hình nông-lâm kết hợp. Năm 1993, toàn huyện trồng rừng tập trung được 217 ha.

Về sản xuất công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp. Một số ngành nghề truyền thống được chú trọng, khuyến khích phát triển theo cơ chế mới, làm ăn hiệu quả như mía đường, gạch ngói, nước đá, đồ mộc và một số mặt hàng dân dụng khác. Ở vùng miền núi Bắc Ái, đồng bào tiếp tục phát triển các ngành nghề thủ công truyền thống như đan lát, rèn, mộc, đá chẻ... Tuy nhiên, nhìn chung ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của huyện nhà còn gặp nhiều khó khăn do sản phẩm có giá thành cao, chưa phong phú, khó cạnh tranh trên thị trường. Ở vùng Bắc Ái, ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp chưa có điều kiện để phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá, chủ yếu đáp ứng nhu cầu sử dụng tại chỗ cho đồng bào.

Trên lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản tiếp tục được thực hiện theo phương

châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm". Năm 1991 nhà nước đầu tư 300 triệu đồng để xây dựng các công trình thủy lợi, năm 1993 là 537 triệu đồng. Đầu tư xây dựng các công trình giao thông năm 1991 là 680 triệu, năm 1992 là 920 triệu đồng. Trong năm 1993, tổng giá trị đầu tư cho các công trình trọng điểm đạt 4,5 tỷ đồng, tăng 50% so với năm 1992. Ngoài ra nhà nước còn đầu tư hàng chục tỷ đồng để xây dựng các công trình phúc lợi xã hội như trường học, bệnh viện, nhà văn hoá, sân vận động...

Nghị quyết 08-NQ/TU ngày 18.11.1993 của Tỉnh ủy xác định: "Giáo dục đào tạo là quốc sách hàng đầu" và đề ra nhiệm vụ đẩy mạnh đổi mới giáo dục-đào tạo nhằm "nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài", đồng thời chủ trương "huy động toàn xã hội làm giáo dục...". Thực hiện tinh thần trên, Đảng bộ huyện đã ra Nghị quyết chuyên đề về "công tác giáo dục và đào tạo vùng dân tộc thiểu số", tập trung chỉ đạo các cấp các ngành tham gia củng cố, xây dựng thống trường lớp, trang thiết bị phục vụ dạy học. Vì vậy, chất lượng dạy và học có sự chuyển biến. Trẻ em trong độ tuổi được huy động đến trường hàng năm đạt gần 85%. Ở vùng Bác Ái, do địa bàn cách trở, dân cư sống phân tán, đội ngũ giáo viên còn thiếu nên huyện chủ trương tiếp tục mở các lớp nhô, lớp ghép giúp các em học tập thuận lợi. Công tác phổ cập giáo dục cấp I và xoá mù được phát động rộng khắp địa bàn dân cư. Năm 1993, vùng Bác Ái xoá mù chữ cho 270 học viên; hàng chục cán bộ, đảng viên cơ sở tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng văn hoá.

Ngành y tế-chăm sóc sức khoẻ nhân dân đẩy mạnh công tác tiêm chủng phòng bệnh; khám, cấp thuốc, chữa bệnh cho nhân dân kịp thời. Tháng 8 năm 1992, huyện thành lập Ủy ban dân số kế hoạch hoá gia đình đã tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chính sách gia đình ít con; vận động nhân dân ăn chín uống sôi, vệ sinh an toàn thực phẩm.

Ngành văn hoá thông tin-thể dục thể thao tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến đông đảo các tầng lớp nhân dân gắn với tổ chức các hoạt động văn hoá văn nghệ thể dục thể thao. Ở vùng Bác Ái, năm 1993 huyện phát động xây dựng làng văn hoá ở thôn Đồng Dày xã Phước Trung, các đội văn nghệ dân gian, đội bóng chuyền, bóng đá được thành lập ở hầu khắp các xã; phong trào xây dựng nếp sống mới được nhân dân hưởng ứng mạnh mẽ.

Thực hiện đạo lý "uống nước nhớ nguồn", "đền ơn đáp nghĩa". Ngành thương binh xã hội, hội chữ thập đỏ cùng các ban ngành liên quan tiếp tục vận động nhân dân xây dựng quỹ đền ơn đáp nghĩa, xây dựng nhà tình nghĩa, làm sổ tiết kiệm, sưu tập mộ liệt sĩ; điều tra xác minh hoàn thành hồ sơ thủ tục cho các gia đình chính sách, gia đình có công với cách mạng. Chi trả lương và các chế độ chính sách kịp thời.

Trước tình hình thế giới có những chuyển biến phức tạp, các thế lực thù địch đẩy mạnh chống phá, gây chia rẽ nội bộ, nhất là chúng ra sức kích động tư tưởng kỳ thị dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây nên những diễn biến phức tạp về an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội. Trước tình hình trên, năm 1993 Ban Chấp hành Đảng bộ huyện mở Hội nghị quán triệt Nghị quyết Trung ương III (Khoá VII) "về đấu tranh chống diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch; đồng thời chỉ đạo các cấp ủy đảng chú trọng công tác phòng gian bảo mật, duy trì hoạt động các tổ dân quân du kích xã, thôn; củng cố xây dựng mạng lưới an ninh nhân dân. Kiên quyết không để bị động, bất ngờ. Sẵn sàng ứng phó kịp thời trước những diễn biến có thể xảy ra. Việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và quân dự bị động viên thực hiện tốt. Công tác tuyển quân hàng năm đạt chỉ tiêu trên giao.

Bộ máy chính quyền các cấp được củng cố và kiện toàn một bước cả về hiệu quả, hiệu lực điều hành. Hầu hết các cơ quan từ huyện đến cơ sở đều hoạt động theo quy chế làm việc được Đảng bộ huyện chỉ đạo xây dựng. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt thường xuyên được học tập nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, cơ bản đáp ứng yêu cầu công việc. Công tác mặt trận-đoàn thể được Đảng bộ chỉ đạo sâu sát theo tinh thần Nghị quyết 8b "về đổi mới công tác quần chúng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân" vì vậy, các phong trào quần chúng: Thi đua sản xuất, xoá đói giảm nghèo, xoá mù chữ, vệ sinh làng bản... được nhân dân hưởng ứng mạnh mẽ. Tuy nhiên, đối với các xã vùng Bắc Ái, bộ máy chính quyền, đoàn thể còn bộc lộ nhiều yếu kém, do đội ngũ cán bộ còn hạn chế về trình độ chuyên môn nghiệp vụ cũng như lý luận chính trị. Các phong trào quần chúng tuy thu hút được sự quan tâm của đồng bào nhưng hiệu quả chưa cao.

Để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ kinh tế-xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng. Đảng bộ huyện xác định nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là phải nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đảng viên và phát triển đảng viên mới, kiện toàn đội ngũ cán bộ... theo tinh thần Nghị quyết Trung ương III (K VII). Theo tinh thần trên các cấp ủy Đảng đã thường xuyên đổi mới hình thức, phương pháp công tác giáo dục chính trị tư tưởng. Tổ chức cơ sở đảng được chấn chỉnh một bước theo hướng tinh gọn, cải tiến về nội dung sinh hoạt. Đến năm 1993, toàn huyện có 30 tổ chức cơ sở đảng, giảm 02 so với năm 1992. Các chi đảng bộ thực hiện nghiêm túc tinh thần phê bình và tự phê bình hàng năm. Qua đánh giá phân loại đảng viên có 415 đồng chí đạt tư cách phấn đấu tốt, 218 đủ tư cách, 32 đồng chí vi phạm phải xử lý bằng các hình thức kỷ luật, loại trừ đưa ra khỏi Đảng 13 người. Năm 1993 phát triển đảng viên mới được 56 đồng chí, đạt 93,3% so với kế hoạch. Việc chỉnh đốn, xây dựng Đảng theo tinh thần Nghị quyết TW III (K VII) cơ bản nâng cao bản lĩnh chính trị, sức chiến đấu cho các tổ chức cơ sở đảng trong toàn

Đảng bộ, tuy nhiên vẫn còn một số cấp ủy còn buông lỏng trong công tác quản lý đảng viên; một số đảng viên còn thiếu gương mẫu, tiên phong trong sinh hoạt..

Tháng 4.1994, Đảng bộ huyện tổ chức Hội nghị giữa nhiệm kỳ để đánh giá những ưu điểm, hạn chế qua hai năm thực hiện Nghị quyết VI, rút ra một số kinh nghiệm thực tiễn; đồng thời bổ sung các phương hướng cụ thể thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 1994-1995: Tiếp tục ổn định và đẩy mạnh phát triển kinh tế theo hướng sản xuất hàng hoá và chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp với từng vùng, từng tiểu vùng cụ thể. Đẩy mạnh, phát triển giáo dục đạo tạo, y tế, văn hoá, đời sống và việc làm cho nhân dân. Giữ vững an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội. củng cố, kiện toàn bộ máy lãnh đạo đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp.

Sau Hội nghị, Đảng bộ huyện mở các lớp học tập, quán triệt Nghị quyết Trung ương V (K VII) về "tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế-xã hội nông thôn" cho 62 cán bộ chủ chốt; đồng thời xây dựng Chương trình hành động và xác định phương hướng tới: Gắn phát triển nông nghiệp với lâm nghiệp và ngành nghề truyền thống. Sắp xếp, củng cố lại các đơn vị kinh tế quốc doanh nông nghiệp; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động các hợp tác xã...

Kinh tế tập thể đã chuyển đổi cơ chế quản lý, một số đơn vị đã đăng ký theo Nghị định 338 của Chính phủ, mạnh dạn đổi mới công nghệ và phương thức sản xuất kinh doanh, làm ăn hiệu quả. Mặc dù kinh tế quốc doanh có bị thu hẹp trên địa bàn huyện nhưng vẫn đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế của huyện, doanh số bán ra năm sau cao hơn năm trước. Năm 1995 bán ra 3.103 triệu, đạt 103,4% kế hoạch, mua vào 3.020 triệu, đạt 104% kế hoạch. Mô hình kinh tế nông-lâm kết hợp ngành nghề truyền thống được mở rộng trên địa bàn Bắc Ái, mang lại hiệu quả cao, cải thiện đời sống nhân dân, góp phần quan trọng vào ngân sách Nhà nước và các hoạt động phúc lợi xã hội.

Sản xuất nông nghiệp tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp: Mía, bông vải, điều, thuốc lá nhằm phát huy lợi thế của địa phương, tạo nguồn nguyên liệu phục vụ cho sản xuất công nghiệp và xuất khẩu. Ở vùng Bắc Ái, huyện quy hoạch vùng Phước Đại phát triển cây bông vải, Phước Hoà phát triển cây điều, Trà Co mở rộng diện tích trồng thuốc lá... Khi bắt tay xây dựng các vùng chuyên canh, được Nhà nước tập huấn kỹ thuật canh tác, hỗ trợ giống mới nên sản lượng cây trồng tăng. Dân gia súc gia cầm tăng đột biến nhờ các dự án của Nhà nước. Các ngành nghề truyền thống được đồng bào chú ý phát triển, vừa phục vụ nhu cầu tại chỗ, vừa cung cấp đáng kể cho hoạt động buôn bán trao đổi. Đến năm 1995, tốc độ tăng trưởng nền kinh tế huyện nhà đạt 13,8%, sản xuất nông nghiệp có một số nét nổi bật, các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Tổng diện tích gieo trồng năm 1995 là 14.573 ha, tổng sản lượng lương thực đạt 28.230 tấn, đạt

112% kế hoạch.

Để thúc đẩy nền kinh tế vùng miền núi Bắc Ái phát triển, từng bước xoá đói giảm nghèo, rút ngắn khoảng cách chênh lệch với vùng đồng bằng, Đảng bộ huyện triển khai thực hiện Nghị quyết 22-NQ/BCT của Bộ chính trị “về phát triển kinh tế-xã hội vùng miền núi” bằng việc thành lập các đoàn khảo sát tình hình kinh tế-xã hội, các tiềm năng, lợi thế và thực trạng đội ngũ cán bộ, đảng viên, qua đó vạch ra những bước đi cụ thể, phù hợp với trình độ phát triển và khả năng vốn có của vùng miền núi. Qua khảo sát, một lần nữa Đảng bộ huyện xác định: Sản xuất nông nghiệp gắn với lâm nghiệp là nền kinh tế mũi nhọn ở vùng miền núi. Từ đó chỉ đạo các lâm trường Tân Tiến, Lâm trường ở Phước Thắng, Ban định canh định cư, trạm khuyến nông tranh thủ các nguồn vốn ưu đãi xoá đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, vốn phát triển chăn nuôi vùng miền núi, vốn theo chương trình 327... tập trung mọi nỗ lực, đầu tư về giống cây trồng vật nuôi, hỗ trợ kỹ thuật, phân bón, thuốc trừ sâu và cử cán bộ bám sát địa bàn theo phương châm "cầm tay chỉ việc", nhờ vậy năng suất tăng đột biến, nhất là sản lượng lúa nước vùng Phước Trung, Phước Chính, Phước Hoà... đạt gần 400 kg/sào. Chia đất, chia rừng khoán quản để nhân dân tự trồng mới, bảo vệ và thu nguồn lợi. Năm 1995 giao 37.156 ha cho 1.239 hộ. Tiếp tục vận động một số đồng bào còn sống phân tán trên các triền núi xuống thấp định cư, ổn định cuộc sống. Nhờ vậy đã cơ bản giải quyết được nạn đói giáp hạt, số hộ đói nghèo giảm từ 2.540 hộ năm 1991 xuống còn 1.857 hộ năm 1995. Nhiều hộ gia đình có của ăn của để, mua sắm được các vật dụng đắt tiền như xe đạp, xe máy, ti vi...

Kinh tế phát triển tạo điều kiện cho các mặt đời sống xã hội ổn định, phát triển. Trong năm học (1994-1995) ngành giáo dục-đào tạo huyện nhà tiếp tục xây dựng mới một số phòng học ở các xã miền núi Phước Thắng, Phước Thành, Phước Trung. Đội ngũ giáo viên ngày càng chuẩn hoá, yên tâm tư tưởng công tác. Ngoài ra, ngành còn triển khai chương trình thay sách giáo khoa theo chỉ đạo của Bộ giáo dục... Nhờ vậy, chất lượng giáo dục không ngừng được nâng lên; học sinh phổ thông tăng 2,5 lần so với năm 1993. Công tác phổ cập, xoá mù chữ được duy trì; các lớp bổ túc văn hoá cơ bản hoàn thành mục tiêu kế hoạch đề ra. Hoạt động văn hoá văn nghệ được cải tiến, phát triển và giữ được nét bản sắc văn hoá dân tộc. Ngành y tế triển khai các chương trình y tế dự phòng, phòng chống các bệnh lao, phong, bướu cổ, sốt rét, dịch tả... Năm 1995 Trung tâm y tế huyện Ninh Sơn được thành lập.

Thực hiện nhiệm vụ an ninh-quốc phòng. Đảng bộ huyện tiếp tục triển khai Nghị quyết Trung ương III (Khoá VII) và Chỉ thị 25-CT/TU "về đấu tranh chống diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch, và Chỉ thị 22-CT/TU về chuyên đề an ninh quốc phòng, góp phần ổn định tình hình chính trị, trật tự trị an của địa phương. Công tác huấn luyện chính trị quân sự cho lực lượng dân quân tự vệ, quân dự bị động viên được tổ chức hàng năm, kết hợp với diễn tập

quân sự theo kế hoạch A và A2, phương án chiến đấu tại chỗ giữa huyện và diễn tập phòng thủ cho các xã trong huyện... Công tác tuyển quân hàng năm vượt chỉ tiêu trên giao cho. Tình trạng đào ngũ, trốn quân cơ bản được đẩy lùi.

Hoạt động của Hội đồng nhân dân ngày càng có chất lượng. Các cuộc tiếp xúc cử tri đã nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, sát với cơ sở, giải quyết kịp thời các bức xúc, thắc mắc của quần chúng nhân dân. Chính quyền các cấp tiếp tục thực hiện cải cách theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 8, xây dựng 64 Ban quản lý thôn, góp phần giải quyết những vấn đề phát sinh từ cơ sở. Công tác vận động quần chúng tiếp tục được củng cố theo tinh thần Nghị quyết 8 B nhằm đổi mới nội dung, phương thức vận động quần chúng một cách thiết thực, hiệu quả, nhờ vậy đã thu hút các tổ chức, đoàn thể và quần chúng tham gia một cách tích cực, tự nguyện. Đến năm 1995 có 65% Ủy ban mặt trận và Hội phụ nữ cơ sở và gần 20% cơ sở đoàn thanh niên đạt loại khá.

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết VI của Đảng bộ huyện theo tinh thần Nghị quyết VII của Đảng. Đảng bộ huyện đã nắm vững và vận dụng sáng tạo các chủ trương, chính sách của đảng vào thực tiễn địa phương; vận động các tầng lớp nhân dân phấn đấu nỗ lực, khắc phục khó khăn vững bước đi lên giành được những tựu quan trọng: Nền kinh tế tăng trưởng với tốc độ cao, cơ sở hạ tầng được tăng cường đáng kể, văn hoá xã hội có nhiều chuyển biến. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên một bước. Hệ thống chính trị được củng cố, quốc phòng an ninh được giữ vững. Những thành tích trên đã cổ vũ, bồi đắp niềm tin của các tầng lớp nhân dân huyện nhà vào sự lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp đổi mới đất nước.

Để phát huy những thành quả sau 5 năm thực hiện đường lối đổi mới, khắc phục những tồn tại, yếu kém. Tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn. Từ ngày 28 đến ngày 30.3.1996, Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VII đã đánh giá, tổng kết và rút ra những bài học kinh nghiệm qua 5 năm thực hiện đường lối đổi mới theo tinh thần Nghị quyết VI của Đảng; đề ra mục tiêu tổng quát của toàn Đảng bộ đến năm 2000: Đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế một cách hiệu quả và bền vững; phấn đấu đưa huyện nhà thoát khỏi tình trạng nghèo nàn kém phát triển, thu hẹp khoảng cách chênh lệch giữa các vùng trong huyện; cải thiện mọi mặt đời sống của nhân dân; giữ vững an ninh quốc phòng... Đại hội vạch ra phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp cụ thể cho nhiệm kỳ tới: Chuyển dịch cơ cấu sản xuất- lâm-tiểu thủ công nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá; phát triển công nghiệp-dịch vụ; thực hiện công nghiệp hoá hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Thực hiện tốt chính sách xoá đói giảm nghèo, nâng cao dân trí và các chính sách xã hội. Bảo đảm vững chắc nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; chủ động ngăn ngừa, đập tan mọi âm mưu và hoạt động "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch. Đẩy mạnh việc xây dựng, chỉnh đốn và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở

Đảng. Xây dựng chính quyền Nhà nước thực sự là của dân, do dân và vì dân. Đại hội bầu đồng chí Chamaléa Tiép làm Bí thư huyện ủy; đồng chí Huỳnh Ngọc Lành được bầu làm Phó Bí thư - Thường trực.

Từ ngày 28.6 đến ngày 1.7.1996, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng được tổ chức ở Thủ đô Hà Nội. Đại hội khẳng định tiếp tục sự nghiệp đổi mới, nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại hoá vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Bước vào thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế giai đoạn (1996-2000), Đảng bộ huyện xác định thế mạnh của nền kinh tế nông-lâm và tập trung chỉ đạo việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá. Một số loại cây công nghiệp từng bước đưa lên sản xuất hàng hóa như cây mía, điều, thuốc lá, bắp lai, bông vải... phát huy hiệu quả. Về sản xuất nông nghiệp năm 2000, tổng sản lượng sản xuất ở Bắc Ái đạt 4.858 tấn; thuốc lá 73 ha; điều 600 ha. Ngoài ra, nguồn vốn khoán quản bảo vệ rừng theo chương trình 327 (nay là 661) cho 716 hộ góp phần giải quyết việc làm, giảm bớt khó khăn về đời sống cho đồng bào trong huyện.

Cùng với trồng trọt, ngành chăn nuôi đàn gia súc, gia cầm có vai trò rất lớn trong nền kinh tế Bắc Ái. Với thế mạnh có đồng cỏ dưới tán rừng rộng, sức lao động dồi dào, thời tiết phù hợp với ngành chăn thả gia súc nên huyện chỉ đạo tiếp tục triển khai các chương trình, dự án phát triển đàn bò, dê. Năm 1998, chương trình Sind hoá đàn bò được triển khai, góp phần cải thiện trọng lượng, nâng cao chất lượng đàn bò trong huyện. Đến năm 2000, đàn bò Bắc Ái có 7.018 con, tỷ lệ lai Sind chiếm 11,4%; trâu 938 con; dê cừu 2.370 con...

Đến những năm (1997-1998) vai trò của các Hợp tác xã trong nền kinh tế quốc dân của huyện mờ nhạt, do làm ăn thua lỗ kéo dài, kém hiệu quả, không còn hấp dẫn nông dân. Phần lớn hợp tác xã nằm im không hoạt động chờ giải thể, một số ít chuyển đổi phương thức hoạt động. Sự sụp đổ của mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã đã phản ánh đúng thực trạng của nền kinh tế nước ta trong những thập niên 90 trước trào lưu phát triển kinh tế theo định hướng đổi mới của Đảng. Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị về "đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp" và Nghị quyết 05 của Trung ương về "đổi mới nông nghiệp-nông thôn, đổi mới nội dung quản lý hợp tác xã nông nghiệp trong điều kiện mới" ra đời cùng với việc triển khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình đã phát huy vai trò tự chủ về sản xuất, kinh doanh của kinh tế cá thể theo hướng sản xuất hàng hoá. Những định hướng trên đã tạo động lực để nhân dân phát triển các tiềm năng vốn có của bản thân, của địa phương phục vụ cho việc phát triển kinh tế một cách hiệu quả, bền vững.

Nhờ chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng nên các lợi thế, tiềm năng

vốn có của huyện nhà được tận dụng, phát huy tối đa, đem lại hiệu quả. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt 6,95%. Tỷ trọng ngành nông-lâm nghiệp chiếm 63.42% trong tổng giá trị sản xuất; tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề truyền thống từng bước khẳng định được vai trò. Việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng tăng diện tích cây công nghiệp và cây thực phẩm có giá trị kinh tế cao, giảm diện tích cây lương thực đã phát huy được tiềm năng, lợi thế về nông nghiệp của huyện nhà.

Để thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn, đặc biệt là đối với vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc. Năm (1997-1998), Nhà nước đầu tư cho Bắc Ái 25,15 tỷ đồng, đến năm (1999-2000) đầu tư 98,20 tỷ đồng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, chủ yếu vào giao thông, thủy lợi, trường học, trạm xá, điện thắp sáng và thông tin liên lạc... Nhờ đó, hệ thống giao thông trong huyện được mở mang, xây dựng, việc đi lại của đồng bào trong huyện với vùng đồng bằng được thông suốt. Năm 1998 điện lưới quốc gia kéo về 6 xã trong huyện, đến năm 2000 có 9/9 xã ở Bắc Ái, 33/36 thôn với 1.193 hộ có điện lưới quốc gia (chiếm 36,6% số hộ toàn huyện), góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Hệ thống thông tin liên lạc được nối vào mạng thông tin cả nước. Mạng lưới thương nghiệp-dịch vụ được phân bố rộng khắp các trung tâm xã, cụm xã với các điểm cửa hàng thương nghiệp-dịch vụ, giúp đồng bào trong huyện trao đổi, mua bán thuận lợi. Nhờ đó, bộ mặt nông thôn miền núi ngày càng khởi sắc. Thành quả của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đã đi vào thực tiễn đời sống xã hội bằng nhiều hình thức như: Máy đập bắp, máy tuốt lúa, máy xay xát gạo, mô tơ bơm nước... làm cho đồng bào trong huyện càng thêm phấn khởi, tin tưởng. Sự thay đổi trên một lần nữa khẳng định Nghị quyết của Đảng về đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn, thực hiện công cuộc đổi mới là đúng đắn.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương II (Khóa VIII) về "chiến lược phát triển giáo dục-đào tạo và khoa học công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá". Năm 1997, Đảng bộ huyện ra Nghị quyết chuyên đề về "giáo dục-đào tạo và công tác xoá mù chữ-phổ cập giáo dục tiểu học miền núi đến năm 2000" và phát động phong trào "toàn dân chăm lo sự nghiệp giáo dục", chỉ đạo thành lập các Ban chỉ đạo xoá mù chữ, phổ cập tiểu học từ huyện đến xã; đồng thời tiến hành điều tra trình độ văn hoá toàn dân từ 3 đến 35 tuổi đến từng hộ gia đình, từng trường học, từng làng xã trong huyện để có biện pháp cụ thể trong công tác phổ cập, xoá mù chữ. Hưởng ứng phong trào trên, các cấp các ngành cùng nhân dân trong huyện tích cực tham gia thành lập các Hội khuyến học, quỹ khuyến học; tổ chức vận động, tuyên truyền nhân dân tích cực tham gia các loại hình học tập: Phổ cập, xoá mù, bổ túc, tại chức, hướng nghiệp... Hệ thống trường lớp tiếp tục được đầu tư xây dựng theo hướng kiên cố hoá, từng bước xoá tre tranh nứa lá ở vùng miền núi Bắc Ái, hạn chế các lớp ca ba. Hầu hết các xã hoặc liên

xã đều có trường cấp II. Trong năm học (1999-2000), ở Bắc Ái có 4.127 học sinh theo học các cấp. Tỷ lệ học sinh tăng bình quân năm là 8,98%, trong đó mẫu giáo là 5,4%, tiểu học là 3,58%. Chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc gia từ 120 tuần sang 165 tuần đối với bậc tiểu học được triển khai; tỷ lệ học sinh đậu tốt nghiệp hàng năm đạt trên 80%. Chính sách thu hút, ưu đãi đối với đội ngũ nhà giáo ở Bắc Ái được tỉnh quan tâm đặc biệt, góp phần làm cho đội ngũ yên tâm tư tưởng công tác, gắn bó, yêu nghề. Đội ngũ giáo viên được nâng lên cả về số lượng lẫn chất lượng; khắc phục được tình trạng giáo viên bỏ lớp, nghỉ dạy. Sự nghiệp giáo dục-đào tạo cơ bản hoàn thành nhiệm vụ nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá huyện nhà.

Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân có nhiều tiến bộ. Hệ thống y tế cơ sở được quan tâm đầu tư xây dựng, 9/9 xã ở Bắc Ái có trạm y tế, đội ngũ y bác sĩ từ huyện đến cơ sở cơ bản đã qua trình độ chuyên môn trung cấp trở lên. Năm 2000 thực hiện chương trình y tế quốc gia đã cấp 7.801 thẻ y tế khám chữa bệnh miễn phí cho 1.746 hộ gia đình nghèo, gia đình chính sách ở Bắc Ái. Việc phòng chống dịch bệnh được tổ chức triển khai hàng năm có kết quả tốt. Các chương trình quốc gia về y tế được đảm bảo. Nhận thức của đồng bào về công tác chăm sóc sức khỏe, vệ sinh phòng chống dịch bệnh nâng lên rõ nét. Nạn rước thầy cúng bái và chữa bệnh theo hủ tục lạc hậu cơ bản được đẩy lùi.

Công tác xóa đói giảm nghèo gắn với phong trào đền ơn đáp nghĩa, tương thân tương trợ được nhân dân hưởng ứng tham gia như: Tham gia đóng góp xây dựng quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ ủng hộ nạn nhân chất độc gia cam, lũ lụt... Hộ đói, nghèo ở Bắc Ái giảm bình quân hàng năm là 7,38%. Phong trào giúp đỡ trẻ mồ côi, khuyết tật, người già neo đơn. Hàng năm huyện đều có kế hoạch xây dựng nhà tình nghĩa cho gia đình thương binh, liệt sĩ. Đẩy mạnh việc tìm kiếm, sưu tập mộ liệt sĩ; thẩm tra xác minh, hoàn thành thủ tục đề nghị Nhà nước công nhận trao tặng huân huy chương và các chế độ khác cho những cá nhân tập thể có công với nước còn tồn đọng.

Hoạt động văn hoá văn nghệ-thể dục thể thao đáp ứng được yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống mới” thu hút được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia. Các thiết chế văn hoá ở cơ sở được xây dựng chặt chẽ; bản sắc văn hoá dân tộc được bảo tồn và phát huy. Phong trào văn hoá văn nghệ-thể dục thể thao diễn ra sôi nổi, rộng khắp. Hàng năm phòng Văn hóa thông tin-thể dục thể thao huyện tổ chức các giải bóng chuyền, bóng đá miền núi thu hút đông đảo quần chúng tham gia. Phong trào thể thao phát triển mạnh mẽ, hầu hết các xã đều thành lập đội bóng chuyền, bóng đá, đội văn nghệ, đội đánh Mã la... Hàng ngàn Radio được cấp phát cho đồng bào dân tộc thiểu số, nhiều hộ gia đình kinh tế khá giả mua

sấm được Ti vi, xe máy... Mức hưởng thụ văn hoá tinh thần của nhân dân ngày càng nâng lên rõ nét.

Lĩnh vực văn hóa-xã hội còn bộc lộ nhiều hạn chế yếu kém, cần sự nỗ lực của toàn Đảng bộ trong thời gian dài: cơ sở vật chất phục vụ công tác giảng dạy như trường học, chỗ ngồi, trang thiết bị dạy học, ... còn thiếu. Tình trạng học ca ba vẫn còn phổ biến. Tỷ lệ học sinh học bỏ học, lưu ban chiếm tỷ lệ còn cao, yêu cầu phổ cập giáo dục tiểu học trên phạm vi toàn huyện là vấn đề nan giải (còn xã Phước Bình, Phước Tân chưa phổ cập tiểu học). Đội ngũ nhà giáo chưa đạt chuẩn còn chiếm tỷ lệ lớn: tiểu học chiếm trên 40%, mẫu giáo trên 90%. Tỷ lệ người mù chữ trong độ tuổi chiếm 14,47%, hiện tượng tái mù còn cao. Tỷ lệ phát triển dân số còn cao (gần 3%). Các hoạt động văn hóa văn nghệ-thể dục thể thao chưa phát huy được nét đẹp truyền thống của văn hóa các dân tộc trong huyện. Lao động còn thiếu việc làm, đói giáp hạt chưa được ngăn chặn. Dịch bệnh như sốt rét, lao, dịch tả có nguy cơ tái phát cao. Việc chăm sóc sức khỏe nhân dân và vệ sinh phòng chống dịch bệnh còn nhiều bất cập.

Nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân được tăng cường, củng cố vững chắc. Lực lượng dân quân tự vệ được củng cố, nâng cao cả về số lượng lẫn chất lượng, năm 2000 đạt 2,18 % dân số. Trong 5 năm qua, ở Bắc Ái đã thành lập và duy trì 370 tổ an ninh nhân dân, 4 đội dân phòng, 192 tổ hoà giải.

Trên lĩnh vực an ninh quốc phòng luôn được các cấp ủy đảng, chính quyền quan tâm, tạo sự ổn định về an ninh trật tự-an toàn xã hội. Nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân được quan tâm xây dựng, củng cố. Lực lượng vũ trang tập trung và dự bị động viên, dân quân tự vệ luôn đảm bảo số lượng và chất lượng. Hàng năm đều được huấn luyện, diễn tập, khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, góp phần làm thất bại âm mưu "diễn biến hoà bình", "bạo loạn lật đổ" của các thế lực thù địch. Ở Bắc Ái dân quân tự vệ chiếm tỷ lệ 4,13 % dân số; đảng viên chiếm 5,53%; đoàn viên chiếm 22%. Phát triển kinh tế-xã hội luôn được đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với củng cố, giữ vững an ninh chính trị, góp phần tạo điều kiện cho kinh tế, văn hóa, xã hội ngày càng phát triển.

Tuy nhiên, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vẫn còn diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều yếu tố nguy hiểm. Đó là một bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân nhận thức chưa đầy đủ về “âm mưu diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, đôi lúc còn mơ hồ mất cảnh giác. Một số cấp ủy, chính quyền cơ sở còn biểu hiện xem nhẹ việc xây dựng lực lượng và thế trận quốc phòng toàn dân. 1/9 đồng chí xã đội trưởng ở Bắc Ái chưa phải là đảng viên; 4/9 xã chưa xây dựng được chi bộ quân sự. Công tác phát triển đảng viên, đoàn viên trong dân quân tự vệ còn chậm.

Công tác xây dựng Đảng được Đảng bộ xem là nhiệm vụ then chốt. Đảng bộ huyện đã tập trung thực hiện đổi mới, chỉnh đốn đảng, không ngừng tạo chuyển biến trên cả 3 mặt: Chính trị, tư tưởng và tổ chức. Chú trọng việc bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân thông qua việc học tập Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các đợt sinh hoạt chính trị. Tạo niềm tin sâu sắc của quần chúng nhân dân vào sự nghiệp đổi mới của Đảng. Đại bộ phận cán bộ, đảng viên giữ vững phẩm chất chính trị, kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, thể hiện rõ vai trò tiên phong gương mẫu trước nhân dân; không ngừng nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, đấu tranh chống các quan điểm sai trái và âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch. Các tổ chức cơ sở đảng từng bước được củng cố, nâng cao vai trò lãnh đạo; thực hiện nghiêm túc phê bình và tự phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương VI lần 2. Nhiều chi, đảng bộ đã xây dựng được chương trình, quy chế hoạt động; phân công từng đảng viên phụ trách những công việc cụ thể gắn với kiểm tra, đôn đốc, khen thưởng và kỷ luật nghiêm... góp phần nâng cao sức chiến đấu của hệ thống chính trị ở cơ sở. Ở Bắc Ái có 20 tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc với 501 đảng viên. Trong 9 Đảng bộ khối xã có 01 đảng bộ đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh; 8/9 đảng bộ đạt loại khá. Trong 5 năm (1996-2000), Bắc Ái phát triển thêm 76 đảng viên mới; đào tạo lý luận tại Trường chính trị tỉnh và Trung ương cho 57 đồng chí; bồi dưỡng lý luận phổ thông cho 256 đồng chí. Hàng năm có trên 30 cán bộ thuộc diện quy hoạch cơ sở theo học bổ túc văn hóa tại trường thanh niên dân tộc, góp phần đáng kể cho việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, nhìn chung trình độ của đội ngũ cán bộ, đảng viên còn hạn chế nên khả năng tiếp thu, vận dụng các quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước vào thực tiễn đời sống xã hội chưa đạt kết quả cao.

Công tác kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ đảng và các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng được tiến hành thường xuyên, góp phần uốn nắn, ngăn chặn những lệch lạc, giữ vững kỷ cương, kỷ luật của đảng. Qua kiểm tra 21 lượt đảng viên và 03 tổ chức cơ sở đảng ở Bắc Ái đã phát hiện 09 trường hợp mắc khuyết điểm, sai phạm phải xử lý kỷ luật, trong đó khai trừ 01 đồng chí, xóa tên 03 đồng chí, còn lại là các hình thức kỷ luật khác.

Về phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng từng bước được đổi mới, phát huy vai trò, chức năng, nhiệm vụ của mình. Tôn trọng nguyên tắc tập trung dân chủ, lãnh đạo tập thể bằng các Nghị quyết, khắc phục cơ bản tình trạng bao biện, làm thay của cấp ủy đảng đối với chính quyền. Trong sinh hoạt đảng, công tác phê bình và tự phê bình không ngừng được phát huy. Tuy vậy, vẫn còn tình trạng thiếu mạnh dạn, còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào cấp trên. Việc đổi mới phương thức lãnh đạo chưa thực sự đi vào chiều sâu. Hạn chế khá phổ biến là

việc cụ thể hóa các Nghị quyết bằng các chương trình hành động chưa thể hiện rõ nét. Kết quả thực hiện chưa cao.

Hệ thống chính quyền từ huyện đến cơ sở tiếp tục được củng cố theo hướng cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực quản lý, điều hành; chống quan liêu cửa quyền, đặc quyền đặc lợi; phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân, thường xuyên tổ chức tiếp xúc cử tri, giám sát các hoạt động của Nhà nước; chú trọng thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và xây dựng bộ máy quản lý cấp thôn. Từng bước nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp.

Mặt trận và các đoàn thể quần chúng luôn giữ vai trò nòng cốt trong việc tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức các tầng lớp nhân dân về chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc, về phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư”, “phong trào đền ơn đáp nghĩa” và các hoạt động khác theo tinh thần “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

Hoạt động của các đoàn thể chú trọng xây dựng cơ sở, phát động phong trào thi đua lao động sản xuất giỏi, gia đình văn hóa, giúp nhau làm kinh tế xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống... Đến năm 2000 có khoảng 2 tỷ đồng vốn thuộc các nguồn được luân chuyển sử dụng có hiệu quả trong các tổ chức đoàn, hội cơ sở, góp phần quan trọng vào việc xóa đói giảm nghèo. Song trong những năm qua, hoạt động của mặt trận và các đoàn thể nhìn chung vẫn chưa mạnh, chưa đều. Nội dung và hình thức hoạt động chưa thật sự đa dạng. Kết quả hoạt động nhìn chung còn hạn chế.

Trải qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc, Đảng bộ và nhân dân Bắc Ái đã phát huy cao độ truyền thống đoàn kết, tự lực tự cường, can củ vượt khó đã lập nhiều chiến công oanh liệt được đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Trong sự nghiệp đổi mới, toàn Đảng bộ tiếp tục phát huy truyền thống quý báu đó để vươn lên trong xây dựng và bảo vệ quê hương. Tranh thủ sự quan tâm hỗ trợ, đầu tư của Đảng và Nhà nước để phát triển kinh tế-xã hội, giữ vững quốc phòng-an ninh, từng bước cải thiện đời sống vật chất lẫn tinh thần cho nhân dân; tạo tiền đề cơ bản cùng đồng bào cả nước bước vào thiên niên kỷ mới với niềm tin mãnh liệt vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ, văn minh.

CHƯƠNG II

TÁI LẬP HUYỆN BÁC ÁI. TOÀN ĐẢNG BỘ PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG ĐOÀN KẾT, HUY ĐỘNG MỌI NGUỒN LỰC THỨC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO, NÂNG CAO DÂN TRÍ, GIỮ VỮNG QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH (2000-2005)

I. Tình hình Bắc Ái sau ngày tái lập

Thực hiện Nghị định số 65/2000/NĐ-CP, ngày 06/11/2000 của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam “về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Ninh Sơn để tái lập huyện Bác Ái tỉnh Ninh Thuận”, huyện Bác Ái được tái lập trên cơ sở tách ra từ huyện Ninh Sơn, và chính thức đi vào hoạt động ngày 01/01/2001, với 9 xã: Phước Trung, Phước Thành, Phước Đại, Phước Thắng, Phước Chính, Phước Hòa, Phước Bình, Phước Tân, Phước Tiến. Diện tích tự nhiên khoảng 103.090,16 ha, chiếm 30,35% diện tích toàn tỉnh Ninh Thuận. Dân số khoảng 17.956 người, trong đó đồng bào dân tộc Raglai chiếm khoảng 95% dân số.

Việc tái lập huyện được đồng bào các dân tộc trong huyện đồng tình, phấn khởi. Vì đồng bào các dân tộc trong huyện từng sống, chiến đấu và hy sinh anh dũng gắn bó máu thịt với tên đất tên làng đã được các cán bộ, già làng lựa chọn. Tên Bác Ái vừa là niềm tự hào, là biểu hiện sinh động nhất tinh thần quật khởi của quân dân trong huyện qua hai cuộc kháng chiến thần thành chống thực dân, đế quốc. Đồng bào các xã trong huyện tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao chào mừng sự kiện huyện được tái lập, trở thành ngày hội toàn dân.

Sau khi tái lập huyện, để thuận lợi cho việc lãnh đạo hệ thống chính trị và chuẩn bị công tác Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X, ngày 20.12.2000 Tỉnh ủy Ninh Thuận ra quyết định số 785-QĐ/TU “Về việc chỉ định Ban Chấp hành Đảng bộ Lâm thời huyện Bác Ái”. Ban Chấp hành Lâm thời gồm 16 đồng chí, trong đó có 11 đồng chí đương nhiệm là các cán bộ chủ chốt của huyện Ninh Sơn được điều động lên và bầu bổ sung thêm 05 đồng chí. Đồng chí Chamaléa Tiếp-Bí thư huyện Ninh Sơn làm Bí thư huyện ủy Bác Ái; đồng chí Cao Văn Hóa làm Phó Bí thư-Thường trực; đồng chí Hồ Văn Hùng làm Chủ tịch Ủy Ban nhân dân huyện.

2/ Đảng bộ huyện lãnh đạo nhân dân thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, nâng cao dân trí, giữ vững quốc phòng-an ninh (200-2005)

Để nhanh chóng ổn định tình hình bộ máy hành chính các cấp, tiến lên thực hiện các nhiệm vụ chính trị cấp bách của địa phương trong thời gian tới. Từ ngày 26.3 đến ngày 28.3.2001, Đại hội Đảng bộ huyện Bác Ái lần thứ X, nhiệm kỳ 2000-2005 được tổ chức trọng thể tại Hội trường UBND huyện (nay là UBND xã Phước Đại). Đại hội vinh dự được đón tiếp đồng chí Chama Léa Điều-Ủy viên Trung ương Đảng-Bí thư Tỉnh ủy cùng các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Lãnh đạo HĐND, UBND tỉnh; đặc biệt Đại hội rất vinh dự được đón tiếp đồng chí Nguyễn Quang Huân-Phó vụ trưởng Vụ địa phương Văn Phòng Trung ương Đảng và 77 đại biểu, đại diện cho 20 đầu mối tổ chức cơ sở Đảng trong huyện. Sau hơn hai ngày làm việc khẩn trương, đầy trách nhiệm, Đại hội đã đánh giá những khó khăn thách thức của địa phương, đồng thời đề ra

phương hướng, mục tiêu kế hoạch và giải pháp thực hiện nhiệm vụ 5 năm 2001-2005. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa X gồm 31 đồng chí; Ban Thường vụ huyện ủy có 10 đồng chí. Đồng chí Chamaléa Tiép được bầu làm Bí thư huyện ủy; đồng chí Cao Văn Hóa được bầu làm Phó Bí thư-Thường Trực; đồng chí Hồ Văn Hùng được bầu làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Đại hội xác định rõ những khó khăn trước mắt và lâu dài của huyện nhà, đó là điểm xuất phát nền kinh tế quá thấp: Toàn huyện có 9/9 xã nằm trong diện đặc biệt khó khăn. Khí hậu khắc nghiệt, đất đai cằn cỗi; nền nông nghiệp lạc hậu còn phụ thuộc vào nước trời. Nền kinh tế nghèo nàn, mang tính tự cấp tự túc, có nơi đồng bào còn duy trì tập quán du canh du cư; cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm; đất đai, rừng, lao động... chưa được khai thác hết tiềm năng; hiệu quả kinh tế trong việc bố trí cây trồng vật nuôi chưa cao. Cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn. Văn hóa-xã hội vẫn còn nhiều bức xúc, trình độ dân trí thấp, đói nghèo vẫn chưa giảm. Các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, nghề truyền thống hầu như bị mai một. Thương nghiệp-dịch vụ phục vụ cho sản xuất còn nhỏ lẻ. Hệ thống chính trị còn nhiều yếu kém. Trình độ văn hóa của đội ngũ cán bộ đảng viên ở cơ sở còn hạn chế cả về số lượng và chất lượng, còn tình trạng trông chờ ỷ lại vào cấp trên. Việc cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của cấp trên chưa rõ nét; phương thức lãnh đạo chậm đổi mới. Hoạt động của các tổ chức đoàn thể chưa mạnh, chưa đều, chưa thu hút đoàn viên, hội viên tham gia. Dân chủ cơ sở chưa thực sự được phát huy...

Nhưng thuận lợi cơ bản là sự đoàn kết nhất trí cao trong Đảng và nhân dân. Đồng bào các dân tộc trong huyện với nguồn nhân lực dồi dào, vốn có truyền thống cần cù, vượt khó, tự lực tự cường. Tiềm năng đất đai rộng lớn. Thổ nhưỡng và khí hậu thuận lợi cho việc phát triển cây công nghiệp và chăn nuôi đàn gia súc có sừng, gia cầm theo mô hình vườn vườn hộ, vườn rừng, kinh tế trang trại. An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững, ổn định tạo điều kiện cho kinh tế-xã hội phát triển.

Xuất phát từ đặc điểm trên, Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát đến năm 2005: “Phát huy truyền thống đoàn kết dân tộc, tinh thần vượt khó vươn lên, động viên sức mạnh toàn dân, tiếp tục vượt qua mọi khó khăn thử thách, khai thác có hiệu quả nguồn nhân lực: Đất đai, rừng, lao động, tiền vốn và lợi thế của địa phương. Xây dựng cơ cấu kinh tế nông-lâm nghiệp, dịch vụ-du lịch-tiểu thủ công nghiệp, từng bước thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn; nâng cao dân trí, xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống; giữ vững quốc phòng-an ninh”. Từ mục tiêu tổng quát trên, Đại hội đã đề ra các mục tiêu cụ thể đến năm 2005:

- Tổng giá trị sản xuất đạt 43,3 tỷ đồng, trong đó nông-lâm nghiệp chiếm

78%; công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp chiếm 3%; thương mại-dịch vụ chiếm 19%. Tổng sản lượng qui thóc đạt 7.500 tấn; thu ngân sách nhà nước tăng bình quân từ 6% đến 7%/năm.

- Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 8,6%.

- Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi được huy động đến trường đạt trên 90%;

100% số xã hoàn thành mục tiêu xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học; 100% xã có trường mẫu giáo; 50% số hộ gia đình và từ 10-15% số thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa; giảm tỷ lệ phát triển dân số xuống dưới 1,9%; xóa 100% hộ đói giáp hạt, mỗi năm giảm 5% hộ nghèo; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng xuống dưới 3%.

- Tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đến năm 2005 có trên 60% tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch vững mạnh, không có tổ chức cơ sở Đảng yếu kém; 100% cơ quan, đơn vị đều có đảng viên. Phát triển từ 150 đến 170 đảng viên mới. Đảng viên phân loại đạt từ 75% đến 80% tiên phong gương mẫu.

- Tăng cường tiềm lực quốc phòng-an ninh, giữ vững ổn định chính trị.

Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X diễn ra trong bối cảnh nước ta có cơ hội phát triển nhanh, xu thế hòa bình, ổn định, hợp tác trong khu vực cùng với toàn cầu hóa hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng mở rộng. Tình hình chính trị-xã hội trong nước ổn định. Những thành tựu sau 15 năm đổi mới đất nước tạo thế và lực để phát triển kinh tế ở trình độ cao hơn. Khi bắt tay vào thực hiện các nhiệm vụ chính trị địa phương, Đảng bộ và nhân dân huyện Bác Ái có nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ X soi sáng, đó là cơ sở, là điều kiện để Đảng bộ tiếp tục phát huy những lợi thế, đẩy mạnh tốc độ phát triển trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa và đời sống của các tầng lớp nhân dân trong huyện.

Đảng bộ huyện Bác Ái bắt tay thực hiện kế hoạch năm năm 2001-2005 với nhiều khó khăn gay gắt và đầy thử thách: Đội ngũ cán bộ chủ chốt các phòng ban còn thiếu nghiêm trọng; cơ sở làm việc còn tạm bợ; trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn còn thiếu chưa đáp ứng yêu cầu công việc. Nhiệm vụ trước mắt là phải tập trung ổn định bộ máy, xây dựng kết cấu hạ tầng, thực hiện phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo và nâng cao dân trí. Tranh thủ sự quan tâm, lãnh đạo sát sao của Trung ương, Tỉnh, Đảng bộ và nhân dân Bác Ái đã đoàn kết, thống nhất vượt qua khó khăn thử thách, từng bước thực nghiệm và hoàn thành nhiều chỉ tiêu quan trọng, bộ mặt của huyện ngày một đổi mới; tạo thế ổn định và phát triển.

Trên lĩnh vực nông nghiệp: Đảng bộ huyện tập trung chỉ đạo đẩy mạnh việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa; triển

khai các chương trình hỗ trợ sản xuất như: Các nguồn vốn vay ưu đãi, vốn tạo việc làm, vốn xóa đói giảm nghèo; bán trợ giá, trợ cước giống vật tư nông nghiệp; tập huấn kỹ thuật nuôi trồng. Nhờ vậy, đến năm 2002 các xã Phước Bình, Phước Hòa, Phước Tiến, Phước Trung đã biết áp dụng khoa học kỹ thuật, thâm canh tăng vụ làm tăng năng suất cây trồng, tạo ra nguồn hàng hóa như bắp lai, bông vải, mía đường, thuốc lá. Diện tích lúa nước tiếp tục được mở rộng. Đời sống nhân dân từng bước được cải thiện, nâng lên, khắc phục tình trạng tự cung tự cấp.

Cùng với nông nghiệp, ngành chăn nuôi phát triển vượt bậc. Chương trình Sind hóa đàn bò đã từng bước cải thiện giống bò cỏ vốn có của địa phương. Các chương trình dự án đàn bò nuôi rẽ trong nhân dân tiếp tục phát huy hiệu quả. Nhiều mô hình kinh tế hộ, kinh tế trang trại hình thành, làm ăn có hiệu quả. Đến năm 2005 toàn huyện có 12 trang trại chăn nuôi với qui mô lớn được công nhận, đàn trâu bò có 11.334 con, tăng 47% so với thời điểm tái lập huyện; đàn dê cừu có 2.853 con; đàn heo 2.480 con. Con bò đã trở thành vật nuôi quan trọng trong nền kinh tế quốc dân huyện nhà, giúp đồng bào có khả năng xây dựng nhà cửa, mua sắm phương tiện như xe máy, ti vi... nhất là trang trải cuộc sống trong lúc giáp hạt. Điều này đã khẳng định chăn nuôi là hướng đi đúng đắn, là cơ sở để xóa đói giảm nghèo.

Thực hiện Nghị quyết 03-NQ/HU của huyện ủy và Chỉ thị 12 của Thủ tướng Chính phủ “về việc bảo vệ và phát triển vốn rừng”, công tác quản lý, bảo vệ rừng tiếp tục được triển khai một cách đồng bộ bằng các kế hoạch liên tịch giữa các lực lượng chuyên môn như Hạt Kiểm Lâm, Ban Quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Sông Sắt, Lâm trường Tân Tiến, Khu bảo tồn thiên nhiên Phước Bình với các cấp các ngành liên quan. Công tác tuyên truyền, giáo dục luật bảo vệ rừng được triển khai rộng rãi trong nhân dân gắn với việc xây dựng qui ước, hương ước thôn văn hóa, làng văn hóa. Thực hiện mô hình nông-lâm kết hợp, công tác trồng rừng gắn với định hướng chuyển dịch cơ cấu cây trồng được triển khai một cách đồng bộ. Là địa bàn có trữ lượng gỗ quý hiếm lớn nhất tỉnh, tạo sự hấp dẫn các đối tượng lâm tặc nên lực lượng chức năng thường xuyên tuần tra canh gác, lập các chốt chặn kiểm soát các phương tiện vận chuyển thô sơ, cơ giới ra vào địa bàn. Trong năm năm đã phát hiện, bắt giữ và xử lý 1.353 vụ vi phạm lâm luật với 950 mét khối gỗ các loại; 187 con bò và nhiều phương tiện khác. Hình thành các chòi canh lửa vào mùa khô có nguy cơ cháy rừng cao. Trong năm năm đã trồng mới được 844,29 ha; giao rừng khoán quản cho 02 tổ chức, 527 hộ gia đình với 18,089 ha. Thu nhập từ nguồn nhận rừng khoán quản góp phần tăng nguồn thu nhập cho nhân dân từ 1,0 đến 1,5 triệu đồng/hộ/năm.

Ngành tiểu thủ công nghiệp-dịch vụ; thương mại, tín dụng và ngân hàng tiếp tục phát triển mạnh mẽ, cơ bản đáp ứng nhu cầu cho sản xuất nông nghiệp. Ngành thương mại tuy chưa phát triển nhưng đã hình thành mạng lưới buôn bán

nhỏ lẻ khắp các cụm làng xã, cùng với thương nghiệp nhà nước vừa cung ứng vật tư nông nghiệp, vừa thu mua nông sản, tạo sự lưu thông hàng hóa. Đến năm 2005, dịch vụ bưu chính viễn thông được phủ kín 9/9 xã trong huyện; đạt tỷ lệ 15 máy/1.000 người dân. Một số dịch vụ khác như vận tải, sửa chữa xe máy, điện tử bắt đầu hình thành. Tiểu thủ công nghiệp đã thành lập 02 hợp tác xã tư nhân hành nghề mộc dân dụng và một số cơ sở xay xát. Ngành tín dụng-ngân hàng chú trọng việc phục vụ phúc lợi xã hội, bằng các chính sách vay vốn ưu đãi, vốn xóa đói giảm nghèo, vốn giải quyết việc làm... đã tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân trong huyện có đồng vốn đầu tư cho sản xuất. Đến năm 2005, tổng dư nợ là 36,4 tỷ đồng.

Cơ sở hạ tầng được đầu tư xây dựng, phục vụ kịp thời cho sự phát triển kinh tế-xã hội. Riêng các công trình có vốn đầu tư của Tỉnh và Trung ương chiếm 339,6 tỷ đồng. Trong năm năm huyện đã tiếp nhận 79,62 tỷ đồng theo phân cấp để thực hiện 237 công trình. Nhờ có nguồn kinh phí đầu tư của Đảng và Nhà nước, sau khi tái lập huyện, con đường 27 B từ Ninh Bình đi Cam Ranh được khởi công xây dựng trong niềm mong mỏi của đồng bào trong huyện. Cuối năm 2001, cầu Quảng Ninh cắt băng khánh thành, chấm dứt tình trạng chia cắt, đi lại phức tạp của đồng bào trong huyện vào mùa mưa lũ. Đến cuối năm 2004 quốc lộ 27 B hoàn thành trong niềm vui hân hoan đồng bào trong huyện, những chuyến xe xuôi ngược, đi lại trên tuyến đường mở ra triển vọng giao thông đi lại, lưu thông hàng hóa, tạo động lực phát triển kinh tế. Hàng loạt cầu cống và hệ thống giao thông liên thôn, liên xã từng bước được kiên cố hóa bằng bê tông theo mô hình Nhà nước và nhân dân cùng làm. Đến nay, 9/9 xã có đường ô tô đến tận trung tâm xã. Ngoài ra, Nhà nước còn đầu tư 13,49 tỷ đồng đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho sự nghiệp giáo dục; 7,4 tỷ đồng cho sự nghiệp y tế; 8,81 tỷ đồng cho chương trình điện lưới quốc gia; 6,4 tỷ đồng để xây dựng, cải tạo và nâng cấp hệ thống nước sinh hoạt; 15,09 tỷ đồng xây dựng trụ sở cơ quan chính trị-hành chính và một số cơ quan trực thuộc; xây dựng mới trụ sở làm việc ở các xã Phước Tiến, Phước Hòa...

Để chủ động nguồn nước sinh hoạt và tưới tiêu cho sản xuất, góp phần chống lũ vùng hạ nguồn sông Dinh, cuối năm 2004 Bộ nông nghiệp phát triển nông thôn đã đầu tư xây dựng hồ chứa nước Sông Sắt. Công trình sẽ hoàn thành vào ngày 16 tháng 4 năm 2007 với dung tích chứa khoảng 66 triệu mét khối nước, có khả năng tưới cho 3.800 ha. Sự kiện trên đánh dấu bước ngoặt trọng đại trong chiến lược xóa đói giảm nghèo của huyện nhà. Từ đó, đồng bào các xã Phước Đại, Phước Chính, Phước Thắng có thể chủ động nguồn nước tưới cho sản xuất nông nghiệp, khắc phục tình trạng trông chờ nước trời, khô hạn. Theo kế hoạch phát triển nông nghiệp nông thôn miền núi của tỉnh, đến năm 2010 trên địa bàn huyện tiếp tục xây dựng thêm 05 hồ chứa nước khác có khả năng tưới cho trên 8.000 ha đất canh tác. Nhờ chú trọng đầu tư các công trình thủy lợi, đến

năm 2005 diện tích sản xuất chủ động được nguồn nước từ 2 đến 3 vụ/năm được nâng lên 500 ha so với 197 ha năm 2000. Sau 5 năm tái lập huyện, nhờ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của Đảng và Nhà nước, bộ mặt huyện nông thôn miền núi thực sự có sự đổi thay rõ nét, mang dáng dấp hiện đại.

Sự nghiệp Giáo dục-Đào tạo gặt hái được những thành quả to lớn. Ngay sau khi tái lập huyện, Ban Chấp hành Đảng bộ đã đề ra những biện pháp cấp bách để diệt “giặc dốt” bên cạnh “giặc đói”, và xác định “giáo dục là quốc sách hàng đầu”. Năm 2002, Nghị quyết chuyên đề 06-NQ/HU về “phát triển giáo dục-đào tạo, nâng cao dân trí” được ban hành. Nghị quyết 06 đã làm chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức của đông đảo các tầng lớp nhân dân, tạo nên phong trào xã hội hóa giáo dục. Cùng với sự quan tâm đầu tư cho sự nghiệp giáo dục của Tỉnh và Trung ương, hệ thống trường lớp được xây dựng theo hướng kiên cố hóa, hiện đại hóa; từng bước xóa tre tranh nửa lá, chấm dứt tình trạng học ca ba. Tỷ lệ học sinh được huy động đến trường đạt 95%; chất lượng học sinh được nâng lên. Đội ngũ nhà giáo ngày một hoàn thiện cả về chất lượng lẫn số lượng; đến năm 2005, toàn ngành có 397 giáo viên, tăng 273 giáo viên so với thời điểm tái lập huyện, trong đó giáo viên là người địa phương tại chỗ có 20 người. Hầu hết giáo chức được đào tạo đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ. Sự phối hợp giữa ba môi trường giáo dục ngày một chặt chẽ. Công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, được triển khai rộng khắp, đạt chỉ tiêu đề ra. Đến năm 2005 toàn huyện có 9/9 xã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học; hiện toàn ngành đang tiến hành phổ cập bậc trung học cơ sở theo chuẩn quốc gia.

Trong điều kiện bộn bề của huyện miền núi mới được tái lập, hoạt động văn hóa, thông tin-thể dục thể thao có vai trò rất lớn, vừa tuyên truyền giáo dục các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, vừa tạo nên động lực tinh thần to lớn cho đông đảo quần chúng nhân dân. Trong 5 năm, hoạt động của ngành luôn bám sát sự chỉ đạo của cấp ủy, kịp thời tổ chức các hoạt động chuyên môn phục vụ các sự kiện chính trị diễn ra hàng năm, từng bước đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của nhân dân; tham mưu cấp ủy phát động 16 điểm xây dựng thôn văn hóa; phối hợp với các cấp ủy đảng xây dựng các thiết chế văn hóa. Đặc biệt, năm 2002 Đài tiếp phát truyền thanh-truyền hình huyện được xây dựng, với chương trình phát thanh bằng tiếng Raglai đã truyền tải nội dung về Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, khoa học kỹ thuật phục vụ đời sống; gương người tốt việc tốt... tạo kênh tuyên truyền chính thống, rộng rãi đến các tầng lớp nhân dân.

Thực hiện đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, “đền ơn đáp nghĩa”, Đảng bộ huyện thường xuyên quan tâm thực hiện tốt chính sách người có công với cách mạng. Trong 5 năm đã vận động xây dựng 12 nhà tình nghĩa; tập trung rà soát, xác minh và kết luận các trường hợp là đối tượng chính sách còn tồn đọng. Suu

tập mộ liệt sĩ đưa về nghĩa trang tỉnh.

Công tác xóa đói, giảm nghèo là một nhiệm vụ trọng tâm của kế hoạch 5 năm 2001-2005. Với tỷ lệ hộ nghèo chiếm 46,6%, đói giáp hạt thường đe dọa nhiều hộ gia đình đã trở thành nỗi bức xúc, ray rức của toàn Đảng bộ, vì vậy để công tác xóa đói giảm nghèo đạt hiệu quả, năm 2002 Ban Chấp hành Đảng bộ huyện ra Nghị quyết chuyên đề về xóa đói giảm nghèo; đồng thời tranh thủ sự đầu tư, giúp đỡ của Trung ương, Tỉnh thông qua các chương trình quốc gia về xóa đói giảm nghèo, các đợt cứu trợ hàng năm, các nguồn vốn vay ưu đãi hỗ trợ sản xuất, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo... Những biện pháp trên đã tạo hiệu quả thiết thực, góp phần cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân. Đến năm 2005, tỷ lệ hộ nghèo trong huyện còn 31%, giảm 15,39 % so với năm 2001. Nhân dân Bắc Ái cảm động trước những nghĩa cử cao đẹp, những tấm lòng vàng của đồng bào cả nước đã tổ chức thăm, cứu trợ trong các dịp đói giáp hạt. Những hạt gạo, gói mỳ mang nặng tình đoàn kết tương trợ, tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách như lời Đảng, Bác Hồ dạy.

Phát huy truyền thống đấu tranh cách mạng của huyện anh hùng, Đảng bộ huyện luôn quan tâm việc chăm lo xây dựng, củng cố nền Quốc phòng toàn dân, xây dựng thế trận an ninh nhân dân. Tuyên truyền giáo dục đường lối quốc phòng, an ninh đến đông đảo quần chúng nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng lực lượng vũ trang, dân quân tự vệ theo hướng “vững chắc, rộng khắp”. Trên tinh thần luôn luôn cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, phòng gian bảo mật... Năm năm qua tình hình quốc phòng-an ninh của địa phương được giữ vững, tạo sự ổn định, yên tâm cho bộ máy Đảng, Chính quyền, các đoàn thể chính trị và nhân dân hoạt động, sản xuất. Đến năm 2005, toàn huyện có 764 dân quân tự vệ, chiếm 3,9 % dân số. Thanh niên lên đường nhập ngũ hàng năm đạt 100% chỉ tiêu trên giao. Phát huy truyền thống tốt đẹp của “anh Bộ đội Cụ Hồ”, “Công an nhân dân, vì nước quên thân, vì dân quên mình”... Lực lượng vũ trang huyện đã tổ chức các hoạt động chăm sóc Mẹ Việt Nam anh hùng, các gia đình chính sách và tổ chức đào giếng giúp dân chống hạn mùa khô, trực sẵn sàng chống lũ mùa mưa bão. Tuần tra, canh gác giữ yên giấc ngủ cho nhân dân. Mối quan hệ quân dân càng gắn bó thắm thiết.

Nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng, công tác xây dựng, chỉnh đốn đảng được Đảng bộ huyện xem là nhiệm vụ then chốt trong sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa. Để toàn Đảng thống nhất từ tư tưởng đến hành động, Đảng bộ huyện luôn kịp thời tổ chức triển khai quán triệt, học tập Nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến đông đảo cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Trong nhiệm kỳ, Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện tổ chức 235 lớp với 11.937 lượt người tham dự. Qua đó nhận thức chính trị của đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng được nâng lên, bồi dưỡng niềm tin sâu sắc của quần chúng vào đường lối

lãnh đạo của Đảng. Việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng vững mạnh cả 3 mặt tư tưởng, chính trị và tổ chức. Nêu cao tinh thần phê bình và tự phê bình, đẩy mạnh công tác đấu tranh chống tham nhũng lãng phí theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII. Cùng cố, kiện toàn hệ thống tổ chức cơ sở đảng theo hướng ngày càng hoàn thiện với loại hình đa dạng, qui mô, chất lượng ngày càng nâng lên. Đến năm 2005, toàn Đảng bộ có 27 đầu mối tổ chức cơ sở đảng với 620 đảng viên, tăng 06 đầu mối và 119 đảng viên so với năm 2001.

Công tác cán bộ được Ban Chấp hành Đảng bộ huyện xem là vấn đề sống còn của cả hệ thống chính trị. Để Đảng vững mạnh thì mỗi cán bộ, đảng viên trong Đảng phải thật sự trong sạch vững mạnh, vì vậy Đảng bộ huyện thường xuyên kiểm tra, đánh giá phân loại cán bộ, đảng viên gắn với khen thưởng, kỷ luật Đảng nghiêm túc, đúng tinh thần của Đảng. Chú trọng rà soát, thẩm tra lý lịch, cân nhắc giữa đức và tài của mỗi vị trí, chức danh lãnh đạo, đề xuất bổ nhiệm đúng năng lực, sở trường của cá nhân. Xây dựng đội ngũ cán bộ đủ số lượng, cơ cấu hợp lý, phù hợp với thực tiễn địa phương. Chỉ đạo các cấp ủy đảng xây dựng đề án cán bộ dự nguồn và lên kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng kịp thời yêu cầu công việc. Trong nhiệm kỳ đã tuyển dụng bổ sung 49 cán bộ, nâng tổng số cán bộ, công chức cấp huyện lên 116 đồng chí, trong đó cán bộ là người dân tộc thiểu số có 27 đồng chí. Đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ cho hơn 100 lượt cán bộ. Đội ngũ cán bộ cấp xã ngày càng hoàn thiện, hoạt động đi vào nề nếp, năng lực chuyên môn nghiệp vụ ngày một nâng lên.

Hoạt động của cấp ủy đảng không ngừng được đổi mới về nội dung và phương thức lãnh đạo nhằm phát huy năng lực, trí tuệ của tập thể, phát huy tập trung dân chủ, nâng cao chất lượng của Nghị quyết. Công tác kiểm tra đảng đã kịp thời răn đe, giáo dục và xử lý kỷ luật đưa ra khỏi Đảng những cán bộ, đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, tháo gỡ những vướng mắc, bức xúc tại cơ sở. Uốn nắn những tư tưởng lệch lạc, giữ vững kỷ luật, kỷ cương của Đảng. Trong nhiệm kỳ đã tiến hành 44 đợt kiểm tra tổ chức cơ sở đảng và 16 đảng viên, phát hiện và xử lý 24 đảng viên vi phạm.

Bộ máy chính quyền các cấp được củng cố xây dựng theo hướng cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực điều hành của Nhà nước gắn với mở rộng dân chủ, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, kịp thời giải quyết những yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của nhân dân nảy sinh từ cơ sở; chỉ đạo thực hiện hiệu quả mục tiêu xóa đói, giảm nghèo, nâng cao dân trí, xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất. Hoạt động của Hội đồng nhân dân từng bước được đổi mới, nhằm nâng cao chất lượng các kỳ họp và tổ chức tiếp xúc cử tri theo luật định. Chất lượng của đội ngũ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, xã được nâng lên, trẻ hóa, thành phần cơ cấu hợp lý. Phần lớn các đại biểu đã phát huy vai trò trách nhiệm của mình, xứng đáng là người đại diện cho quyền lợi ích chính đáng

của nhân dân. Đội ngũ cán bộ công chức từ huyện đến xã thường xuyên được quan tâm đào tạo trình độ lý luận, chuyên môn nghiệp vụ, năng lực công tác ngày càng được nâng lên.

Trong điều kiện trình độ dân trí thấp, nhận thức về pháp luật Nhà nước của nhân dân còn hạn chế, sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng còn chịu sự tác động của các phong tục tập quán... Để nhân dân trong huyện sống và làm việc theo hiến pháp, pháp luật, giữ gìn kỷ cương phép nước, tuân thủ các qui ước hương ước làng xã... công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thường xuyên duy trì, nhờ vậy đến năm 2005 một số hủ tục lạc hậu, trái với pháp luật được đẩy lùi, nạn tảo hôn, vi phạm luật hôn nhân gia đình, vi phạm lâm luật trong đồng bào được kiềm chế. Trong xét xử án hình sự được thực hiện theo tinh thần Nghị quyết 08 của Bộ Chính trị về cải cách tư pháp. Từng bước siết chặt công tác quản lý hộ khẩu, hộ tịch, làm giấy khai sinh, báo tử. Việc tiếp dân giải quyết các đơn thư khiếu nại được thực hiện đúng thẩm quyền và luật định, hạn chế số đơn thư khiếu nại vượt cấp, không để xảy ra điểm nóng.

Đến thời điểm năm 2005, dân số huyện nhà trên 20 ngàn người, với hơn 06 dân tộc anh em cùng sinh sống. Để tập hợp quần chúng rộng rãi, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; phát động các phong trào: thi đua yêu nước, phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, bảo tồn và phát huy nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc theo tinh thần Nghị quyết Trung ương V khóa VIII; góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao dân trí; tuyên truyền nhân dân nâng cao nhận thức cách mạng đập tan các luận điệu xuyên tạc và “âm mưu diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, đề cao cảnh giác trước các chiêu bài “dân tộc”, “tôn giáo”, “nhân quyền”, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị địa phương... công tác vận động quần chúng của Đảng thường xuyên được duy trì, bám sát cơ sở tuyên truyền, giáo dục chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng trong thời kỳ mới. Qua đó đã nâng cao sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong nhân dân. Mọi quan hệ giữa Đảng với Chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể được tăng cường, tạo điều kiện để các phong trào quần chúng hoạt động sôi nổi, hiệu quả như: phong trào giúp nhau phát triển kinh tế, thanh niên lập nghiệp, tuổi trẻ giữ nước, nông dân sản xuất giỏi, tiếp nối truyền thống bộ đội Cụ Hồ... Từ năm 2001 đến năm 2005, toàn huyện có trên 590 hộ là đoàn viên, hội viên thoát nghèo, xuất hiện nhiều điển hình tiên tiến, là tấm gương sáng cho quần chúng học tập, làm theo.

Qua 5 năm tái lập huyện, tình hình kinh tế-văn hóa-xã hội trên địa bàn huyện đã có bước phát triển vượt bậc. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ nét, bộ mặt huyện nông thôn miền núi có nhiều khởi sắc, mang dáng dấp hiện đại. Các chỉ tiêu về tổng giá trị sản xuất; tốc độ tăng trưởng; cơ cấu kinh tế; thu ngân sách; tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đến trường; xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học; giảm tỷ lệ hộ nghèo; phát triển đảng viên mới đều

đạt kế hoạch đề ra... Có được những kết quả trên là nhờ sự quan tâm, giúp đỡ to lớn về vật chất và tinh thần của Trung ương và của Tỉnh để huyện nhà vượt qua khó khăn thử thách. Là kết quả của sự đoàn kết, thống nhất của các cấp các ngành từ huyện đến cơ sở và sự vận dụng linh hoạt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước vào thực tiễn địa phương. Là kết quả của quá trình lao động miệt mài, tâm huyết, cống hiến hết mình của đội ngũ cán bộ, đảng viên và sự cần cù lao động sáng tạo, ý chí vươn lên khắc phục khó khăn, vượt qua đói nghèo, lạc hậu, phát triển kinh tế gia đình, làm giàu quê hương đất nước của nhân dân.

Tuy nhiên, những kết quả trên chỉ mới là bước đầu, là những nền tảng cơ bản cho những năm tiếp theo. Mặt hạn chế, tồn tại sau 5 năm thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội vẫn còn không ít, đó là việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi còn chậm. Khả năng tiếp thu và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế; chăn nuôi tuy có phát triển nhưng còn tiềm ẩn nhiều yếu tố gây mất ổn định, chưa đảm bảo tính bền vững như: Vấn đề giá cả, thị trường đầu ra và dịch bệnh; hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ rừng chưa cao; vai trò nền tiểu thủ công nghiệp còn mờ nhạt trong nền kinh tế quốc dân; các nguồn vốn vay tạo việc làm, vay ưu đãi, vốn chính sách... chưa phát huy hiệu quả do thiếu kiểm tra giám sát. Giáo dục-đào tạo vẫn còn nhiều bất cập; công tác phát động xây dựng làng văn hóa còn mang tính bề nổi, dàn trải thiếu chiều sâu, hiệu quả. Đặc biệt còn 8/16 chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch Đại hội X đề ra: Tổng sản lượng lương thực; xây dựng trường mẫu giáo; số hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa; số thôn đạt chuẩn văn hóa; tỷ lệ phát triển dân số; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng; tỷ lệ tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh; số cơ quan đơn vị có đảng viên.

Nguyên nhân tồn tại là do xuất phát điểm của nền kinh tế huyện nhà quá thấp; trình độ dân trí thấp, tiềm năng lợi thế không nhiều, việc xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ đời sống và sản xuất còn dang dở, chưa hoàn chỉnh. Hạn hán, mất mùa diễn ra trong nhiều năm, nguồn nội lực trong nhân dân là không đáng kể, tập quán canh tác và sản xuất của nhân dân còn lạc hậu, chưa quen với sản xuất hàng hóa. Bên cạnh đó, việc cụ thể hóa và kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện các mục tiêu kế hoạch của huyện ủy chưa thường xuyên, thiếu cương quyết. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực quản lý điều hành của đội ngũ cán bộ cơ sở còn hạn chế. Công tác sơ, tổng kết rút kinh nghiệm chưa được tiến hành thường xuyên, kịp thời, chưa tạo phong trào thi đua trong lao động, sản xuất. Một số đồng chí cấp ủy viên chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm đối với nhiệm vụ được giao...

PHẦN KẾT LUẬN

Trải qua 61 xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, Đảng bộ huyện Bác Ái đã lãnh đạo nhân dân trong huyện phát huy tinh thần đoàn kết, tự lực tự cường, chiến đấu hy sinh anh dũng, đập tan ách cai trị của thực dân, đế quốc cùng bè lũ tay sai, góp phần to lớn vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

Sau khi đất nước hoàn toàn độc lập, thống nhất và tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đảng bộ lãnh đạo nhân dân trong huyện tiếp tục phát huy tinh thần đoàn kết, tự lực tự cường, khắc phục khó khăn, nỗ lực hết mình để khắc phục hậu quả chiến tranh; thực hiện phát triển kinh tế-xã hội, từng bước xóa đói giảm nghèo, nâng cao dân trí; giữ vững an ninh quốc phòng. Tiến lên xây dựng quê hương Bác Ái ngày một giàu đẹp, xứng đáng với truyền thống hào hùng của dân tộc-truyền thống anh hùng Lực lượng vũ trang trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước.

Đó là quá trình đấu tranh đầy hy sinh gian khổ nhưng rất mực tự hào, thể hiện tinh thần chịu đựng gian khổ, hy sinh anh dũng, “tự lực tự cường thắng lợi

vẻ vang”, đoàn kết thống nhất của Đảng bộ và đồng bào các dân tộc trong huyện. Thành công đó đã thể hiện sức mạnh chiến đấu kiên cường, bất khuất của quân và dân Bác Ái trước mọi âm mưu thủ đoạn của kẻ thù. Kết quả trên trước hết bắt nguồn từ sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng bộ, đây là nhân tố quyết định cho mọi thắng lợi.

Qua 61 năm vừa chiến đấu, vừa xây dựng và trưởng thành, từ 07 đảng viên ban đầu, đến khi đất nước hoàn toàn giải phóng, toàn Đảng bộ có trên 300 đảng viên, trong đó đa phần là những cán bộ, chiến sĩ, quân chúng thuộc đồng bào các dân tộc Raglai, K' Ho, Chu Ru trong huyện được tôi luyện và trưởng thành từ trong thực tiễn của cuộc chiến tranh. Bước sang thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng bộ huyện không ngừng củng cố, xây dựng tổ chức vững mạnh về tổ chức, chính trị và tư tưởng. Đến năm 2005, toàn Đảng bộ có 620 đảng viên, sinh hoạt trong 27 đầu mối tổ chức cơ sở đảng. Trong suốt quá trình đó, Đảng bộ huyện luôn biết dựa vào dân để chiến đấu, xây dựng lực lượng và ngày một trưởng thành, đủ sức lãnh đạo phong trào trong mọi tình huống.

Suốt quá trình đó, Đảng bộ huyện luôn động viên, tổ chức, lãnh đạo đồng bào trong huyện vượt qua mọi khó khăn gian khổ, đoàn kết một lòng, hội tụ dưới lá cờ vinh quang của đảng để đấu tranh bền bỉ, kiên gan và đầy sáng tạo trước quân thù, đưa phong trào đấu tranh của quần chúng đi từ thắng lợi từng phần đến thắng lợi hoàn toàn. Đảng bộ luôn luôn quán triệt và chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương chiến lược của cấp trên, vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của địa phương. Nhờ vậy mà trong suốt những năm kháng chiến chống Mỹ xâm lược cùng bè lũ tay sai, quân dân Bác Ái luôn giữ được sự thống nhất cao đối với trên, luôn gắn được chiến trường Bác Ái với chiến trường chung trong tỉnh và Khu, làm cho cuộc chiến tranh nhân dân không ngừng phát triển, cùng với nhân dân toàn tỉnh giành thắng lợi to lớn trước giặc ngoại xâm, góp phần vào thắng vĩ đại chung cho cả nước.

Phát huy cao độ truyền thống đoàn kết; tinh thần “tự lực tự cường, thắng lợi vẻ vang”, kết hợp với lòng yêu quê hương làng bản, ưa chuộng hòa bình, căm thù tội cùng ách cai trị của đế quốc và bè lũ tay sai. Từ thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã chứng minh cho đồng bào thấy rằng: sức mạnh đoàn kết của toàn dân tộc trong huyện dưới sự lãnh đạo của Đảng là sức mạnh vô địch, có thể đánh thắng bất cứ kẻ địch nào, dù chúng có hung bạo đến mấy. Chân lý đó đã cổ vũ tinh thần, tiếp thêm sức mạnh vĩ đại cho đồng bào Bác Ái tự tin bước vào cuộc kháng chiến mới chống đế quốc Mỹ. Từ đó, các tầng lớp nhân dân trong huyện, không phân biệt già trẻ, gái trai đã đoàn kết, kiên trì bền bỉ đấu tranh anh dũng “một tác không đi, một li không dời”, đập tan chế độ cai trị bất công, đế quốc và bè lũ tay sai, bảo vệ núi rừng Ông Bà.

Bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đảng bộ huyện luôn sát cánh với đồng bào các dân tộc trong huyện, cổ vũ, động viên tinh thần đoàn kết,

vượt lên gian khổ để đồng bào từng bước phát triển kinh tế-xã hội, xóa đói giảm nghèo, nâng cao dân trí. Đẩy lùi các hủ tục lạc hậu; thực hiện chính sách định canh định cư, tiến lên xây dựng quê hương Bắc Ái ngày một giàu mạnh.

Thắng lợi trên còn là kết quả của quá trình đấu tranh kiên cường bất khuất, dũng cảm và mưu trí; chiến thắng của ý chí kiên trì nhẫn nại, vượt qua mọi khó khăn gian khổ, quyết tâm bám trụ cơ sở, xây dựng phong trào cách mạng của các đồng chí cán bộ, đảng viên, chiến sĩ từ mọi miền Tổ quốc trên mảnh đất Bắc Ái trong những năm tháng khó khăn, ác liệt nhất. Trong điều kiện địch tổ chức các cuộc càn quét, bao vây khủng bố gắt gao, lương thực thiếu thốn ... Vượt lên mọi khó khăn thử thách, bằng niềm tin quyết thắng và khí tiết của anh bộ đội Cụ Hồ, của người chiến sĩ cộng sản, các anh đã sẵn sàng ăn củ rừng, lá rừng, uống nước suối, chịu đựng thiếu thốn, bệnh tật, cống hiến tuổi xuân tươi đẹp của mình cho sự nghiệp cách mạng, hiến dâng trọn đời mình vì nghĩa vụ dân tộc cao cả, vì nền độc lập, tự do và hạnh phúc cho đồng bào. Ngoài ra còn có sự giúp đỡ về người về của và sự phối kết hợp đấu tranh của quân dân các địa phương khác trong tỉnh, tỉnh bạn và cả nước. Sự phối hợp đó là yếu tố khách quan tạo điều kiện thuận lợi để huyện nhà tiến lên đánh địch thành công.

Trải qua cuộc trường kỳ kháng chiến rút ra một số bài học kinh nghiệm:

* Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng; có quần chúng, sự nghiệp cách mạng ắt thành công.

Suốt chặng đường kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Đảng bộ luôn kiên trì, bền bỉ giáo dục chính trị tư tưởng quần chúng. Sau Hiệp định giơnevơ, trước các luận điệu xuyên tạc của kẻ thù “cán bộ bỏ dân ra Bắc” và các cuộc càn quét khốc liệt của địch bằng các loại vũ khí tối tân làm cho đồng bào ta hoang mang lo sợ... Trước tình hình trên, cán bộ chiến sĩ đã không quản ngại ngày đêm, tìm mọi cách để tiếp cận đồng bào, kiên trì tuyên truyền giáo dục, làm cho đồng bào yên tâm tư tưởng bám rẫy bám làng vừa chiến đấu vừa sản xuất. Nhờ đó đã tác động mạnh mẽ đến tinh thần yêu nước, căm thù kẻ thù tội cùng trong đồng bào ta. Đồng bào thi đua đào hầm tránh máy bay, thi đua bắn máy bay địch, thi đua giết giặc lập công. Khí thế thi đua sôi nổi bao trùm khắp núi rừng Bắc Ái, phụ nữ vừa hỗ trợ nhau sản xuất vừa chiến đấu, vừa tham gia các chiến dịch dân công tải khí tải lương ra chiến trường; ông già bà lão và trẻ em phát động phong trào vót chông, cài cạm bẫy; thanh niên lực lượng phát động phong trào du kích, thành lập các tổ, nhóm tự vệ, du kích các cấp từ thôn đến huyện, xung phong ra tuyến trước cản bước quân thù; nông dân thi đua sản xuất lương thực ủng hộ kháng chiến... Từ trong niềm tin chiến thắng, đồng bào Bắc Ái không quản ngại hy sinh gian khổ đến, một lòng một dạ thủy chung son sắt với Đảng với Bác Hồ, đấu tranh kiên cường anh dũng, góp phần đánh bại các chiến lược quân sự thâm độc của kẻ thù, giải phóng quê hương, tiến lên giải phóng toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Đồng bào từng nói với cán bộ: “Việt minh là

cái cây, đồng bào là cái rễ, rễ thối thì cây chết”. Có đồng bào ủng hộ thì dù phải đương đầu với kẻ thù to lớn, hung bạo đến mấy cũng nhất định chiến thắng.

Sau khi đất nước hoàn toàn độc lập, thống nhất. Đảng bộ huyện lãnh đạo nhân dân xây dựng quê hương từ trên đồng đồ nát của chiến tranh với muôn vàn khó khăn thử thách: Trình độ dân trí thấp, đất đai cằn cỗi, khí hậu khắc nghiệt... Trong khó khăn, Đảng bộ huyện đã luôn cố gắng bám sát cơ sở, tổ chức lãnh đạo nhân dân tiến hành cải tạo nông nghiệp, khai hoang phục hóa, định canh định cư và tham gia làm ăn tập thể trong các tổ vắn đôi công và tổ hợp tác xã. Tận dụng sự đầu tư, giúp đỡ của Trung ương và tỉnh để xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất... qua đó, làm cho đồng bào các dân tộc trong huyện yên tâm tư tưởng, tích cực lao động sản xuất, tình hình kinh tế-xã hội có những bước phát triển vượt bậc, an ninh quốc phòng được giữ vững.

Khi lãnh đạo nhân dân thực hiện sự nghiệp đổi mới, Đảng bộ càng quan tâm về vấn đề mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Bám sát Chỉ thị 30 của Bộ Chính trị về xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở, bước đầu làm cho nhân dân hiểu được những điều “dân biết, dân bàn, dân làm, và dân kiểm tra”. Các vấn đề về phát triển kinh tế-xã hội đều phải dựa vào dân, thông qua nhân dân để phát huy quyền làm chủ và sức sáng tạo của nhân dân... Nhân dân đã thể hiện quyền làm chủ của mình thông qua việc lựa chọn những đại biểu xứng đáng bầu vào các cơ quan quyền lực của địa phương; tham gia xây dựng Đảng, góp ý phê bình cán bộ đảng viên và tham gia các thành phần kinh tế, được làm giàu chính đáng... Nhờ đó, đã động viên đồng bào trong huyện tích cực lao động sáng tạo, vượt qua gian khổ, góp sức mình vào sự nghiệp xây dựng quê hương. Đây lùi đối nghèo, lạc hậu.

* Phải tiến hành đồng thời cả đấu tranh kinh tế, chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang, trong đó đấu tranh chính trị là nhiệm vụ then chốt tạo tiền đề cho cuộc kháng chiến và đấu tranh vũ trang là yếu tố quyết định cho sự thắng lợi.

Trong điều kiện bị địch bao vây về kinh tế đã đẩy đồng bào Bác Ái luôn phải đối mặt với nạn lụt muối, rách vải, thiếu thốn thuốc men, lương thực, làm ảnh hưởng không nhỏ đến sức chiến đấu của quân dân ta. Trong khi đó địch không ngừng tăng cường các trò mị dân, lừa phỉnh, dụ dỗ, mua chuộc kết hợp với các hoạt động vũ trang tàn bạo: từ càn quét bắt bớ, gom dân rào làng; từ đốt rẫy phá làng đến việc sử dụng các loại hoá chất độc hại huỷ hoại, làm cho một bộ phận đồng bào ta bị nao núng tinh thần. Trước tình hình đó, một mặt ta phát động phong trào tăng gia sản xuất, cải thiện lương thực; mặt khác ta đã kịp thời hướng dẫn đồng bào đấu tranh lý lẽ với địch để xoá “vành đai trắng” về kinh tế; vận động đồng bào thành lập các đoàn dân công đi tải muối, thành lập xưởng dệt vải... Việc làm trên vừa giải quyết kịp thời khó khăn về kinh tế, khắc phục phần nào nạn lụt muối rách vải, vừa động viên được sức dân. Khi tình thế cách mạng thay đổi, thời cơ cách mạng chín muồi, Đảng chuyển hướng chỉ đạo, chủ trương

tiến lên đầu tranh vũ trang, làm đòn quyết định tiêu diệt kẻ thù.

Bước sang thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đảng bộ huyện luôn đặt nhiệm vụ phát triển kinh tế song hành với nhiệm vụ chính trị và An ninh quốc phòng. Sau khi đất nước giải phóng, Đảng bộ huyện tập trung chỉ đạo nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế, đồng thời chú trọng việc củng cố an ninh-quốc phòng. Trong đó, lấy nhiệm vụ ổn định chính trị, củng cố quốc phòng-an ninh làm điều kiện để giữ vững và phát triển kinh tế-xã hội; đồng thời xác định phát triển kinh tế-xã hội để nâng cao tiềm lực cho an ninh-quốc phòng. Trong điều kiện các thế lực thù địch luôn tìm cách chống phá thành quả cách mạng, bằng “âm mưu diễn biến hòa bình”, lợi dụng các chính sách “tôn giáo”, “dân tộc”, “nhân quyền” để kích động, chống phá. Trên địa bàn huyện, một số phần tử xấu đã hoạt động tín ngưỡng trái với pháp luật, đi ngược lại với truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tạo yếu tố tiềm ẩn nhiều nguy hiểm. Xác định được những khó khăn thách thức trên, Đảng bộ huyện vừa lãnh đạo nhân dân tích cực lao động sản xuất, vừa đề cao cảnh giác, phòng gian bảo mật, nâng cao cảnh giác trước các âm mưu thủ đoạn của kẻ thù. Vì vậy, trong suốt 30 năm qua, tình hình quốc phòng-an ninh trên địa bàn được giữ vững, không để xảy ra điểm nóng.

* Kết hợp đặc điểm địa hình, địa vật để xây dựng lực lượng và thế trận lòng dân, chiến tranh du kích.

Trong thế trận không cân sức của một bên là đội quân áo vải được trang bị vũ khí thô sơ bằng hàm chông, bẫy đá và một số súng trường với một bên là đội quân chính quy, được trang bị bằng vũ khí hiện đại. Nhưng với sức sáng tạo tuyệt vời của quân dân Bác Ái đã vận dụng địa hình núi rừng, hang động hiểm trở, xây dựng thế trận chiến tranh du kích; vận động toàn dân hình thành thế trận lòng dân. Từ thế trận đó, Đảng bộ huyện đã lãnh đạo nhân dân trong huyện nổi dậy đấu tranh, từ chỗ tiêu hao sinh lực địch, tiến lên bẻ gãy, tiêu diệt các cuộc hành quân, càn quét của địch và đồng khởi nổi dậy giải phóng quê hương.

Phát huy thành quả đó, bước vào thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, Đảng bộ huyện luôn quan tâm vận động quần chúng nhân dân xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; xây dựng hệ thống phòng thủ... để giữ vững nền an ninh-quốc phòng trên địa bàn.

Những thành tựu đạt được và những bài học lịch sử rút ra từ cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và 30 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội trên quê hương Bác Ái sẽ mãi là niềm tự hào, là nguồn động viên to lớn để Đảng bộ huyện tiếp tục lãnh đạo nhân dân phát huy truyền thống anh hùng, tinh thần đoàn kết, tự lực tự cường, vượt qua khó khăn thử thách; tạo thế và lực mới, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

